

Phụ lục 01: Danh mục các hạng mục cần báo giá

STT	Hạng mục chi phí	Ghi chú
I. CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ: CÁC HẠNG MỤC CHÍNH		
1	Dịch vụ Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng	Thời gian thuê 04 năm 05 tháng
2	Dịch vụ Phần mềm chuyên đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới	Thời gian thuê 02 năm
II. CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN		
1	Chi phí quản trị, vận hành dịch vụ	Yêu cầu chi tiết mô tả tại phụ lục 02
2	Chi phí bảo trì dịch vụ	
3	Chi phí đào tạo	

Nhà thầu phải thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng đơn giá và tổng giá cho từng hạng mục dịch vụ. Nội dung thuyết minh phải nêu rõ nội dung công việc, số lượng chuyên gia, thời gian thực hiện và các yếu tố chi phí liên quan để chứng minh tính hợp lý, hợp lệ của báo giá, phù hợp với yêu cầu quy định tại Phụ lục 2: Mô tả chi tiết các hạng mục cần báo giá và tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương án, giải pháp thuê dịch vụ cần báo giá.

Phụ lục 2: Mô tả chi tiết các hạng mục cần báo giá và tài liệu kỹ thuật liên quan đến phương án, giải pháp thuê dịch vụ cần báo giá.

A. THÔNG TIN CHUNG CỦA KẾ HOẠCH THUÊ

1. Tên Kế hoạch thuê dịch vụ: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng”.
2. Chủ trì thuê dịch vụ: Cục Bảo trợ tư pháp.
3. Tổ chức lập Kế hoạch thuê: Trung tâm Công nghệ và Dịch vụ số Tư pháp, Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp.
4. Thời gian thuê dịch vụ: Từ 2026 - 2030

B. THIẾT KẾ CƠ SỞ KẾ HOẠCH THUÊ

I. Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ

1. Các hạng mục chính cần thuê

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuê dịch vụ công nghệ công tin (bao gồm Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng; quản trị vận hành và bảo trì hệ thống. đào tạo và hướng dẫn sử dụng)	Dịch vụ	01
2	Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới	Dịch vụ	01

2. Mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát:

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Công chứng năm 2024 đã đặt nền tảng pháp lý cho việc hình thành văn bản công chứng điện tử và công chứng điện tử tại Việt Nam. Một trong những trụ cột kỹ thuật quan trọng để bảo đảm an toàn pháp lý, tính liên tục và khả năng kiểm chứng của hoạt động công chứng điện tử là việc xây dựng một Cơ sở dữ liệu (CSDL) công chứng, đóng vai trò kho lưu trữ bản chính điện tử và trung tâm tích hợp dữ liệu cho toàn hệ thống.

Giải pháp này được xây dựng trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế từ các mô hình: MICEN của Pháp, Elektronisches Urkundenarchiv của Đức, Electronic Notary Center của Nhật Bản, nền tảng e-Notariado của Brazil và hệ thống e-Notary của Estonia. Mục tiêu là đề xuất một kiến trúc tổng thể và các thành phần chức năng phù hợp với điều kiện pháp lý – kỹ thuật của Việt Nam, đồng thời bảo đảm khả năng mở rộng và hội nhập với hạ tầng số quốc gia.

- *Mục tiêu cụ thể:*

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng:

- Phần mềm quản lý CSDL CC gồm: Quản lý và Lưu trữ dữ liệu về: Thông tin giao dịch đã công chứng, Thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro, Thông tin Tổ chức hành nghề công chứng và Công chứng viên, Thông tin đối tượng tham gia giao dịch, Thông tin tài sản công chứng, tập trung, đồng bộ, thống nhất đáp ứng yêu cầu tại Luật Công chứng năm 2024, Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. Cung cấp trang tin hỗ trợ người dùng khai thác dữ liệu công chứng về giao dịch công chứng, thông tin ngăn chặn/ Cảnh báo rủi ro, Thông tin Tổ chức hành nghề công chứng và Công chứng viên, Thông tin đối tượng tham gia giao dịch, Thông tin tài sản công chứng.

- Đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu như sau:

+ Cung cấp API (Application Programming Interface - Giao diện lập trình ứng dụng) để chia sẻ thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro với phần mềm nền tảng công chứng điện tử phục vụ nhu cầu các tổ chức hành nghề công chứng sử dụng để tra cứu thông tin ngăn chặn.

+ Cung cấp API để chia sẻ thông tin giao dịch đã chứng với phần mềm nền tảng công chứng điện tử phục vụ nhu cầu các tổ chức hành nghề công chứng sử

dụng để tra cứu thông tin giao dịch.

- + Cung cấp API để chia sẻ thông tin về công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng phục vụ xác thực và đồng bộ thông tin với phần mềm nền tảng công chứng điện tử mà các tổ chức công hành nghề công chứng sử dụng.

- + Cung cấp API để CSDL công chứng tiếp nhận, tạo lập dữ liệu theo quy chuẩn về dữ liệu từ phần mềm nền tảng công chứng mà các Tổ chức hành nghề công chứng sử dụng.

- + Lưu trữ và chia sẻ dạng đường dẫn file văn bản công chứng điện tử tại CSDL công chứng để phục vụ tham chiếu, xác thực văn bản công chứng điện tử theo đúng thẩm quyền.

- + Cung cấp API để CSDL công chứng kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới:

- Cung cấp Phần mềm để tiếp nhận dữ liệu từ các hệ thống CSDL CC của địa phương qua API gồm dữ liệu giao dịch, hợp đồng đã công chứng, văn bản công chứng điện tử, thông tin ngăn chặn, giải toả ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng.

- Cung cấp chức năng, thống kê báo cáo, so sánh dữ liệu để người sử dụng tại các Sở tư pháp, Công chứng viên rà soát, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trước khi xác nhận chuyển đổi dữ liệu vào hệ thống CSDL công chứng toàn quốc theo quy chuẩn dữ liệu được ban hành.

- Đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu như sau:

- + Cung cấp API (Application Programming Interface - Giao diện lập trình ứng dụng) để tiếp nhận các dữ liệu giao dịch, hợp đồng đã công chứng, văn bản công chứng điện tử, thông tin ngăn chặn, giải toả ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng từ CSDL CC của địa phương.

- + Kết nối, chia sẻ dữ liệu đã được chuẩn hóa, làm sạch và xác nhận chuyển đổi vào CSDL CC tập trung theo quy chuẩn thông qua API.

b) Nội dung và quy mô

Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng”, gồm các hạng mục sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuê dịch vụ công nghệ công tin (bao gồm Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng; quản trị vận hành và bảo trì hệ thống. đào tạo và hướng dẫn sử dụng)	Dịch vụ	01
2	Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới	Dịch vụ	01

Trong đó:

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng gồm:

- + Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng: là phần mềm nội bộ do nhà cung cấp dịch vụ xây dựng theo yêu cầu riêng của Chủ trì thuê dịch vụ.
- + Quản trị vận hành và bảo trì hệ thống: Do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện.
- + Thời gian thuê: từ tháng 8/2026 đến tháng 12/2030

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới gồm:

- + Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới: là phần mềm nội bộ do nhà cung cấp dịch vụ xây dựng theo yêu cầu riêng của Chủ trì thuê dịch vụ.
- + Quản trị vận hành và bảo trì hệ thống: Do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện.
- + Thời gian thuê: từ tháng 8/2026 đến tháng 7/2028

c) Phạm vi

Nhóm chức năng chính:

- Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới:
- + Tiếp nhận dữ liệu từ các hệ thống CSDL CC của địa phương thông qua API.
- + Đối soát dữ liệu, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu.

+ Xác nhận chuyển đổi dữ liệu và CSDL CC toàn quốc

+ Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu trước và sau khi chuyển đổi.

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng: Quản lý và Lưu trữ dữ liệu về: thông tin công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, thông tin về giao dịch được công chứng, thông tin về biện pháp ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng, văn bản công chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ công chứng, theo quy định tại khoản 1 điều 2 Nghị quyết 66.14/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/02/2026.

+ Quản lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro;

+ Chuyển quyền quản lý hồ sơ công chứng;

+ Khai thác thông tin: Tra cứu thông tin đương sự, giao dịch công chứng, tài sản công chứng, thông tin tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, thông tin ngăn chặn, giải tỏa, cảnh báo rủi ro;

+ Quản lý kho CSDL Công chứng: Thu thập dữ liệu; Xử lý dữ liệu; Hậu kiểm dữ liệu; Cung cấp dữ liệu;

+ Thống kê, báo cáo: Cung cấp báo cáo theo quy định nhà nước; Báo cáo phân tích;

+ Quản trị hệ thống: Quản lý tài khoản và phân quyền; Quản lý danh mục; Quản lý thiết lập, cấu hình; Quản lý thông báo;

- Dịch vụ quản trị vận hành và bảo trì hệ thống: Vận hành, giám sát, sao lưu và bảo trì hệ thống.

- Đào tạo hướng dẫn sử dụng.

d) Địa điểm thực hiện: Bộ Tư pháp (Cục Hỗ trợ tư pháp).

e) Đơn vị sử dụng: Cục Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, Tổ chức hành nghề Công chứng và các cá nhân, đơn vị có liên quan.

II. Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ tuân thủ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của Cơ sở dữ liệu Công chứng; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác

1. Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin

Tiêu chí, yêu cầu về chất lượng cung cấp dịch vụ cũng như các yêu cầu về kết quả đầu ra trong từng giai đoạn (giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ, giai đoạn thuê dịch vụ) cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Yêu cầu đối với dịch vụ thuê xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng			
1.1	Tính đầy đủ của chức năng	Giải pháp xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp được lựa chọn phải có khả năng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chức năng nêu tại mục 2.3 phần IV	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật)</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)
1.2	Tính chính xác của các chức năng nghiệp vụ	Tất cả các chức năng của Cơ sở dữ liệu công chứng quy định tại mục 2.3 phần IV phải cho kết quả xử lý chính xác .	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
1.3	Tính đầy đủ của các yêu cầu phi chức năng	Cơ sở dữ liệu công chứng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phi chức năng được quy định tại mục 2.2.2.2.2., phần III Yêu cầu phi chức năng	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
1.4	Tính Tuân thủ các yêu cầu chung về kỹ thuật	Cơ sở dữ liệu công chứng đáp ứng tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại mục 2.1., phần IV. Danh mục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
1.5	Yêu cầu kiến trúc	Cơ sở dữ liệu công chứng đáp ứng tuân thủ đầy đủ các yêu cầu quy định tại mục 2.2, phần IV.	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
1.6	Yêu cầu tuân thủ đối với các văn bản nhà nước	Cơ sở dữ liệu công chứng đáp ứng tuân thủ đầy đủ các văn bản quy định tại mục 2.2.2.1, phần IV. Yêu cầu chung	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
2.	Yêu cầu dịch vụ cấu hình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu công chứng			
2.1	Tính đầy đủ của chức năng nghiệp vụ			
		Ứng dụng nghiệp vụ: - Phần mềm quản lý CSDL Công chứng	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		- đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của người sử dụng nêu tại mục 2.3.2.3, phần IV		<i>được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
		Ứng dụng nghiệp vụ công chứng: - Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới Phần	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới - đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của người sử dụng nêu tại mục 2.3.3.3.2, phần IV. Yêu cầu của người sử dụng		<i>liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
2.2	Tính chính xác của các chức năng nghiệp vụ			
		Tất cả các yêu cầu của người sử dụng của các ứng dụng nghiệp vụ quản lý CSDL Công chứng quy định tại mục 2.3.2.3, phần IV cho kết quả chính xác	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
		Tất cả các yêu cầu của người sử dụng của ứng dụng nghiệp vụ công chứng Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới quy định tại mục 2.3.3.3.2, phần IV cho kết quả chính xác	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
2.3	Tính phù hợp của chức năng với nghiệp vụ			
		Tất cả các yêu cầu của người sử dụng của các ứng dụng nghiệp vụ quản lý CSDL Công chứng quy	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		định tại mục 2.3.2.3, phần IV cho kết quả chính xác bắt buộc phù hợp với các quy trình nghiệp vụ được quy định tại mục 2.3.2.1, phần IV		<i>liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
		Tất cả các yêu cầu của người sử dụng của ứng dụng nghiệp vụ	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới quy định tại mục 2.3.3.3.2, phần IV bắt buộc phù hợp với các quy trình nghiệp vụ được quy định tại mục 2.3.3.1, phần IV		<i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
2.4	Yêu cầu về dữ liệu quản lý			
		Ứng dụng nghiệp vụ quản lý CSDL Công chứng đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý dữ liệu quy định tại mục 2.3.2.3.1, phần IV.	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật)</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)
		Ứng dụng nghiệp vụ Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý dữ liệu quy định tại mục 2.3.3.3.1, phần IV	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu (Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
2.5	Yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu công chứng	Nhà thầu cung cấp dịch vụ phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2, phần IV.	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
2.6	Yêu cầu liên quan khác	Nhà thầu cung cấp dịch vụ phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2, phần IV.	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				<i>vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
3.	Yêu cầu đối với dịch vụ quản trị vận hành và bảo trì hệ thống			
3.1	Yêu cầu đối với dịch vụ quản trị vận hành hạ tầng,	Nhà thầu cam kết đáp ứng đầy đủ toàn bộ các yêu cầu quy định tại Mục 4.1, phần IV.	Nhà thầu có cam kết đáp ứng	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài liệu liên quan đến tiêu chí</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
	Cơ sở dữ liệu công chứng			<i>được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
3.2	Yêu cầu đối với dịch vụ quản trị, vận hành ứng	Nhà thầu cam kết đáp ứng đầy đủ toàn bộ các yêu cầu quy định tại Mục 4.2, phần IV.	Nhà thầu có cam kết đáp ứng	Đáp ứng yêu cầu <i>(Việc đánh giá dựa trên các báo cáo, biên bản, và tài</i>

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
	dụng nghiệp vụ triển khai trên cơ sở dữ liệu công chúng.			<i>liệu liên quan đến tiêu chí được đánh giá, bao gồm kết quả vận hành, nhật ký hệ thống, báo cáo xử lý nghiệp vụ, kết quả khảo sát người dùng...; tất cả đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ. Nhà thầu phải phối hợp thực hiện đầy đủ các yêu cầu này)</i>
4.	Yêu cầu về dịch vụ đào tạo			

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		Nhà thầu đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu đào tạo quy định tại Mục 5, phần IV “Yêu cầu dịch vụ đào tạo”.	Đáp ứng yêu cầu	
5.	Yêu cầu nhân sự triển khai			
5.1	Yêu cầu nhân sự triển khai đối với dịch vụ cấu hình cơ sở dữ liệu công chứng	Nhà thầu cam kết và thực hiện việc bố trí nhân sự đáp ứng các quy định tại Mục 6.1, phần IV để bảo đảm thực hiện đầy đủ yêu cầu dịch vụ.	Đáp ứng yêu cầu	
5.2	Yêu cầu nhân sự quản trị vận hành	Nhà thầu cam kết và thực hiện việc bố trí nhân sự đáp ứng các	Có cam kết đáp ứng	Đáp ứng yêu cầu

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
	ứng dụng cơ sở dữ liệu công chúng	quy định tại Mục 6.2, phần IV để bảo đảm thực hiện đầy đủ yêu cầu dịch vụ.		
6.	Yêu cầu Kiểm soát chất lượng dịch vụ			
		Nhà thầu phối hợp với Chủ đầu tư để thực hiện đầy đủ các yêu cầu quy định tại Mục 7, Phần IV . Yêu cầu kiểm soát chất lượng dịch vụ.	Đáp ứng yêu cầu	Trong quá trình thuê dịch vụ, khi có thay đổi về quy trình nghiệp vụ hoặc yêu cầu của người sử dụng dẫn đến việc phải cấu hình lại các yêu cầu nghiệp vụ, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Chủ trì thuê dịch vụ

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
				và các bên liên quan để tổ chức vận hành thử lại. Việc vận hành thử được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2024/TT-BTTTT và các văn bản liên quan
7.	Yêu cầu an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác			
		Nhà thầu cam kết đáp ứng đầy đủ và tuân thủ tất cả các yêu cầu quy định tại Mục 8, Phần IV. Yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;		
8.	Yêu cầu về việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê			
		Nhà thầu cam kết đáp ứng đầy đủ và tuân thủ tất cả các yêu cầu quy định tại Mục V	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu
9.	Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ			
		Nhà thầu cam kết đáp ứng đầy đủ và tuân thủ tất cả các yêu cầu quy định tại Mục VII. Yêu cầu về các	Đáp ứng yêu cầu	Đáp ứng yêu cầu

STT	Tiêu chí	Yêu cầu chất lượng cụ thể	Yêu cầu đầu ra	
			Giai đoạn chuẩn bị cung cấp dịch vụ	Giai đoạn thuê dịch vụ
		phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ.		

2. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ tuân thủ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ

2.1. Danh mục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng

Kế hoạch thuê “Thuê dịch vụ Công nghệ thông tin Xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng” đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

2.1.1. Tiêu chuẩn về CNTT – Các kỹ thuật an toàn – An toàn thông tin theo cấp độ

Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11930:2017 Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2.1.2. Tiêu chuẩn về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước

Cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng cần đáp ứng tiêu chuẩn về ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước ban hành kèm theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, cụ thể:

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
1.4	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.5	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representative state transfer	Khuyến nghị áp dụng
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc, áp dụng
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
3.4	Văn bản	(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	
3.5	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	

2.1.3. Tiêu chuẩn về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các đơn vị khác

2.1.3.1. Các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan

Hệ thống phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn quốc gia liên quan đến kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu, bao gồm nhưng không giới hạn tại:

Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Thông tư số 08/2025/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Bộ Công An ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia;

- Quyết định 3727/QĐ-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tư pháp Ban hành quy định về kỹ thuật, cấu trúc Cơ sở dữ liệu công chứng.

- Các yêu cầu kỹ thuật kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống liên quan:
- + Các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua trục VDXP theo nội dung Công văn số 761/VPCP-KSTT ngày 29 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
- + Các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo nội dung Công văn số 677/BTTTT-TH ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và truyền thông;
- + Các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối đến CSDL quốc gia về dân cư theo nội dung Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Bộ Thông tin và truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0);
- + Các quy chuẩn về dữ liệu dân cư theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 109:2017/BTTTT về Cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân trao đổi với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Thông tin và truyền thông ban hành;
- + Công văn số 1658/CV-TCTTKĐA ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tổ công tác triển khai Đề án số 06 về triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.1.3.2. Tiêu chuẩn về Dịch vụ web (Web Services) và Giao diện lập trình ứng dụng (API)

Giao thức lỗi: Hệ thống phải hỗ trợ đầy đủ các giao thức dịch vụ web phổ biến, bao gồm RESTful (sử dụng JSON) và SOAP (sử dụng XML), tùy theo yêu cầu đặc tả kỹ thuật của từng hệ thống kết nối (như VDXP, CSDLQG về dân cư, LGSP của Bộ Tư pháp).

Đặc tả API: Các API do hệ thống cung cấp (để các đơn vị khác kết nối vào) hoặc sử dụng (để kết nối đi) phải được tài liệu hóa rõ ràng, chi tiết theo chuẩn OpenAPI Specification đối với REST API hoặc WSDL 1.1/2.0 đối với SOAP API.

Phiên bản (Versioning): API phải có cơ chế quản lý phiên bản rõ ràng (ví dụ: qua URL, Header) để đảm bảo các nâng cấp không làm ảnh hưởng đến các hệ thống đang kết nối.

Tuân thủ: Đảm bảo tuân thủ đầy đủ (100%) tất cả các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật và đặc tả API do **mọi cơ quan quản lý các hệ thống, nền tảng và cơ sở dữ liệu có liên quan** ban hành; bao gồm toàn bộ các cơ quan có yêu cầu kết nối, chia sẻ hoặc tích hợp dữ liệu (ví dụ: hướng dẫn kết nối VDXP của Bộ TTTT; tài liệu dịch vụ của CSDLQG về dân cư do Bộ Công an ban hành; ...).

2.1.3.3. Tiêu chuẩn về Cấu trúc, Định dạng và Mã hóa Dữ liệu

Quy chuẩn bắt buộc: Tuân thủ tuyệt đối QCVN 109:2017/BTTTT về Cấu trúc thông điệp dữ liệu công dân khi trao đổi với CSDLQG về dân cư.

Định dạng dữ liệu: Sử dụng các định dạng dữ liệu chuẩn, có cấu trúc là JSON (JavaScript Object Notation) và XML (eXtensible Markup Language) cho việc đóng gói và trao đổi thông điệp.

Mã hóa ký tự: Bắt buộc sử dụng mã hóa Unicode (UTF-8) cho tất cả các dữ liệu trao đổi để đảm bảo hiển thị chính xác tiếng Việt có dấu và các ký tự đặc biệt.

Dữ liệu thời gian: Tuân thủ tiêu chuẩn **ISO 8601** cho định dạng dữ liệu ngày giờ (ví dụ: YYYY-MM-DDTHH:mm:ssZ).

2.1.3.4. Tiêu chuẩn về An toàn, Bảo mật và Xác thực

Mã hóa đường truyền: Tất cả các kết nối API và trao đổi dữ liệu phải được thực hiện qua giao thức HTTPS (SSL/TLS) với phiên bản TLS 1.3 trở lên sử dụng các bộ mật mã (cipher suites) mạnh, không tồn tại lỗ hổng bảo mật đã được công bố.

Xác thực API: Áp dụng các cơ chế xác thực mạnh cho API, ưu tiên các chuẩn như OAuth 2.0, hoặc sử dụng API Key/Token (JWT - JSON Web Token) theo hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị cung cấp dịch vụ (VDXP, LGSP).

Toàn vẹn và Chống chối bỏ: Bắt buộc sử dụng Chữ ký số (Digital Signature) của tổ chức (chứng thư số chuyên dùng của cơ quan) để ký lên các thông điệp dữ liệu trao đổi.

Mã hóa dữ liệu (Data Encryption): Đối với các dữ liệu cá nhân và dữ liệu nhạy cảm (thông tin đương sự, tài sản, nghĩa vụ, bản án,...), ngoài mã hóa đường truyền, cần áp dụng mã hóa nội dung thông điệp (payload encryption) theo tiêu chuẩn XML-Enc (cho XML) hoặc JWE (JSON Web Encryption) (cho JSON).

Bảo mật lớp mạng: Đối với các kết nối vào mạng nội bộ, mạng chuyên dùng phải đảm bảo an toàn, tuân thủ TCVN 11930:2017 về An toàn thông tin cho kết nối VPN.

2.1.3.5. Tiêu chuẩn về Hạ tầng, Giao thức và Mô hình Kết nối

Giao thức nền tảng: Sử dụng bộ giao thức **TCP/IP** làm nền tảng.

Mô hình kết nối qua trực tích hợp: Mọi kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài (như CSDLQG về dân cư, các Bộ/ngành khác, các hệ thống của Tòa án, Viện kiểm sát) đều phải được thực hiện thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo mô hình tập trung (VDXP,NDXP,NDOP, LGSP của Bộ Tư pháp) theo đúng các văn bản đã nêu.

Xử lý bất đồng bộ: Hệ thống phải có khả năng xử lý các giao dịch theo cơ chế bất đồng bộ (asynchronous), hỗ trợ các cơ chế như **Webhooks** hoặc hàng đợi tin nhắn (Message Queue) để tiếp nhận và xử lý các yêu cầu cần nhiều thời gian hoặc các thông báo sự kiện từ hệ thống khác.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ Cơ sở dữ liệu công chứng

2.2.1. Mô hình tổng thể Cơ sở dữ liệu công chứng

2.2.1.1. Phân tích lựa chọn mô hình kiến trúc

Cơ sở dữ liệu công chứng được thiết kế và triển khai phù hợp với các nguyên tắc sau:

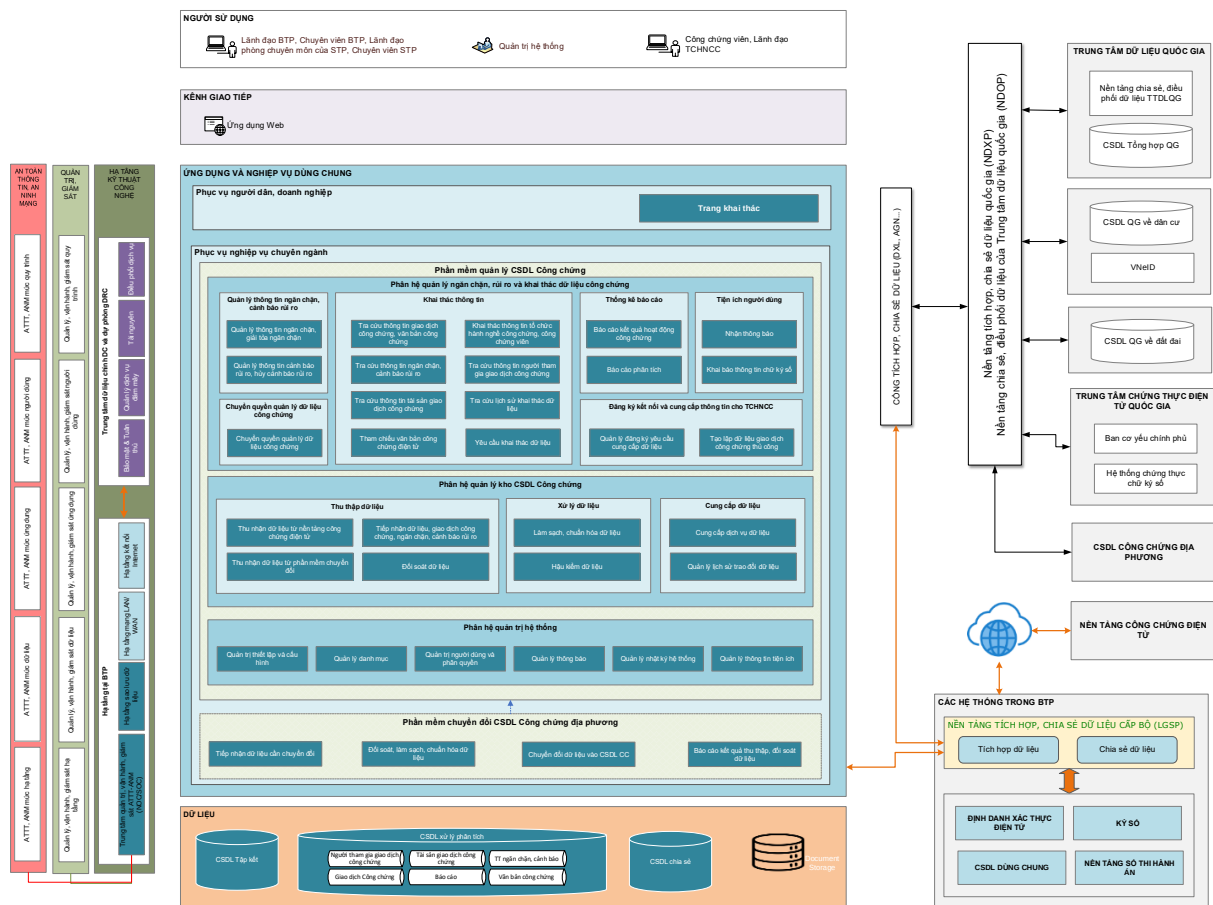
- Kiến trúc Cơ sở dữ liệu công chứng phải phù hợp với Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị;

- Kiến trúc của Cơ sở dữ liệu công chứng phải phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Phù hợp với Khung kiến trúc số Bộ Tư pháp, phiên bản 4.0.

Dựa trên tình hình thực tế tại đơn vị và định hướng chuyển đổi số trong các lĩnh vực của Bộ Tư pháp, mô hình tổng thể Cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng nhằm đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực công chứng. Mô hình này được thiết kế theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm tính kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và ngành tư pháp, đồng thời hỗ trợ tối đa cho công tác quản lý, nghiệp vụ chuyên môn.

Mô hình Cơ sở dữ liệu công chứng được thiết kế theo hướng nền tảng công nghệ tập trung, hiện đại và linh hoạt, bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành nghiệp vụ theo phương thức số hóa toàn diện, kết nối – liên thông và dễ dàng mở rộng, tùy biến theo đặc thù tổ chức.



Hình: Mô hình tổng thể Cơ sở dữ liệu công chứng

Cơ sở dữ liệu công chứng (CSDLCC) được thiết kế theo kiến trúc phân lớp, bảo đảm tính tập trung, linh hoạt, mở rộng, tích hợp và an toàn thông tin, phù hợp với định hướng Kiến trúc Chính phủ số và Kiến trúc số Bộ Tư pháp. Cụ thể, Cơ sở dữ liệu được phân tách thành thành các lớp sau:

- Lớp người sử dụng

STT	Nhóm đối tượng tham gia	Mô tả
1	Chuyên viên Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cán bộ thuộc các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp) có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm tra hoạt động công chứng.

STT	Nhóm đối tượng tham gia	Mô tả
2	Quản trị hệ thống	Quản trị, vận hành hệ thống
3	Công chứng viên, Lãnh đạo TCHNCC	Nhân sự làm việc tại các Tổ chức hành nghề công chứng sử dụng hệ thống

- Lớp kênh tương tác và đo lường hiệu quả

NSD vào hệ thống bằng máy tính qua ứng dụng web. Đảm bảo việc tra cứu/tìm kiếm thông tin cũng như thực hiện các yêu cầu về nghiệp vụ (chuyển giao quyền, báo cáo...). Tầng này hỗ trợ:

- + Hiện thị giao diện người dùng
- + Thực hiện các yêu cầu: truy vấn, khai thác, chuyển giao quyền... từ người dùng
- + Bảo mật và xác thực: Áp dụng các biện pháp bảo mật tiên tiến để bảo vệ thông tin người dùng và ngăn chặn truy cập trái phép trong quá trình giao tiếp qua ứng dụng web.
- Lớp ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

CSDLCC của Bộ Tư pháp bao gồm các các module/thành phần sau:

STT	Thành phần	Mô tả
A	Phần mềm quản lý CSDL Công chứng	
I	Phân hệ quản lý ngăn chặn, rủi ro và khai thác dữ liệu công chứng	
1	Quản lý thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro	
1.1	Quản lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn	Cập nhật, lưu trữ dữ liệu, thông tin về tài sản, đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn/giải tỏa ngăn chặn bởi cơ quan có thẩm quyền; phục vụ việc tra cứu, khai thác khi thực hiện công chứng nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho giao dịch công chứng, ngăn ngừa rủi ro, tranh chấp và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực công chứng.

STT	Thành phần	Mô tả
1.2	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro	Cập nhật, lưu trữ dữ liệu, thông tin cảnh báo rủi ro/hủy cảnh báo rủi ro về tài sản, đối tượng bị cảnh báo rủi ro nhằm cung cấp thông tin cảnh báo, giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu quả cho hoạt động công chứng, giúp công chứng viên và các cơ quan liên quan quyết định hoặc không quyết định thực hiện công chứng hợp đồng đối với tài sản không đủ điều kiện, từ đó bảo vệ quyền lợi các bên, tuân thủ pháp luật.
2	Chuyển quyền quản lý hồ sơ công chứng	
2.1	Chuyển giao dữ liệu công chứng	Quản lý quá trình chuyển giao quyền quản lý hồ sơ, dữ liệu công chứng của TCHNCC trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.
3	Khai thác thông tin	
3.1	Tra cứu thông tin giao dịch công chứng, văn bản công chứng	Cho phép khai thác thông tin về giao dịch công chứng, văn bản công chứng đáp ứng yêu cầu tra cứu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân
3.2	Khai thác thông tin tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên	Đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin về công chứng viên, TCHNCC nhằm phục vụ công tác quản lý, phòng ngừa vi phạm.
3.3	Tra cứu thông tin ngăn chặn, giải tỏa, cảnh báo rủi ro	Đáp ứng yêu cầu tra cứu của công chứng viên và các cơ quan liên quan tra cứu tức thời tình trạng tài sản (có bị thế chấp, kê biên, phong tỏa hay không), tránh thực hiện công chứng giao dịch đối với tài sản không đủ điều kiện, bảo vệ quyền lợi các bên, tuân thủ pháp luật
3.4	Tra cứu thông tin người tham gia giao dịch công chứng	Cho phép CCV, các TCHNCC tra cứu, khai thác thông tin về người tham gia giao dịch công chứng.... phục vụ yêu cầu tra cứu khi thực hiện công chứng giao dịch và các yêu cầu quản lý.

STT	Thành phần	Mô tả
3.5	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng	Cho phép CCV, các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, đơn vị có liên quan tra cứu, khai thác thông tin về tài sản theo quy định pháp luật.... phục vụ yêu cầu tra cứu khi thực hiện công chứng giao dịch và các yêu cầu quản lý.
3.6	Tra cứu lịch sử khai thác dữ liệu	Quản lý thông tin về lịch sử khai thác dữ liệu
3.7	Tham chiếu văn bản công chứng điện tử	Đáp ứng yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử của cơ quan/ đơn vị có liên quan theo phân quyền
3.8	Yêu cầu khai thác dữ liệu	Cho phép gửi các yêu cầu khai thác dữ liệu công chứng không thuộc quyền quản lý của đơn vị.
4	Thống kê báo cáo	
4.1	Báo cáo kết quả hoạt động công chứng	Cung cấp các báo cáo thống kê theo quy định, hỗ trợ công tác báo cáo thống kê theo định kỳ hoặc theo yêu cầu được kịp thời, đầy đủ, chính xác; cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, đánh giá hiệu quả hoạt động và hoàn thiện chính sách, pháp luật về công chứng.
4.2	Báo cáo phân tích	Cung cấp các báo cáo phân tích dữ liệu liên quan đến giao dịch công chứng, phục vụ công tác quản lý nhà nước; dự báo và hoạch định chính sách.
5	Đăng ký kết nối và cung cấp thông tin cho TCHNCC	
5.1	Quản lý đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu	Cho phép nhập đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu trên giao diện phần mềm.
5.2	Tạo lập dữ liệu giao dịch công chứng thủ công	Cho phép nhập bổ sung các giao dịch công chứng trên giao diện phần mềm.
6	Phân hệ Tiện ích người dùng	

STT	Thành phần	Mô tả
6.1	Nhận thông báo	Quản lý việc cấu hình gửi và nhận các thông báo từ hệ thống đến người dùng
6.2	Khai báo thông tin chữ ký số	Thực hiện khai báo chữ ký CCV, TCHNCC sử dụng trong các giao dịch công chứng để quản lý thông tin chính thức phục vụ cho kiểm tra dữ liệu.
II	Phân hệ quản lý kho CSDL Công chứng	
1	Thu thập dữ liệu	
1.1	Thu nhận dữ liệu từ nền tảng công chứng điện tử	Thu thập, tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu công chứng từ các nền tảng công chứng điện tử, phần mềm có liên quan vào kho CSDL công chứng
1.2	Thu nhận dữ liệu từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Thu thập, tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu công chứng từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương , phần mềm có liên quan vào kho CSDL công chứng
1.3	Tiếp nhận dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro	Tiếp nhận dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào kho CSDL công chứng
1.4	Đối soát dữ liệu	Thực hiện đối chiếu, kiểm tra và so sánh dữ liệu thu thập từ các nguồn khác nhau nhằm phát hiện sai lệch, thiếu hụt hoặc trùng lặp dữ liệu, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu trước khi cập nhật vào kho CSDL công chứng.
2	Xử lý dữ liệu	
2.1	Làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu	Thực hiện thiết lập các quy tắc để hệ thống làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu công chứng sau khi thu thập về để lưu theo chuẩn của CSDL Công chứng

STT	Thành phần	Mô tả
2.2	Hậu kiểm dữ liệu	Thực hiện thiết lập các quy tắc hậu kiểm để hệ thống thực hiện kiểm tra và hậu kiểm dữ liệu sau khi được cập nhật vào hệ thống nhằm phát hiện các lỗi dữ liệu, sai lệch hoặc dữ liệu không hợp lệ; hỗ trợ quá trình hiệu chỉnh, cập nhật và đảm bảo chất lượng dữ liệu trong kho CSDL công chứng.
3	Cung cấp dữ liệu	
3.1	Cung cấp dịch vụ dữ liệu	Cung cấp các dịch vụ khai thác và chia sẻ dữ liệu công chứng cho các hệ thống thông qua các hình thức như dịch vụ API, tra cứu trực tuyến
3.2	Quản lý lịch sử trao đổi dữ liệu	Quản lý lịch sử cung cấp dữ liệu, nguồn khai thác dữ liệu, thông tin dữ liệu cung cấp theo lịch sử.
III	Phân hệ quản trị hệ thống	
1	Quản trị thiết lập và cấu hình	Thiết lập và cấu hình các tham số vận hành cấu hình kết nối hệ thống, cấu hình tích hợp và các thiết lập phục vụ vận hành hệ thống,....
2	Quản lý danh mục	Quản lý các danh mục dữ liệu dùng chung của hệ thống phục vụ chuẩn hóa, khai thác dữ liệu
3	Quản trị người dùng và phân quyền	Quản lý thông tin tài khoản người dùng, thiết lập nhóm người dùng, phân quyền truy cập chức năng và dữ liệu đảm bảo an toàn và kiểm soát truy cập hệ thống.
4	Quản lý thông báo	Quản lý việc cấu hình gửi và hiển thị các thông báo từ hệ thống đến người dùng như thông báo nghiệp vụ, thông báo cảnh báo dữ liệu,...
5	Quản lý nhật ký hệ thống	Quản lý việc cấu hình gửi và hiển thị nhật ký hệ thống,...
6	Quản lý thông tin tiện ích	Quản lý việc cấu hình gửi và hiển thị các thông báo từ hệ thống đến người dùng như thông báo nghiệp vụ, thông báo cảnh báo dữ liệu,...

STT	Thành phần	Mô tả
7	Quản lý thông tin tính phí	Quản lý thông tin khai báo về giá tiền khai thác cho từng loại dịch vụ dữ liệu
B	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	
1	Tiếp nhận dữ liệu cần chuyển đổi	Thực hiện tiếp nhận dữ liệu công chứng từ các Hệ thống cung cấp dữ liệu tại địa phương hoặc từ các tệp dữ liệu được cung cấp.
2	Đối soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu	Thực hiện kiểm tra, đối chiếu dữ liệu giữa dữ liệu nguồn và dữ liệu đã được tiếp nhận vào phần mềm nhằm phát hiện các sai lệch, thiếu dữ liệu, dữ liệu trùng lặp hoặc dữ liệu không hợp lệ.
3	Chuyển đổi dữ liệu vào CSDL CC	Thực hiện xử lý dữ liệu nhằm loại bỏ các dữ liệu sai, dữ liệu trùng lặp hoặc dữ liệu không đầy đủ; đồng thời chuẩn hóa định dạng dữ liệu theo các tiêu chuẩn dữ liệu của hệ thống CSDL Công chứng.
4	Báo cáo kết quả thu thập, đối soát dữ liệu	Tổng hợp và cung cấp các báo cáo về quá trình thu thập dữ liệu, kết quả đối soát và xử lý dữ liệu.

- Lóp dữ liệu

STT	Thành phần	Mô tả
1	CSDL tập kết	CSDL tập kết các loại dữ liệu được thu thập về: dữ liệu thành phần tham gia giao dịch công chứng; Tài sản giao dịch công chứng; Dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro; Dữ liệu về Giao dịch Công chứng; Dữ liệu báo cáo; Văn bản công chứng
2	CSDL xử lý phân tích	CSDL lưu trữ các dữ liệu được chuyển từ CSDL tập kết sang, thực hiện làm sạch, chuẩn hóa các loại dữ liệu gồm: dữ liệu thành phần tham gia giao dịch công chứng; Tài sản giao dịch công chứng; Dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro; Dữ liệu về Giao dịch Công chứng; Dữ liệu báo cáo; Văn bản công chứng. Dữ liệu phục vụ phân tích báo cáo thống kê dữ liệu,..
3	CSDL chia sẻ	CSDL lưu trữ dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống khai thác dữ liệu sử dụng.

- Lóp các hệ thống trong Bộ Tư pháp

STT	Thành phần	Mô tả
1	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP)	Dữ liệu giữa CSDLCC của Bộ Tư pháp với các hệ thống trong nội bộ ngành Tư pháp. Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành và các địa phương Kết nối với Nền tảng Chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP). Tích hợp với hệ thống định danh điện tử quốc gia (VNeID) xác thực người dùng
2	Nền tảng định danh, xác thực điện tử	Dữ liệu người dùng tập trung của Bộ Tư pháp; Tích hợp đăng nhập một lần (SSO); cung cấp dịch vụ định danh và xác thực cho người dùng trong nội bộ ngành tư pháp, giúp định danh các đối tượng trong toàn bộ nền tảng tư pháp số.
3	Nền tảng ký số (chuyên dùng, dân sự)	Hỗ trợ quản lý tập trung thông tin chữ ký số chuyên dùng và chữ ký số công cộng, đồng thời cung cấp dịch vụ ký số chung cho các ứng dụng chuyên ngành. Thực hiện tích hợp với các hệ thống chứng thực chữ ký số được quản lý bởi Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia.
4	CSDL Dùng chung	Cung cấp các dữ liệu lưu trữ trong kho dữ liệu dùng chung của BTP như dữ liệu danh mục dùng chung, dữ liệu tích hợp về TCHNCC, CCV,..

5	Nền tảng số Thi Hành Án dân sự	Cung cấp thông tin bộ dữ liệu liên quan tới thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn: Thông tin tài sản thi hành án, chứa thông tin trạng thái pháp lý tài sản.

- Lớp kỹ thuật hạ tầng công nghệ

STT	Thành phần	Mô tả
1.	Trung tâm dữ liệu chính DC	Trung tâm dữ liệu lưu trữ, xử lý và quản lý dữ liệu quan trọng của tổ chức. Bao gồm các hệ thống máy chủ, lưu trữ, mạng, ứng dụng, dịch vụ.
2.	Trung tâm dự phòng thảm họa DRC	Cơ sở hạ tầng vật lý của Trung tâm dữ liệu dự phòng, đảm bảo không gian, nguồn điện, môi trường, an ninh vật lý để đảm bảo đặt chỗ cho hệ thống công nghệ thông tin. Khôi phục, duy trì các ứng dụng, dịch vụ khi trung tâm dữ liệu chính gặp sự cố.
3.	Hạ tầng mạng LAN/WAN	Hạ tầng mạng LAN/WAN của ngành
4.	Hạ tầng mạng TSLCD	Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ.
5.	Hạ tầng kết nối Internet	Hạ tầng kết nối Internet.
6.	Hạ tầng máy chủ	Hạ tầng tài nguyên tính toán máy chủ.
7.	Hạ tầng lưu trữ	Hạ tầng lưu trữ dữ liệu.
8.	Hạ tầng sao lưu dữ liệu	Hạ tầng đảm bảo sao lưu và phục hồi dữ liệu.
9.	Ứng dụng	Các ứng dụng nghiệp vụ được xây dựng trong tổ chức
10.	Dịch vụ	Các dịch vụ mà hệ thống cung cấp trong một hệ thống thông tin

STT	Thành phần	Mô tả
11.	Dịch vụ đám mây IaaS	Nền tảng đám mây cung cấp dịch vụ IaaS (tài nguyên tính toán, lưu trữ, kết nối);
12.	Dịch vụ đám mây PaaS	Nền tảng đám mây cung cấp dịch vụ nền tảng PaaS (phần mềm lớp giữa, hệ quản trị CSDL ...);
13.	Dịch vụ đám mây SaaS	Nền tảng đám mây cung cấp dưới dạng phần mềm (software);
14.	Trừu tượng hóa và kiểm soát tài nguyên	Cung cấp môi trường ảo hóa, container hóa và điều phối tài nguyên trên đám mây
15.	Tính toán và xử lý	Nơi cung cấp các máy chủ, container,... phục vụ cho các ứng dụng, dịch vụ
16.	Mạng	Kết nối nội bộ tốc độ cao cho các thành phần trong nền tảng đám mây
17.	Sao lưu	Sao lưu dữ liệu của hệ thống
18.	Lưu trữ	Lưu trữ dữ liệu của hệ thống
19.	Quản lý dịch vụ đám mây	Cung cấp nền tảng quản trị trên môi trường đám mây
20.	Bảo mật và tuân thủ	Các giải pháp bảo mật cho hệ thống và các tiêu chuẩn tuân thủ của tổ chức
21.	Trung tâm quản trị, vận hành, giám sát ATTT-ANM (NOC/SOC)	Trung tâm giám sát và xử lý sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng và Trung tâm giám sát hoạt động, vận hành các hệ thống CNTT từ hạ tầng tới phần mềm.

- Quản trị, giám sát

STT	Thành phần	Mô tả
1	Quản lý, vận hành, giám sát hạ tầng	Thực hiện công tác quản lý, vận hành và giám sát các thành phần hạ tầng kỹ thuật như TTDL, hệ thống máy chủ, mạng, ...

STT	Thành phần	Mô tả
2	Quản lý, vận hành, giám sát dữ liệu	Thực hiện công tác quản lý, vận hành và giám sát về mặt dữ liệu của hệ thống
3	Quản lý, vận hành, giám sát ứng dụng	Thực hiện công tác quản lý, vận hành và giám sát ứng dụng của hệ thống
4	Quản lý, vận hành, giám sát người dùng	Thực hiện công tác quản lý, vận hành và giám sát người dùng bao gồm End User, thiết bị Endpoint (PC, Laptop),...
5	Quản lý, vận hành, giám sát quy trình	Quản lý, vận hành và giám sát các quy trình được đưa ra trong tổ chức

- An toàn thông tin, an ninh mạng

STT	Thành phần	Mô tả
1	ATTT, ANM mức hạ tầng	Bảo mật an toàn thông tin, an ninh mạng mức hạ tầng (TTDL, Máy chủ, Mạng, ...)
2	ATTT, ANM mức dữ liệu	Bảo mật an toàn thông tin, an ninh mạng mức dữ liệu của hệ thống
3	ATTT, ANM mức ứng dụng	Bảo mật an toàn thông tin, an ninh mạng mức ứng dụng của hệ thống
4	ATTT, ANM mức người dùng	Bảo mật an toàn thông tin, an ninh mạng mức người dùng bao gồm End User và các thiết bị Endpoint
5	ATTT, ANM mức quy trình	Các quy trình, chính sách của tổ chức ban hành áp dụng cho an toàn thông tin và an ninh mạng

2.2.1.2. Mô hình kiến trúc lựa chọn

Mô hình kiến trúc phần mềm có vai trò quan trọng trong việc tạo cấu trúc cho hệ thống/nền tảng và nhiều ứng dụng tiên tiến. Hiện nay có một số mô hình kiến trúc phổ biến gồm:

- Phương án 1: Kiến trúc Tập trung (Monolithic / Centralized Platform): Một nền tảng chung. Dùng chung cơ sở dữ liệu và core services, tất cả chức năng tích hợp trong một hệ thống lớn.

+ Ưu điểm:

- Quản lý, vận hành, bảo mật tập trung: dễ kiểm soát.
- Chi phí hạ tầng ban đầu thấp.
- Dễ triển khai ban đầu, phù hợp khi tiến độ gấp.
- Quản lý dữ liệu tập trung: dễ thống kê, báo cáo tổng thể.

+ Nhược điểm:

- Khó mở rộng khi hệ thống lớn và nhiều nhóm phát triển.
- Khi có thay đổi lớn ở một hệ thống/phần mềm, có thể ảnh hưởng đến toàn hệ thống.
- Khả năng scale kém hơn, phải scale toàn bộ ứng dụng.
- Hiệu năng dễ bị nghẽn tại DB chung.

- Phương án 2: Kiến trúc Đa tầng phân tán (N-Tier): Các hệ thống vẫn triển khai chung trên nền tảng nhưng có phân lớp rõ ràng.

+ Ưu điểm:

- Rõ ràng về phân tầng
- Dễ chia team theo tầng: frontend, backend, data.
- Hỗ trợ mở rộng theo tầng
- Giữ được tính đồng nhất và kiểm soát dữ liệu tốt hơn so với microservices toàn phần.

+ Nhược điểm:

- Vẫn có điểm tập trung (ví dụ database trung tâm) nên khó đạt độ độc lập hoàn toàn.
- Phức tạp hơn Monolith về vận hành; cần networking, layer config.

- Phương án 3: Kiến trúc Phân tán theo miền / Nền tảng dùng chung (Hybrid): Có một nền tảng chia sẻ dịch vụ chung. Các module/domain độc lập, có DB riêng, nhưng vẫn dùng core platform chung.

+ Ưu điểm:

- Giữ được sự tự chủ domain (mỗi hệ thống có thể vận hành độc lập).
- Có dịch vụ chung, tránh lặp lại (SSO, quản trị người dùng, tích hợp LGSP/NGSP, quản lý file).
- Mở rộng dễ hơn phương án 1, nhưng ít phức tạp hơn phương án 4.
- Dữ liệu liên thông qua API / message bus → đảm bảo tính nhất quán ở mức nền tảng.
- Hỗ trợ phát triển song song, deploy độc lập cho domain.
- Tái sử dụng cao của platform services.

+ Nhược điểm:

- Vẫn có sự phụ thuộc vào nền tảng chung, rủi ro nếu nền tảng chung bị lỗi.
- Độ phức tạp trung bình: vừa phải xây nền tảng vừa phát triển domain.

- Phương án 4: Kiến trúc Microservices (toàn phần): Mỗi domain nghiệp vụ triển khai thành nhiều microservice nhỏ (tách theo business capability). Mỗi service có DB riêng, triển khai độc lập, giao tiếp qua API/event bus.

+ Ưu điểm:

- Phân tách rõ ràng: mỗi nghiệp vụ (ví dụ: Dự thảo, CSDL, Kiểm tra) có thể tách thành nhiều services nhỏ, dễ maintain.
- Scale & resilience: có thể scale chỉ service chịu tải nặng mà không phải scale toàn bộ hệ thống.
- Release độc lập.
- Khả năng chịu lỗi tốt hơn (1 service chết không kéo sập cả hệ thống).
- Linh hoạt khi tích hợp với nền tảng CPĐT, các NGSP/LGSP, dữ liệu mở.

- + Nhược điểm:
 - Rất phức tạp: cần hạ tầng hiện đại.
 - Chi phí vận hành, giám sát, bảo mật tăng cao.
 - Yêu cầu đội ngũ kỹ thuật có kinh nghiệm và kỹ năng: microservices, DevOps, cloud-native.

So sánh 3 lựa chọn:

Tiêu chí	Monolithic	Microservices	Hybrid
Độ ổn định lõi nghiệp vụ	Cao	Cao	Rất cao
Mức độ phức tạp	Thấp	Cao	Trung bình
Chi phí đầu tư ban đầu	Thấp	Cao	Trung bình
Khả năng mở rộng	Thấp	Rất cao	Cao

Qua phân tích mô hình đề xuất lựa chọn phương án 4 (Kiến trúc Microservices). Với kiến trúc đề xuất này hoàn toàn phù hợp khi hệ thống lớn, nhiều module nghiệp vụ khác nhau. Một số ưu điểm chính gồm:

- Mức phân tách tối đa, rõ ràng: mỗi hệ nghiệp vụ có thể tách thành nhiều services nhỏ, dễ maintain.
- Scale & resilience: có thể scale chỉ service chịu tải nặng (search, document conversion) mà không phải scale toàn hệ thống.
- Release độc lập

2.2.1.3. Công nghệ sử dụng

2.2.1.3.1. Frontend – Giao diện người dùng

Có thể lựa chọn theo 4 phương án:

- React.js: Thư viện UI của Meta, phổ biến nhất hiện nay
- + Ưu điểm

- Hiệu năng cao, component reuse tốt
- Cộng đồng & hệ sinh thái khổng lồ
- Dễ tích hợp TypeScript, Redux, REST, GraphQL
- + Nhược điểm
 - Không có cấu trúc bắt buộc, thiếu rõ ràng (phải dùng thêm lib).
- Angular: Framework của Google
 - + Ưu điểm
 - Mạnh về enterprise, chuẩn TypeScript.
 - Có cấu trúc chặt chẽ (MVVM).
 - Được Google hỗ trợ lâu dài.
 - + Nhược điểm
 - Học khó hơn React/Vue.
 - Build nặng, ít linh hoạt
- Vue.js
 - + Ưu điểm
 - Dễ dùng, tốc độ nhanh
 - Cú pháp gần HTML/CSS
 - Hỗ trợ tốt dự án vừa & nhỏ
 - + Nhược điểm
 - Thiếu ecosystem lớn như React
 - Tài liệu chuyên sâu ít hơn
- ASP.NET

- + Ưu điểm
 - Code chung C# giữa FE & BE
 - Hỗ trợ tốt cho .NET backend
 - + Nhược điểm
 - Hiệu năng không cao với web phức tạp
 - Cộng đồng nhỏ
- ⇒ Đề xuất lựa chọn: Đề xuất lựa chọn: React.js cho Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng và Phần mềm chuyển đổi dữ liệu công chứng do các đặc điểm phù hợp với dự án quy mô vừa-lớn, nhiều component phức tạp. Linh hoạt trong phát triển và frontend mạnh

2.2.1.3.2. Backend

Có thể lựa chọn theo 4 phương án:

- Java Spring Boot: Framework Java mạnh mẽ, hỗ trợ REST API, Microservices
 - + Ưu điểm
 - Hiệu năng cao, ổn định, dễ mở rộng
 - Cộng đồng lớn, thư viện phong phú
 - Hỗ trợ tốt cho microservice, security (Spring Security, OAuth2)
 - Được nhiều cơ quan nhà nước chọn
 - + Nhược điểm
 - Mất thời gian học với dev mới
- .NET Core (C#): Nền tảng của Microsoft, chạy đa hệ điều hành
 - + Ưu điểm

- Hiệu năng cao, bảo mật tốt
 - Dễ tích hợp hệ sinh thái Microsoft (AD, Azure, MS SQL)
 - + Nhược điểm
 - Ít phổ biến hơn Java ở cơ quan nhà nước
 - Hosting, license (nếu dùng Windows Server) có thể tốn chi phí
 - Node.js (Express/NestJS): Nền tảng JS chạy phía server
 - + Ưu điểm
 - Xử lý real-time tốt (chat, log, socket)
 - Code đồng nhất JS cho FE & BE
 - + Nhược điểm
 - Quản lý hiệu năng khó
 - Bảo mật cần chú trọng (dependency risk)
 - Python (Django/FastAPI): Framework Python hướng REST & tốc độ phát triển nhanh
 - + Ưu điểm
 - Phát triển nhanh
 - Cộng đồng mạnh
 - + Nhược điểm
 - Hiệu năng kém hơn Java/.NET
 - Không lý tưởng cho high concurrent load
- ⇒ Đề xuất lựa chọn Node.js hoặc Java Spring Boot là lựa chọn ưu tiên cho Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng và Phần mềm chuyển đổi dữ

liệu công chúng. Các ưu điểm của công nghệ Node.js, Java Spring Boot gồm :

- Kiến trúc xử lý bất đồng bộ (Non-blocking I/O) tối ưu cho thời gian thực: Khác biệt cốt lõi của Node.js là khả năng quản lý các luồng dữ liệu vào/ra liên tục thông qua một vòng lặp sự kiện đơn luồng (Event Loop). Thay vì cấp phát bộ nhớ cho từng kết nối như các ngôn ngữ truyền thống, Node.js giải quyết hàng chục ngàn kết nối đồng thời số lượng lớn các giao dịch được đánh giá rất tốt.
- Đồng nhất ngôn ngữ (Full-stack JavaScript) tối đa hóa tốc độ phát triển: Việc sử dụng chung JavaScript hoặc TypeScript cho cả giao diện người dùng và hệ thống máy chủ giúp xóa bỏ rào cản kỹ thuật giữa đội ngũ Frontend và Backend. Khả năng tái sử dụng mã nguồn, chia sẻ các thuật toán kiểm tra dữ liệu giúp tối ưu tối đa được chi phí phát triển, vận hành và bảo trì về sau.
- Khởi động cực nhanh và linh hoạt với hạ tầng đám mây: Node.js có dung lượng nhẹ và thời gian khởi động (cold-start) gần như tức thì. Đặc điểm này tạo ra lợi thế khi được thiết kế theo kiến trúc Microservices, cần tự động nhân bản ngay lập tức khi lượng người truy cập tăng vọt đột ngột.
- Xử lý đa luồng (Multi-threading) thực thụ cho các nghiệp vụ xử lý, đối soát dữ liệu lớn. máy ảo Java (JVM) cho phép ứng dụng cấp phát và quản lý nhiều luồng xử lý độc lập chạy song song.
- Hệ sinh thái bảo mật cao (Enterprise-grade Security) tích hợp sâu: hệ thống bảo mật nội tại cực kỳ toàn diện và được kiểm chứng qua nhiều thập kỷ. Nó cung cấp các giải pháp kết nối nguyên bản với hệ thống quản lý định danh của các Bộ, ngành, doanh nghiệp và tổ chức lớn.

2.2.1.3.3. So sánh phương án dùng cho FE và BE:

Tiêu chí	Java Spring Boot + Angular	.NET Core + Blazor	Node.js + React	Python + Vue	Java Spring Boot + React
Hiệu năng	Tốt	Tốt	Tốt	Trung bình	Tốt
Bảo mật	Tốt	Rất tốt	Trung bình	Trung bình	Tốt
Dễ bảo trì	Trung bình	Trung bình	Tốt	Tốt	Tốt
Chi phí triển khai	Cao	Cao	Trung bình	Trung bình	Trung bình
Cộng đồng & hỗ trợ	Tốt	Tốt	Rất tốt	Rất tốt	Rất tốt

⇒ Đề xuất lựa chọn: kết hợp giữa ReactJS và Node.js hoặc kết hợp giữa ReactJS và Java Spring Boot

- Lý do kết hợp ReactJS và Node.js:

+ Hiệu quả khi phát triển ứng dụng Web Full-stack: Kết hợp ReactJS cho frontend và Node.js cho backend tạo nên một ứng dụng web mạnh mẽ và hiệu quả, trong đó ReactJS sẽ xử lý giao diện người dùng và Node.js sẽ xử lý logic phía server, giúp tách biệt rõ ràng giữa frontend và backend, thuận tiện cho việc phát triển, bảo trì và mở rộng.

+ Tính mở rộng và linh hoạt: ReactJS giúp dễ dàng mở rộng giao diện người dùng với các component tái sử dụng, trong khi Node.js giúp phát triển nhanh và dễ dàng mở rộng các dịch vụ backend khi yêu cầu của ứng dụng tăng lên.

+ Khả năng bảo mật cao: Node.js cho phép tích hợp dễ dàng các công cụ bảo mật hàng đầu kết hợp với các phương thức bảo mật trong ReactJS tự động mã hóa dữ liệu (escape) trước khi render, giúp ngăn chặn hầu hết các cuộc tấn công Cross-site Scripting (XSS) cơ bản vì vậy sẽ giúp xây dựng một ứng dụng bảo mật

cao, với xác thực người dùng, mã hóa dữ liệu, và bảo vệ chống lại các tấn công mạng.

- + Tối ưu hiệu suất: ReactJS sẽ tối ưu hóa việc rendering giao diện người dùng với Virtual DOM, trong khi Node.js xử lý các tác vụ tốc độ cao, khả năng mở rộng tốt và được tối ưu hóa cho các ứng dụng thời gian thực (real-time) nhờ cơ chế Event-driven và Non-blocking I/O đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định ngay cả khi có lượng người dùng lớn.

- Lý do kết hợp ReactJS và Java Spring Boot:

- + Hiệu quả khi phát triển các hệ thống xử lý dữ liệu quy mô lớn (Enterprise-level): Kết hợp ReactJS cho frontend và Java Spring Boot cho backend tạo nên một nền tảng phù hợp cho các dự án phần mềm B2B hoặc hệ thống lõi có quy mô xử lý số lượng dữ liệu lớn, phức tạp và đòi hỏi độ chính xác cao. ReactJS mang lại trải nghiệm tương tác mượt mà cho người dùng, trong khi Spring Boot cung cấp một hệ sinh thái toàn diện, giúp quản lý và xử lý xuất sắc các khối lượng nghiệp vụ phức tạp, tách biệt rõ ràng giữa hai đầu để dễ dàng quản trị.

- + Tính mở rộng linh hoạt với kiến trúc Microservices: ReactJS giúp dễ dàng quản lý và mở rộng giao diện người dùng thông qua việc tái sử dụng các component độc lập. Phía backend, Java Spring Boot là một trong những framework hàng đầu để thiết kế và triển khai kiến trúc Microservices. Điều này cho phép hệ thống dễ dàng mở rộng quy mô (scale) từng module dịch vụ riêng biệt khi lượng dữ liệu và yêu cầu của người dùng tăng cao trong tương lai.

- + Khả năng bảo mật cấp độ doanh nghiệp khắt khe: Java Spring Boot tích hợp sẵn Spring Security – một framework bảo mật tiêu chuẩn công nghiệp cực kỳ mạnh mẽ, đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất về xác thực người dùng, phân quyền chi tiết (RBAC) và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm. Khi kết hợp với cơ chế tự động mã hóa dữ liệu trước khi render của ReactJS để chặn các lỗi XSS cơ

bản, dự án sẽ được bảo vệ bằng nhiều lớp màng chắn vững chắc từ UI đến tận lõi database.

- + Tối ưu hiệu suất và xử lý đa luồng (Multi-threading) mạnh mẽ: Trong khi ReactJS tập trung vào việc tối ưu hóa tốc độ hiển thị và cập nhật giao diện bằng Virtual DOM, Java Spring Boot lại giải quyết bài toán hiệu năng ở mặt sau nhờ khả năng xử lý đa luồng ưu việt của Java. Sự kết hợp này đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, không bị nghẽn cổ chai ngay cả khi phải đồng bộ hóa dữ liệu tập trung cường độ cao hay xử lý các tác vụ tính toán phức tạp cùng lúc.

- + Tính độc lập, dễ bảo trì và tích hợp (Separation of Concerns): Mô hình kết hợp này tách bạch hoàn toàn môi trường của Client và Server, giao tiếp với nhau hoàn toàn thông qua các tiêu chuẩn RESTful API hoặc GraphQL. Điều này không chỉ giúp các đội ngũ phát triển làm việc song song hiệu quả mà còn tạo điều kiện thuận lợi để bảo trì, cấu trúc lại mã nguồn, hoặc dễ dàng tích hợp thêm các công cụ chuyển đổi (migration tools) và hệ thống của bên thứ ba sau này mà không phá vỡ cấu trúc hiện tại.

2.2.1.4. Nền tảng máy chủ ứng dụng

Với lựa chọn mô hình kiến trúc microservice (Kubernetes Cluster)

2.2.1.4.1. Các phương án lựa chọn

Có thể lựa chọn theo 3 phương án:

- On-premise tự quản lý (Kubernetes native): Dùng K8s thuần (kubeadm, kubectl), quản trị thủ công. Hình thức triển khai: máy chủ vật lý hoặc ảo hóa (VMWare/OpenStack)

- + Ưu điểm:

- Toàn quyền kiểm soát, linh hoạt tùy chỉnh theo chuẩn CPĐT 4.0.
- Không phụ thuộc vendor.

- Có thể chạy trong hạ tầng sẵn có của Bộ Tư pháp (VMWare hoặc OpenStack).

- + Nhược điểm:

- Đòi hỏi đội ngũ vận hành DevOps/K8s có kinh nghiệm.
- Nâng cấp và giám sát phức tạp (đặc biệt khi mở rộng cụm lớn).
- Thiếu giao diện quản trị trực quan.

- Nền tảng container enterprise (Red Hat OpenShift): Triển khai trên bộ giải pháp thương mại hỗ trợ quản lý K8s. Hình thức triển khai: VMWare hoặc Cloud.

- + Ưu điểm

- Tích hợp toàn bộ vòng đời từ build đến và monitor
- Hỗ trợ RBAC, logging, metrics, image registry, autoscaling có sẵn
- Giao diện quản lý trực quan, dễ tách namespace theo từng hệ thống.
- Có hỗ trợ từ Red Hat (OpenShift)

- + Nhược điểm

- Cần license (OpenShift)
- Chi phí cao hơn so với K8s native.
- Yêu cầu phần cứng mạnh hơn

- Managed Kubernetes (Cloud): Dịch vụ K8s. Hình thức triển khai: Cloud

- + Ưu điểm

- Không cần cài đặt hay vận hành cluster
- Có thể scale tự động, backup, giám sát tích hợp sẵn
- Dễ triển khai, nhanh mở rộng

- + Nhược điểm

- Giới hạn quyền quản trị node & network
- Không phù hợp khi dữ liệu phải lưu nội bộ

2.2.1.4.2. So sánh 3 phương án:

Tiêu chí	Native K8s	OpenShift	Managed K8s (Cloud)
Quản lý vận hành	Tự quản	Tự động hóa cao	Do cloud quản lý
Bảo mật	Tùy chỉnh	Tích hợp sẵn tiêu chuẩn doanh nghiệp	Theo cloud
Chi phí license	Thấp	Cao	Theo usage
Dễ mở rộng	Cao	Rất cao	Rất cao
Mức độ tự chủ	Cao	Trung bình	Trung bình
Độ phức tạp triển khai	Cao	Trung bình	Thấp
Phù hợp môi trường	On-premise	On-premise hoặc Hybrid	Cloud
SLA & hỗ trợ kỹ thuật	Phụ thuộc nội bộ	Có hỗ trợ Red Hat	Có hỗ trợ Cloud
Tích hợp CI/CD, DevSecOps	Tùy chọn	Có sẵn	Có sẵn

Với tiêu chí và mục tiêu của Bộ Tư pháp, đề xuất dùng Managed K8s (Cloud) làm nền tảng Kubernetes cho lớp ứng dụng cho Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng và Phần mềm chuyển đổi dữ liệu công chứng, vì:

- Dễ quản trị, có giao diện và chính sách bảo mật đầy đủ
- Tích hợp sẵn các công cụ cần cho microservice
- Phù hợp với mô hình nhiều hệ thống cùng chia sẻ hạ tầng nhưng vẫn độc lập logic và dữ liệu
- Phù hợp với hạ tầng của Bộ Tư pháp

2.2.1.5. Hệ quản trị CSDL

Yêu cầu cơ sở dữ liệu của CCDLCC cần đáp ứng các tiêu chí:

- Độ tin cậy và toàn vẹn dữ liệu cao

- Khả năng mở rộng linh hoạt (Scalability)
- Khả năng tách biệt dữ liệu theo từng dịch vụ để đảm bảo độc lập và an toàn thông tin.
- Đáp ứng chuẩn kết nối bảo mật

2.2.1.5.1. Các phương án lựa chọn

- Oracle:
 - + Ưu điểm
 - Hỗ trợ mạnh ACID, TDE, phân quyền chi tiết
 - Khả năng mở rộng cao
 - Tích hợp tốt với Java/Spring Boot
 - Có sẵn cơ chế HA (DataGuard, RAC).
 - + Nhược điểm
 - Chi phí bản quyền cao.
 - Yêu cầu phần cứng và quản trị viên có kinh nghiệm, triển khai phức tạp.
- PostgreSQL:
 - + Ưu điểm
 - Chuẩn SQL hoàn thiện, tương thích cao. Phù hợp cho dữ liệu quan hệ (văn bản pháp lý, metadata vụ việc, quyền, lịch sử).
 - Hỗ trợ JSON, partitioning, logical replication. Dễ tích hợp Elasticsearch cho search nâng cao
 - Chi phí thấp
 - Cộng đồng & nguồn nhân lực dồi dào.
 - + Nhược điểm
 - Thiếu tính năng enterprise như RAC
 - Khả năng clustering giới hạn hơn Oracle

- MS SQL Server:
 - + Ưu điểm
 - Hỗ trợ enterprise, tích hợp Windows AD.
 - Dễ quản trị & giao diện trực quan
 - + Nhược điểm
 - License, scale hạn chế.
 - Hạn chế về môi trường triển khai: tối ưu nhất trên Windows Server; hỗ trợ Linux nhưng một số tính năng còn hạn chế

2.2.1.5.2. So sánh 3 phương án:

Tiêu chí	Oracle	PostgreSQL	SQL Server
Chi phí	Rất cao	Thấp	Cao
HA/DR	Xuất sắc (RAC)	Tốt (Patroni)	Rất tốt (AlwaysOn)
Tìm kiếm full-text	Tốt	Tốt	Trung bình
Quản trị DBA	Khó	Dễ–Trung bình	Dễ
Khả năng xử lý dữ liệu lớn	Xuất sắc	Tốt	Tốt
Ecosystem	Enterprise	Mã nguồn mở	Microsoft

⇒ Đề xuất giải pháp lựa chọn PostgreSQL cho Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng và Phần mềm chuyển đổi dữ liệu công chứng vì:

- Đảm bảo an toàn dữ liệu, giao dịch chuẩn, phù hợp hệ thống lưu trữ văn bản pháp luật, thông tin người dân, lịch sử thao tác.
- Hỗ trợ mạnh cho dữ liệu quan hệ và bán cấu trúc
- Đáp ứng các tiêu chuẩn bảo mật cao: hỗ trợ mã hóa dữ liệu, audit logging với pgAudit
- Dễ tích hợp với IAM/SSO
- Chi phí thấp
- Dễ mở rộng như các hệ thống hiện đại

2.2.1.6. Hệ thống lưu trữ file

CSDLCC có yêu cầu về lưu trữ dữ liệu phi cấu trúc, gồm: các tài liệu được scan/số hóa lên hệ thống ...Yêu cầu đối với lớp lưu trữ bao gồm:

- Đáp ứng khả năng truy cập nhanh (Hot Storage) cho các giao dịch trực tuyến
- Hỗ trợ lưu trữ trung hạn (Warm Storage) và lưu trữ dài hạn, tuân thủ lưu trữ hồ sơ điện tử (Cold/Archive Storage).
- Đảm bảo an toàn, toàn vẹn, mã hóa, phân quyền truy cập và khả năng mở rộng linh hoạt.

Các phương án được xem xét gồm:

- Alfresco ECM (OSS + Enterprise)
 - + Ưu điểm
 - OSS, có cộng đồng lớn.
 - Hỗ trợ document lifecycle (check-in/out, retention).
 - Workflow tích hợp (Activiti/Camunda).
 - Tích hợp tốt metadata.
 - + Nhược điểm
 - Bản OSS tính năng hạn chế
 - UI quản trị chưa hỗ trợ được cho người dùng
- Hệ thống/nền tảng với giao thức S3 (VD như: MinIO, hoặc sản phẩm tương đương)
 - + Ưu điểm
 - OSS, scale-out tốt, tương thích chuẩn S3
 - Hoạt động độc lập, dễ mở rộng

- Hỗ trợ chuẩn giao tiếp S3 API
- + Nhược điểm
 - Cần quản trị storage chuyên biệt
 - Không thích hợp cho lưu trữ dài hạn (chi phí ổ cứng cao, yêu cầu backup định kỳ)

Đề xuất giải pháp lựa chọn Hệ thống/nền tảng với giao thức S3 đáp ứng các yêu cầu: an toàn, sẵn sàng cao, khả năng mở rộng, dễ tích hợp với ứng dụng backend đã đề xuất lựa chọn để triển khai.

2.2.2. Yêu cầu đối với nhiệm vụ thuê Cơ sở dữ liệu công chứng

2.2.2.1. Yêu cầu chung

Thuê dịch vụ CNTT xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng không chỉ đơn thuần là triển khai một phần mềm ứng dụng, mà là xây dựng một nền tảng công nghệ hiện đại, mở và linh hoạt, cho phép cấu hình – tùy biến và vận hành toàn bộ quy trình nghiệp vụ của cơ sở dữ liệu công chứng.

Cơ sở dữ liệu công chứng được xây dựng cần đáp ứng tối thiểu các văn bản sau:

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan nhà nước thuộc hệ thống chính trị;
- Quyết định số 2878/QĐ-BTP ngày 19/9/2025 của Bộ Tư pháp phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Xây dựng Cơ sở dữ liệu công chứng”;
- Quyết định số 3727/QĐ-BTP ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy định về kỹ thuật, cấu trúc Cơ sở dữ liệu công chứng;
- Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ TTTT ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin

trong cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ TTTT về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

- Văn bản số 1694/BTTTT-CATTT ngày 31/5/2019 của Bộ TTTT về việc hướng dẫn yêu cầu an toàn thông tin cơ bản đối với hệ thống thông tin kết nối vào mạng TSLCD;

- Văn bản số 273/BTTTT-BĐTW ngày 31/01/2020 của Bộ TTTT về việc hướng dẫn mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương;

- Kiến trúc số Bộ Tư pháp, phiên bản 4.0 do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành tại Quyết định số 3828/QĐ-BTP ngày 31/12/2025.

2.2.2.2. Yêu cầu chi tiết đối với Cơ sở dữ liệu công chứng

2.2.2.2.1. Yêu cầu chức năng

Cơ sở dữ liệu công chứng được trang bị đầy đủ các nhóm chức năng cốt lõi phục vụ vận hành nghiệp vụ và quản lý tổng thể, bao gồm:

Nhóm chức năng Phần mềm quản lý CSDLCC:

STT	Yêu cầu chức năng
A	PHÂN HỆ QUẢN LÝ NGĂN CHẶN, RỦI RO VÀ KHAI THÁC DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG
A.1	Quản lý thông tin ngăn chặn và giải tỏa ngăn chặn
A.1.1	Quản lý thông tin ngăn chặn
A.1.1.1	Quản lý quy trình về quản lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn
A.1.1.2	Quản lý đăng tải thông tin ngăn chặn
A.1.2	Quản lý giải tỏa thông tin ngăn chặn
A.2	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, huỷ cảnh báo rủi ro
A.2.1	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro

STT	Yêu cầu chức năng
A.1.2.1	Quản lý quy trình về quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro
A.2.1.1	Quản lý đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro
A.2.2	Quản lý hủy thông tin cảnh báo rủi ro
A.3	Quản lý Khai báo giao dịch đã công chứng thủ công
A.3.1	Khai báo giao dịch đã công chứng thủ công
A.3.1.1	Khai báo giao dịch công chứng thủ công
A.3.1.2	Quản lý cập nhật/chỉnh sửa thông tin giao dịch công chứng giấy thủ công
A.3.1.3	Quản lý việc xử lý khi khai báo thông tin giao dịch công chứng giấy thủ công
A.3.1.4	Quản lý cập nhật thông tin giao dịch công chứng giấy thủ công
A.3.2	Quản lý giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của tổ chức HNCC
A.3.3	Khai thác Sổ giao dịch công chứng
A.3.4	Quản lý tuyên hủy hợp đồng, giao dịch đã công chứng
A.3.5	Tra cứu lịch sử cập nhật giao dịch
A.4	Chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng
A.4.1	Quy trình chuyển quyền chỉ định từ Sở Tư pháp
A.4.2	Quy trình chuyển quyền theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC
A.4.3	Khai thác thông tin hồ sơ giao dịch công chứng sau chuyển quyền
A.5	Khai thác thông tin
A.5.1	Khai thác thông tin giao dịch đã công chứng
A.5.2	Khai thác thông tin văn bản công chứng
A.5.3	Khai thác thông tin văn bản công chứng điện tử
A.5.4	Khai thác thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn
A.5.5	Khai thác thông tin cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro
A.5.6	Khai thác thông tin CCV
A.5.7	Khai thác thông tin tổ chức HNCC
A.5.8	Quản lý yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử
A.5.9	Khai thác thông tin tài sản hình thành từ giao dịch công chứng
A.5.10	Khai thác thông tin bên tham gia giao dịch công chứng

STT	Yêu cầu chức năng
A.5.11	Khai thác thông tin hậu kiểm dữ liệu
A.5.12	Quản lý yêu cầu khai thác thông tin chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác
A6	Thống kê báo cáo, tổng hợp dữ liệu theo từng cấp quản lý
A.6.1	Báo cáo cấp Bộ Tư pháp
A.6.1.1	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu giao dịch đã công chứng cấp Bộ Tư pháp
A.6.1.2	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro cấp Bộ Tư pháp
A.6.2	Báo cáo cấp Sở Tư pháp
A.6.2.1	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu giao dịch đã công chứng tại địa phương
A.6.2.2	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro theo địa phương
A.6.3	Báo cáo dành cho Tổ chức HNCC
A.6.4	Báo cáo dành cho Công chứng viên của tổ chức HNCC
A.6.5	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo thông tư 17/2025/TT-BTP
A.6.5.1	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng cấp Bộ Tư pháp
A.6.5.2	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng cấp Sở Tư pháp
A.6.5.3	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC
A.6.5.4	Khai thác và phân tích dữ liệu hoạt động công chứng theo đợt báo cáo định kỳ
A.6.6	Báo cáo dành cho Quản trị hệ thống
A.6.7	Báo cáo về ước tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng
A.7	Dashboard thống kê thông tin theo vai trò truy cập
A.7.1	Dashboard thông tin tổng hợp cấp Bộ Tư pháp
A.7.2	Dashboard thông tin tổng hợp cấp Sở Tư pháp
A.7.3	Dashboard thông tin tổng hợp dành cho tổ chức HNCC
A.7.4	Cấu hình hiển thị dashboard
A.8	Đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu
A.9	Tiện ích người dùng

STT	Yêu cầu chức năng
A.9.1	Truy cập người dùng
A.9.2	Quản lý thông báo người dùng
A.9.2.1	Thông báo cá nhân, tổ chức
A.9.2.2	Cấu hình Thông báo theo cá nhân, tổ chức
A.10	Quản lý thông tin TCHNCC và CCV
A.10.1	Quản lý Thông tin TCHNCC
A.10.2	Quản lý Thông tin CCV
A.10.3	Quản lý Thông tin chữ ký số
A.11	Quản lý lịch sử truy cập, khai thác dữ liệu
B	Phân hệ quản lý kho CSDL Công chứng
B.1	Thu nhận dữ liệu
B.1.1	Tích hợp dữ liệu thủ công
B.1.1.1	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng
B.1.1.2	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.1.1.3	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.1.1.4	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi công chứng địa phương
B.1.1.5	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.1.6	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.1.7	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.1.8	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng
B.1.1.9	Tích hợp thủ công dữ liệu danh mục
B.1.2	Tích hợp dữ liệu tự động
B.1.2.1	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.1.2.2	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng

STT	Yêu cầu chức năng
B.1.2.3	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.1.2.4	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.1.2.5	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.2.6	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.2.7	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.2.8	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng
B.1.2.9	Tích hợp tự động dữ liệu danh mục
B.1.3	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu
B.1.3.1	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.1.3.2	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.1.3.3	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.1.3.4	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.1.3.5	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.3.6	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.3.7	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.1.3.8	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng
B.1.3.9	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu danh mục
B.2	Đối soát dữ liệu
B.2.1	Đối soát dữ liệu thu thập từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương
B.2.1.1	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.2.1.2	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng

STT	Yêu cầu chức năng
B.2.1.3	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.2.1.4	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.2.1.5	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.2.1.6	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.2.1.7	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.2.1.8	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng
B.2.1.9	Đối soát dữ liệu danh mục
B.3	Xử lý dữ liệu - làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu
B.3.1	Làm sạch dữ liệu
B.3.1.1	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.3.1.2	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.3.1.3	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.3.1.4	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.3.1.5	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.3.1.6	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng
B.3.1.7	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên
B.3.2	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu
B.3.2.1	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.3.2.2	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.3.2.3	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.3.2.4	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.3.2.5	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu

STT	Yêu cầu chức năng
B.3.2.6	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng
B.3.2.7	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên
B.3.3	Chuẩn hóa dữ liệu
B.3.3.1	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.3.3.2	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.3.3.3	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.3.3.4	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.3.3.5	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.3.3.6	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng
B.3.3.7	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên
B.3.4	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu
B.3.4.1	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.3.4.2	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.3.4.3	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.3.4.4	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.3.4.5	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.3.4.6	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng
B.3.4.7	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên
B.4	Hậu kiểm dữ liệu
B.4.1	Cấu hình liên quan hậu kiểm
B.4.2	Thực hiện hậu kiểm dữ liệu công chứng
B.4.3	Hậu kiểm dữ liệu theo dữ liệu gốc
B.4.4	Kết quả hậu kiểm dữ liệu

STT	Yêu cầu chức năng
B.5	Cung cấp dữ liệu
B.5.1	Nhóm chức năng quản lý API cung cấp dữ liệu, đối soát dữ liệu cung cấp
B.5.2	Nhóm chức năng kiểm soát và giám sát cung cấp dữ liệu
B.5.3	Quản lý thông tin yêu cầu cung cấp dịch vụ dữ liệu.
B.5.4	Dịch vụ cung cấp dữ liệu
B.5.4.1	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.5.4.2	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.5.4.3	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.5.4.4	Cung cấp dữ liệu Các tài liệu trong giao dịch công chứng
B.5.4.5	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.5.4.6	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng
B.5.4.7	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên
B.5.4.8	Cung cấp dữ liệu Báo cáo
B.5.5	Đối soát cung cấp dữ liệu
B.5.5.1	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng
B.5.5.2	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng
B.5.5.3	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng
B.5.5.4	Đối soát cung cấp dữ liệu Các tài liệu trong giao dịch công chứng
B.5.5.5	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
B.5.5.6	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.5.5.7	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu
B.5.5.8	Đối soát cung cấp dữ liệu Báo cáo
B.6	Quản trị dữ liệu
B.6.1	Nhóm chức năng cấu hình trong quản trị dữ liệu
B.6.2	Nhóm chức năng kiểm soát an toàn

STT	Yêu cầu chức năng
B.6.3	Nhóm chức năng hủy dữ liệu
B.6.4	Nhóm chức năng khôi phục dữ liệu
B.7	Dashboard cho quản trị kho dữ liệu công chứng
B.7.1	Dashboard giám sát thu nhận dữ liệu
B.7.2	Dashboard giám sát đối soát dữ liệu
B.7.3	Dashboard giám sát xử lý dữ liệu
B.7.4	Dashboard giám sát hậu kiểm dữ liệu
B.7.5	Dashboard giám sát cung cấp dữ liệu
C	Phân hệ quản trị hệ thống
C.1	Nhóm chức năng quản trị chung
C.2	Quản trị thiết lập và cấu hình
C.3	Quản lý danh mục
C.3.1	Quản lý danh mục dùng chung
C.3.2	Quản lý danh mục riêng của hệ thống
C.4	Quản trị người dùng và phân quyền
C.5	Quản lý thông báo
C.6	Quản lý nhật ký hệ thống
C.7	Quản lý thông tin tiện ích
C.7.1	Quản lý biểu mẫu
C.7.2	Quản lý hướng dẫn sử dụng
C.7.3	Quản lý câu hỏi thường gặp
C.7.4	Quản lý công thức tính phí giao dịch công chứng
C.7.5	Quản lý thông tin tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu

2.2.2.2.2. Yêu cầu phi chức năng

STT	Mô tả	Yêu cầu
I. Yêu cầu kỹ thuật		
1. Yêu cầu về giao diện hệ thống		

STT	Mô tả	Yêu cầu
1.1	Hệ thống hỗ trợ các thư viện thành phần giao diện phong phú, tối thiểu có gồm các mục sau: Nhóm thành phần nhập liệu cơ bản - Input text (Trường nhập văn bản): Một ô để người dùng nhập một dòng văn bản ngắn, ví dụ như họ tên, tiêu đề. - Multiline text (Trường nhập văn bản nhiều dòng): Một vùng văn bản lớn hơn cho phép người dùng nhập nhiều dòng, ví dụ như mô tả, bình luận. - Number (Trường nhập số): Một ô chỉ cho phép nhập các ký tự số. - Password (Trường nhập mật khẩu): Một ô nhập văn bản trong đó các ký tự được che đi (thường bằng dấu hoa thị hoặc chấm tròn) để bảo mật. - Email (Trường nhập email): Một ô được định dạng sẵn để nhập địa chỉ email, thường có kiểm tra tính hợp lệ của định dạng. - Phone number (Trường nhập số điện thoại): Một ô dành riêng cho việc nhập số điện thoại. - Radio button (Nút chọn đơn): Cho phép người dùng chọn một tùy chọn duy nhất từ một danh sách các lựa chọn. - Checkbox (Hộp kiểm): Cho phép người dùng chọn một hoặc nhiều tùy chọn từ một danh sách. - Dropdown (Danh sách thả xuống): Một danh sách các tùy chọn sẽ hiện ra khi người dùng nhấp vào; người dùng có thể chọn một mục từ danh sách đó. - Date Picker (Bộ chọn ngày): Một giao diện lịch bật ra để người dùng dễ dàng chọn một ngày cụ thể. Nhóm thành phần nhập liệu nâng cao	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Table view (Bảng hiển thị): Dùng để hiển thị dữ liệu có cấu trúc dưới dạng hàng và cột, chỉ để xem. - Table input (Bảng nhập liệu): Một bảng cho phép người dùng không chỉ xem mà còn nhập và chỉnh sửa dữ liệu trực tiếp trong các ô. - Upload file (Tải lên tệp): Một nút hoặc khu vực cho phép người dùng chọn và tải lên một tệp bất kỳ từ máy tính của họ. - Upload image (Tải lên hình ảnh): Tương tự như tải tệp nhưng thường được tối ưu hóa hoặc giới hạn chỉ cho các định dạng tệp hình ảnh (ví dụ: JPG, PNG). - Hyperlink (Siêu liên kết): Một đường dẫn có thể nhấp vào để điều hướng người dùng đến một trang web hoặc một vị trí khác. - Form (Biểu mẫu): Một vùng chứa tập hợp nhiều trường nhập liệu khác nhau (như các mục ở trên) để thu thập thông tin từ người dùng. - Signature (Chữ ký): Một trường đặc biệt cho phép người dùng vẽ hoặc nhập chữ ký điện tử của họ. Nhóm bố cục - Row (Hàng): Dùng để sắp xếp các thành phần con nằm cạnh nhau theo chiều ngang. - Column (Cột): Dùng để sắp xếp các thành phần con chồng lên nhau theo chiều dọc. - Step (Bước/Quy trình theo bước): Thường được gọi là "Stepper", dùng để hiển thị tiến trình của người dùng qua một chuỗi các bước logic, chẳng hạn như trong quy trình đăng ký hoặc thanh toán.	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Tab (Thẻ): Cho phép người dùng chuyển đổi giữa các chế độ xem hoặc các nhóm nội dung khác nhau trong cùng một không gian. - Splitter (Thanh chia/Bộ chia): Là một thanh điều khiển cho phép người dùng kéo để thay đổi kích thước của hai hoặc nhiều khu vực/ngăn giao diện liền kề. - Divider (Đường kẻ phân cách): Là một đường kẻ mỏng được sử dụng để phân tách các nội dung hoặc nhóm các phần tử một cách trực quan.	
1.2	Hệ thống được thiết kế theo nguyên tắc giao diện đáp ứng (responsive design), cho phép tự động điều chỉnh bố cục và cách hiển thị phù hợp với từng loại thiết bị và kích thước màn hình khác nhau (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động) mà không cần tạo nhiều phiên bản riêng biệt.	Yêu cầu bắt buộc
1.3	Hỗ trợ tạo các chủ đề (themes) và kiểu dáng (styling) tùy chỉnh trên bàn làm việc để phù hợp với nhận diện thương hiệu của hoạt động công chứng. Các tùy chỉnh bao gồm: thay đổi bố cục, kích thước, màu sắc, bộ lọc của các widget.	Yêu cầu bắt buộc
2. Yêu cầu khả năng sẵn sàng của hệ thống		
2.1	Hệ thống cần được thiết kế đáp ứng: -Concurrent users: Hỗ trợ tối thiểu 10.000 người dùng, trong đó cao điểm 3.000 người dùng đồng thời; -Response time: Thời gian phản hồi < 3s cho 99% requests;	Yêu cầu bắt buộc
2.2	Kiến trúc của hệ thống phải được thiết kế để đảm bảo loại bỏ các điểm lỗi đơn lẻ (Single Point of Failure – SPOF). Hệ thống cần thiết kế áp dụng nguyên tắc dự phòng (Redundancy) và tự động chuyển đổi dự phòng (Automatic	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	Failover) trên toàn bộ các lớp kiến trúc — từ hạ tầng mạng, máy chủ ứng dụng đến cơ sở dữ liệu. Tối thiểu, các thành phần sau cần được thiết kế đảm bảo tính sẵn sàng cao (High Availability – HA): - Bộ cân bằng tải (Load Balancer): Đảm bảo chia tải đến nhiều máy chủ phía bên trong hệ thống. Tự động chuyển các yêu cầu đến máy chủ dịch vụ trong hệ thống - API Gateway: Đảm bảo kiểm soát đầu vào của toàn bộ dịch vụ bên trong hệ thống. Tự động phát hiện các dịch vụ bị ngưng và chuyển sang dịch vụ hoạt động. - Máy chủ ứng dụng (Application Server): Ứng dụng được triển khai trên cụm gồm tối thiểu hai (02) máy chủ. Toàn bộ các máy chủ này được đặt sau bộ cân bằng tải. Các phiên làm việc (user sessions) được lưu trữ tập trung tại một kho dữ liệu phiên độc lập (như Redis hoặc Memcached) để bảo đảm người dùng không bị mất trạng thái hoặc đăng xuất khi một máy chủ gặp sự cố. - Máy chủ cơ sở dữ liệu (Database Server): Sử dụng cụm CSDL gồm ít nhất hai (02) máy chủ: một máy chủ chính (Primary/Master) và một máy chủ phụ (Secondary/Slave). Hệ thống phải được cấu hình nhân bản dữ liệu đồng bộ (Synchronous Replication) hoặc bán đồng bộ (Semi-synchronous Replication) từ máy chủ chính sang máy chủ phụ, bảo đảm dữ liệu trên máy chủ phụ luôn cập nhật gần nhất với máy chủ chính, sẵn sàng tiếp nhận vai trò chính khi xảy ra sự cố.	
2.3	Hệ thống được thiết kế đảm bảo khả năng chuyển đổi dự phòng tự động (Automated Failover): Trong trường hợp một	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	thành phần hệ thống gặp sự cố, phải có cơ chế tự động chuyển đổi sang thành phần dự phòng, cụ thể: - Cụm API Gateway (API Gateway Cluster): Khi một máy chủ API Gateway trong cụm gặp sự cố, bộ cân bằng tải sẽ tự động phát hiện và ngừng chuyển hướng yêu cầu đến máy chủ đó. Các yêu cầu được phân phối cho các máy chủ API Gateway còn hoạt động trong cụm. - Cụm Máy chủ Ứng dụng (Application Server Cluster): Tương tự như API Gateway, khi một máy chủ ứng dụng bị lỗi, bộ cân bằng tải sẽ tự động loại bỏ máy chủ đó khỏi nhóm xử lý. Nhờ cơ chế lưu trữ tập trung các phiên làm việc của người dùng (ví dụ: Redis hoặc Memcached), việc chuyển đổi giữa các máy chủ không làm mất trạng thái đăng nhập hay dữ liệu đang xử lý. - Cụm Cơ sở Dữ liệu (Database Cluster): Là thành phần trọng yếu trong hệ thống. Khi máy chủ cơ sở dữ liệu chính (Primary/Master) gặp sự cố, hệ thống quản trị cụm (ví dụ: Patroni, Pacemaker) sẽ tự động kích hoạt quy trình chuyển đổi dự phòng (failover), bao gồm: + Phát hiện sự cố của máy chủ chính. + "Nâng cấp" (Promote) một máy chủ phụ (Secondary/Slave) có dữ liệu mới nhất lên làm máy chủ chính mới. + Cập nhật lại cấu hình định tuyến trong ứng dụng (thông qua Connection String hoặc DNS) để trở về máy chủ chính mới này.	
2.4	Sử dụng Caching strategy: Triển khai caching đa tầng Database, Application, Proxy, Client. Cụ thể:	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Database: Triển khai các công cụ lưu trữ đệm trong bộ nhớ (in-memory cache) như Redis, Memcached, Hazecast - Application: Triển khai việc lưu trữ các nội dung web tĩnh như html page, html template, static asset, data object ngay tại các máy chủ ứng dụng - Proxy: Thực hiện lưu các nội dung tại mạng phân phối nội dung CDN (Content Delivery Network) - Client: Lưu trữ các thông tin ngay tại phía người dùng (trình duyệt/ứng dụng di động)	
2.5	Khả năng Mở rộng Linh hoạt: + Mở rộng Ngang (Horizontal Scaling): Khả năng thêm máy chủ/phiên bản (instances) mới vào cụm (cluster) để tăng năng lực xử lý khi tải tăng cao. + Mở rộng Dọc (Vertical Scaling): Khả năng tăng cường tài nguyên (CPU, RAM, lưu trữ) cho các máy chủ/phiên bản hiện có.	Yêu cầu bắt buộc
2.6	Kiến trúc Microservices: Các nền tảng có kiến trúc dựa trên microservices. Điều này cho phép các dịch vụ hoặc ứng dụng nghiệp vụ khác nhau của nền tảng có thể được phát triển, triển khai, mở rộng và bảo trì một cách độc lập, tăng cường khả năng phục hồi và linh hoạt của toàn hệ thống.	Yêu cầu bắt buộc
3. Yêu cầu khả năng tích hợp		
3.1	Hệ thống phải cung cấp các tính năng tích hợp theo hướng no-code, cho phép người dùng có kiến thức hạn chế về CNTT vẫn có thể thiết lập, cấu hình và quản lý tích hợp giữa các hệ thống thông qua giao diện trực quan. * Connector (Cổng kết nối):	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Ánh xạ dữ liệu trực quan (Visual mapping): Cung cấp công cụ đồ họa để người dùng dễ dàng ánh xạ (mapping) và chuyển đổi dữ liệu giữa các hệ thống khác nhau. Ví dụ: liên kết trường "Mã số thuế" từ hệ thống của Tổng cục Thuế với trường "Mã số doanh nghiệp" trong ứng dụng nội bộ. - Thư viện mẫu tích hợp (Template library): Các dịch vụ tích hợp đã cấu hình có thể lưu lại thành các mẫu (template) tích hợp được dựng sẵn để kết nối nhanh chóng cho các nhu cầu tương tự phát sinh sau. - Xây dựng logic có điều kiện (Conditional Logic): Cho phép người dùng thiết lập các luồng xử lý phức tạp với các cấu trúc điều kiện như rẽ nhánh (If/Then/Else), thông qua giao diện đồ họa, loại bỏ hoàn toàn yêu cầu phải viết mã lệnh. - Kích hoạt luồng theo sự kiện (Event Triggers): Cho phép cấu hình để các luồng tích hợp được tự động khởi chạy khi một sự kiện cụ thể xảy ra, ví dụ: + Sự kiện dữ liệu: Khi có một bản ghi mới được tạo hoặc cập nhật trong cơ sở dữ liệu. + Sự kiện hệ thống: Khi nhận được một yêu cầu API (API call) từ một ứng dụng bên ngoài. + Sự kiện theo lịch: Khi đến một thời điểm được lập lịch sẵn (ví dụ: chạy báo cáo tổng hợp vào cuối ngày). - Data transformation: Chuyển đổi dữ liệu với các hàm built-in	
3.2	Tích hợp Low-Code/Full-Code: Hệ thống cung cấp các tính năng giúp người dùng có thể lập trình script trên giao diện và chạy runtime trong quá trình hoạt động *Custom Conector (Tuỳ chỉnh cấu hình)	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Code snippets: Thư viện mã nguồn mẫu cho các tác vụ phổ biến - Parameter configuration: Cấu hình tham số bằng giao diện - Debug tools: Công cụ debug tích hợp cho phép ghi nhật ký chi tiết (Logging), theo dõi luồng thực thi và giá trị dữ liệu. *Runtime Script (Nạp mã nguồn động) - Hot-reloadable Script: Script có thể load/unload trong runtime - Groovy scripting: Hỗ trợ viết script để xử lý các logic phức tạp - Script lifecycle management: Quản lý vòng đời script bao gồm chỉnh sửa, triển khai (deploy), kích hoạt/vô hiệu hóa (enable/disable) và khôi phục (rollback).	
3.3	Hỗ trợ RESTful API với các tiêu chuẩn sau: - Documentated APIs: Tất cả các API phải có tài liệu chi tiết, tuân thủ chuẩn Swagger/OpenAPI Specification - Authentication: Hỗ trợ OAuth 2.0, JWT và API keys - Rate limiting: Giới hạn số lượng request để bảo vệ hệ thống	Yêu cầu bắt buộc
3.4	Hỗ trợ các Giao tiếp Bất đồng bộ: Tích hợp với các hệ thống hàng đợi tin nhắn (Kafka)	Yêu cầu bắt buộc
3.5	Đảm bảo khả năng tích hợp với các hệ thống có sẵn của Cục Bỏ trợ tư pháp và có khả năng tích hợp với các hệ thống khác như VNeID, CSDL quốc gia về dân cư, toà án, thuế, đất đai... và các đơn vị liên quan.	Yêu cầu mở rộng
4. Yêu cầu về tính đa dạng hoá và chuyên môn hoá đáp ứng luồng nghiệp vụ		
4.1	Mô hình hóa và Quản lý Dữ liệu linh hoạt:	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	Hệ thống cho phép người dùng chủ động tạo các form dữ liệu tùy chỉnh theo nhu cầu, định nghĩa mối quan hệ giữa các thực thể dữ liệu, và thiết lập các quy tắc xác thực nâng cao. Các quy tắc này có thể bao gồm tính toán, kế thừa và ràng buộc trực tiếp giữa các trường dữ liệu trong form.	
4.2	Hỗ trợ đầy đủ các biểu mẫu và quy trình đặc thù của Cục Bảo trợ tư pháp (chi tiết các biểu mẫu được liệt kê trong từng nghiệp vụ): Cho phép cấu hình và chỉnh sửa trực tiếp các biểu mẫu/quy trình qua giao diện quản trị mà không cần lập trình mở rộng hoặc nâng cấp sản phẩm.	Yêu cầu bắt buộc
II. Yêu cầu bảo mật		
1. Xác thực - Authentication		
1.1	Việc xác thực phải thực hiện trên máy chủ cho tất cả tính năng/tài nguyên ngoại trừ các tính năng/tài nguyên cung cấp thông tin public	Yêu cầu bắt buộc
1.2	Triển khai cơ chế chống tấn công dò đoán mật khẩu, tài khoản, thông tin xác thực gửi qua POST request: Có cơ chế khoá tài khoản nếu đăng nhập sai quá số lần cho phép	Yêu cầu bắt buộc
1.3	Sử dụng lớp/thư viện tập trung trên máy chủ cho tất cả kiểm soát xác thực	Yêu cầu bắt buộc
1.4	Mã hóa mật khẩu bằng hàm băm PBKDF2, Scrypt, Bcrypt kết hợp với salt (nếu ứng dụng quản lý thông tin đăng nhập)	Yêu cầu bắt buộc
1.5	Nếu việc khôi phục lại mật khẩu qua email, chỉ gửi tới email đã đăng ký từ trước	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
1.6	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, hoặc thực hiện các thao tác quan trọng như đổi mật khẩu, cấu hình hệ thống.	Yêu cầu bắt buộc
1.7	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống: Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương	Yêu cầu bắt buộc
2. Quản lý phiên - Session Management		
2.1	Sử dụng lớp/thư viện tập trung trên máy chủ để tạo ra, kiểm soát, quản lý phiên/token (SessionID)	Yêu cầu bắt buộc
2.2	Mỗi khi xác thực lại (re-authenticate), SessionID/Token phải được tạo mới.	Yêu cầu bắt buộc
2.3	SessionID/Token đặt trên HTTP header và không được lộ ra trên URL, thông báo lỗi, nhật ký	Yêu cầu bắt buộc
2.4	Thiết lập thuộc tính secure và httponly cho cookie chứa SessionID/Token, khi đăng xuất phải hủy SessionID/Token	Yêu cầu bắt buộc
3. Kiểm soát truy cập - Access Control		
3.1	Sử dụng một lớp/thư viện tập trung trên máy chủ cho kiểm soát phân quyền	Yêu cầu bắt buộc
3.2	Kiểm soát phân quyền theo nguyên tắc đặc quyền tối thiểu, kiểm soát theo vai trò (RBAC), ma trận phân quyền cần được tài liệu hóa	Yêu cầu bắt buộc
3.3	Thành phần quản trị của ứng dụng phải được tách biệt thành phần dành cho người dùng cuối/ khách hàng và chỉ có thể truy cập từ địa chỉ IP nội bộ.	Yêu cầu bắt buộc
4. Kiểm tra tính hợp lệ dữ liệu đầu vào - Input Validation		

STT	Mô tả	Yêu cầu
4.1	Dữ liệu nhập từ người dùng, từ bên ngoài (HTTP param: URL, body, HTTP header, CSDL...) phải được kiểm tra tính hợp lệ (cú pháp: loại, độ dài)/sanitize (bind parameter/encoding) trên máy chủ trước khi xử lý	Yêu cầu bắt buộc
4.2	Các loại file khi upload lên cần check kỹ loại file, extention, dung lượng file,... theo yêu cầu của nghiệp vụ	Yêu cầu bắt buộc
5. Mã hóa dữ liệu đầu ra - Output Encoding		
5.1	Sử dụng một lớp/thư viện tập trung trên máy chủ cho mã hóa/chuyển đổi dữ liệu đầu ra trên máy chủ	Yêu cầu bắt buộc
5.2	Tùy theo từng ngữ cảnh, cần chuyển đổi/mã hóa (encode) các dữ liệu trước khi xử lý (Ví dụ: HTML Encoding để tránh lỗi XSS trên giao diện người dùng..)	Yêu cầu bắt buộc
6. Kiểm soát lỗi - Error Handling & Logging		
6.1	Sử dụng thông báo lỗi dạng tùy chỉnh, không chứa thông tin hệ thống, người dùng, thông tin chi tiết lỗi	Yêu cầu bắt buộc
6.2	Đảm bảo dữ liệu được ghi log sẽ không thể thực thi trên phần mềm quản lý nhật ký (tránh các lỗi XSS, Command Injection...)	Yêu cầu bắt buộc
6.3	Không lưu trữ các thông tin nhạy cảm trên log bao gồm: Session ID, Token hoặc mật khẩu.	Yêu cầu bắt buộc
6.4	Ghi log tất cả các trường hợp kiểm tra tính hợp lệ không thành công của dữ liệu đầu vào, xác thực truy cập, lỗi kiểm soát truy cập, kết nối với mã token không hợp lệ hoặc hết hạn, ngoại lệ hệ thống (system exceptions)...	Yêu cầu bắt buộc
7. Bảo vệ dữ liệu - Data Protection		

STT	Mô tả	Yêu cầu
7.1	Loại bỏ toàn bộ các diễn giải (comments) trên mã nguồn có chứa thông tin hệ thống hoặc các thông tin nhạy cảm khác.	Yêu cầu bắt buộc
7.2	CAPTCHA phải được sử dụng trên các form phản hồi/liên hệ/trang đăng ký để chống dữ liệu spam vào ứng dụng	Yêu cầu bắt buộc
7.3	Sử dụng các truy vấn dạng tham số hóa cho kết nối CSDL (PHP bindParam, Java PreparedStatement, Hibernate createQuery, LINQ...)	Yêu cầu bắt buộc
7.4	Ứng dụng phải sử dụng đặc quyền tối thiểu khi truy cập vào CSDL	Yêu cầu bắt buộc
7.5	Chuỗi kết nối (connection string) và mật khẩu không được lưu dưới dạng rõ (plaintext) trên ứng dụng.	Yêu cầu bắt buộc
7.6	Các dữ liệu nhạy cảm (mật khẩu, PII,...) phải được mã hóa bằng các thuật toán mạnh: AES-256, RSA-2048,...	Yêu cầu bắt buộc
8. Truyền tải dữ liệu - Data Intransit		
8.1	Triển khai HTTPS (TLS 1.3 trở lên) cho kết nối giữa người dùng và ứng dụng, kết nối tích hợp giữa các ứng dụng.	Yêu cầu bắt buộc
8.2	Không chuyển sang giao thức kết nối không an toàn khi kết nối TLS không thành công.	Yêu cầu bắt buộc
8.3	Loại bỏ các tham số chứa thông tin nhạy cảm trong HTTP referer khi kết nối tới các trang bên ngoài.	Yêu cầu bắt buộc
9. Quản lý cấu hình - Configuration Management		
9.1	Đảm bảo các máy chủ, framework và cấu phần hệ thống (plugins, thư viện,...) dùng phiên bản cập nhật mới nhất.	Yêu cầu bắt buộc
9.2	Loại bỏ các thông tin hệ điều hành, máy chủ web và framework của ứng dụng trong HTTP response	Yêu cầu bắt buộc
10. Quản lý tài nguyên - File and Resource		

STT	Mô tả	Yêu cầu
10.1	Lưu trữ file tải lên trên CDN/DB, chặn quyền thực thi trong thư mục chứa đựng tệp tin được tải lên	Yêu cầu bắt buộc
10.2	Cấu hình một danh sách các tên và loại file được cho phép (whitelist) khi ứng dụng cho phép người dùng truy xuất file trên máy chủ. Từ chối truy cập hoặc sử dụng một file mặc định thay thế khi truy cập file không nằm trong danh sách cho phép	Yêu cầu bắt buộc
10.3	Không sử dụng dữ liệu nhập từ người dùng cho chuyển hướng (HTTP redirect), nếu sử dụng, chỉ cho phép chuyển hướng tới các URL nằm trong danh sách được phép	Yêu cầu bắt buộc
11. Lập trình ứng dụng		
11.1	Phải sử dụng cơ chế khóa hoặc đồng bộ khi có nhiều luồng truy cập và thay đổi giá trị dữ liệu tại cùng một thời điểm để tránh lỗi race condition	Yêu cầu bắt buộc
11.2	Sử dụng các hàm API đã tích hợp sẵn để thực hiện các tác vụ trên hệ điều hành. Không cho phép ứng dụng đưa ra các lệnh trực tiếp đến hệ điều hành, đặc biệt thông qua việc sử dụng ứng dụng để khởi tạo shell.	Yêu cầu bắt buộc
11.3	Sử dụng cơ chế băm để xác nhận tính toàn vẹn của mã nguồn biên dịch, các thư viện, các tệp tin thực thi và các tệp tin cấu hình.	Yêu cầu bắt buộc
11.4	Khởi tạo giá trị cho các biến và bộ nhớ khi khai báo hoặc trước khi sử dụng lần đầu.	Yêu cầu bắt buộc
11.5	Rà soát mã nguồn và thư viện của bên thứ ba để xác định nhu cầu sử dụng và xác minh tính năng an toàn để tránh rủi ro	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
11.6	Nếu ứng dụng thực hiện cập nhật tự động, sử dụng cơ chế chữ ký số để đảm bảo tính toàn vẹn, kết nối qua kênh mã hóa	Yêu cầu bắt buộc
13. Chứng nhận đánh giá, kiểm thử An toàn thông tin ứng dụng		
13.1	Cung cấp chứng nhận đánh giá, kiểm thử (Pentest, Secure Code Review) được thực hiện bởi bên độc lập chuyên cung cấp dịch đánh giá/kiểm thử có uy tín trên thị trường hoặc Pentest bởi các Trung tâm, Công ty độc lập. Yêu cầu gửi lại các báo cáo Pentest, Secure code; đảm bảo fix tất cả những lỗ hổng mức Critical, High, trước khi Golive	Yêu cầu bắt buộc
14. Quản trị ANBM, hệ thống và vận hành		
14.1	Có các giải pháp bảo vệ hệ thống để giảm thiểu rủi ro an ninh mạng, bao gồm nhưng không giới hạn: + Firewall + Encryption + SIEM	Yêu cầu bắt buộc
14.2	Có các chức năng quản trị ANBM: + Quản lý rủi ro CNTT + Đảm bảo an toàn thông tin: Gia cố, kiện toàn hệ thống, đánh giá, rà soát,.. + Giám sát an ninh mạng và xử lý sự cố + Vận hành, quản trị hệ thống ANBM	Yêu cầu bắt buộc
14.3	Phân tách phân vùng mạng theo vai trò: + Chia các VLAN riêng biệt cho các dịch vụ App, Database, Camera, Parking, Enduser... + Sử dụng firewall để kiểm soát dữ liệu ra/vào giữa mạng phân vùng mạng, các hệ thống, ứng dụng.	Yêu cầu bắt buộc
14.4	Kiểm soát truy cập từ xa:	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+ Sử dụng hệ thống quản trị PAM/JUMP để kiểm soát truy cập từ xa vào hệ thống máy chủ, CSDL, thiết bị mạng, bảo mật. + Chỉ truy cập port quản trị 80,443,22 từ máy chủ JUMP được quy hoạch, không mở trực tiếp cho người dùng + Sử dụng giao thức mã hóa mạnh (HTTPS/SSH) cho dữ liệu trong quá trình truyền tải trong mạng	
14.5	Triển khai cấu hình hardening theo tiêu chuẩn đã ban hành cho các hệ thống thiết bị mạng, bảo mật, máy chủ	Yêu cầu bắt buộc
14.6	Phân tách môi trường test/dev và production để đảm bảo tài khoản môi trường test/dev không truy cập được vào production và ngược lại	Yêu cầu bắt buộc
14.7	Phân tách vùng mạng, DC-DR: + Không cho phép kết nối từ người dùng trực tiếp vào Database, kết nối của người dùng phải qua App/Web Server để xử lý yêu cầu dữ liệu + App và DB không setup chung trên cùng 1 server + Kiến trúc hệ thống DC - DR nhằm khôi phục hệ thống khi có thảm họa xảy ra	Yêu cầu bắt buộc
15. Yêu cầu về tuân thủ pháp lý và chứng chỉ		
15.1	Có giấy phép Cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng	Yêu cầu bắt buộc
15.2	CSDL Công chứng phải tuân thủ đầy đủ các văn bản quy định được nêu tại mục 2.2.2.1., Phần IV. Yêu cầu chung	Yêu cầu bắt buộc
16. Các yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng:		

STT	Mô tả	Yêu cầu
16.1	Hệ thống được triển khai trên nền tảng hạ tầng đáp ứng tất cả các yêu cầu quy định tại mục 2.2.3. Yêu cầu hạ tầng phục vụ triển khai hệ thống	Yêu cầu bắt buộc
16.2	- Hệ thống phải triển khai theo mô hình tập trung và hoạt động hoàn toàn trên nền tảng TCP/IP, đảm bảo vận hành ổn định trên mọi môi trường mạng (Internet hoặc intranet). - Hệ thống phải sử dụng các giao thức truyền thông TCP/IP, trong đó: + Truyền dữ liệu giữa máy chủ Web và máy chủ CSDL qua TCP/IP. + Máy trạm truy cập hệ thống qua HTTP/HTTPS. - Toàn bộ chức năng phải hỗ trợ truy cập qua HTTPS để đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu trong quá trình truyền.	Yêu cầu bắt buộc
17. Yêu cầu đối với quản lý CSDL công chứng		
17.1	Yêu cầu về nguyên tắc xây dựng mô hình dữ liệu CSDL công chứng được xây dựng theo mô hình lưu trữ tập trung, bảo đảm an toàn, toàn vẹn, khả năng mở rộng và hỗ trợ tích hợp – khai thác dữ liệu hiệu quả giữa Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Tổ chức hành nghề công chứng và các Bộ, ngành, đơn vị liên quan, bao gồm: - Tập trung và đồng bộ: Dữ liệu phải được lưu trữ tập trung tại Trung ương. Hệ thống bảo đảm đồng bộ dữ liệu hai chiều giữa Trung ương và địa phương. - Toàn vẹn và thống nhất: Dữ liệu phải được lưu trữ, cập nhật theo cấu trúc thống nhất. Tuân thủ danh mục chỉ tiêu dữ liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền.	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- An toàn, bảo mật: Việc lưu trữ phải đảm bảo các yêu cầu về phân quyền truy cập, sao lưu, mã hóa, kiểm soát truy vết, và phục hồi dữ liệu khi có sự cố - Khả năng mở rộng: Mô hình dữ liệu phải hỗ trợ mở rộng về dung lượng, băng dữ liệu, phân hệ nghiệp vụ mới mà không làm gián đoạn hoạt động hệ thống.	
17.2	Hệ thống áp dụng mô hình kiến trúc đa CSDL nghiệp vụ bao gồm: - CSDL thành phần tham gia giao dịch công chứng - CSDL tài sản công chứng - CSDL thông tin ngăn chặn, cảnh báo - CSDL giao dịch công chứng - CSDL báo cáo - CSDL tài liệu	Yêu cầu bắt buộc
17.3	Yêu cầu về tích hợp và đồng bộ dữ liệu - Hệ thống phải tích hợp dữ liệu của hệ thống nền tảng công chứng điện tử, CSDL tổng hợp quốc gia, CSDL QG về dân cư. - Dữ liệu phải được cập nhật đầy đủ – thống nhất – kịp thời, theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực (near real-time).	Yêu cầu bắt buộc
17.4	Hệ thống phải quản lý tối thiểu các nhóm thông tin dữ liệu sau: - Dữ liệu phục vụ các yêu cầu nghiệp vụ, theo quy định tại Mục 2.3 – Yêu cầu về dịch vụ cấu hình nghiệp vụ.	Yêu cầu bắt buộc
17.5	Yêu cầu về chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu:	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Dữ liệu trước khi lưu vào cơ sở dữ liệu phải được kiểm tra và làm sạch, bao gồm loại bỏ ký tự lỗi, xử lý dữ liệu thiếu, sai định dạng hoặc lỗi chính tả. - Hệ thống phải phát hiện và xử lý dữ liệu trùng lặp, sai lệch hoặc không hợp lệ trước khi cập nhật vào CSDL. - Các trường dữ liệu phải được chuẩn hóa về cấu trúc, định dạng và quy tắc mã hóa theo chuẩn thống nhất. - Dữ liệu liên quan đến CSDL công chứng phải tuân thủ bộ mã và tiêu chuẩn dữ liệu ban hành kèm theo Quyết định 3727/QĐ-BTP ngày 29/12/2025 của Bộ Tư pháp.	
17.6	Quản lý metadata trong CSDL công chứng tổng hợp Mỗi bản ghi khi đưa vào kho tích hợp phải kèm metadata về: nguồn dữ liệu, thời điểm thu thập, trạng thái xác thực, lịch sử cập nhật. Đây là căn cứ phục vụ kiểm toán dữ liệu và hỗ trợ hoạt động công chứng.	Yêu cầu bắt buộc
17.7	Quản lý metadata và log dữ liệu: Quản lý đầy đủ metadata, bao gồm cấu trúc dữ liệu, nguồn gốc, phiên bản và lịch sử cập nhật. Ghi log toàn bộ quá trình đồng bộ và tích hợp dữ liệu để phục vụ giám sát, kiểm soát chất lượng và truy vết.	Yêu cầu bắt buộc
17.8	Cơ chế mã định danh thống nhất Hệ thống áp dụng Unique Identifier (UID) cho các thực thể dữ liệu chính trên toàn hệ thống. Khi tích hợp, mỗi bản ghi phải gắn UID để đối soát, loại bỏ trùng lặp và bảo đảm mỗi đối tượng chỉ tồn tại một bản ghi duy nhất trong CSDL tích hợp.	Yêu cầu bắt buộc
17.9	Yêu cầu về quản lý dữ liệu phi cấu trúc	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Hệ thống phải hỗ trợ quản lý, liên kết và khai thác dữ liệu phi cấu trúc phát sinh trong hoạt động công chứng bao gồm nhưng không giới hạn: hồ sơ điện tử, văn bản, tài liệu số hóa, file đính kèm và các tài liệu nghiệp vụ liên quan. - Dữ liệu phi cấu trúc không lưu trực tiếp trong các bảng cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, mà được lưu trữ tại hệ thống lưu trữ số/kho tài liệu điện tử phù hợp; cơ sở dữ liệu công chứng chỉ lưu trữ metadata và thông tin tham chiếu để liên kết với dữ liệu có cấu trúc. - Mỗi đối tượng dữ liệu phi cấu trúc phải được gắn metadata tối thiểu gồm: mã định danh thống nhất (UID), loại tài liệu, nguồn phát sinh, thời điểm tạo/lưu trữ, phân hệ nghiệp vụ liên quan và trạng thái xác thực. - Hệ thống phải bảo đảm phân quyền truy cập, kiểm soát, ghi log, sao lưu và phục hồi dữ liệu phi cấu trúc, đáp ứng yêu cầu an toàn, bảo mật và phục vụ khai thác thống nhất của Cục Bỏ trợ tư pháp, Sở Tư pháp, Tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, đơn vị có liên quan.	
17.10	Các yêu cầu liên quan khác - Các bảng dữ liệu được thiết kế với các liên kết và ràng buộc đảm bảo tính toàn vẹn của dữ liệu. - Đối với dữ liệu có cấu trúc, dữ liệu được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu và chia sẻ dưới dạng dịch vụ web (web service) để bảo đảm khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin với các hệ thống khác. - Người sử dụng trong ứng dụng không được phép truy cập CSDL bằng các cách khác ngoài thao tác trên phần mềm;	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Có cơ chế cho phép tự động sao lưu dữ liệu theo lịch trình đặt (theo ngày, tuần, tháng...) sẵn hoặc tùy chọn thời điểm sao lưu; cho phép phục hồi lại dữ liệu để đảm bảo an toàn dữ liệu; - Có đầy đủ các cơ chế sao lưu dự phòng - khôi phục hệ thống CSDL	
18.	Yêu cầu về an toàn thông tin:	
	Yêu cầu bảo mật mức Web Server: Hệ thống Web Server phải đáp ứng các yêu cầu bảo mật nhằm đảm bảo an toàn cho các dịch vụ và tài nguyên cung cấp cho người dùng: - Kiểm soát quyền truy cập Web (Web Access Control): Web Server phải hỗ trợ cơ chế phân quyền đối với các thư mục, tài nguyên hoặc dịch vụ Web; Chỉ người dùng hoặc tiến trình được cấp quyền mới được phép truy cập vào vùng tài nguyên tương ứng. - Hạn chế truy cập theo địa chỉ IP và tên miền (IP/Domain Restrictions): Cho phép thiết lập danh sách cho phép (Allow) và từ chối (Deny) dựa trên địa chỉ IP, dải IP hoặc tên miền. Chỉ cho phép các IP tin cậy truy cập vào các đường dẫn quản trị (admin, quản trị cấu hình, API nội bộ). Yêu cầu bảo mật mức Database: Hệ thống cơ sở dữ liệu phải đáp ứng các yêu cầu bảo mật sau: - Ngăn chặn truy cập trái phép: Tất cả người dùng truy cập CSDL phải được xác thực hợp lệ. Không cho phép truy cập trực tiếp bằng tài khoản hệ thống hoặc tài khoản mặc định chưa cấu hình bảo mật.	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Kiểm soát quyền và tài nguyên hệ thống: Mỗi tài khoản chỉ được phép thực hiện đúng vai trò, không sở hữu quyền rộng hơn mức cần thiết (nguyên tắc tối thiểu – Least Privilege). - Theo dõi và quản lý nhật ký hành động người dùng: Ghi nhật ký toàn bộ hành động quan trọng: truy cập, thay đổi dữ liệu, cấu hình, đăng nhập và lỗi xác thực. Nhật ký phải được lưu trữ an toàn, chống sửa đổi. - Cơ chế bảo mật của Database Server được chia làm hai loại: System security (các quy định trong việc quản lý truy cập và thực hiện các thao tác mức hệ thống) và data security. Một số mức bảo mật trong Database Server cần được hỗ trợ: + Chứng thực (Authentication); + Hồ sơ (Profiles); + Quyền (Privileges); + Nhóm quyền (Roles); + Các đặc tính sẵn sàng của CSDL (Database Availability Features); + Mã hóa dữ liệu (Database Encryption); + Truy vết (Auditing); + Bảo vệ toàn vẹn dữ liệu (Protecting Data Integrity) Yêu cầu Bảo mật mức ứng dụng: - CSDL Công chứng phải có module Quản trị hệ thống được thiết kế riêng biệt để quản trị viên sử dụng trong việc thêm, sửa, xóa người dùng và phân quyền truy cập. - Người dùng được gán quyền theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ được sử dụng các chức năng phù hợp cũng như truy cập vào các vùng dữ liệu tương ứng.	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Việc phân quyền đảm bảo mỗi người dùng chỉ truy cập và khai thác dữ liệu trong phạm vi cho phép. Yêu cầu an toàn thông tin: Hệ thống phải đảm bảo an toàn thông tin tối thiểu cấp độ 3, tuân thủ các quy định hiện hành, bao gồm: Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP; đồng thời tuân thủ yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ theo Quyết định 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông tương ứng cấp độ 3.	
19.	Yêu cầu về an toàn ứng dụng và mã nguồn	
	Hệ thống phải có cơ chế bảo vệ ứng dụng trước các dạng tấn công phổ biến, bao gồm nhưng không giới hạn: SQL Injection, OS command injection, RFI, LFI, Xpath injection, XSS, CSRF.	Yêu cầu bắt buộc
20.	Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, tốc độ phức tạp xử lý của các ứng dụng nghiệp vụ:	
	- Hệ thống phải bảo đảm thời gian phản hồi trung bình dưới 2,5 giây đối với từng luồng công việc chính, không bao gồm các tác vụ thống kê và báo cáo. Thời gian phản hồi được tính từ lúc người sử dụng gửi yêu cầu đến khi nhận được dữ liệu phản hồi. - Hệ thống phải hỗ trợ tối thiểu 10.000 người dùng, trong đó cao điểm 3.000 người dùng truy cập đồng thời, bảo đảm hoạt	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	động ổn định, không gây gián đoạn trong quá trình sử dụng của người dùng. - Hệ thống phải hỗ trợ số người sử dụng hoạt động đồng thời tối thiểu bằng 1/6 số lượng truy cập đồng thời, trong đó “người dùng hoạt động đồng thời” được hiểu là những người thực hiện các tác vụ khác nhau, phát sinh yêu cầu tới hệ thống với mức độ sử dụng tương đương người dùng thành thạo. - Hệ thống phải có cơ chế cảnh báo người dùng khi giao dịch có độ trễ vượt quá ngưỡng quy định, thông qua các thông báo trực quan (ví dụ: thông báo hiển thị trên màn hình, biểu tượng tải, hoặc thông báo lỗi)	
21.	Yêu cầu về tính sẵn sàng với Ipv6	
	+ CSDL Công chứng phải được thiết kế sẵn sàng hỗ trợ IPv6, hoạt động tương thích với hệ thống máy chủ tên miền (DNS). + Việc cấu hình địa chỉ IP cho máy chủ và máy trạm phải được thực hiện thông qua file cấu hình hoặc hệ thống quản lý địa chỉ mạng tập trung (IP Address Management – IPAM). + Khi chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6, việc cập nhật địa chỉ mạng chỉ yêu cầu điều chỉnh thông số tại file cấu hình, không được làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến mã nguồn ứng dụng. - Yêu cầu đối với hạ tầng tích hợp IPv6: Việc chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6 chủ yếu tác động đến hạ tầng phần cứng, thiết bị mạng và hệ thống truyền dẫn. Hệ thống phải hỗ trợ hoặc tương thích với ba cơ chế chuyển đổi chính:	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+Dual-stack: Dual-stack là cơ chế có khả năng thực thi đồng thời cả hai giao thức IPV4 và IPV6. Thiết bị này cho phép cả hai giao thức cùng hoạt động trên một máy chủ. Theo đó dual stack sẽ cho phép hệ điều hành tự lựa chọn giao thức liên lạc phù hợp nhất. - NAT-PT: NAT-PT còn được gọi là công nghệ biên dịch. Đây là công nghệ giúp cho thiết bị chỉ hỗ trợ IPV6 có thể kết nối với một thiết bị chỉ hỗ trợ IPV4. NAT-PT thực hiện chức năng của mình thông qua cơ chế biên dịch địa chỉ và dạng thức của mỗi đầu gói tin. - 6to4: 6to4 hay công nghệ đường hầm tự động là phương pháp sử dụng kết cấu hạ tầng của mạng IPV4 để kết nối với cấu trúc địa chỉ IPV6. Cơ chế này hoạt động bằng cách tận dụng tối đa thiết bị mạng sở hữu khả năng hoạt động dual-stack tại điểm đầu và điểm cuối.	
22.	Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình:	
	- Hệ thống sẽ cho phép lưu trữ tất cả dữ liệu theo định dạng Unicode, chấp nhận tất cả các ký tự tiếng Việt có dấu. - Giao diện màn hình, các thông báo lỗi và trợ giúp là ngôn ngữ tiếng Việt theo chuẩn TCVN 6909:2001 dựa trên bảng mã Unicode dựng sẵn (ISO 10646), với trợ giúp của các bộ gõ Unikey, Vietkey. - Toàn bộ văn bản và báo cáo in ra từ hệ thống phải tuân thủ tiêu chuẩn định dạng quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư.	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Giao diện chương trình dùng các Font chuẩn của hệ thống. Người dùng không phải cài thêm bất cứ font chữ nào. - Trong các màn hình nhập số liệu, các trường bắt buộc phải nhập phải có hình thức nhắc nhở cho người sử dụng. - Giao diện của nền tảng và tất cả các ứng dụng, phân hệ thành phần phải bảo đảm tính thống nhất về màu sắc, bố cục, kiểu chữ, biểu tượng, phong cách thiết kế. Đặc biệt phải bảo đảm sự nhất quán tại các khu vực giao diện chung như Đầu trang (Header) và Chân trang (Footer).	
23.	Yêu cầu về mức độ chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình, lỗi lo-gic trong xử lý dữ liệu, lỗi kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu đầu vào	
	Nguyên tắc nhập liệu - Các trường nhập liệu trên giao diện phải được kiểm tra tính hợp lệ theo thời gian thực (real-time validation). - Khi người dùng nhập dữ liệu không hợp lệ hoặc sai định dạng, hệ thống phải: + Hiện thị thông báo lỗi rõ ràng, dễ hiểu; hoặc + Không cho phép tiếp tục nhập/lưu cho đến khi dữ liệu được sửa đúng. - Hiện thị rõ các trường bắt buộc và các trường tùy chọn - Trường nhập liệu phải có định dạng phù hợp với loại dữ liệu (ví dụ: ngày tháng, số...). - Thứ tự các trường nhập tuân theo logic nghiệp vụ; - Các trường có dữ liệu cố định (danh mục, ngày, danh sách...) phải hỗ trợ lựa chọn từ danh sách (dropdown, date picker...) để tránh nhập sai.	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	Kiểm tra ràng buộc trước khi ghi dữ liệu - Trước khi dữ liệu được ghi vào cơ sở dữ liệu, hệ thống phải thực hiện kiểm tra ràng buộc logic, bao gồm: + Kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các trường bắt buộc. + Kiểm tra cấu trúc, định dạng và mối quan hệ logic giữa các trường dữ liệu. - Nếu phát hiện lỗi, hệ thống phải từ chối thao tác ghi dữ liệu và cung cấp thông báo lỗi ngay lập tức để người dùng biết và điều chỉnh. - Lỗi trong một phiên làm việc của người dùng không được ảnh hưởng đến phiên làm việc của người dùng khác trên hệ thống.	
24	Yêu cầu liên quan khác đối với CSDL Công chứng	
	CSDL CC có khả năng cho phép người dùng cuối tự thay đổi, tùy biến tính năng, quy trình, báo cáo... theo nhu cầu sử dụng thông qua giao diện người dùng (self- service). Tính năng này giúp các cơ quan, địa phương có thể cấu hình, tùy biến phù hợp với nhu cầu đặc thù của các cơ quan mà không phải lập trình lại hoặc sửa đổi để phù hợp với yêu cầu riêng của các cơ quan.	Yêu cầu bắt buộc
	Có khả năng cho phép phát triển tính năng mới, thay đổi tính năng mà không cần lập trình hoặc yêu cầu lập trình tối thiểu, cụ thể: Hệ thống cung cấp các phân hệ cho phép cấu hình động giúp người dùng định nghĩa và tùy biến các đối tượng dữ liệu, biểu mẫu nhập liệu và quy trình xử lý thông qua giao diện đồ	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	hoạ mà không yêu cầu can thiệp vào mã nguồn hay khởi động lại hệ thống.	
	Tích hợp chữ ký số tại các bước theo quy định của mỗi nghiệp vụ bảo đảm giao dịch điện tử trên môi trường mạng.	Yêu cầu bắt buộc
	Có khả năng cung cấp dịch vụ ngay cho đơn vị mới, người dùng mới; phân cấp quản trị cho địa phương, nhóm người dùng, cụ thể: Hệ thống hỗ trợ cơ chế quản trị theo các cấp và khởi tạo tài nguyên tự động. Cho phép quản trị viên cấp cao nhất khởi tạo không gian làm việc cho đơn vị mới và uỷ quyền quản trị cho đơn vị đó tự quản lý người dùng và dữ liệu nội bộ	Yêu cầu bắt buộc
	Kết nối với nền tảng trung gian phục vụ kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng số khác (Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia, Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia...).	Yêu cầu bắt buộc
	Cung cấp bộ SDK (Software Development Kit) và API để cho phép các địa phương phát triển các ứng dụng tương tác mở rộng chức năng của nền tảng. Trường hợp các địa phương có các hệ thống khác có thể kết nối, tương tác với qua API để thực hiện các hoạt động tương tự như trên giao diện của nền tảng. Các địa phương cũng có thể xây dựng các ứng dụng riêng theo đặc thù của mình mở rộng từ tảng được triển khai từ Trung ương.	Yêu cầu bắt buộc
	Kiến trúc CSDLCC phải tuân thủ mô hình Đa tổ chức (Multi-tenancy), đảm bảo khả năng phục vụ nhiều tổ chức trên cùng một hạ tầng ứng dụng và cơ sở dữ liệu vật lý, nhưng đảm bảo cô lập dữ liệu tuyệt đối ở mức logic.	Yêu cầu bắt buộc

2.2.2.3. Yêu cầu chi tiết đối với Phần mềm chuyển đổi cơ sở dữ liệu công chứng

2.2.2.3.1. Yêu cầu chức năng

TT	Yêu cầu chức năng
A	Chức năng chung
A1	Dashboard thông tin tổng hợp
A2	Chức năng chung của người dùng
B	Chuyển đổi dữ liệu giao dịch đã công chứng
B1	Nhận dữ liệu giao dịch từ các hệ thống CSDL công chứng địa phương qua API
B2	Import dữ liệu giao dịch
B3	Nhập thủ công dữ liệu giao dịch
B4	Nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử qua API
B5	Import dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
B6	Nhập thủ công dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử
B7	Rà soát dữ liệu trước khi chuyển đổi
B8	Thực hiện chuyển đổi dữ liệu vào CSDL CC
B9	Thống kê số liệu giao dịch công chứng và hồ sơ lưu trữ điện tử
C	Chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử
C1	Nhận dữ liệu VB CCĐT từ các hệ thống CSDL công chứng địa phương qua API
C2	Import dữ liệu văn bản công chứng điện tử
C3	Nhập thủ công dữ liệu VB CCĐT
C4	Rà soát dữ liệu trước khi chuyển đổi
C5	Thực hiện chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử
C6	Thống kê số liệu văn bản công chứng điện tử
D	Chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng
D1	Nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro từ các hệ thống CSDL công chứng địa phương qua API
D2	Import dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro
D3	Nhập thủ công dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro
D4	Rà soát dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro trước khi chuyển đổi
D5	Chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro
D6	Thống kê số liệu chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro
E	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu
F	Quản trị hệ thống dùng chung (Đồng bộ danh mục, tính năng từ phân hệ Dùng chung)
F1	Đồng bộ danh mục dùng chung

2.2.2.3.2. Yêu cầu phi chức năng

STT	Mô tả	Yêu cầu
I. Yêu cầu kỹ thuật		
1. Yêu cầu về giao diện hệ thống		
1.1	Hệ thống hỗ trợ các thư viện thành phần giao diện phong phú, tối thiểu có gồm các mục sau: Nhóm thành phần nhập liệu cơ bản - Input text (Trường nhập văn bản): Một ô để người dùng nhập một dòng văn bản ngắn, ví dụ như họ tên, tiêu đề. - Multiline text (Trường nhập văn bản nhiều dòng): Một vùng văn bản lớn hơn cho phép người dùng nhập nhiều dòng, ví dụ như mô tả, bình luận. - Number (Trường nhập số): Một ô chỉ cho phép nhập các ký tự số. - Password (Trường nhập mật khẩu): Một ô nhập văn bản trong đó các ký tự được che đi (thường bằng dấu hoa thị hoặc chấm tròn) để bảo mật. - Email (Trường nhập email): Một ô được định dạng sẵn để nhập địa chỉ email, thường có kiểm tra tính hợp lệ của định dạng. - Phone number (Trường nhập số điện thoại): Một ô dành riêng cho việc nhập số điện thoại. - Radio button (Nút chọn đơn): Cho phép người dùng chọn một tùy chọn duy nhất từ một danh sách các lựa chọn. - Checkbox (Hộp kiểm): Cho phép người dùng chọn một hoặc nhiều tùy chọn từ một danh sách. - Dropdown (Danh sách thả xuống): Một danh sách các tùy chọn sẽ hiện ra khi người dùng nhấp vào; người dùng có thể chọn một mục từ danh sách đó.	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Date Picker (Bộ chọn ngày): Một giao diện lịch bật ra để người dùng dễ dàng chọn một ngày cụ thể. Nhóm thành phần nhập liệu nâng cao - Table view (Bảng hiển thị): Dùng để hiển thị dữ liệu có cấu trúc dưới dạng hàng và cột, chỉ để xem. - Table input (Bảng nhập liệu): Một bảng cho phép người dùng không chỉ xem mà còn nhập và chỉnh sửa dữ liệu trực tiếp trong các ô. - Upload file (Tải lên tệp): Một nút hoặc khu vực cho phép người dùng chọn và tải lên một tệp bất kỳ từ máy tính của họ. - Upload image (Tải lên hình ảnh): Tương tự như tải tệp nhưng thường được tối ưu hóa hoặc giới hạn chỉ cho các định dạng tệp hình ảnh (ví dụ: JPG, PNG). - Hyperlink (Siêu liên kết): Một đường dẫn có thể nhấp vào để điều hướng người dùng đến một trang web hoặc một vị trí khác. - Form (Biểu mẫu): Một vùng chứa tập hợp nhiều trường nhập liệu khác nhau (như các mục ở trên) để thu thập thông tin từ người dùng. - Signature (Chữ ký): Một trường đặc biệt cho phép người dùng vẽ hoặc nhập chữ ký điện tử của họ. Nhóm bố cục - Row (Hàng): Dùng để sắp xếp các thành phần con nằm cạnh nhau theo chiều ngang. - Column (Cột): Dùng để sắp xếp các thành phần con chồng lên nhau theo chiều dọc.	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Step (Bước/Quy trình theo bước): Thường được gọi là "Stepper", dùng để hiển thị tiến trình của người dùng qua một chuỗi các bước logic, chẳng hạn như trong quy trình đăng ký hoặc thanh toán. - Tab (Thẻ): Cho phép người dùng chuyển đổi giữa các chế độ xem hoặc các nhóm nội dung khác nhau trong cùng một không gian. - Splitter (Thanh chia/Bộ chia): Là một thanh điều khiển cho phép người dùng kéo để thay đổi kích thước của hai hoặc nhiều khu vực/ngăn giao diện liền kề. - Divider (Đường kẻ phân cách): Là một đường kẻ mỏng được sử dụng để phân tách các nội dung hoặc nhóm các phần tử một cách trực quan.	
1.2	Hệ thống được thiết kế theo nguyên tắc giao diện đáp ứng (responsive design), cho phép tự động điều chỉnh bố cục và cách hiển thị phù hợp với từng loại thiết bị và kích thước màn hình khác nhau (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động) mà không cần tạo nhiều phiên bản riêng biệt.	Yêu cầu bắt buộc
1.3	Hỗ trợ tạo các chủ đề (themes) và kiểu dáng (styling) tùy chỉnh trên bàn làm việc để phù hợp với nhận diện thương hiệu của hoạt động công chứng. Các tùy chỉnh bao gồm: thay đổi bố cục, kích thước, màu sắc, bộ lọc của các widget.	Yêu cầu bắt buộc
2. Yêu cầu khả năng sẵn sàng của hệ thống		
2.1	Hệ thống cần được thiết kế đáp ứng: -Concurrent users: Hỗ trợ tối thiểu 5.000 người dùng, trong đó cao điểm 500 người dùng đồng thời; -Response time: Thời gian phản hồi < 3s cho 99% requests;	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
2.2	Kiến trúc của hệ thống phải được thiết kế để đảm bảo loại bỏ các điểm lỗi đơn lẻ (Single Point of Failure – SPOF). Hệ thống cần thiết kế áp dụng nguyên tắc dự phòng (Redundancy) và tự động chuyển đổi dự phòng (Automatic Failover) trên toàn bộ các lớp kiến trúc — từ hạ tầng mạng, máy chủ ứng dụng đến cơ sở dữ liệu. Tối thiểu, các thành phần sau cần được thiết kế đảm bảo tính sẵn sàng cao (High Availability – HA): - Bộ cân bằng tải (Load Balancer): Đảm bảo chia tải đến nhiều máy chủ phía bên trong hệ thống. Tự động chuyển các yêu cầu đến máy chủ dịch vụ trong hệ thống - API Gateway: Đảm bảo kiểm soát đầu vào của toàn bộ dịch vụ bên trong hệ thống. Tự động phát hiện các dịch vụ bị ngưng và chuyển sang dịch vụ hoạt động. - Máy chủ ứng dụng (Application Server): Ứng dụng được triển khai trên cụm gồm tối thiểu hai (02) máy chủ. Toàn bộ các máy chủ này được đặt sau bộ cân bằng tải. Các phiên làm việc (user sessions) được lưu trữ tập trung tại một kho dữ liệu phiên độc lập (như Redis hoặc Memcached) để bảo đảm người dùng không bị mất trạng thái hoặc đăng xuất khi một máy chủ gặp sự cố. - Máy chủ cơ sở dữ liệu (Database Server): Sử dụng cụm CSDL gồm ít nhất hai (02) máy chủ: một máy chủ chính (Primary/Master) và một máy chủ phụ (Secondary/Slave). Hệ thống phải được cấu hình nhân bản dữ liệu đồng bộ (Synchronous Replication) hoặc bán đồng bộ (Semi-synchronous Replication) từ máy chủ chính sang máy chủ phụ, bảo đảm dữ liệu trên máy chủ phụ luôn cập nhật gần	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	nhất với máy chủ chính, sẵn sàng tiếp nhận vai trò chính khi xảy ra sự cố.	
2.3	Hệ thống được thiết kế đảm bảo khả năng chuyển đổi dự phòng tự động (Automated Failover): Trong trường hợp một thành phần hệ thống gặp sự cố, phải có cơ chế tự động chuyển đổi sang thành phần dự phòng, cụ thể: - Cụm API Gateway (API Gateway Cluster): Khi một máy chủ API Gateway trong cụm gặp sự cố, bộ cân bằng tải sẽ tự động phát hiện và ngừng chuyển hướng yêu cầu đến máy chủ đó. Các yêu cầu được phân phối cho các máy chủ API Gateway còn hoạt động trong cụm. - Cụm Máy chủ Ứng dụng (Application Server Cluster): Tương tự như API Gateway, khi một máy chủ ứng dụng bị lỗi, bộ cân bằng tải sẽ tự động loại bỏ máy chủ đó khỏi nhóm xử lý. Nhờ cơ chế lưu trữ tập trung các phiên làm việc của người dùng (ví dụ: Redis hoặc Memcached), việc chuyển đổi giữa các máy chủ không làm mất trạng thái đăng nhập hay dữ liệu đang xử lý. - Cụm Cơ sở Dữ liệu (Database Cluster): Là thành phần trọng yếu trong hệ thống. Khi máy chủ cơ sở dữ liệu chính (Primary/Master) gặp sự cố, hệ thống quản trị cụm (ví dụ: Patroni, Pacemaker) sẽ tự động kích hoạt quy trình chuyển đổi dự phòng (failover), bao gồm: + Phát hiện sự cố của máy chủ chính. + "Nâng cấp" (Promote) một máy chủ phụ (Secondary/Slave) có dữ liệu mới nhất lên làm máy chủ chính mới.	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+ Cập nhật lại cấu hình định tuyến trong ứng dụng (thông qua Connection String hoặc DNS) để trở về máy chủ chính mới này.	
2.4	Sử dụng Caching strategy: Triển khai caching đa tầng Database, Application, Proxy, Client. Cụ thể: - Database: Triển khai các công cụ lưu trữ đệm trong bộ nhớ (in-memory cache) như Redis, Memcached, Hazecast - Application: Triển khai việc lưu trữ các nội dung web tĩnh như html page, html template, static asset, data object ngay tại các máy chủ ứng dụng - Proxy: Thực hiện lưu các nội dung tại mạng phân phối nội dung CDN (Content Delivery Network) - Client: Lưu trữ các thông tin ngay tại phía người dùng (trình duyệt/ứng dụng di động)	Yêu cầu bắt buộc
2.5	Khả năng Mở rộng Linh hoạt: + Mở rộng Ngang (Horizontal Scaling): Khả năng thêm máy chủ/phiên bản (instances) mới vào cụm (cluster) để tăng năng lực xử lý khi tải tăng cao. + Mở rộng Dọc (Vertical Scaling): Khả năng tăng cường tài nguyên (CPU, RAM, lưu trữ) cho các máy chủ/phiên bản hiện có.	Yêu cầu bắt buộc
2.6	Kiến trúc Microservices: Các nền tảng có kiến trúc dựa trên microservices. Điều này cho phép các dịch vụ hoặc ứng dụng nghiệp vụ khác nhau của nền tảng có thể được phát triển, triển khai, mở rộng và bảo trì một cách độc lập, tăng cường khả năng phục hồi và linh hoạt của toàn hệ thống.	Yêu cầu bắt buộc
3. Yêu cầu khả năng tích hợp		

STT	Mô tả	Yêu cầu
3.1	Hệ thống phải cung cấp các tính năng tích hợp theo hướng no-code, cho phép người dùng có kiến thức hạn chế về CNTT vẫn có thể thiết lập, cấu hình và quản lý tích hợp giữa các hệ thống thông qua giao diện trực quan. * Connector (Cổng kết nối): - Ánh xạ dữ liệu trực quan (Visual mapping): Cung cấp công cụ đồ họa để người dùng dễ dàng ánh xạ (mapping) và chuyển đổi dữ liệu giữa các hệ thống khác nhau. - Thư viện mẫu tích hợp (Template library): Các dịch vụ tích hợp đã cấu hình có thể lưu lại thành các mẫu (template) tích hợp được dựng sẵn để kết nối nhanh chóng cho các nhu cầu tương tự phát sinh sau. * Workflow Builder (Thiết kế luồng) - Visual flow designer: Thiết kế luồng tích hợp bằng giao diện đồ họa - Xây dựng logic có điều kiện (Conditional Logic): Cho phép người dùng thiết lập các luồng xử lý phức tạp với các cấu trúc điều kiện như rẽ nhánh (If/Then/Else), thông qua giao diện đồ họa, loại bỏ hoàn toàn yêu cầu phải viết mã lệnh. - Kích hoạt luồng theo sự kiện (Event Triggers): Cho phép cấu hình để các luồng tích hợp được tự động khởi chạy khi một sự kiện cụ thể xảy ra, ví dụ: + Sự kiện dữ liệu: Khi có một bản ghi mới được tạo hoặc cập nhật trong cơ sở dữ liệu. + Sự kiện hệ thống: Khi nhận được một yêu cầu API (API call) từ một ứng dụng bên ngoài. + Sự kiện theo lịch: Khi đến một thời điểm được lập lịch sẵn (ví dụ: chạy báo cáo tổng hợp vào cuối ngày).	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Data transformation: Chuyển đổi dữ liệu với các hàm built-in	
3.2	Tích hợp Low-Code/Full-Code: Hệ thống cung cấp các tính năng giúp người dùng có thể lập trình script trên giao diện và chạy runtime trong quá trình hoạt động *Custom Conector (Tuỳ chỉnh cấu hình) - Code snippets: Thư viện mã nguồn mẫu cho các tác vụ phổ biến - Parameter configuration: Cấu hình tham số bằng giao diện - Debug tools: Công cụ debug tích hợp cho phép ghi nhật ký chi tiết (Logging), theo dõi luồng thực thi và giá trị dữ liệu. *Runtime Script (Nạp mã nguồn động) - Hot-reloadable Script: Script có thể load/unload trong runtime - Groovy scripting: Hỗ trợ viết script để xử lý các logic phức tạp - Script lifecycle management: Quản lý vòng đời script bao gồm chỉnh sửa, triển khai (deploy), kích hoạt/vô hiệu hóa (enable/disable) và khôi phục (rollback).	Yêu cầu bắt buộc
3.3	Hỗ trợ RESTful API với các tiêu chuẩn sau: - Documentated APIs: Tất cả các API phải có tài liệu chi tiết, tuân thủ chuẩn Swagger/OpenAPI Specification - Authentication: Hỗ trợ OAuth 2.0, JWT và API keys - Rate limiting: Giới hạn số lượng request để bảo vệ hệ thống	Yêu cầu bắt buộc
3.4	Hỗ trợ các Giao tiếp Bất đồng bộ: Tích hợp với các hệ thống hàng đợi tin nhắn (Kafka)	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
3.5	Đảm bảo khả năng tích hợp với các hệ thống có sẵn của Cục Bỏ trợ tư pháp và có khả năng tích hợp với các hệ thống khác như VNeID, ... và các đơn vị liên quan.	Yêu cầu mở rộng
4. Yêu cầu về tính đa dạng hoá và chuyên môn hoá đáp ứng luồng nghiệp vụ		
4.1	Hệ thống phải cung cấp các công cụ thiết kế trực quan, bao gồm: - Workflow/Process Designer hỗ trợ chuẩn BPMN 2.0 để mô hình hóa và triển khai quy trình nghiệp vụ. - Data Modeler trực quan để mô hình hóa dữ liệu và quan hệ giữa các thực thể.	Yêu cầu bắt buộc
4.2	Quản lý Quy trình Nghiệp vụ (BPM) và Tự động hóa: Hỗ trợ quy trình phức tạp, luồng công việc động và linh hoạt, cho phép giám sát và phân tích quy trình.	Yêu cầu bắt buộc
4.3	Mô hình hóa và Quản lý Dữ liệu linh hoạt: Hệ thống cho phép người dùng chủ động tạo các form dữ liệu tùy chỉnh theo nhu cầu, định nghĩa mối quan hệ giữa các thực thể dữ liệu, và thiết lập các quy tắc xác thực nâng cao. Các quy tắc này có thể bao gồm tính toán, kế thừa và ràng buộc trực tiếp giữa các trường dữ liệu trong form.	Yêu cầu bắt buộc
4.4	Hỗ trợ đầy đủ các biểu mẫu và quy trình đặc thù của Cục Bỏ trợ tư pháp	Yêu cầu bắt buộc
II. Yêu cầu bảo mật		
1. Xác thực - Authentication		
1.1	Việc xác thực phải thực hiện trên máy chủ cho tất cả tính năng/tài nguyên ngoại trừ các tính năng/tài nguyên cung cấp thông tin public	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
1.2	Triển khai cơ chế chống tấn công dò đoán mật khẩu, tài khoản, thông tin xác thực gửi qua POST request: Có cơ chế khoá tài khoản nếu đăng nhập sai quá số lần cho phép	Yêu cầu bắt buộc
1.3	Sử dụng lớp/thư viện tập trung trên máy chủ cho tất cả kiểm soát xác thực	Yêu cầu bắt buộc
1.4	Mã hóa mật khẩu bằng hàm băm PBKDF2, Scrypt, Bcrypt kết hợp với salt (nếu ứng dụng quản lý thông tin đăng nhập)	Yêu cầu bắt buộc
1.5	Nếu việc khôi phục lại mật khẩu qua email, chỉ gửi tới email đã đăng ký từ trước	Yêu cầu bắt buộc
1.6	Có chức năng xác thực người sử dụng khi truy cập, quản trị, hoặc thực hiện các thao tác quan trọng như đổi mật khẩu, cấu hình hệ thống.	Yêu cầu bắt buộc
1.7	Có chức năng cho phép lưu trữ có mã hóa thông tin xác thực hệ thống: Thông tin xác thực được lưu trữ có mã hóa trên Phần mềm sử dụng thuật toán hash từ SHA-256, SHA-512, SHA-3 và các thuật toán tương đương	Yêu cầu bắt buộc
2. Quản lý phiên - Session Management		
2.1	Sử dụng lớp/thư viện tập trung trên máy chủ để tạo ra, kiểm soát, quản lý phiên/token (SessionID)	Yêu cầu bắt buộc
2.2	Mỗi khi xác thực lại (re-authenticate), SessionID/Token phải được tạo mới.	Yêu cầu bắt buộc
2.3	SessionID/Token đặt trên HTTP header và không được lộ ra trên URL, thông báo lỗi, nhật ký	Yêu cầu bắt buộc
2.4	Thiết lập thuộc tính secure và httponly cho cookie chứa SessionID/Token, khi đăng xuất phải hủy SessionID/Token	Yêu cầu bắt buộc
3. Kiểm soát truy cập - Access Control		

STT	Mô tả	Yêu cầu
3.1	Sử dụng một lớp/thư viện tập trung trên máy chủ cho kiểm soát phân quyền	Yêu cầu bắt buộc
3.2	Kiểm soát phân quyền theo nguyên tắc đặc quyền tối thiểu, kiểm soát theo vai trò (RBAC), ma trận phân quyền cần được tài liệu hóa	Yêu cầu bắt buộc
3.3	Thành phần quản trị của ứng dụng phải được tách biệt thành phần dành cho người dùng cuối/ khách hàng và chỉ có thể truy cập từ địa chỉ IP nội bộ.	Yêu cầu bắt buộc
4. Kiểm tra tính hợp lệ dữ liệu đầu vào - Input Validation		
4.1	Dữ liệu nhập từ người dùng, từ bên ngoài (HTTP param: URL, body, HTTP header, CSDL...) phải được kiểm tra tính hợp lệ (cú pháp: loại, độ dài)/sanitize (bind parameter/encoding) trên máy chủ trước khi xử lý	Yêu cầu bắt buộc
4.2	Các loại file khi upload lên cần check kỹ loại file, extention, dung lượng file,... theo yêu cầu của nghiệp vụ	Yêu cầu bắt buộc
5. Mã hóa dữ liệu đầu ra - Output Encoding		
5.1	Sử dụng một lớp/thư viện tập trung trên máy chủ cho mã hóa/chuyển đổi dữ liệu đầu ra trên máy chủ	Yêu cầu bắt buộc
5.2	Tùy theo từng ngữ cảnh, cần chuyển đổi/mã hóa (encode) các dữ liệu trước khi xử lý (Ví dụ: HTML Encoding để tránh lỗi XSS trên giao diện người dùng..)	Yêu cầu bắt buộc
6. Kiểm soát lỗi - Error Handling & Logging		
6.1	Sử dụng thông báo lỗi dạng tùy chỉnh, không chứa thông tin hệ thống, người dùng, thông tin chi tiết lỗi	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
6.2	Đảm bảo dữ liệu được ghi log sẽ không thể thực thi trên phần mềm quản lý nhật ký (tránh các lỗi XSS, Command Injection...)	Yêu cầu bắt buộc
6.3	Không lưu trữ các thông tin nhạy cảm trên log bao gồm: Session ID, Token hoặc mật khẩu.	Yêu cầu bắt buộc
6.4	Ghi log tất cả các trường hợp kiểm tra tính hợp lệ không thành công của dữ liệu đầu vào, xác thực truy cập, lỗi kiểm soát truy cập, kết nối với mã token không hợp lệ hoặc hết hạn, ngoại lệ hệ thống (system exceptions)...	Yêu cầu bắt buộc
7. Bảo vệ dữ liệu - Data Protection		
7.1	Loại bỏ toàn bộ các diễn giải (comments) trên mã nguồn có chứa thông tin hệ thống hoặc các thông tin nhạy cảm khác.	Yêu cầu bắt buộc
7.2	CAPTCHA phải được sử dụng trên các form phản hồi/liên hệ/trang đăng ký để chống dữ liệu spam vào ứng dụng	Yêu cầu bắt buộc
7.3	Sử dụng các truy vấn dạng tham số hóa cho kết nối CSDL (PHP bindParam, Java PreparedStatement, Hibernate createQuery, LINQ...)	Yêu cầu bắt buộc
7.4	Ứng dụng phải sử dụng đặc quyền tối thiểu khi truy cập vào CSDL	Yêu cầu bắt buộc
7.5	Chuỗi kết nối (connection string) và mật khẩu không được lưu dưới dạng rõ (plaintext) trên ứng dụng.	Yêu cầu bắt buộc
7.6	Các dữ liệu nhạy cảm (mật khẩu, PII,...) phải được mã hóa bằng các thuật toán mạnh: AES-256, RSA-2048,...	Yêu cầu bắt buộc
8. Truyền tải dữ liệu - Data Intransit		
8.1	Triển khai HTTPS (TLS 1.3 trở lên) cho kết nối giữa người dùng và ứng dụng, kết nối tích hợp giữa các ứng dụng.	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
8.2	Không chuyển sang giao thức kết nối không an toàn khi kết nối TLS không thành công.	Yêu cầu bắt buộc
8.3	Loại bỏ các tham số chứa thông tin nhạy cảm trong HTTP referer khi kết nối tới các trang bên ngoài.	Yêu cầu bắt buộc
9. Quản lý cấu hình - Configuration Management		
9.1	Đảm bảo các máy chủ, framework và cấu phần hệ thống (plugins, thư viện,...) dùng phiên bản cập nhật mới nhất.	Yêu cầu bắt buộc
9.2	Loại bỏ các thông tin hệ điều hành, máy chủ web và framework của ứng dụng trong HTTP response	Yêu cầu bắt buộc
10. Quản lý tài nguyên - File and Resource		
10.1	Lưu trữ file tải lên trên CDN/DB, chặn quyền thực thi trong thư mục chứa đựng tệp tin được tải lên	Yêu cầu bắt buộc
10.2	Cấu hình một danh sách các tên và loại file được cho phép (whitelist) khi ứng dụng cho phép người dùng truy xuất file trên máy chủ. Từ chối truy cập hoặc sử dụng một file mặc định thay thế khi truy cập file không nằm trong danh sách cho phép	Yêu cầu bắt buộc
10.3	Không sử dụng dữ liệu nhập từ người dùng cho chuyển hướng (HTTP redirect), nếu sử dụng, chỉ cho phép chuyển hướng tới các URL nằm trong danh sách được phép	Yêu cầu bắt buộc
11. Lập trình ứng dụng		
11.1	Phải sử dụng cơ chế khóa hoặc đồng bộ khi có nhiều luồng truy cập và thay đổi giá trị dữ liệu tại cùng một thời điểm để tránh lỗi race condition	Yêu cầu bắt buộc
11.2	Sử dụng các hàm API đã tích hợp sẵn để thực hiện các tác vụ trên hệ điều hành. Không cho phép ứng dụng đưa ra các lệnh	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	trực tiếp đến hệ điều hành, đặc biệt thông qua việc sử dụng ứng dụng để khởi tạo shell.	
11.3	Sử dụng cơ chế băm để xác nhận tính toàn vẹn của mã nguồn biên dịch, các thư viện, các tệp tin thực thi và các tệp tin cấu hình.	Yêu cầu bắt buộc
11.4	Khởi tạo giá trị cho các biến và bộ nhớ khi khai báo hoặc trước khi sử dụng lần đầu.	Yêu cầu bắt buộc
11.5	Rà soát mã nguồn và thư viện của bên thứ ba để xác định nhu cầu sử dụng và xác minh tính năng an toàn để tránh rủi ro	Yêu cầu bắt buộc
11.6	Nếu ứng dụng thực hiện cập nhật tự động, sử dụng cơ chế chữ ký số để đảm bảo tính toàn vẹn, kết nối qua kênh mã hóa	Yêu cầu bắt buộc
13. Chứng nhận đánh giá, kiểm thử An toàn thông tin ứng dụng		
13.1	Cung cấp chứng nhận đánh giá, kiểm thử (Pentest, Secure Code Review) được thực hiện bởi bên độc lập chuyên cung cấp dịch đánh giá/kiểm thử có uy tín trên thị trường hoặc Pentest bởi các Trung tâm, Công ty độc lập. Yêu cầu gửi lại các báo cáo Pentest, Secure code; đảm bảo fix tất cả những lỗ hổng mức Critical, High, trước khi Golive	Yêu cầu bắt buộc
14. Quản trị ANBM, hệ thống và vận hành		
14.1	Có các giải pháp bảo vệ hệ thống để giảm thiểu rủi ro an ninh mạng, bao gồm nhưng không giới hạn: + Firewall + Encryption + SIEM	Yêu cầu bắt buộc
14.2	Có các chức năng quản trị ANBM:	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+ Quản lý rủi ro CNTT + Đảm bảo an toàn thông tin: Gia cố, kiện toàn hệ thống, đánh giá, rà soát,.. + Giám sát an ninh mạng và xử lý sự cố + Vận hành, quản trị hệ thống ANBM	
14.3	Phân tách phân vùng mạng theo vai trò: + Chia các VLAN riêng biệt cho các dịch vụ App, Database, Camera, Parking, Enduser... + Sử dụng firewall để kiểm soát dữ liệu ra/vào giữa mạng phân vùng mạng, các hệ thống, ứng dụng.	Yêu cầu bắt buộc
14.4	Kiểm soát truy cập từ xa: + Sử dụng hệ thống quản trị PAM/JUMP để kiểm soát truy cập từ xa vào hệ thống máy chủ, CSDL, thiết bị mạng, bảo mật. + Chỉ truy cập port quản trị 80,443,22 từ máy chủ JUMP được quy hoạch, không mở trực tiếp cho người dùng + Sử dụng giao thức mã hóa mạnh (HTTPS/SSH) cho dữ liệu trong quá trình truyền tải trong mạng	Yêu cầu bắt buộc
14.5	Triển khai cấu hình hardening theo tiêu chuẩn đã ban hành cho các hệ thống thiết bị mạng, bảo mật, máy chủ	Yêu cầu bắt buộc
14.6	Phân tách môi trường test/dev và production để đảm bảo tài khoản môi trường test/dev không truy cập được vào production và ngược lại	Yêu cầu bắt buộc
14.7	Phân tách vùng mạng, DC-DR: + Không cho phép kết nối từ người dùng trực tiếp vào Database, kết nối của người dùng phải qua App/Web Server để xử lý yêu cầu dữ liệu	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+ App và DB không setup chung trên cùng 1 server + Kiến trúc hệ thống DC - DR nhằm khôi phục hệ thống khi có thảm họa xảy ra	
15. Yêu cầu về tuân thủ pháp lý và chứng chỉ		
15.1	CSDL Công chứng phải tuân thủ đầy đủ các văn bản quy định được nêu tại mục 2.2.2.1., Phần IV. Yêu cầu chung	Yêu cầu bắt buộc
16. Các yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng:		
16.1	Hệ thống được triển khai trên nền tảng hạ tầng đáp ứng tất cả các yêu cầu quy định tại mục 2.2.3. Yêu cầu hạ tầng phục vụ triển khai hệ thống	Yêu cầu bắt buộc
16.2	- Hệ thống phải triển khai theo mô hình tập trung và hoạt động hoàn toàn trên nền tảng TCP/IP, đảm bảo vận hành ổn định trên mọi môi trường mạng (Internet hoặc intranet). - Hệ thống phải sử dụng các giao thức truyền thông TCP/IP, trong đó: + Truyền dữ liệu giữa máy chủ Web và máy chủ CSDL qua TCP/IP. + Máy trạm truy cập hệ thống qua HTTP/HTTPS. - Toàn bộ chức năng phải hỗ trợ truy cập qua HTTPS để đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu trong quá trình truyền.	Yêu cầu bắt buộc
17.	Yêu cầu về an toàn thông tin:	
	Yêu cầu bảo mật mức Web Server: Hệ thống Web Server phải đáp ứng các yêu cầu bảo mật nhằm đảm bảo an toàn cho các dịch vụ và tài nguyên cung cấp cho người dùng: - Kiểm soát quyền truy cập Web (Web Access Control): Web Server phải hỗ trợ cơ chế phân quyền đối với các thư	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	mục, tài nguyên hoặc dịch vụ Web; Chỉ người dùng hoặc tiến trình được cấp quyền mới được phép truy cập vào vùng tài nguyên tương ứng. - Hạn chế truy cập theo địa chỉ IP và tên miền (IP/Domain Restrictions): Cho phép thiết lập danh sách cho phép (Allow) và từ chối (Deny) dựa trên địa chỉ IP, dải IP hoặc tên miền. Chỉ cho phép các IP tin cậy truy cập vào các đường dẫn quản trị (admin, quản trị cấu hình, API nội bộ). Yêu cầu bảo mật mức Database: Hệ thống cơ sở dữ liệu phải đáp ứng các yêu cầu bảo mật sau: - Ngăn chặn truy cập trái phép: Tất cả người dùng truy cập CSDL phải được xác thực hợp lệ. Không cho phép truy cập trực tiếp bằng tài khoản hệ thống hoặc tài khoản mặc định chưa cấu hình bảo mật. - Kiểm soát quyền và tài nguyên hệ thống: Mỗi tài khoản chỉ được phép thực hiện đúng vai trò, không sở hữu quyền rộng hơn mức cần thiết (nguyên tắc tối thiểu – Least Privilege). - Theo dõi và quản lý nhật ký hành động người dùng: Ghi nhật ký toàn bộ hành động quan trọng: truy cập, thay đổi dữ liệu, cấu hình, đăng nhập và lỗi xác thực. Nhật ký phải được lưu trữ an toàn, chống sửa đổi. - Cơ chế bảo mật của Database Server được chia làm hai loại: System security (các quy định trong việc quản lý truy cập và thực hiện các thao tác mức hệ thống) và data security. Một số mức bảo mật trong Database Server cần được hỗ trợ: + Chứng thực (Authentication); + Hồ sơ (Profiles); + Quyền (Privileges);	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+ Nhóm quyền (Roles); + Các đặc tính sẵn sàng của CSDL (Database Availability Features); + Mã hóa dữ liệu (Database Encryption); + Truy vết (Auditing); + Bảo vệ toàn vẹn dữ liệu (Protecting Data Integrity) Yêu cầu Bảo mật mức ứng dụng: - CSDL Công chứng phải có module Quản trị hệ thống được thiết kế riêng biệt để quản trị viên sử dụng trong việc thêm, sửa, xóa người dùng và phân quyền truy cập. - Người dùng được gán quyền theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ được sử dụng các chức năng phù hợp cũng như truy cập vào các vùng dữ liệu tương ứng. - Việc phân quyền đảm bảo mỗi người dùng chỉ truy cập và khai thác dữ liệu trong phạm vi cho phép. Yêu cầu an toàn thông tin: Hệ thống phải đảm bảo an toàn thông tin tối thiểu cấp độ 3, tuân thủ các quy định hiện hành, bao gồm: Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP; đồng thời tuân thủ yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ theo Quyết định 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông tương ứng cấp độ 3.	
18.	Yêu cầu về an toàn ứng dụng và mã nguồn	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	Hệ thống phải có cơ chế bảo vệ ứng dụng trước các dạng tấn công phổ biến, bao gồm nhưng không giới hạn: SQL Injection, OS command injection, RFI, LFI, Xpath injection, XSS, CSRF.	Yêu cầu bắt buộc
19.	Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, tốc độ phức tạp xử lý của các ứng dụng nghiệp vụ:	
	- Hệ thống phải bảo đảm thời gian phản hồi trung bình dưới 2,5 giây đối với từng luồng công việc chính, không bao gồm các tác vụ thống kê và báo cáo. Thời gian phản hồi được tính từ lúc người sử dụng gửi yêu cầu đến khi nhận được dữ liệu phản hồi. - Hệ thống phải hỗ trợ tối thiểu 5.000 người dùng, trong đó cao điểm 500 người dùng truy cập đồng thời, bảo đảm hoạt động ổn định, không gây gián đoạn trong quá trình sử dụng của người dùng. - Hệ thống phải hỗ trợ số người sử dụng hoạt động đồng thời tối thiểu bằng 1/6 số lượng truy cập đồng thời, trong đó “người dùng hoạt động đồng thời” được hiểu là những người thực hiện các tác vụ khác nhau, phát sinh yêu cầu tới hệ thống với mức độ sử dụng tương đương người dùng thành thạo. - Hệ thống phải có cơ chế cảnh báo người dùng khi giao dịch có độ trễ vượt quá ngưỡng quy định, thông qua các thông báo trực quan (ví dụ: thông báo hiển thị trên màn hình, biểu tượng tải, hoặc thông báo lỗi)	Yêu cầu bắt buộc
20.	Yêu cầu về tính sẵn sàng với Ipv6	

STT	Mô tả	Yêu cầu
	+ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng phải được thiết kế sẵn sàng hỗ trợ IPv6, hoạt động tương thích với hệ thống máy chủ tên miền (DNS). + Việc cấu hình địa chỉ IP cho máy chủ và máy trạm phải được thực hiện thông qua file cấu hình hoặc hệ thống quản lý địa chỉ mạng tập trung (IP Address Management – IPAM). + Khi chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6, việc cập nhật địa chỉ mạng chỉ yêu cầu điều chỉnh thông số tại file cấu hình, không được làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến mã nguồn ứng dụng. - Yêu cầu đối với hạ tầng tích hợp IPv6: Việc chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6 chủ yếu tác động đến hạ tầng phần cứng, thiết bị mạng và hệ thống truyền dẫn. Hệ thống phải hỗ trợ hoặc tương thích với ba cơ chế chuyển đổi chính: +Dual-stack: Dual-stack là cơ chế có khả năng thực thi đồng thời cả hai giao thức IPV4 và IPV6. Thiết bị này cho phép cả hai giao thức cùng hoạt động trên một máy chủ. Theo đó dual stack sẽ cho phép hệ điều hành tự lựa chọn giao thức liên lạc phù hợp nhất. - NAT-PT: NAT-PT còn được gọi là công nghệ biên dịch. Đây là công nghệ giúp cho thiết bị chỉ hỗ trợ IPV6 có thể kết nối với một thiết bị chỉ hỗ trợ IPV4. NAT-PT thực hiện chức năng của mình thông qua cơ chế biên dịch địa chỉ và dạng thức của mỗi đầu gói tin. - 6to4: 6to4 hay công nghệ đường hầm tự động là phương pháp sử dụng kết cấu hạ tầng của mạng IPV4 để kết nối với cấu trúc địa chỉ IPV6. Cơ chế này hoạt động bằng cách tận	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	dụng tối đa thiết bị mạng sở hữu khả năng hoạt động dual-stack tại điểm đầu và điểm cuối.	
21.	Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình:	
	- Hệ thống sẽ cho phép lưu trữ tất cả dữ liệu theo định dạng Unicode, chấp nhận tất cả các ký tự tiếng Việt có dấu. - Giao diện màn hình, các thông báo lỗi và trợ giúp là ngôn ngữ tiếng Việt theo chuẩn TCVN 6909:2001 dựa trên bảng mã Unicode dựng sẵn (ISO 10646), với trợ giúp của các bộ gõ Unikey, Vietkey. - Toàn bộ văn bản và báo cáo in ra từ hệ thống phải tuân thủ tiêu chuẩn định dạng quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư. - Giao diện chương trình dùng các Font chuẩn của hệ thống Người dùng không phải cài thêm bất cứ font chữ nào. - Trong các màn hình nhập số liệu, các trường bắt buộc phải nhập phải có hình thức nhắc nhở cho người sử dụng. - Giao diện của nền tảng và tất cả các ứng dụng, phân hệ thành phần phải bảo đảm tính thống nhất về màu sắc, bố cục, kiểu chữ, biểu tượng, phong cách thiết kế. Đặc biệt phải bảo đảm sự nhất quán tại các khu vực giao diện chung như Đầu trang (Header) và Chân trang (Footer).	Yêu cầu bắt buộc
22.	Yêu cầu về mức độ chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình, lỗi lo-gic trong xử lý dữ liệu, lỗi kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu đầu vào	
	Nguyên tắc nhập liệu	Yêu cầu bắt buộc

STT	Mô tả	Yêu cầu
	- Các trường nhập liệu trên giao diện phải được kiểm tra tính hợp lệ theo thời gian thực (real-time validation). - Khi người dùng nhập dữ liệu không hợp lệ hoặc sai định dạng, hệ thống phải: + Hiện thị thông báo lỗi rõ ràng, dễ hiểu; hoặc + Không cho phép tiếp tục nhập/lưu cho đến khi dữ liệu được sửa đúng. - Hiện thị rõ các trường bắt buộc và các trường tùy chọn - Trường nhập liệu phải có định dạng phù hợp với loại dữ liệu (ví dụ: ngày tháng, số...). - Thứ tự các trường nhập tuân theo logic nghiệp vụ; - Các trường có dữ liệu cố định (danh mục, ngày, danh sách...) phải hỗ trợ lựa chọn từ danh sách (dropdown, date picker...) để tránh nhập sai. Kiểm tra ràng buộc trước khi ghi dữ liệu - Trước khi dữ liệu được ghi vào cơ sở dữ liệu, hệ thống phải thực hiện kiểm tra ràng buộc logic, bao gồm: + Kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các trường bắt buộc. + Kiểm tra cấu trúc, định dạng và mối quan hệ logic giữa các trường dữ liệu. - Nếu phát hiện lỗi, hệ thống phải từ chối thao tác ghi dữ liệu và cung cấp thông báo lỗi ngay lập tức để người dùng biết và điều chỉnh. - Lỗi trong một phiên làm việc của người dùng không được ảnh hưởng đến phiên làm việc của người dùng khác trên hệ thống.	

2.2.3. Yêu cầu hạ tầng phục vụ triển khai Cơ sở dữ liệu công chứng

Cơ sở dữ liệu công chứng được triển khai trên hạ tầng điện toán đám mây, bảo đảm khả năng mở rộng linh hoạt theo nhu cầu sử dụng; cho phép gia tăng nhanh năng lực xử lý, tài nguyên tính toán, lưu trữ và băng thông truy cập thông qua việc điều chỉnh cấu hình hoặc bổ sung tài nguyên phần cứng theo nhu cầu thực tế. Kiến trúc triển khai phải hỗ trợ mở rộng theo cả chiều ngang và chiều dọc, đồng thời đảm bảo tính liên tục dịch vụ trong quá trình mở rộng.

Hạ tầng triển khai **Cơ sở dữ liệu công chứng** phải được thiết kế và vận hành bảo đảm **đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin cấp độ 3 trở lên**, theo quy định luật hiện hành.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thiết kế, triển khai và chứng minh giải pháp hạ tầng, mạng và bảo mật đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kỹ thuật tương ứng, đảm bảo tính **an toàn, tin cậy, sẵn sàng và khả năng mở rộng** linh hoạt cho toàn hệ thống, phù hợp với cấp độ an toàn thông tin theo yêu cầu.

2.2.3.1. Yêu cầu đối với hạ tầng hệ thống máy chủ

Hệ thống hạ tầng máy chủ phải được cung cấp, triển khai và vận hành bảo đảm ứng dụng hoạt động liên tục 24/7, không gián đoạn, đồng thời có khả năng khắc phục sự cố kịp thời ngay sau khi tiếp nhận phản ánh từ cơ quan vận hành. Nhà cung cấp dịch vụ phải tổ chức kiểm tra, rà soát tổng thể hệ thống định kỳ hàng quý nhằm phát hiện rủi ro, tối ưu hiệu năng và bảo đảm nền tảng vận hành ổn định, an toàn.

Hạ tầng phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về **an toàn, bảo mật thông tin theo nhiều lớp**, bao gồm: mức mạng, mức xác thực người dùng và mức CSDL; đáp ứng khả năng bảo mật tại mức chứng thực của các máy chủ trong toàn hệ thống

Các giải pháp bảo mật bắt buộc bao gồm nhưng không giới hạn:

- Hệ thống tường lửa và phân vùng mạng an toàn.
- Giải pháp xác thực định danh và kiểm soát truy cập tập trung.

- Giải pháp bảo mật hệ điều hành, hệ thống quản trị dữ liệu và ứng dụng.
- Giải pháp mã hóa dữ liệu trên đường truyền (tối thiểu TLS 1.3 hoặc tương đương).
- Giải pháp phòng, chống tấn công mạng (IPS/IDS, WAF, Anti-DDoS...).
- Giải pháp quản lý và cấp phát quyền theo nguyên tắc tối thiểu (Least Privilege).

Hệ thống phải được thiết kế và vận hành với cơ chế sao lưu – dự phòng dữ liệu định kỳ và đột xuất, bảo đảm khả năng khôi phục nhanh chóng và đưa nền tảng trở lại hoạt động bình thường trong trường hợp xảy ra sự cố. Toàn bộ dữ liệu quản lý phải được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu hoặc thư mục có kiểm soát, được mã hóa và phân quyền chặt chẽ theo quy định về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin.

2.2.3.2. Yêu cầu về hạ tầng mạng và an toàn bảo mật

2.2.3.2.1. Yêu cầu hạ tầng mạng

Hạ tầng mạng phải được **phân chia thành các vùng riêng biệt theo chức năng** để kiểm soát luồng dữ liệu, hạn chế rủi ro tấn công và tăng cường an ninh hệ thống. Cấu trúc mạng tối thiểu gồm:

- **Vùng an ninh công cộng (Public Security Zone):** chứa các thành phần bảo mật tiếp xúc trực tiếp với Internet như Tường lửa Ứng dụng Web (WAF), Tường lửa thế hệ mới (NGFW), Cân bằng tải (Load Balancer), Cổng VPN và các thiết bị bảo vệ biên mạng khác.

- **Vùng ứng dụng (Application Zone):** triển khai các dịch vụ ứng dụng, cụm máy chủ ứng dụng hoặc container (Kubernetes cluster). Vùng này chỉ cho phép truy cập có kiểm soát từ vùng an ninh công cộng hoặc vùng quản trị.

- **Vùng dữ liệu (Data Zone):** chứa các hệ thống cơ sở dữ liệu, bộ đệm (cache), dịch vụ nội bộ có mức bảo mật cao nhất; **không được phép truy cập trực tiếp từ Internet.**

- **Vùng quản trị và giám sát (Management & Security Monitoring Zone):** bao gồm các hệ thống quản trị, giám sát an ninh (SIEM), thu thập và lưu trữ nhật ký, dịch vụ hạ tầng (NTP, DNS, AD, Backup).

Kiến trúc mạng phải đảm bảo **phân tách luồng dữ liệu**, có cơ chế kiểm soát truy cập giữa các vùng và giám sát lưu lượng mạng theo thời gian thực.

2.2.3.2.2. Yêu cầu an toàn bảo mật hệ thống

- * **Mã hóa dữ liệu:**

- Mã hóa dữ liệu khi truyền (Encryption-in-Transit) sử dụng TLS 1.3 trở lên.

- Mã hóa dữ liệu khi lưu trữ (Encryption-at-Rest) đối với toàn bộ dữ liệu nghiệp vụ, dữ liệu cá nhân, hồ sơ, giao dịch, hợp đồng.

- * **Quản lý bí mật (Secrets Management):** Triển khai giải pháp quản lý vòng đời bí mật (mật khẩu, API key, chứng thư số, token truy cập) tập trung, có khả năng kiểm soát, ghi nhật ký và phân quyền.

- * **Bảo vệ khóa mã hóa và chứng thư số:** Các khóa bí mật phục vụ mã hóa, chữ ký số phải được quản lý trong **Module an toàn phần cứng (HSM)** hoặc giải pháp tương đương, đạt chuẩn bảo mật **FIPS 140-2 Level 3** hoặc cao hơn.

- * **Giải pháp an ninh mạng:** triển khai tối thiểu các thành phần

- **Tường lửa thế hệ mới (NGFW):** kiểm soát truy cập và lọc lưu lượng đến/đi giữa các vùng mạng.

- **Tường lửa ứng dụng web (WAF):** bảo vệ ứng dụng khỏi các tấn công phổ biến như SQL Injection, XSS, CSRF.

- **Tường lửa cơ sở dữ liệu (DBFW):** giám sát, phát hiện và ngăn chặn truy vấn bất thường vào cơ sở dữ liệu.

* **Giám sát và ghi nhật ký:** Triển khai hệ thống **giám sát an ninh tập trung (SIEM/NSOC)** để thu thập, phân tích và cảnh báo sớm các sự kiện bất thường. Toàn bộ nhật ký truy cập, thay đổi cấu hình, sự kiện an ninh phải được lưu trữ và bảo vệ theo quy định cấp độ 3.

* **Bảo vệ hạ tầng ảo hóa và đám mây:** đảm bảo phân tách tài nguyên, cô lập vùng triển khai và kiểm soát truy cập ở cấp hypervisor hoặc container.

* **Khả năng khôi phục:** Có giải pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu, kế hoạch dự phòng (DRP) và khôi phục sau thảm họa (BCP) để bảo đảm tính sẵn sàng liên tục của dịch vụ.

2.2.3.2.3. Tuân thủ và chứng nhận

Hệ thống phải tuân thủ đầy đủ **An toàn thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định pháp luật**, đồng thời **khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO/IEC 27001:2022, ISO/IEC 27017:2015, ISO/IEC 27018:2019** về quản lý an toàn thông tin, bảo mật đám mây và dữ liệu cá nhân.

Nhà thầu phải cung cấp **tài liệu, sơ đồ kiến trúc mạng, mô tả giải pháp bảo mật, quy trình quản lý sự cố và phục hồi,...** để chứng minh hệ thống đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật và pháp lý.

2.2.3.3. Yêu cầu về đường truyền

Hạ tầng mạng và đường truyền phục vụ triển khai xây dựng CSDL công chứng phải được nhà cung cấp dịch vụ vận hành theo các yêu cầu sau, đảm bảo phục vụ ổn định cho số lượng lớn người dùng (10000 người dùng) truy cập từ nhiều địa điểm khác nhau:

- **Yêu cầu về băng thông**

+ Băng thông trong nước: tối thiểu 500 Mbps, cam kết băng thông thực (CIR $\geq 90\%$).

+ Băng thông quốc tế: tối thiểu 10 Mbps.

+ Băng thông nội bộ (LAN – DC): tối thiểu 10 Gbps, bảo đảm cho các tác vụ xử lý máy chủ, truyền dữ liệu giữa các dịch vụ và hệ thống lưu trữ.

+ Lưu lượng truyền tải: Không giới hạn (Unlimited Data Transfer).

+ Băng thông dịch vụ phải có khả năng nâng cấp linh hoạt theo nhu cầu sử dụng thực tế của hệ thống. Đơn vị cung cấp dịch vụ phải cam kết bố trí băng thông đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của người sử dụng, không phát sinh thêm chi phí trong toàn bộ thời gian thuê dịch vụ...

- Đảm bảo an ninh và bảo mật dữ liệu

+ Đường truyền phải được mã hóa và bảo vệ trước các nguy cơ: nghe lén, giả mạo, tấn công xen giữa (MITM), tấn công chiếm quyền.

+ Áp dụng các giao thức bảo mật khi truy cập từ xa hoặc truy cập liên hệ giữa các hệ thống (VPN site-to-site, SSL VPN).

+ Cơ chế kiểm soát truy cập mạng, phân quyền và ghi log theo đúng quy định ATTT.

- Hoạt động liên tục, có cơ chế dự phòng

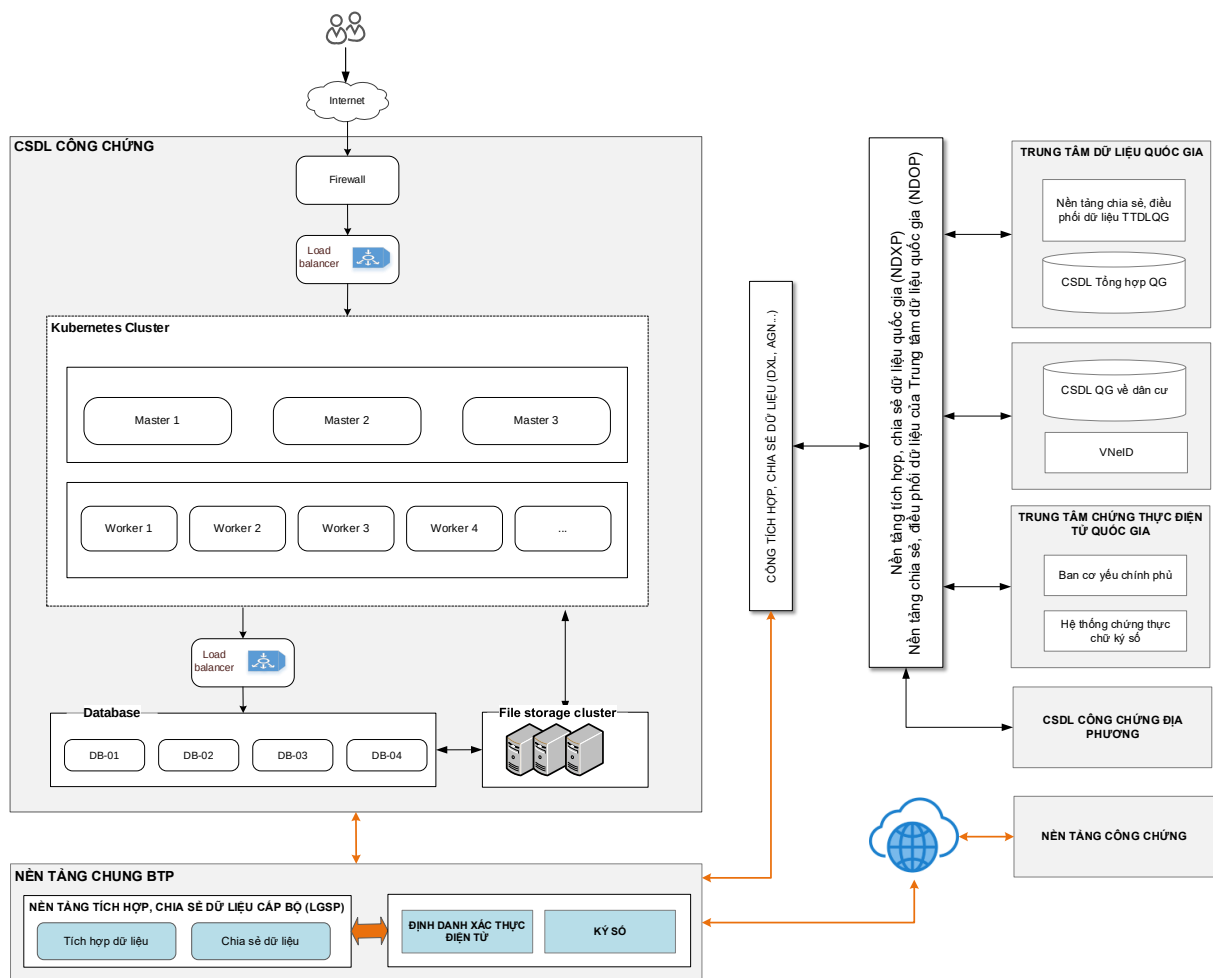
+ Đảm bảo SLA $\geq 99,9\%$ với khả năng vận hành 24/7.

+ Có tối thiểu 02 đường truyền Internet từ 02 nhà cung cấp ISP khác nhau, đảm bảo dự phòng vật lý và logic.

+ Cơ chế chuyển đổi dự phòng (failover) tự động khi một kết nối gặp sự cố.

2.2.3.4. Yêu cầu về hạ tầng tính toán lưu trữ

Hạ tầng, thiết bị của CSDLCC cần đáp ứng các yêu cầu về kiến trúc, bảo mật và tính ổn định của hệ thống, đảm bảo hệ thống đáp ứng năng lực dự phòng và hoạt động ổn định khi xảy ra sự cố.



Hệ thống cần đáp ứng giả thiết:

- Về người dùng và các tham số cơ bản:

Tham số tính sizing	Giá trị	Đơn vị	Ghi chú
Tổng số người sử dụng (NSD) là công chứng viên	5.100	Người	
Đến hết năm 2022, Tổng số công chứng viên	3.220	Người	
Đến hết năm 2023, Tổng số công chứng viên	3.394	Người	
Đến hết năm 2024, Tổng số công chứng viên	3.424	Người	
Đến 11/2025, Tổng số công chứng viên	3.805	Người	
Mức độ tăng trưởng từ 2022-2023	5,4%	%	
Mức độ tăng trưởng từ 2023-2024	0,9%	%	

Tham số tính sizing	Giá trị	Đơn vị	Ghi chú
Mức độ tăng trưởng từ 2024-2025	11,1%	%	
Đề xuất mức độ năng trưởng NSD / năm	5,0%	%	
Số lượng NSD đồng thời vào hệ thống % Số NSD	10%		
Số lượng NSD đồng thời vào hệ thống	510	Người	
Số lượng request ghi nhận vào CSDLCC mỗi ngày	200.000	Requests	
Số lượng request trong giờ cao điểm	30%	Requests	30% số requests trên hệ thống
Hệ số giờ tải cao điểm	3	Giờ	
Thời gian trung bình xử lý mỗi request	2	Giây	
Thời gian upload trung bình/file	10	Giây	
% Overhead DB (index, logs, b-tree) với dữ liệu nghiệp vụ	50%		

Tham số tính sizing	Giá trị	Đơn vị	Ghi chú
% Metadata & Index trong dữ liệu phi cấu trúc	30%		
Ngày làm việc trong 1 năm	260	Ngày	
DỮ LIỆU			
Số lượng giao dịch hiện tại	43.000.000	Bản ghi	
Dung lượng trung bình mỗi bản ghi	20	KB	
Số lượng giao dịch năm 2023	7.216.470	Bản ghi	
Số lượng giao dịch năm 2024	8.417.692	Bản ghi	
Số lượng giao dịch năm 2025	8.992.808	Bản ghi	
Mức độ tăng trưởng từ 2023-2024	117%	%	
Mức độ tăng trưởng từ 2024-2025	107%	%	
Đề xuất mức độ năng trưởng / năm	70%	%	
Dữ liệu phi cấu trúc			
Dung lượng tài liệu hiện tại đang lưu trữ	656.128	GB	
Số trang tài liệu trung bình gắn kèm trên 01 giao dịch	25	Trang	

Tham số tính sizing	Giá trị	Đơn vị	Ghi chú
Dung lượng 01 trang tài liệu là bao nhiêu?	800	KB	
Dung lượng dữ liệu phi cấu trúc gắn kèm trên mỗi giao dịch	19,5	MB	
Dung lượng mỗi file	2.5	MB	
Số file cho mỗi giao dịch	8	File	
Dữ liệu có cấu trúc			
Dung lượng dữ liệu hiện tại của nghiệp vụ đang lưu trữ	820	GB	

-Thông tin người dùng hệ thống

Số lượng người dùng	Hiện tại	Tăng trưởng (%năm)	2026	2027	2028	2029	2030
Người	4.000	5%	4.200	4.410	4.631	4.862	5.105
TỔNG	4.000		4.200	4.410	4.631	4.862	5.105

Đề xuất số lượng người dùng hệ thống là: 5.100

- Dữ liệu phi cấu trúc

Tên Hệ thống/ CSDL	Số lượng dữ liệu (GB)	Tăng trưởng (%năm)	2026	2027	2028	2029	2030
Dữ liệu phi cấu trúc	820.159,91	70%	1.394.271,85	2.370.262,15	4.029.445,65	6.850.057,60	11.645.097,92
% Metadata & Index	246.047,97		418.281,56	711.078,64	1.208.833,69	2.055.017,28	3.493.529,38
TỔNG	1.066.207,89		1.812.553,41	3.081.340,79	5.238.279,34	8.905.074,88	15.138.627,30

Dung lượng đề xuất cho dữ liệu phi cấu trúc là: 15.200.000 GB

- Dữ liệu có cấu trúc

Tên Hệ thống/ CSDL	Số lượng dữ liệu (GB)	Tăng trưởng (%năm)	2026	2027	2028	2029	2030
Dữ liệu có cấu trúc	820,16	70%	1.394,27	2.370,26	4.029,45	6.850,06	11.645,10

Tên Hệ thống/ CSDL	Số lượng dữ liệu (GB)	Tăng trưởng (%/năm)	2026	2027	2028	2029	2030
Overhead DB (index, logs, b- tree)	410,08		697,14	1.185,13	2.014,72	3.425,03	5.822,55
TỔNG	1.230,24		2.091,41	3.555,39	6.044,17	10.275,09	17.467,65

Dung lượng đề xuất cho dữ liệu có cấu trúc là: 18.000 GB

- Bảng đề xuất tài nguyên hạ tầng tóm tắt cho năm đầu tiên. Các năm tiếp theo sẽ được đề xuất bổ sung.

Thành phần	Số node	Số tài nguyên/ Server		
		Số vCPU	RAM (GB)	Storage (GB)
Master Node	3	8	16	200
Worker Node	8	32	128	1.000
Database server	4	32	256	4.000
Object Storage	7	16	64	700
Ingress/LB	2	8	16	200

2.2.3.5. Yêu cầu chung về năng lực và hiệu năng

Hạ tầng phải bảo đảm triển khai CSDLCC phục vụ tối thiểu 5.100 người dùng (dự tính trong 5 năm, đến 2030) với:

- + Độ sẵn sàng (availability) $\geq 99,95\%$
- + Đáp ứng thời gian phản hồi trung bình (average response time) $\leq 2,5$ giây/giao dịch
- + Khả năng mở rộng linh hoạt (auto scaling) về tài nguyên xử lý, bộ nhớ và lưu trữ khi tải hệ thống tăng.
- + Có khả năng tăng gấp đôi tài nguyên xử lý (CPU/RAM), dung lượng lưu trữ và băng thông khi mở rộng quy mô người dùng mà không gián đoạn dịch vụ.

2.2.3.6. Yêu cầu về an toàn thông tin

Hạ tầng triển khai hệ thống phải đáp ứng **cấp độ an toàn hệ thống thông tin từ Cấp độ 3 trở lên**, theo quy định tại **Nghị định số 85/2016/NĐ-CP** của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.

Nhà cung cấp CSDL phải cung cấp **báo cáo, chứng thư hoặc văn bản cam kết** chứng minh rằng hệ thống được triển khai tại **trung tâm dữ liệu đạt tiêu**

chuẩn Tier III hoặc tương đương, phù hợp với tiêu chuẩn **TIA-942** về thiết kế và vận hành trung tâm dữ liệu.

2.2.3.7. Yêu cầu về pháp lý và tuân thủ

Nhà cung cấp Cơ sở dữ liệu phải:

- Cam kết lưu trữ toàn bộ dữ liệu trong lãnh thổ Việt Nam, tuân thủ Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng và các quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu cá nhân.

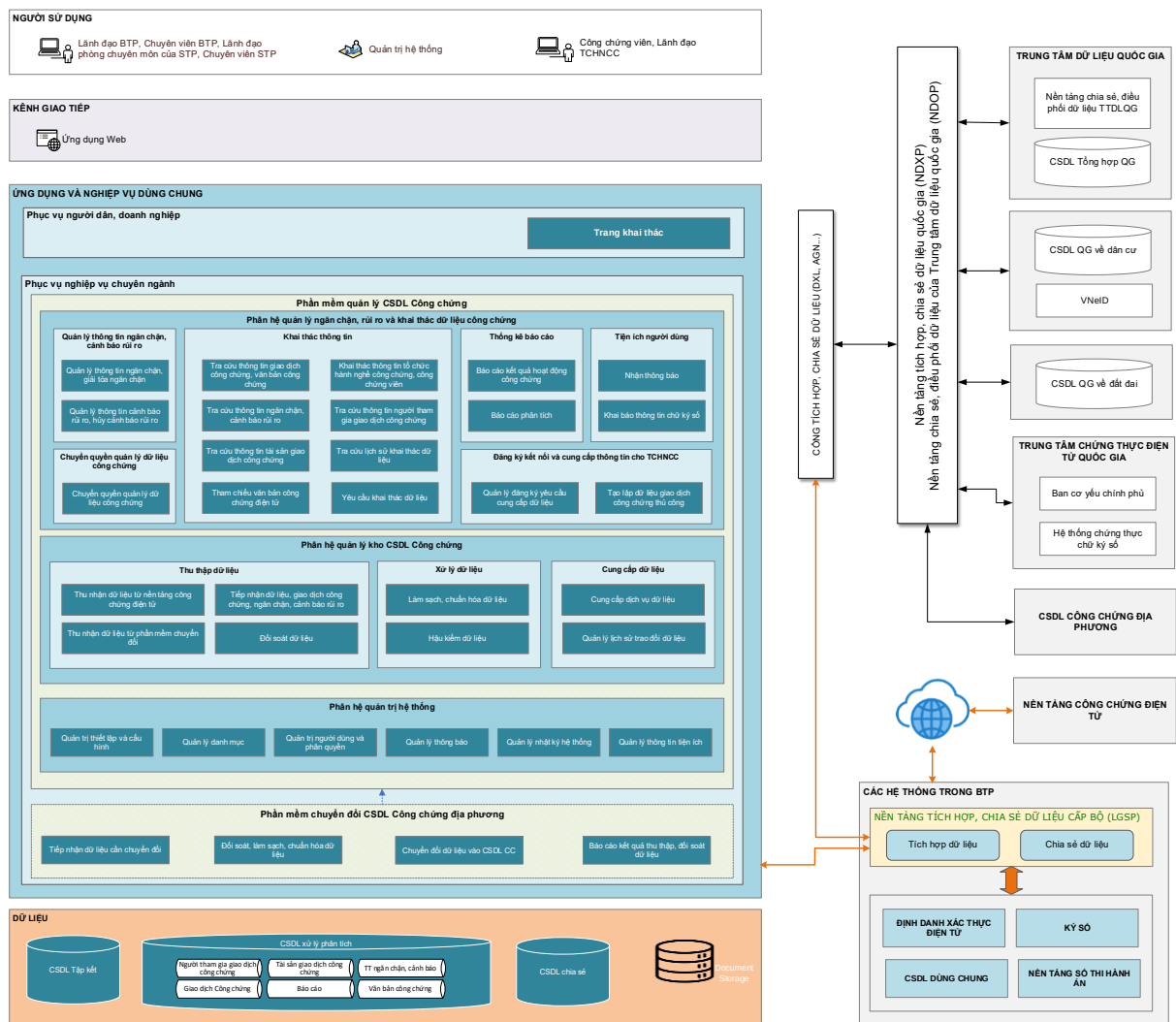
- Có chứng thư/chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin (như ISO/IEC 27001) hoặc kết quả đánh giá, kiểm tra ATTT do tổ chức có chức năng thực hiện.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn:

- + Luật An toàn thông tin mạng
- + Luật An ninh mạng
- + Luật Bảo vệ bí mật nhà nước
- + Thông tư 12/2022/TT-BTTTT
- + Nghị định 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các quy định pháp luật có liên quan.

2.3. Yêu cầu về dịch vụ cấu hình nghiệp vụ

2.3.1. Mô hình ứng dụng



Mô hình ứng dụng nghiệp vụ Cơ sở dữ liệu công chứng

- Lớp người sử dụng

STT	Nhóm đối tượng tham gia	Mô tả
1	Chuyên viên Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp) có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm tra hoạt động công chứng.
2	Quản trị hệ thống	Quản trị, vận hành hệ thống

STT	Nhóm đối tượng tham gia	Mô tả
3	Công chứng viên, Lãnh đạo TCHNCC	Nhân sự làm việc tại các Tổ chức hành nghề công chứng sử dụng hệ thống

- Lớp kênh tương tác và đo lường hiệu quả

NSD vào hệ thống bằng máy tính qua ứng dụng web. Đảm bảo việc tra cứu/tìm kiếm thông tin cũng như thực hiện các yêu cầu về nghiệp vụ (chuyển giao quyền, báo cáo...). Tầng này hỗ trợ:

- + Hiện thị giao diện người dùng
- + Thực hiện các yêu cầu: truy vấn, khai thác, chuyển giao quyền... từ người dùng
- + Bảo mật và xác thực: Áp dụng các biện pháp bảo mật tiên tiến để bảo vệ thông tin người dùng và ngăn chặn truy cập trái phép trong quá trình giao tiếp qua ứng dụng web.
- Lớp ứng dụng và nghiệp vụ dùng chung

CSDLCC của Bộ Tư pháp bao gồm các các module/thành phần sau:

STT	Thành phần	Mô tả
A	Phần mềm quản lý CSDL Công chứng	
I	Phân hệ quản lý ngăn chặn, rủi ro và khai thác dữ liệu công chứng	
1	Quản lý thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro	
1.1	Quản lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn	Cập nhật, lưu trữ dữ liệu, thông tin về tài sản, đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn/giải tỏa ngăn chặn bởi cơ quan có thẩm quyền; phục vụ việc tra cứu, khai thác khi thực hiện công chứng nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho giao dịch công chứng, ngăn ngừa rủi ro, tranh chấp và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực công chứng.

STT	Thành phần	Mô tả
1.2	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro	Cập nhật, lưu trữ dữ liệu, thông tin cảnh báo rủi ro/hủy cảnh báo rủi ro về tài sản, đối tượng bị cảnh báo rủi ro nhằm cung cấp thông tin cảnh báo, giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu quả cho hoạt động công chứng, giúp công chứng viên và các cơ quan liên quan quyết định hoặc không quyết định thực hiện công chứng hợp đồng đối với tài sản không đủ điều kiện, từ đó bảo vệ quyền lợi các bên, tuân thủ pháp luật.
2	Chuyển quyền quản lý hồ sơ công chứng	
2.1	Chuyển giao dữ liệu công chứng	Quản lý quá trình chuyển giao quyền quản lý hồ sơ, dữ liệu công chứng của TCHNCC trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động.
3	Khai thác thông tin	
3.1	Tra cứu thông tin giao dịch công chứng, văn bản công chứng	Cho phép khai thác thông tin về giao dịch công chứng, văn bản công chứng đáp ứng yêu cầu tra cứu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân
3.2	Khai thác thông tin tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên	Đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin về công chứng viên, TCHNCC nhằm phục vụ công tác quản lý, phòng ngừa vi phạm.
3.3	Tra cứu thông tin ngăn chặn, giải tỏa, cảnh báo rủi ro	Đáp ứng yêu cầu tra cứu của công chứng viên và các cơ quan liên quan tra cứu tức thời tình trạng tài sản (có bị thế chấp, kê biên, phong tỏa hay không), tránh thực hiện công chứng giao dịch đối với tài sản không đủ điều kiện, bảo vệ quyền lợi các bên, tuân thủ pháp luật
3.4	Tra cứu thông tin người tham gia giao dịch công chứng	Cho phép CCV, các TCHNCC tra cứu, khai thác thông tin về người tham gia giao dịch công chứng.... phục vụ yêu cầu tra cứu khi thực hiện công chứng giao dịch và các yêu cầu quản lý.

STT	Thành phần	Mô tả
3.5	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng	Cho phép CCV, các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, đơn vị có liên quan tra cứu, khai thác thông tin về tài sản theo quy định pháp luật.... phục vụ yêu cầu tra cứu khi thực hiện công chứng giao dịch và các yêu cầu quản lý.
3.6	Tra cứu lịch sử khai thác dữ liệu	Quản lý thông tin về lịch sử khai thác dữ liệu
3.7	Tham chiếu văn bản công chứng điện tử	Đáp ứng yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử của cơ quan/ đơn vị có liên quan theo phân quyền
3.8	Yêu cầu khai thác dữ liệu	Cho phép gửi các yêu cầu khai thác dữ liệu công chứng không thuộc quyền quản lý của đơn vị.
4	Thống kê báo cáo	
4.1	Báo cáo kết quả hoạt động công chứng	Cung cấp các báo cáo thống kê theo quy định, hỗ trợ công tác báo cáo thống kê theo định kỳ hoặc theo yêu cầu được kịp thời, đầy đủ, chính xác; cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác phục vụ quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, đánh giá hiệu quả hoạt động và hoàn thiện chính sách, pháp luật về công chứng.
4.2	Báo cáo phân tích	Cung cấp các báo cáo phân tích dữ liệu liên quan đến giao dịch công chứng, phục vụ công tác quản lý nhà nước; dự báo và hoạch định chính sách.
5	Đăng ký kết nối và cung cấp thông tin cho TCHNCC	
5.1	Quản lý đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu	Cho phép nhập đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu trên giao diện phần mềm.
5.2	Tạo lập dữ liệu giao dịch công chứng thủ công	Cho phép nhập bổ sung các giao dịch công chứng trên giao diện phần mềm.
6	Phân hệ Tiện ích người dùng	

STT	Thành phần	Mô tả
6.1	Nhận thông báo	Quản lý việc cấu hình gửi và nhận các thông báo từ hệ thống đến người dùng
6.2	Khai báo thông tin chữ ký số	Thực hiện khai báo chữ ký CCV, TCHNCC sử dụng trong các giao dịch công chứng để quản lý thông tin chính thức phục vụ cho kiểm tra dữ liệu.
II	Phân hệ quản lý kho CSDL Công chứng	
1	Thu thập dữ liệu	
1.1	Thu nhận dữ liệu từ nền tảng công chứng điện tử	Thu thập, tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu công chứng từ các nền tảng công chứng điện tử, phần mềm có liên quan vào kho CSDL công chứng
1.2	Thu nhận dữ liệu từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Thu thập, tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu công chứng từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương, phần mềm có liên quan vào kho CSDL công chứng
1.3	Tiếp nhận dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro	Tiếp nhận dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào kho CSDL công chứng
1.4	Đối soát dữ liệu	Thực hiện đối chiếu, kiểm tra và so sánh dữ liệu thu thập từ các nguồn khác nhau nhằm phát hiện sai lệch, thiếu hụt hoặc trùng lặp dữ liệu, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu trước khi cập nhật vào kho CSDL công chứng.
2	Xử lý dữ liệu	
2.1	Làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu	Thực hiện thiết lập các quy tắc để hệ thống làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu công chứng sau khi thu thập về để lưu theo chuẩn của CSDL Công chứng

STT	Thành phần	Mô tả
2.2	Hậu kiểm dữ liệu	Thực hiện thiết lập các quy tắc hậu kiểm để hệ thống thực hiện kiểm tra và hậu kiểm dữ liệu sau khi được cập nhật vào hệ thống nhằm phát hiện các lỗi dữ liệu, sai lệch hoặc dữ liệu không hợp lệ; hỗ trợ quá trình hiệu chỉnh, cập nhật và đảm bảo chất lượng dữ liệu trong kho CSDL công chứng.
3	Cung cấp dữ liệu	
3.1	Cung cấp dịch vụ dữ liệu	Cung cấp các dịch vụ khai thác và chia sẻ dữ liệu công chứng cho các hệ thống thông qua các hình thức như dịch vụ API, tra cứu trực tuyến
3.2	Quản lý lịch sử trao đổi dữ liệu	Quản lý lịch sử cung cấp dữ liệu, nguồn khai thác dữ liệu, thông tin dữ liệu cung cấp theo lịch sử.
III	Phân hệ quản trị hệ thống	
1	Quản trị thiết lập và cấu hình	Thiết lập và cấu hình các tham số vận hành cấu hình kết nối hệ thống, cấu hình tích hợp và các thiết lập phục vụ vận hành hệ thống,....
2	Quản lý danh mục	Quản lý các danh mục dữ liệu dùng chung của hệ thống phục vụ chuẩn hóa, khai thác dữ liệu
3	Quản trị người dùng và phân quyền	Quản lý thông tin tài khoản người dùng, thiết lập nhóm người dùng, phân quyền truy cập chức năng và dữ liệu đảm bảo an toàn và kiểm soát truy cập hệ thống.
4	Quản lý thông báo	Quản lý việc cấu hình gửi và hiển thị các thông báo từ hệ thống đến người dùng như thông báo nghiệp vụ, thông báo cảnh báo dữ liệu,...
5	Quản lý nhật ký hệ thống	Quản lý việc cấu hình gửi và hiển thị nhật ký hệ thống,...
6	Quản lý thông tin tiện ích	Quản lý việc cấu hình gửi và hiển thị các thông báo từ hệ thống đến người dùng như thông báo nghiệp vụ, thông báo cảnh báo dữ liệu,...

STT	Thành phần	Mô tả
7	Quản lý thông tin tính phí	Quản lý thông tin khai báo về giá tiền khai thác cho từng loại dịch vụ dữ liệu
B	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	
1	Tiếp nhận dữ liệu cần chuyển đổi	Thực hiện tiếp nhận dữ liệu công chứng từ các Hệ thống cung cấp dữ liệu tại địa phương hoặc từ các tệp dữ liệu được cung cấp.
2	Đối soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu	Thực hiện kiểm tra, đối chiếu dữ liệu giữa dữ liệu nguồn và dữ liệu đã được tiếp nhận vào phần mềm nhằm phát hiện các sai lệch, thiếu dữ liệu, dữ liệu trùng lặp hoặc dữ liệu không hợp lệ.
3	Chuyển đổi dữ liệu vào CSDL CC	Thực hiện xử lý dữ liệu nhằm loại bỏ các dữ liệu sai, dữ liệu trùng lặp hoặc dữ liệu không đầy đủ; đồng thời chuẩn hóa định dạng dữ liệu theo các tiêu chuẩn dữ liệu của hệ thống CSDL Công chứng.
4	Báo cáo kết quả thu thập, đối soát dữ liệu	Tổng hợp và cung cấp các báo cáo về quá trình thu thập dữ liệu, kết quả đối soát và xử lý dữ liệu.

- Lóp dữ liệu:

STT	Thành phần	Mô tả
1	CSDL tập kết	CSDL tập kết các loại dữ liệu được thu thập về: dữ liệu thành phần tham gia giao dịch công chứng; Tài sản giao dịch công chứng; Dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro; Dữ liệu về Giao dịch Công chứng; Dữ liệu báo cáo; Văn bản công chứng
2	CSDL xử lý phân tích	CSDL lưu trữ các dữ liệu được chuyển từ CSDL tập kết sang, thực hiện làm sạch, chuẩn hóa các loại dữ liệu gồm: dữ liệu thành phần tham gia giao dịch công chứng; Tài sản giao dịch công chứng; Dữ liệu ngăn chặn, cảnh báo rủi ro; Dữ liệu về Giao dịch Công chứng; Dữ liệu báo cáo; Văn bản công chứng. Dữ liệu phục vụ phân tích báo cáo thống kê dữ liệu,..
3	CSDL chia sẻ	CSDL lưu trữ dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống khai thác dữ liệu sử dụng.

- Lóp các hệ thống trong Bộ Tư pháp:

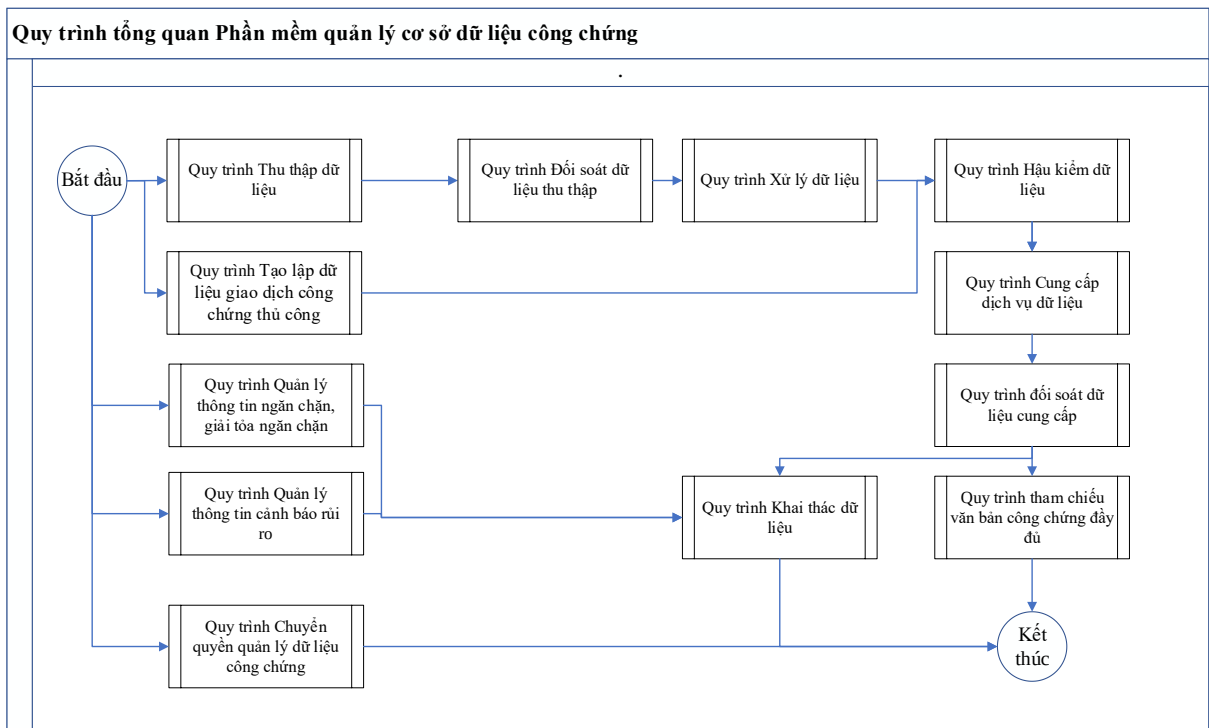
STT	Thành phần	Mô tả
1	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP)	Dữ liệu giữa CSDLCC của Bộ Tư pháp với các hệ thống trong nội bộ ngành Tư pháp. Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành và các địa phương Kết nối với Nền tảng Chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP). Tích hợp với hệ thống định danh điện tử quốc gia (VNeID) xác thực người dùng
2	Nền tảng định danh, xác thực điện tử	Dữ liệu người dùng tập trung của Bộ Tư pháp; Tích hợp đăng nhập một lần (SSO); cung cấp dịch vụ định danh và xác thực cho người dùng trong nội bộ ngành tư pháp, giúp định danh các đối tượng trong toàn bộ nền tảng tư pháp số.
3	Nền tảng ký số (chuyên dùng, dân sự)	Hỗ trợ quản lý tập trung thông tin chữ ký số chuyên dùng và chữ ký số công cộng, đồng thời cung cấp dịch vụ ký số chung cho các ứng dụng chuyên ngành. Thực hiện tích hợp với các hệ thống chứng thực chữ ký số được quản lý bởi Trung tâm chứng thực điện tử quốc gia.
4	CSDL Dùng chung	Cung cấp các dữ liệu lưu trữ trong kho dữ liệu dùng chung của BTP như dữ liệu danh mục dùng chung, dữ liệu tích hợp về TCHNCC, CCV,..

5	Nền tảng số Thi Hành Án dân sự	Cung cấp thông tin bộ dữ liệu liên quan tới thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn: Thông tin tài sản thi hành án, chứa thông tin trạng thái pháp lý tài sản.

2.3.2. Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng

2.3.2.1. Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa

2.3.2.1.1. Mô hình tổng quan quy trình nghiệp vụ



STT	Tên quy trình	Mô tả
1	Quy trình Thu thập dữ liệu	Quy trình thực hiện việc tiếp nhận dữ liệu công chứng từ các nền tảng công chứng, phần mềm chuyển đổi dữ liệu và các Hệ thống cung cấp dữ liệu vào kho CSDL công chứng.
2	Quy trình đối soát dữ liệu thu thập	Quy trình thực hiện việc đối soát dữ liệu thu thập từ Hệ thống cung cấp dữ liệu với Phần mềm quản lý CSDL Công chứng

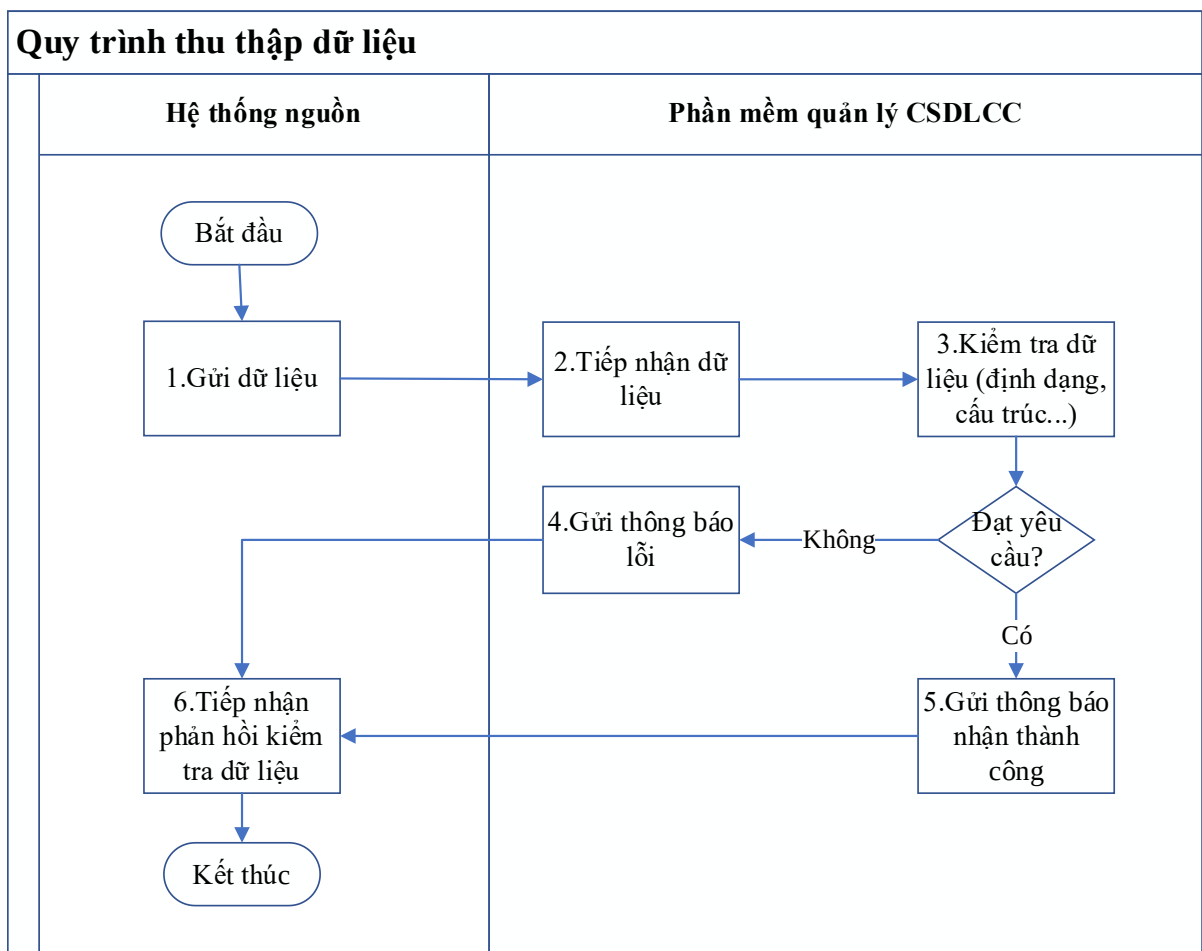
STT	Tên quy trình	Mô tả
3	Quy trình Xử lý dữ liệu	Quy trình thực hiện việc xử lý dữ liệu sau khi thu thập, bao gồm làm sạch, chuẩn hóa, biến đổi dữ liệu, và đảm bảo dữ liệu đáp ứng các tiêu chuẩn dữ liệu của CSDL công chứng trước khi lưu trữ chính thức.
4	Quy trình Hậu kiểm dữ liệu	Quy trình thực hiện việc kiểm tra, rà soát dữ liệu công chứng sau khi đã được cập nhật vào hệ thống nhằm phát hiện các sai lệch, thiếu sót hoặc dữ liệu không hợp lệ. Kết quả hậu kiểm được ghi nhận và gửi phản hồi đến đơn vị cung cấp dữ liệu.
5	Quy trình Cung cấp dịch vụ dữ liệu	Quy trình thực hiện việc cung cấp dữ liệu công chứng thông qua các hình thức như tra cứu trực tuyến, cung cấp dịch vụ API hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu.
6	Quy trình đối soát dữ liệu cung cấp	Quy trình thực hiện việc đối soát dữ liệu cung cấp từ phần mềm quản lý CSDL Công chứng với hệ thống đích.
7	Quy trình Khai thác dữ liệu	Quy trình cho phép người dùng có quyền thực hiện tra cứu, khai thác và sử dụng dữ liệu công chứng trên phần mềm theo phạm vi quyền truy cập được phân quyền.
8	Quy trình tham chiếu văn bản công chứng đầy đủ	Quy trình cho phép tham chiếu văn bản công chứng đầy đủ khi cần tham chiếu nội dung chi tiết văn bản công chứng, và được chấp nhận của CCV hoặc người tham gia giao dịch công chứng.
9	Quy trình Tạo lập dữ liệu giao dịch công chứng thủ công	Quy trình cho phép tổ chức hành nghề công chứng thực hiện khai báo thông tin các giao dịch công chứng đã được thực hiện trực tiếp nhưng chưa có trên hệ thống, nhằm cập nhật thông tin giao dịch vào CSDL công chứng phục vụ quản lý và tra cứu.
10	Quy trình Quản lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn	Quy trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt và công bố thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn liên quan đến tài sản, đối tượng nhằm hỗ trợ các tổ

STT	Tên quy trình	Mô tả
		chức hành nghề công chứng tra cứu và phòng ngừa rủi ro trong quá trình thực hiện giao dịch.
11	Quy trình Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro	Quy trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, phê duyệt và công bố thông tin cảnh báo rủi ro liên quan đến tài sản, đối tượng nhằm hỗ trợ các tổ chức hành nghề công chứng tra cứu và phòng ngừa rủi ro trong quá trình thực hiện giao dịch.
12	Quy trình Chuyển quyền quản lý dữ liệu công chứng	Quy trình thực hiện việc chuyển giao quyền quản lý dữ liệu công chứng giữa các TCHNCC khi có trường hợp tạm dừng, sáp nhập, giải thể TCHNCC.

2.3.2.1.2. Các quy trình phần mềm quản lý CSDL Công chứng

2.3.2.1.2.1. Quy trình thu thập dữ liệu

Mô hình quy trình:



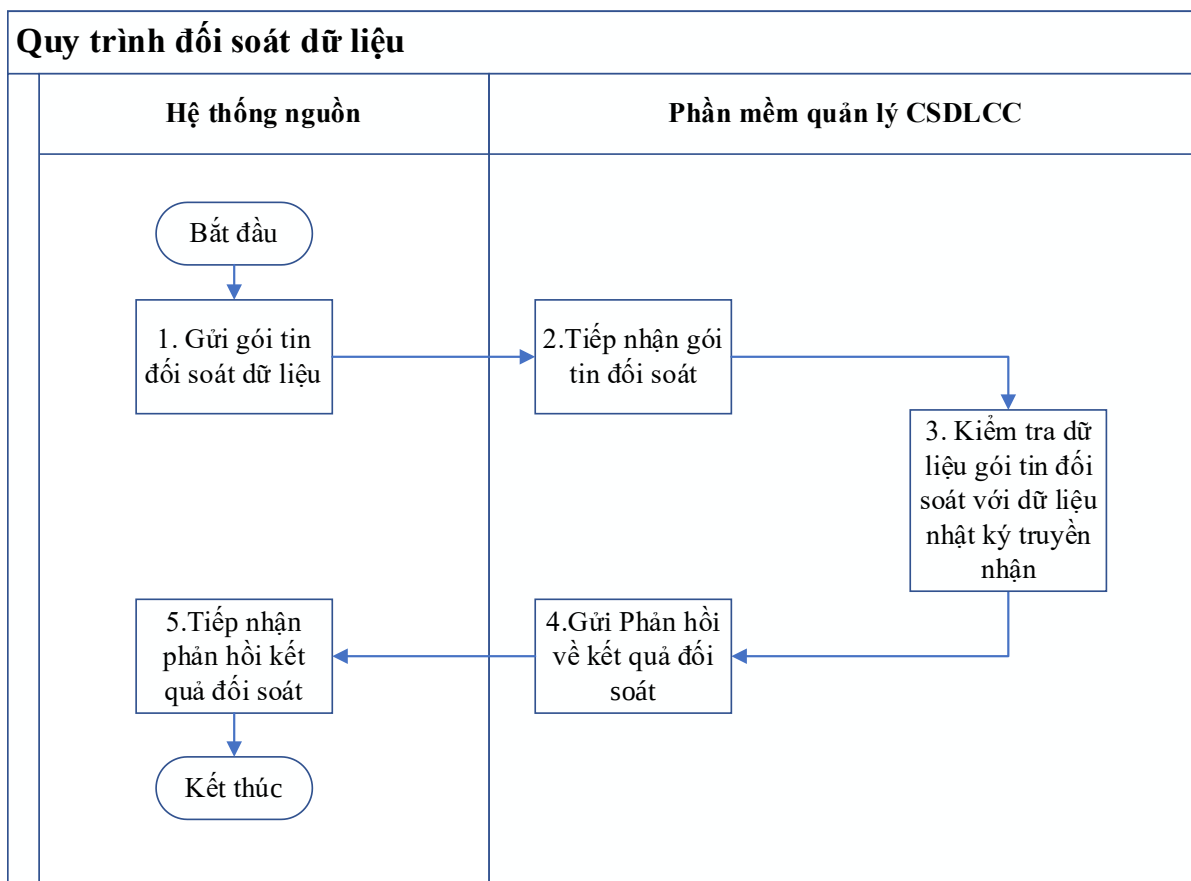
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Gửi dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi dữ liệu theo chuẩn kết nối, định dạng và giao thức đã thống nhất đến Phần mềm QLCSĐLCC.
2	Tiếp nhận dữ liệu	Phần mềm quản lý CSĐLCC	Phần mềm QLCSĐLCC tiếp nhận dữ liệu từ Hệ thống thông qua kênh tích hợp. Dữ liệu tích hợp bao gồm các dữ liệu về giao dịch công chứng, thông tin

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, thông tin công chứng viên, thông tin TCHNCC, thông tin danh mục, ..
3	Kiểm tra dữ liệu (định dạng, cấu trúc...)	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm tự động kiểm tra dữ liệu theo tiêu chí kỹ thuật: định dạng, cấu trúc, trường dữ liệu, giá trị bắt buộc, mã hóa, dung lượng, trạng thái.
4	Gửi thông báo lỗi	Phần mềm quản lý CSDLCC	Trường hợp dữ liệu không đạt yêu cầu, Phần mềm gửi thông báo lỗi kèm nguyên nhân (thiếu trường, sai định dạng, lỗi trùng, dung lượng vượt mức, v.v.).
5	Gửi thông báo nhận thành công	Phần mềm quản lý CSDLCC	Khi dữ liệu đạt yêu cầu, Phần mềm xác nhận tiếp nhận thành công và ghi nhận vào nhật ký tiếp nhận.
6	Tiếp nhận phản hồi kiểm tra dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Nhận kết quả kiểm tra dữ liệu từ Phần mềm quản lý CSDLCC (thành công hoặc lỗi)

2.3.2.1.2.2. Quy trình đối soát dữ liệu

Mô hình quy trình:



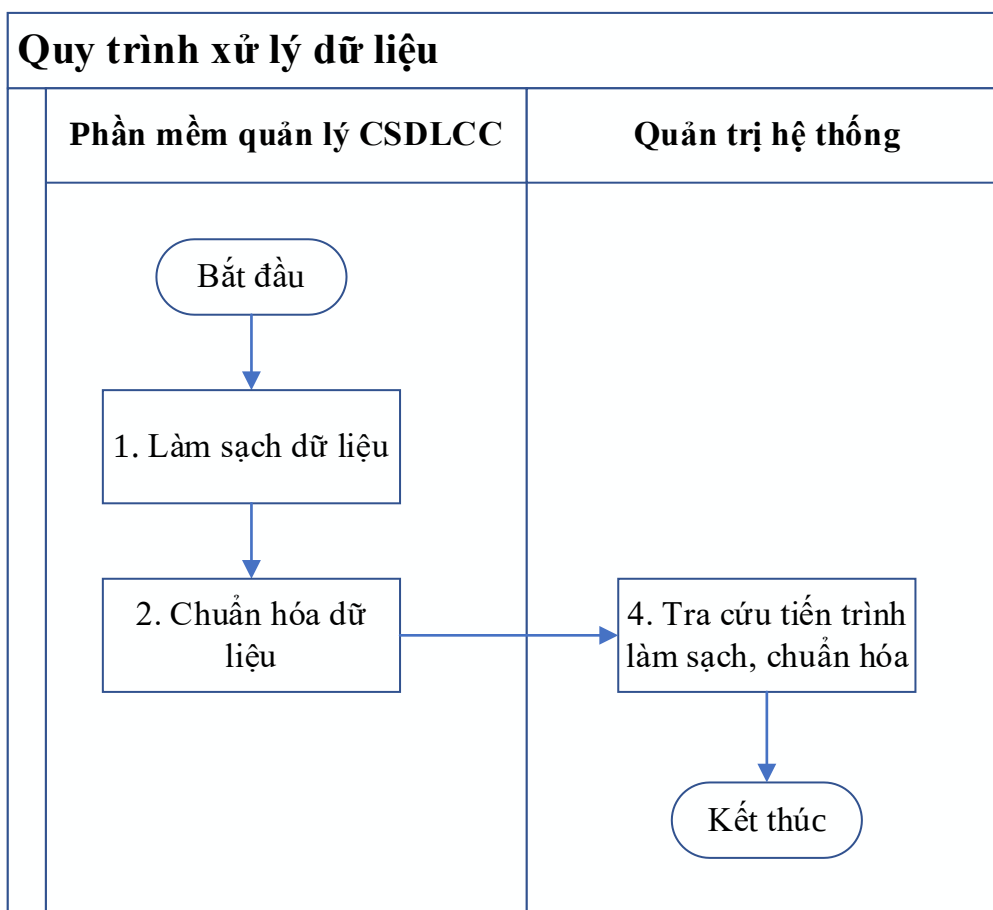
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Gửi gói tin đối soát dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin chứa thông tin đối soát (danh sách dữ liệu, mã định danh, thời gian gửi, tổng số bản ghi...) tới Phần mềm quản lý CSDLCC để kiểm tra tính toàn vẹn, đồng bộ.
2	Tiếp nhận gói tin đối soát	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm quản lý CSDLCC tiếp nhận gói tin đối soát, ghi nhận thời điểm tiếp nhận và thông tin định danh của Hệ thống cung cấp dữ liệu. Dữ liệu được

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			chuyển vào vùng kiểm tra để xử lý.
3	Kiểm tra dữ liệu gói tin đối soát với dữ liệu nhật ký truyền nhận	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm tự động đối chiếu nội dung gói tin đối soát với nhật ký truyền nhận (log hệ thống), bao gồm: số lượng bản ghi, mã dữ liệu, thời gian gửi, và trạng thái xử lý. Nếu phát hiện sai lệch hoặc thiếu dữ liệu, hệ thống đánh dấu và ghi nhận lỗi.
4	Gửi Phản hồi về kết quả đối soát	Phần mềm quản lý CSDLCC	Sau khi kiểm tra, phần mềm tổng hợp kết quả đối soát và gửi phản hồi về cho Hệ thống cung cấp dữ liệu, gồm: xác nhận đồng bộ thành công hoặc thông báo chênh lệch (thiếu, trùng, sai cấu trúc...).
5	Tiếp nhận phản hồi kết quả đối soát	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Tiếp nhận phản hồi đối soát, ghi nhận kết quả, hoặc xác nhận hoàn tất đối soát thành công.

2.3.2.1.2.3. Quy trình xử lý dữ liệu

Mô hình quy trình:



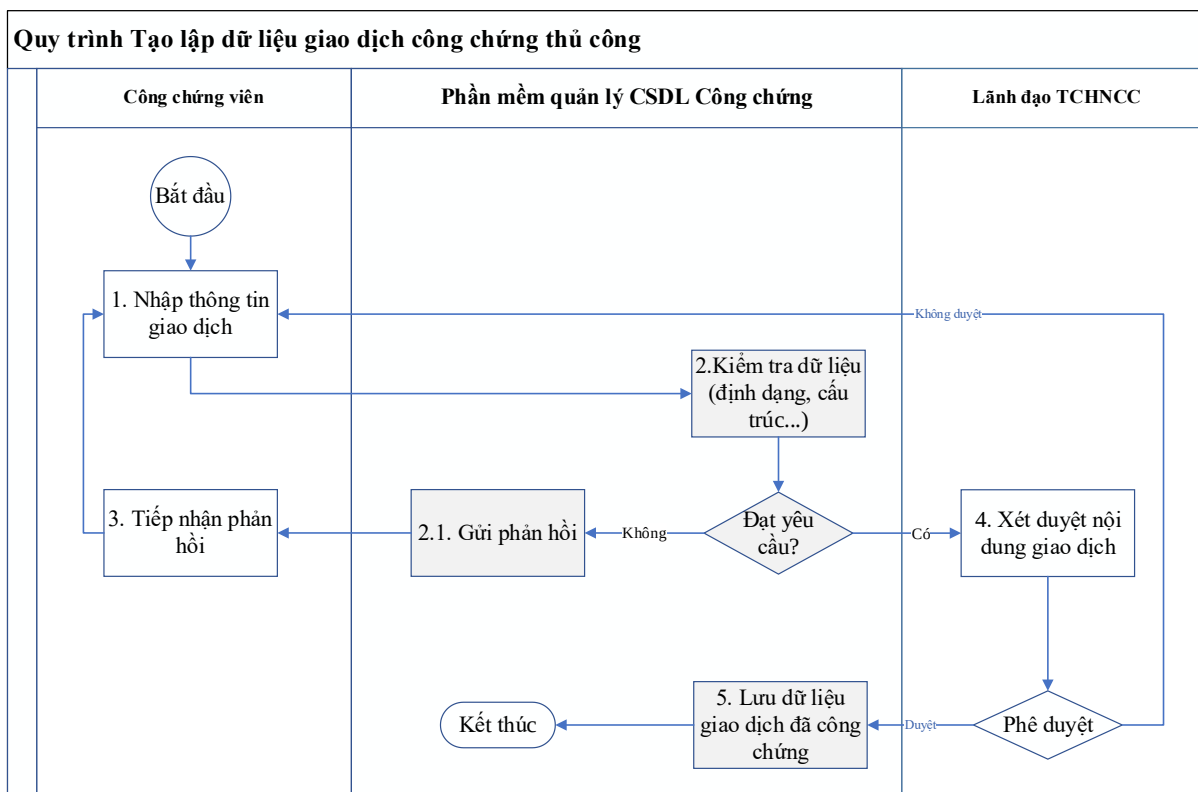
Mô tả quy trình:

STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
1.	Làm sạch dữ liệu	Phần mềm QLCSDLCC	Sau khi dữ liệu được tiếp nhận, Phần mềm tự động thực hiện kiểm tra chất lượng dữ liệu theo các quy tắc làm sạch như: tính hợp lệ của dữ liệu, giá trị bị thiếu, xử lý trùng lặp, dữ liệu ngoại lai,...
2.	Chuẩn hóa dữ liệu	Phần mềm QLCSDLCC	Sau khi dữ liệu được làm sạch, sẽ tiếp tục được chuẩn hóa định dạng, mapping dữ liệu, theo cấu trúc chuẩn, chuẩn hóa gắn với danh mục dữ liệu, chuẩn hóa các dữ liệu thuộc tính,...phục vụ cho phân tích

STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
			báo cáo thống kê
3.	Tra cứu tiến trình làm sạch, chuẩn hóa	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống có thể thực hiện tra cứu tiến trình làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu đã được thiết lập trên hệ thống.

2.3.2.1.2.4. Quy trình Tạo lập dữ liệu giao dịch công chứng thủ công

Mô hình Quy trình Tạo lập dữ liệu giao dịch công chứng thủ công:



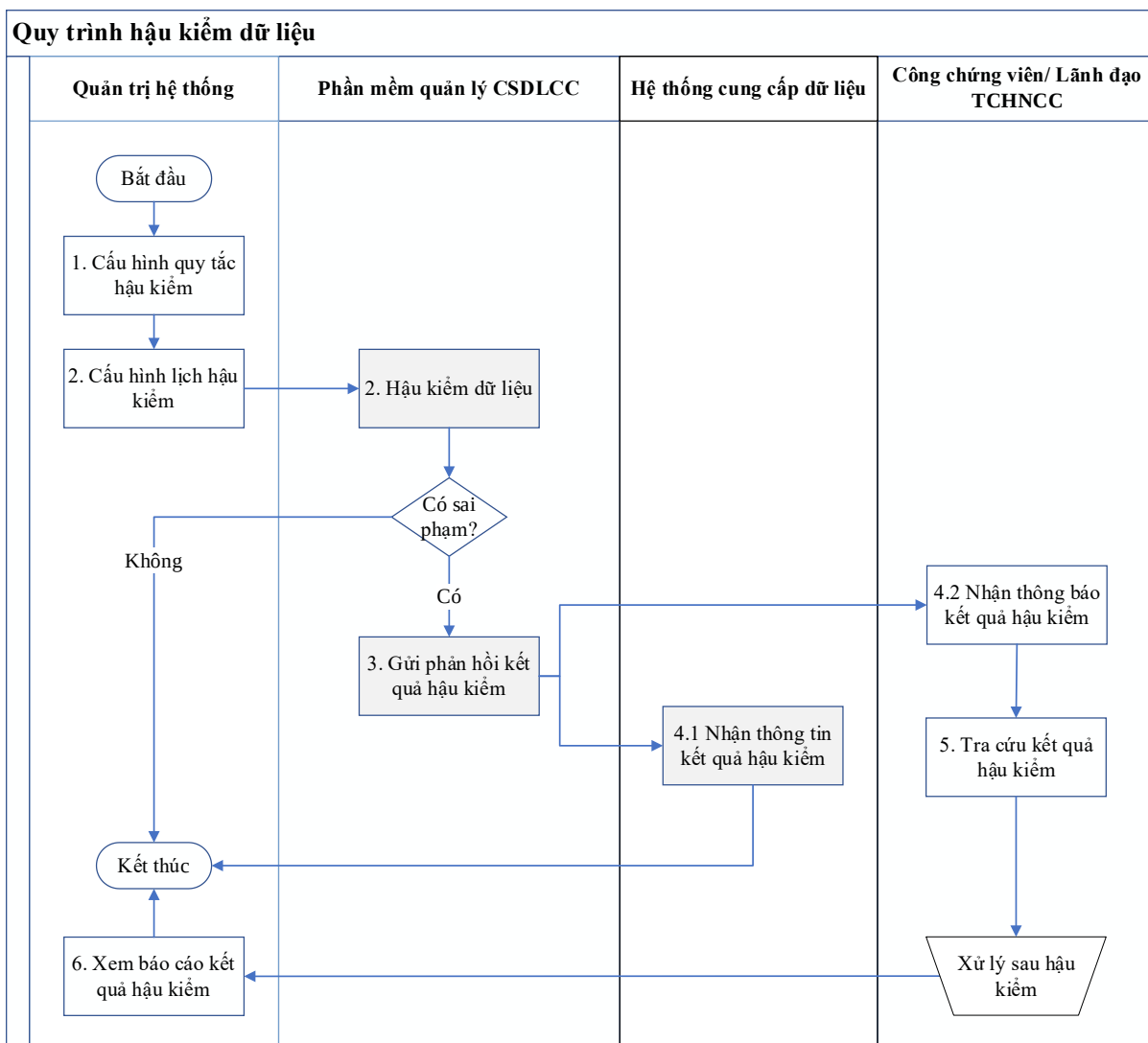
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1.	Nhập thông tin giao dịch	Công chứng viên	Cán bộ Sở Tư Pháp/ Công chứng viên/ thư ký/ văn thư của TCHNCC thực hiện nhập thông tin giao dịch trên giao diện phần mềm
2.	Kiểm tra dữ liệu (định dạng, cấu trúc...)	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm tự động kiểm tra dữ liệu theo tiêu chí kỹ thuật: định dạng, cấu trúc, trường dữ

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			liệu, giá trị bắt buộc, mã hóa, dung lượng, trạng thái.
3.	Gửi phản hồi	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm quản lý CSDLCC thực hiện gửi phản hồi về kiểm tra dữ liệu
4.	Tiếp nhận phản hồi	Công chứng viên	Công chứng viên thực hiện tiếp nhận phản hồi lỗi sau khi kiểm tra dữ liệu
5.	Xét duyệt nội dung giao dịch	Lãnh đạo TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC thực hiện xét duyệt nội dung giao dịch, ký trên dữ liệu để cập nhật vào CSDL Công chứng tập trung.
6.	Lưu dữ liệu giao dịch đã công chứng	Phần mềm quản lý CSDLCC	Nếu quản trị hệ thống thực hiện duyệt thông tin, phần mềm thực hiện lưu trữ dữ liệu giao dịch công chứng.

2.3.2.1.2.5. Quy trình hậu kiểm dữ liệu

Mô hình quy trình:



Mô tả quy trình:

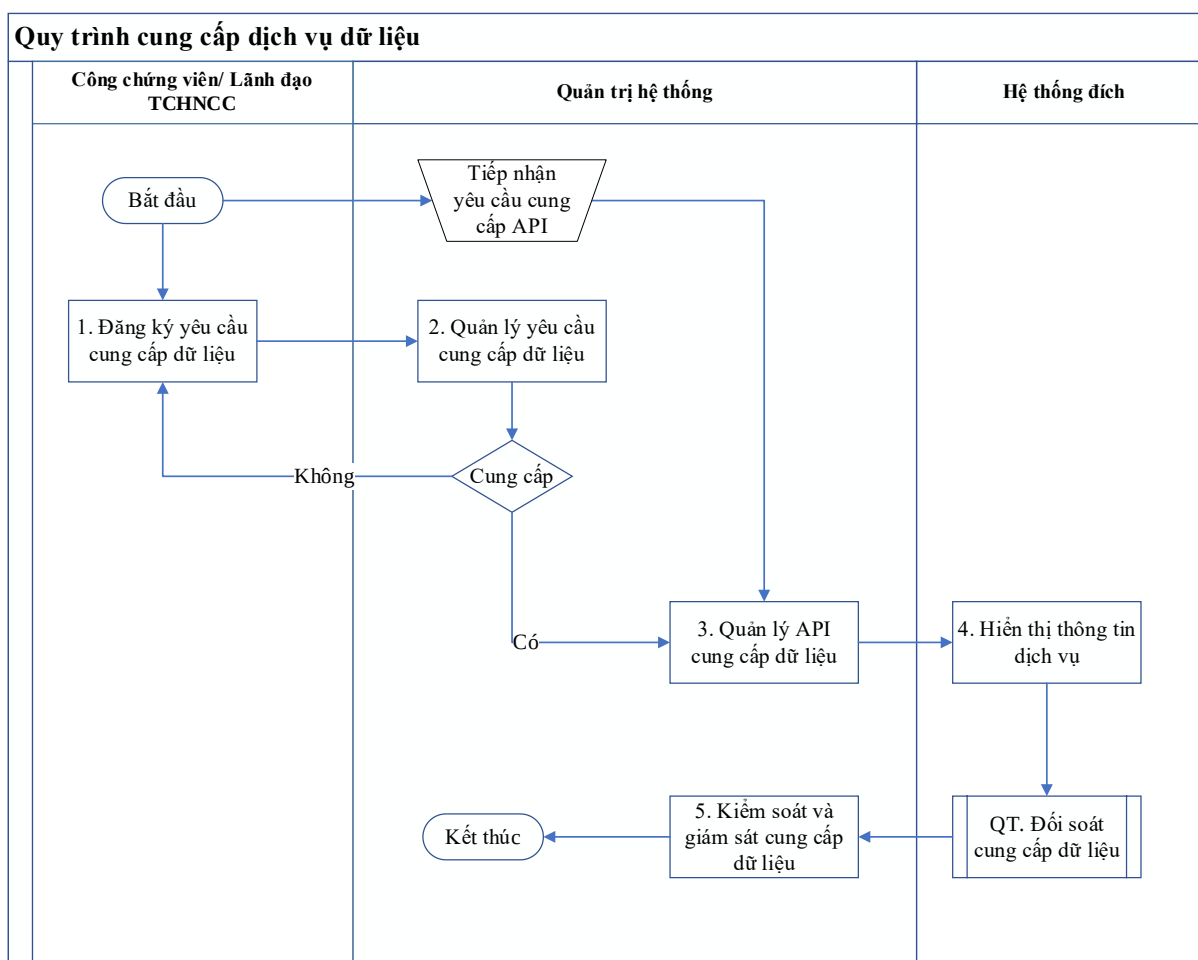
STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
1	Cấu hình quy tắc hậu kiểm	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống thực hiện cấu hình các quy tắc về hậu kiểm dữ liệu theo các tiêu chí: Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí thiếu văn bản công chứng điện tử; Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử; Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của CCV không

STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
			hợp lệ; Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ; Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí công chứng viên ký văn bản trong thời gian không hợp lệ; Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí giao dịch công chứng có thông tin bên liên quan bị ngăn chặn; Hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí trùng số công chứng;...
2	Cấu hình lịch hậu kiểm	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống thực hiện quản lý thông tin tiêu chí hậu kiểm dữ liệu
2.	Hậu kiểm dữ liệu	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm quản lý CSDLCC thực hiện hậu kiểm dữ liệu theo các quy tắc đã thiết lập. Hệ thống tự động rà soát dữ liệu trong kho CSDL công chứng để phát hiện các dữ liệu thiếu, sai thông tin, trùng lặp hoặc có dấu hiệu bất thường, so với dữ liệu từ các Hệ thống cung cấp dữ liệu
3.	Gửi phản hồi kết quả hậu kiểm	Phần mềm quản lý CSDLCC	Sau khi thực hiện hậu kiểm, hệ thống tổng hợp danh sách có sai sót hoặc không đáp ứng các quy tắc kiểm tra và gửi thông tin cho đơn vị quản lý dữ liệu.
4.1	Nhận thông tin sai phạm sau hậu kiểm	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu nhận thông tin về kết quả hậu kiểm dữ liệu
4.2.	Nhận thông	Công chứng	Chuyên viên TCHNCC thuộc đơn vị

STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
	báo kết quả hậu kiểm	viên/ Lãnh đạo TCHNCC	quản lý dữ liệu nhận danh sách lỗi, sai sót sau hậu kiểm.
5	Tra cứu kết quả hậu kiểm	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC thực hiện tra cứu kết quả hậu kiểm dữ liệu theo các điều kiện, loại tiêu chí, thực hiện xử lý từ dữ liệu gốc nếu có.
6	Xem báo cáo kết quả hậu kiểm	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống theo dõi, tổng hợp và quản lý kết quả hậu kiểm dữ liệu

2.3.2.1.2.6. Quy trình cung cấp dịch vụ dữ liệu

Mô hình quy trình:



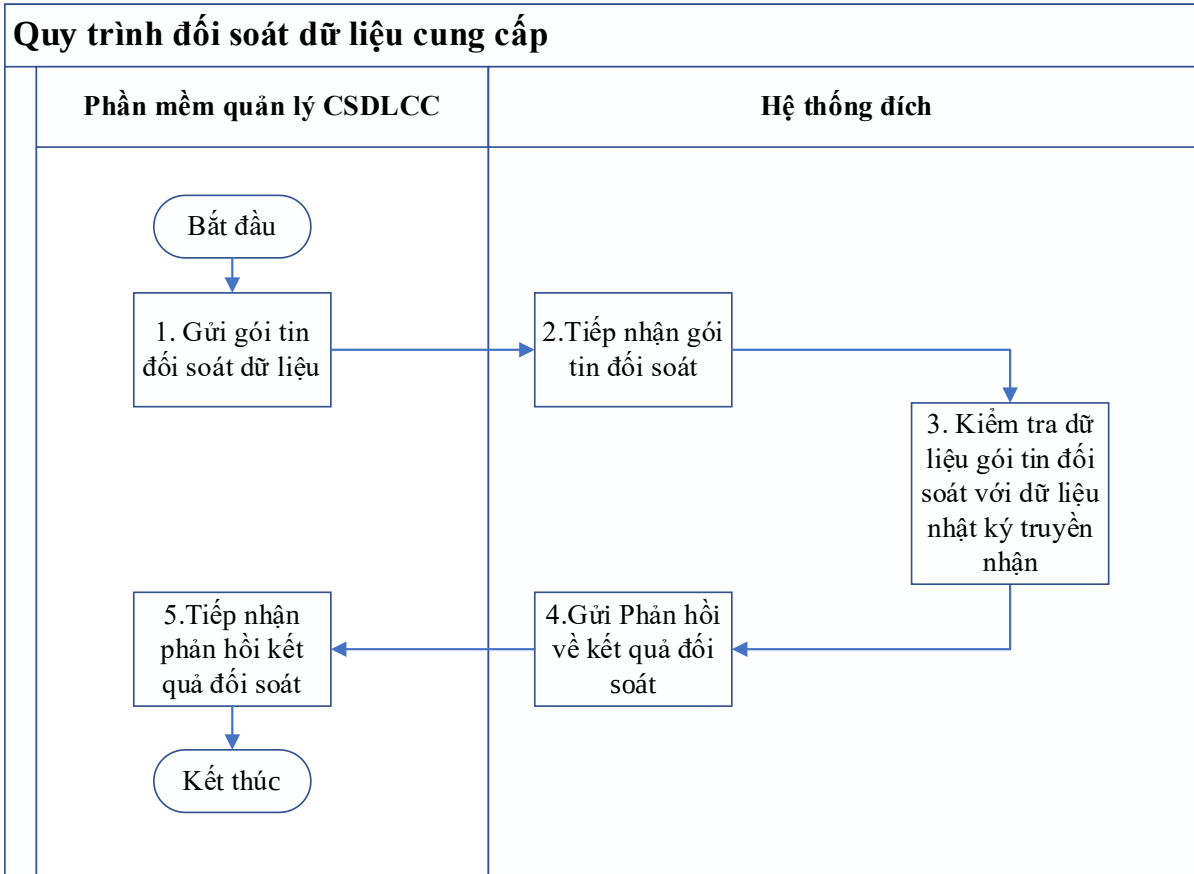
Mô tả quy trình:

STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
1.	Tiếp nhận yêu cầu cung cấp API	Quản trị hệ thống	Thực hiện tiếp nhận các yêu cầu cung cấp API qua các kênh khác theo văn bản, công văn,... yêu cầu trực tiếp không qua trên phần mềm.

STT	Bước thực hiện	Đối tượng thực hiện	Mô tả chi tiết
2.	Đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC thực hiện gửi yêu cầu cung cấp dữ liệu, nhập các thông tin dữ liệu cần cung cấp dịch vụ.
3.	Quản lý yêu cầu cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống thực hiện quản lý, tra cứu, theo dõi danh sách đã nhận yêu cầu đăng ký cung cấp dữ liệu
4.	Quản lý API cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Quản trị hệ thống tiến hành quản lý thông tin chi tiết về dịch vụ dữ liệu, cấp quyền, quản lý phiên bản.
5.	Hiển thị thông tin dịch vụ	Phần mềm QLCSIDLCC	Sau khi được phê duyệt, thông tin dịch vụ dữ liệu được hiển thị trên Phần mềm QL CSIDLCC
6.	Đối soát cung cấp dữ liệu	Phần mềm QLCSIDLCC	Thực hiện đối soát dữ liệu khi cung cấp dữ liệu cho các hệ thống khác
7.	Kiểm soát và giám sát cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Giám sát luồng cung cấp dữ liệu; Báo cáo thống kê dịch vụ dữ liệu

2.3.2.1.2.7. Quy trình đối soát dữ liệu cung cấp

Mô hình quy trình:



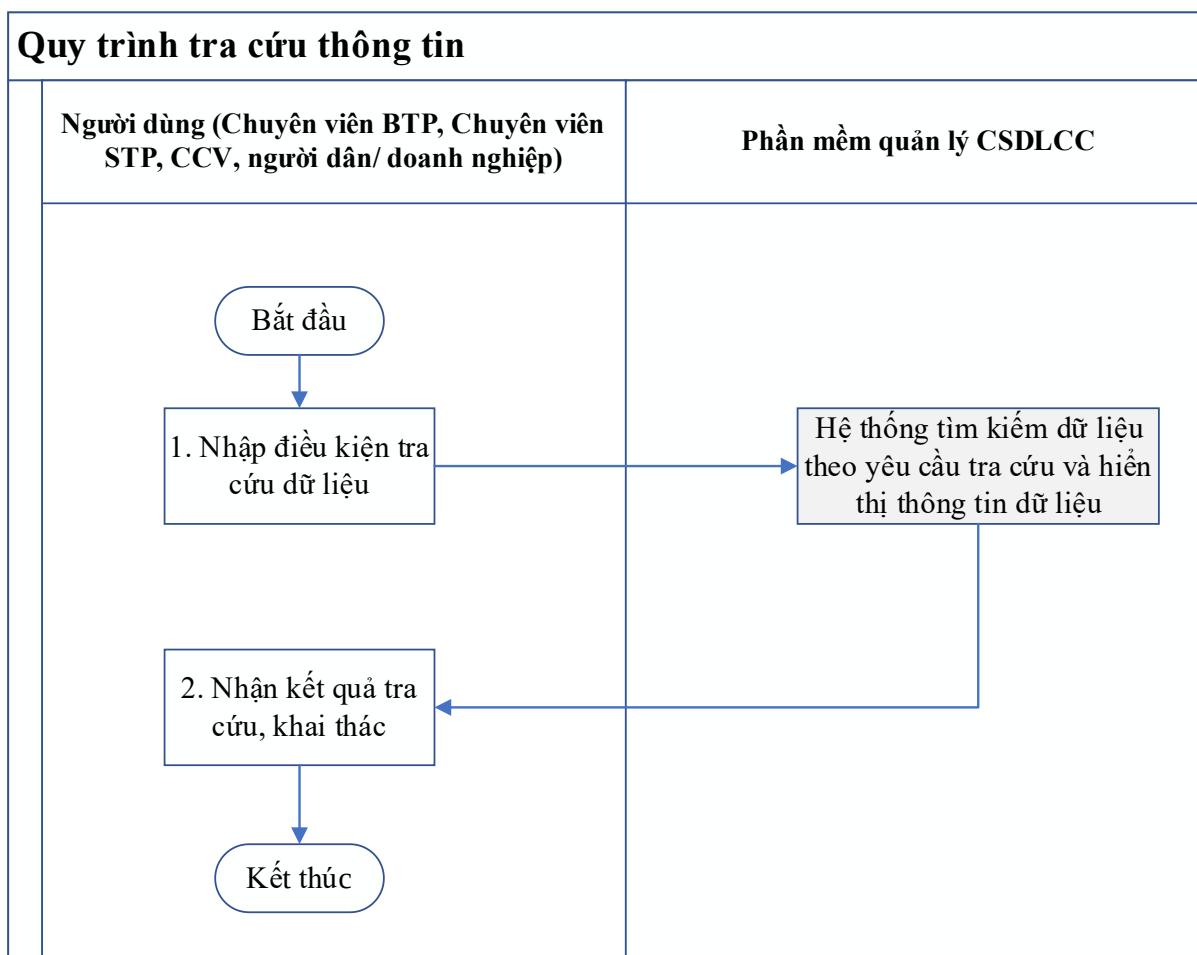
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Gửi gói tin đối soát dữ liệu	Phần mềm quản lý CSDLCC	Phần mềm quản lý CSDLCC định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin chứa thông tin đối soát (danh sách dữ liệu, mã định danh, thời gian gửi, tổng số bản ghi...) tới Phần mềm quản lý CSDLCC để kiểm tra tính toàn vẹn, đồng bộ.
2	Tiếp nhận gói tin đối soát	Hệ thống đích	Hệ thống đích tiếp nhận gói tin đối soát, ghi nhận thời điểm tiếp nhận và thông tin định danh của Hệ thống cung

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			cấp dữ liệu. Dữ liệu được chuyển vào vùng kiểm tra để xử lý.
3	Kiểm tra dữ liệu gói tin đối soát với dữ liệu nhật ký truyền nhận	Hệ thống đích	Hệ thống đích tự động đối chiếu nội dung gói tin đối soát với nhật ký truyền nhận (log hệ thống), bao gồm: số lượng bản ghi, mã dữ liệu, thời gian gửi, và trạng thái xử lý. Nếu phát hiện sai lệch hoặc thiếu dữ liệu, hệ thống đánh dấu và ghi nhận lỗi.
4	Gửi Phản hồi về kết quả đối soát	Hệ thống đích	Sau khi kiểm tra, Hệ thống đích tổng hợp kết quả đối soát và gửi phản hồi về cho Hệ thống cung cấp dữ liệu, gồm: xác nhận đồng bộ thành công hoặc thông báo chênh lệch (thiếu, trùng, sai cấu trúc...).
5	Tiếp nhận phản hồi kết quả đối soát	Phần mềm quản lý CSDLCC	Tiếp nhận phản hồi đối soát, ghi nhận kết quả, hoặc xác nhận hoàn tất đối soát thành công.

2.3.2.1.2.8. Quy trình tra cứu dữ liệu

Mô hình quy trình:



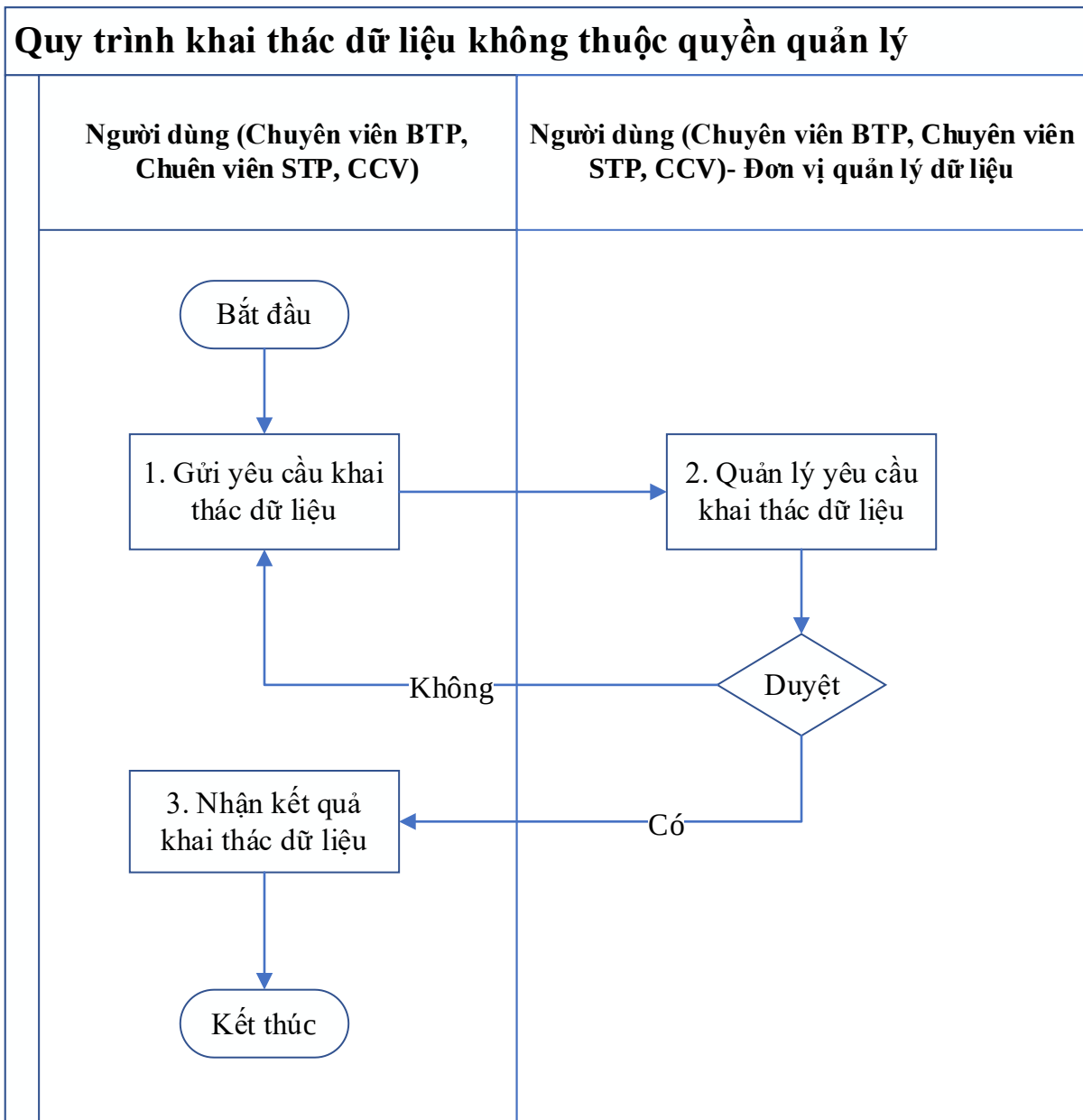
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1.	Nhập điều kiện tra cứu dữ liệu	Người dùng (Chuyên viên BTP, Chuyên viên STP, CCV, người dân/	Người dùng thực hiện tra cứu, khai thác dữ liệu trên Phần mềm QL CSDLCC

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
		doanh nghiệp)	
2.	Hệ thống tìm kiếm dữ liệu theo yêu cầu tra cứu và hiển thị thông tin dữ liệu	Phần mềm QLCSDLCC	Phần mềm thực hiện dựa vào điều kiện tra cứu của người dung, thực hiện tìm kiếm dữ liệu: Giao dịch công chứng (mà đơn vị người tra cứu quản lý); Thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro; thông tin tài sản; thông tin cá nhân, tổ chức, đối tượng tham gia giao dịch;..
3	Nhận kết quả tra cứu, khai thác	Người dùng (Chuyên viên BTP, Chuyên viên STP, CCV, người dân/ doanh nghiệp)	Người dung thực hiện nhận kết quả tra cứu, khai thác

2.3.2.1.2.9. Quy trình khai thác dữ liệu không thuộc quyền quản lý

Mô hình quy trình:



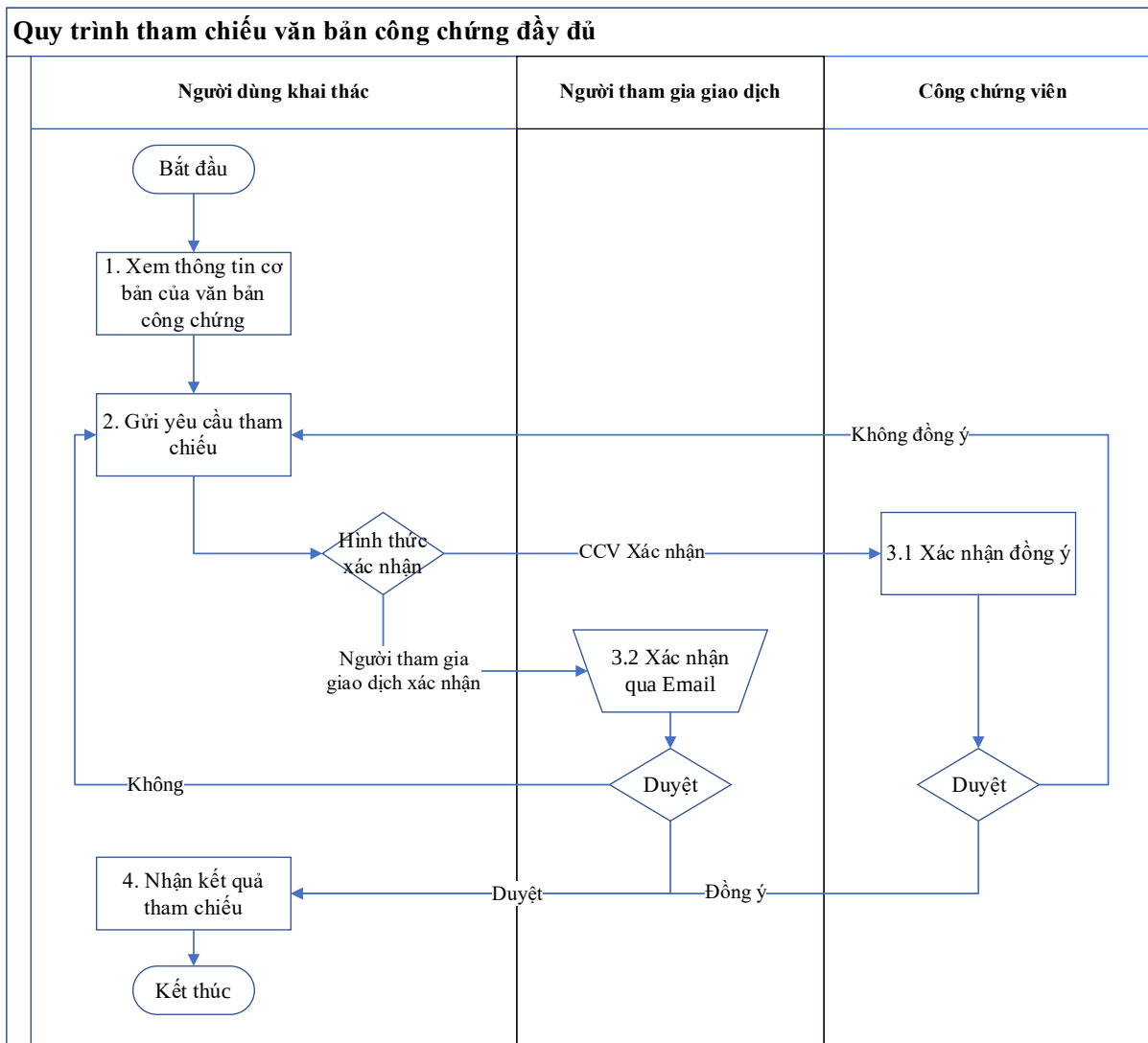
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1.	Gửi yêu cầu khai thác	Người dùng (Chuyên viên BTP, Chuyên viên STP, CCV)	Với dữ liệu không có quyền, người dùng thực hiện gửi yêu cầu khai thác dữ liệu cho đơn vị quản lý dữ liệu, gồm các thông

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			tin dữ liệu cần khai thác, mục đích khai thác về dữ liệu giao dịch công chứng
2.	Quản lý yêu cầu tra cứu	Người dùng (Chuyên viên BTP, Chuyên viên STP, CCV)- Đơn vị quản lý dữ liệu	Đơn vị quản lý dữ liệu quản lý các yêu cầu khai thác dữ liệu với các dữ liệu thuộc quyền quản lý của đơn vị, thực hiện cập nhật các văn bản đồng ý cho khai thác từ cá nhân, tổ chức tham gia giao dịch và thực hiện duyệt hoặc từ chối.
3	Nhận kết quả tra cứu, khai thác	Người dùng (Chuyên viên BTP, Chuyên viên STP, CCV)	Người dùng thực hiện nhận kết quả tra cứu, khai thác qua thông báo trên hệ thống và truy cập khai thác nếu được duyệt.

2.3.2.1.2.10. Quy trình tham chiếu văn bản công chứng đầy đủ

Mô hình quy trình:



Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1.	Xem thông tin cơ bản của văn bản công chứng	Người dùng khai thác	Người dùng khai thác thực hiện quét mã QR trên văn bản công chứng điện tử; Hệ thống hiển thị thông tin cơ bản của văn bản Người dùng khai thác có thể gửi yêu cầu tham chiếu để xem chi tiết nội dung file văn bản công

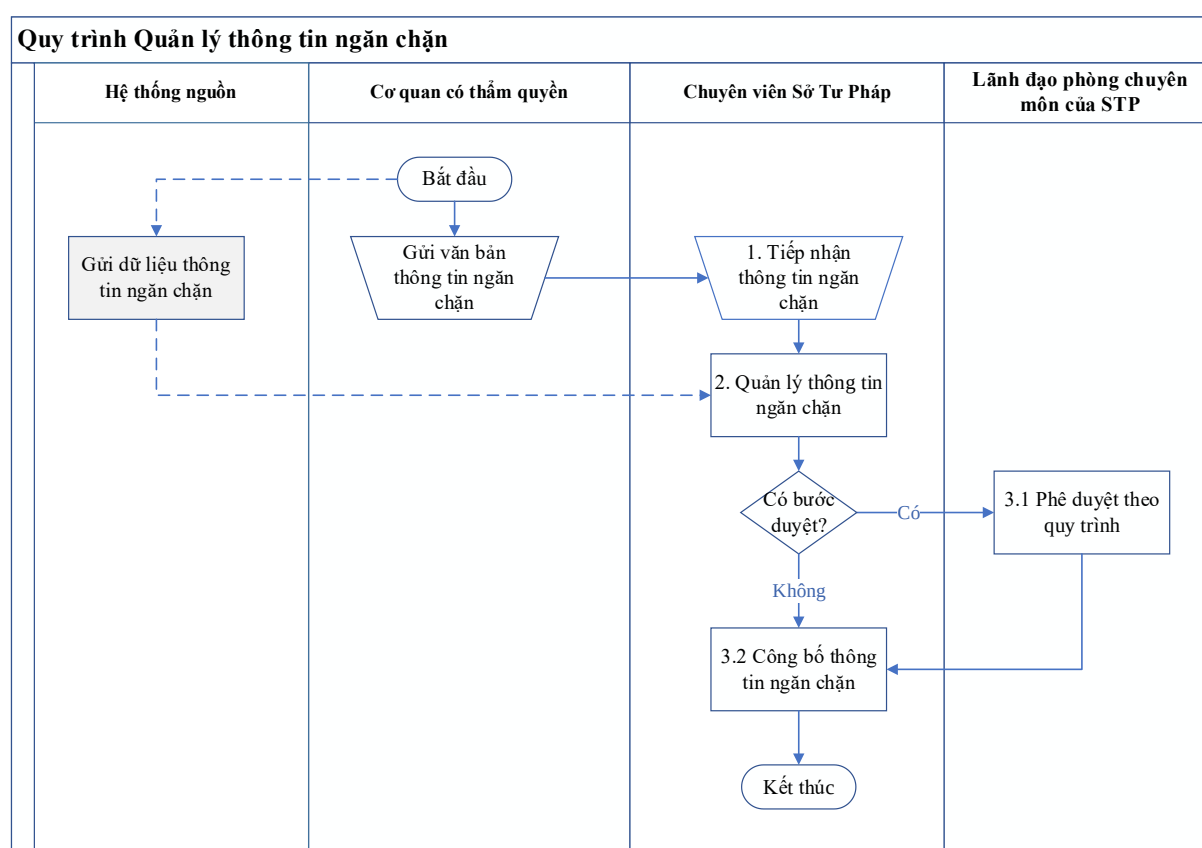
STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			chứng điện tử.
2.	Gửi yêu cầu tham chiếu	Người dùng khai thác	Người dùng khai thác tạo và gửi yêu cầu tham chiếu để xem chi tiết nội dung file văn bản công chứng điện tử; Nhập thông tin yêu cầu bao gồm mục đích tham chiếu, đơn vị đề nghị và căn cứ pháp lý liên quan; Hệ thống tự động gửi thông báo đến công chứng viên đã ký văn bản trên hệ thống và gửi email thông báo đến người tham gia giao dịch liên quan.
3.1	Xác nhận đồng ý	Công chứng viên	Công chứng viên tiếp nhận và xem danh sách các yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử do mình ký; Xem xét nội dung yêu cầu bao gồm đơn vị gửi yêu cầu, mục đích tham chiếu và căn cứ đề nghị; Thực hiện đồng ý hoặc từ chối yêu cầu tham chiếu kèm theo lý do trong trường hợp từ chối; Hệ thống cập nhật trạng thái yêu cầu và thông báo kết quả đến người khai thác.

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
3.2	Xác nhận qua Email	Người tham gia giao dịch	Người tham gia giao dịch nhận email thông báo về yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử có liên quan; Xem xét thông tin yêu cầu bao gồm đơn vị đề nghị tham chiếu và mục đích sử dụng; Thực hiện xác nhận đồng ý hoặc từ chối cho phép xem chi tiết file văn bản thông qua đường dẫn trong email; Hệ thống ghi nhận kết quả xác nhận và cập nhật trạng thái yêu cầu tham chiếu.
4	Nhận kết quả tham chiếu	Người dùng khai thác	Người dùng khai thác nhận thông báo kết quả xử lý yêu cầu tham chiếu từ hệ thống; Trong trường hợp được chấp thuận, hệ thống mở quyền truy cập và cho phép xem chi tiết nội dung file văn bản công chứng điện tử trong thời hạn được phê duyệt; Trong trường hợp bị từ chối, hệ thống hiển thị lý do từ chối từ công chứng viên hoặc người tham gia giao dịch; Hệ thống

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			ghi nhận nhật ký truy cập phục vụ kiểm tra và giám sát.

2.3.2.1.2.11. Quy trình Quản lý thông tin ngăn chặn

Mô hình quy trình:



Mô tả quy trình:

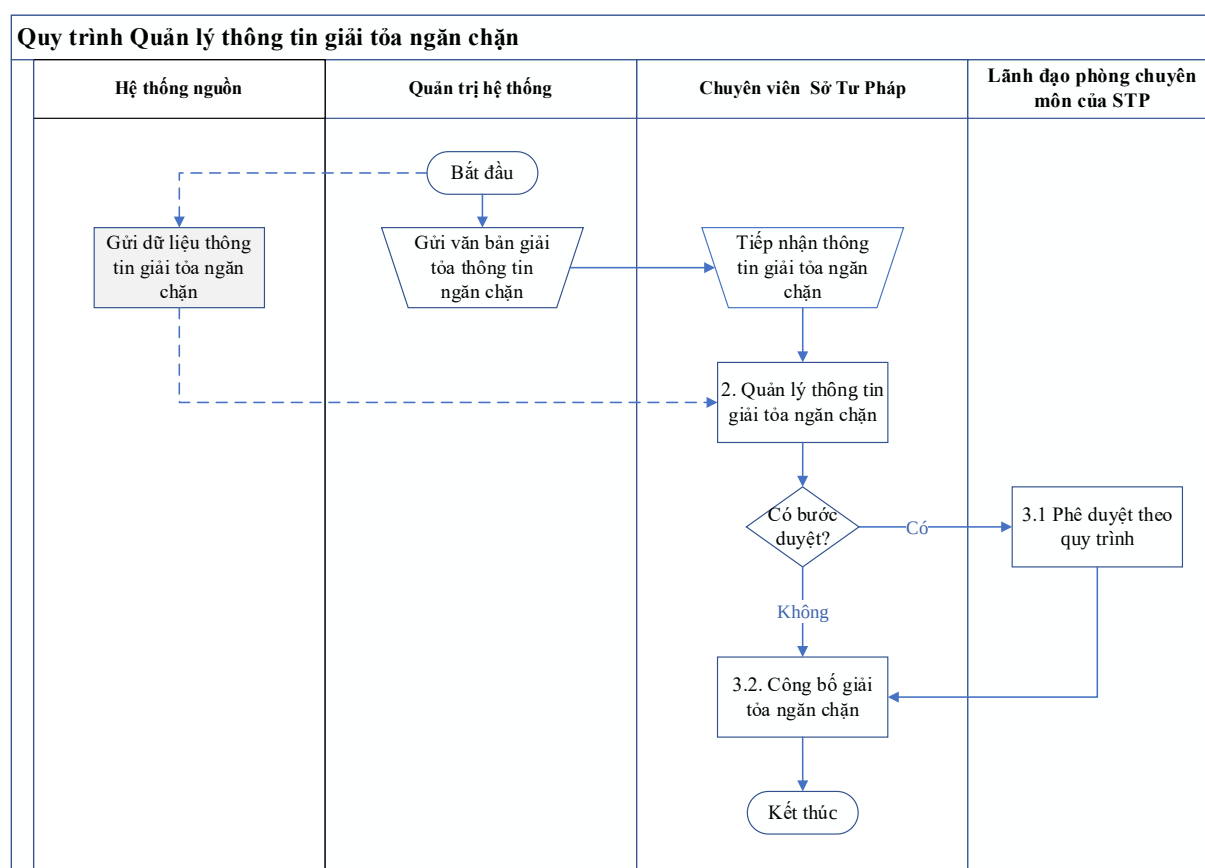
STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Gửi dữ liệu thông tin ngăn	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu của các cơ quan có thẩm quyền, thực hiện kết nối

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
	chặn		chia sẻ thông tin, gửi thông tin ngăn chặn về phần mềm quản lý CSDLCC.
2	Gửi văn bản thông tin ngăn chặn	Cơ quan có thẩm quyền	Cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản thông tin ngăn chặn dạng văn bản giấy, văn bản điện tử,... về STP, STP thực hiện tiếp nhận ngoài hệ thống
3	Tiếp nhận thông tin ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư Pháp	Chuyên viên Sở Tư Pháp thực hiện tiếp nhận các thông tin ngăn chặn từ văn bản, công văn, giấy tờ từ các cơ quan có thẩm quyền gửi về, thực hiện tiếp nhận và nhập thông tin tiếp nhận để quản lý trên phần mềm.
4	Quản lý thông tin ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư Pháp, Công chứng viên	Với trường hợp thông tin ngăn chặn tiếp nhận qua văn bản: Cán bộ được phân công thực hiện nhập thông tin ngăn chặn vào hệ thống, bao gồm các thông tin liên quan đến đối tượng, tài sản, giao dịch hoặc các nội dung cần ngăn chặn theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Với thông tin ngăn chặn là dữ liệu qua Hệ thống cung cấp dữ liệu: Cán bộ được phân công thực hiện chuẩn hóa lại theo quy chuẩn lưu trữ của phần mềm quản lý CSDL CC
3.1	Phê duyệt theo quy trình	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP thực hiện phê duyệt thông tin hoặc phân công cán bộ thực hiện nhập thông tin ngăn chặn theo quy trình đã được cấu hình trên hệ thống. Tùy theo quy định của từng địa phương, bước này có thể bao gồm một hoặc nhiều cấp phê duyệt.

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
3.2	Công bố thông tin ngăn chặn	Cán bộ Sở Tư Pháp, Công chứng viên	Sau khi hoàn tất quy trình kiểm tra hoặc phê duyệt, cán bộ được phân công thực hiện công bố thông tin ngăn chặn trên hệ thống để các tổ chức hành nghề công chứng và người dùng có thẩm quyền tra cứu khi thực hiện giao dịch công chứng.

2.3.2.1.2.12. Quy trình Quản lý thông tin giải tỏa ngăn chặn

Mô hình quy trình:



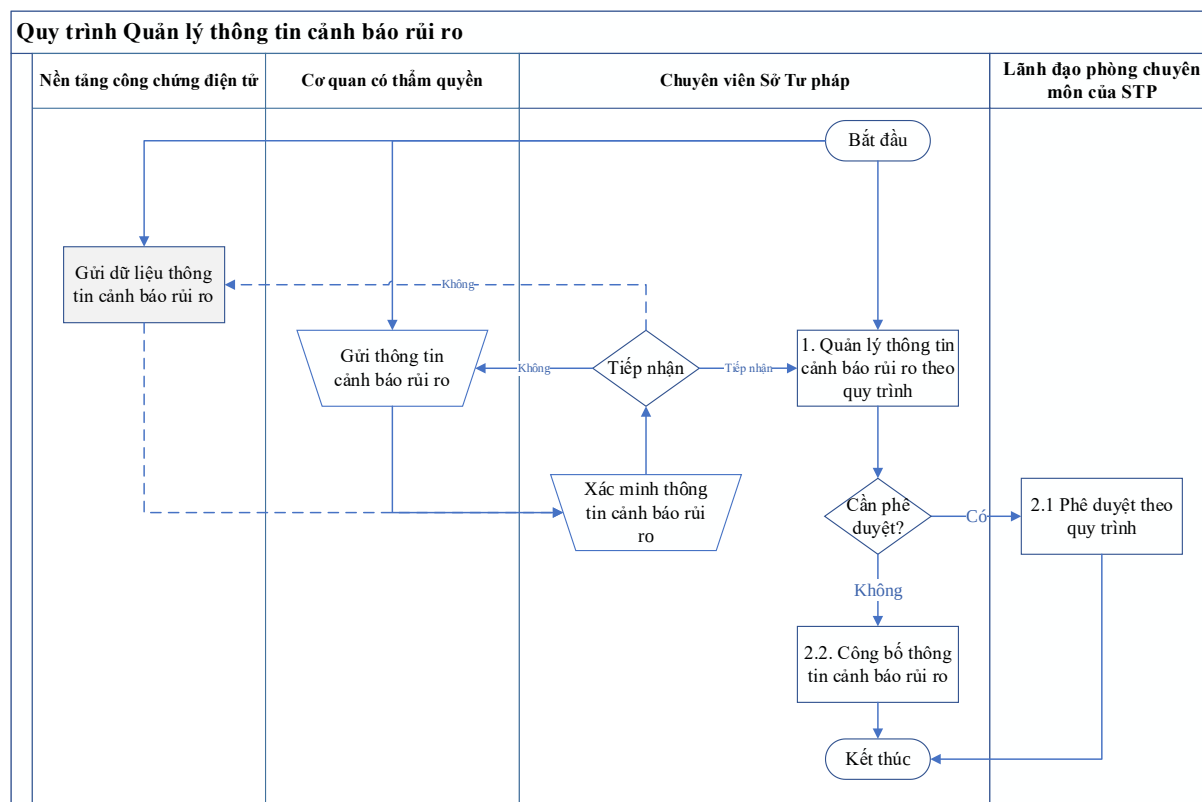
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Gửi dữ liệu thông tin giải tỏa ngăn chặn	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu của các cơ quan có thẩm quyền, thực hiện kết nối chia sẻ thông tin, gửi thông tin giải tỏa ngăn chặn về phần mềm quản lý CSDLCC.
	Gửi văn bản thông tin giải tỏa ngăn chặn	Cơ quan có thẩm quyền	Cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản thông tin giải tỏa ngăn chặn dạng văn bản giấy, văn bản điện tử,... về STP, STP thực hiện tiếp nhận ngoài hệ thống
	Tiếp nhận thông tin giải tỏa ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư Pháp	Chuyên viên Sở Tư Pháp thực hiện tiếp nhận các thông tin giải tỏa ngăn chặn từ văn bản, công văn, giấy tờ từ các cơ quan có thẩm quyền gửi về, thực hiện tiếp nhận và nhập thông tin tiếp nhận để quản lý trên phần mềm.
2	Quản lý thông tin giải tỏa ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư Pháp, Công chứng viên	Với trường hợp thông tin giải tỏa ngăn chặn tiếp nhận qua văn bản: Cán bộ được phân công thực hiện nhập thông tin giải tỏa ngăn chặn vào hệ thống, bao gồm các thông tin liên quan đến đối tượng, tài sản, giao dịch hoặc các nội dung cần ngăn chặn theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Với thông tin giải tỏa ngăn chặn là dữ liệu qua Hệ thống cung cấp dữ liệu: Cán bộ được phân công thực hiện chuẩn hóa lại theo quy chuẩn lưu trữ của phần mềm quản lý CSDL CC
3.1	Phê duyệt theo quy trình	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP thực hiện phê duyệt thông tin hoặc phân công cán bộ thực hiện nhập thông tin giải tỏa ngăn chặn theo quy trình đã

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			được cấu hình trên hệ thống. Tùy theo quy định của từng địa phương, bước này có thể bao gồm một hoặc nhiều cấp phê duyệt.
3.2	Công bố thông tin giải tỏa ngăn chặn	Cán bộ Sở Tư Pháp, Công chứng viên	Sau khi hoàn tất quy trình kiểm tra hoặc phê duyệt, cán bộ được phân công thực hiện công bố thông tin giải tỏa ngăn chặn trên hệ thống để các tổ chức hành nghề công chứng và người dùng có thẩm quyền tra cứu khi thực hiện giao dịch công chứng.

2.3.2.1.2.13. Quy trình Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro

Mô hình quy trình:

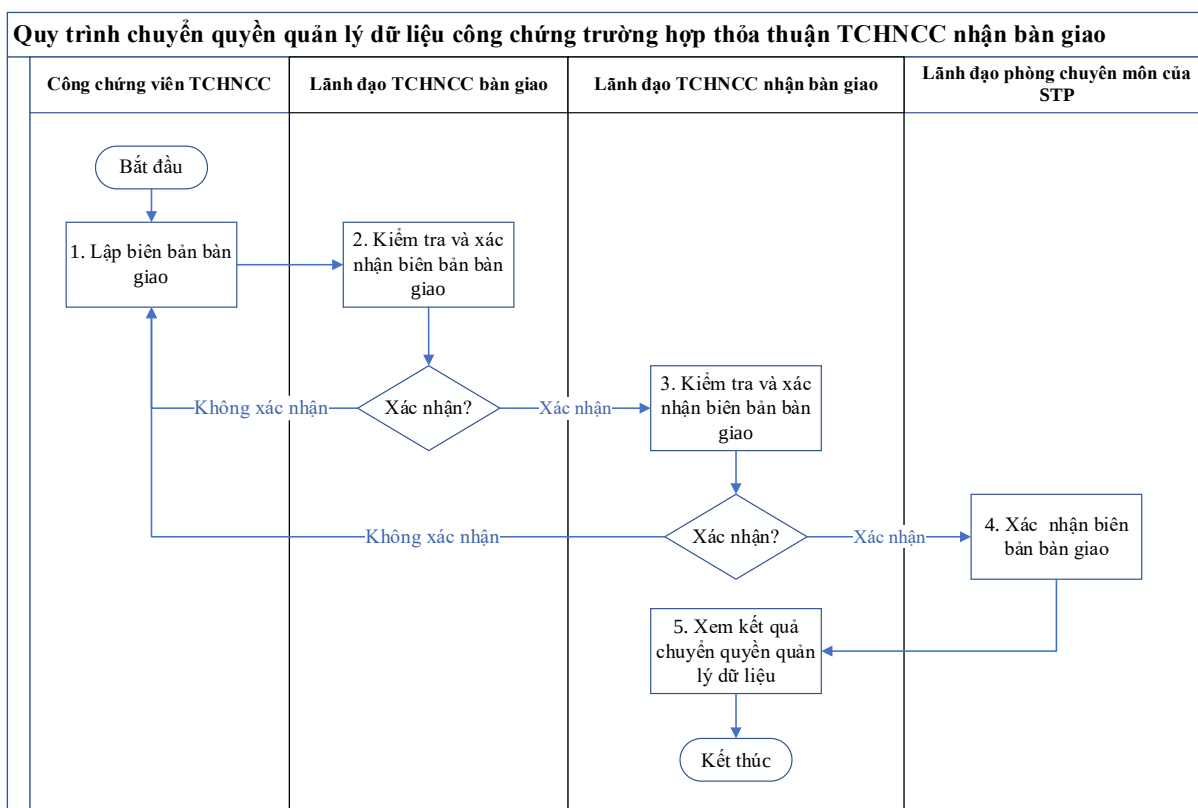


Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Gửi dữ liệu thông tin cảnh báo rủi ro	Nền tảng công chứng điện tử	Nền tảng công chứng điện tử gửi dữ liệu thông tin cảnh báo rủi ro, do công chứng viên tiếp nhận, nhập thông tin trên nền tảng công chứng
2	Gửi thông tin cảnh báo rủi ro	Cơ quan có thẩm quyền	Cơ quan có thẩm quyền gửi thông tin cảnh báo rủi ro qua hình thức thủ công qua văn bản hoặc hình thức khác
3	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro theo quy trình	Cán bộ Sở Tư Pháp, Cán bộ cơ quan có thẩm quyền liên quan, Công chứng viên	Cán bộ được phân công thực hiện quản lý thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào hệ thống, bao gồm các thông tin liên quan đến đối tượng, tài sản, giao dịch hoặc các nội dung cần ngăn chặn, cảnh báo rủi ro/ giải tỏa ngăn chặn theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.
4	Phê duyệt theo quy trình	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP thực hiện phê duyệt thông tin hoặc phân công cán bộ thực hiện nhập thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro theo quy trình đã được cấu hình trên hệ thống. Tùy theo quy định của từng địa phương, bước này có thể bao gồm một hoặc nhiều cấp phê duyệt.
5	Công bố thông tin cảnh báo rủi ro	Cán bộ Sở Tư Pháp, Cán bộ cơ quan có thẩm quyền liên quan, Công chứng viên	Sau khi hoàn tất quy trình kiểm tra hoặc phê duyệt, cán bộ được phân công thực hiện công bố thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro trên hệ thống để các tổ chức hành nghề công chứng và người dùng có thẩm quyền tra cứu khi thực hiện giao dịch công chứng.

2.3.2.1.2.14. Quy trình chuyển quyền quản lý dữ liệu công chứng trường hợp thỏa thuận TCHNCC nhận bàn giao

Mô hình quy trình:



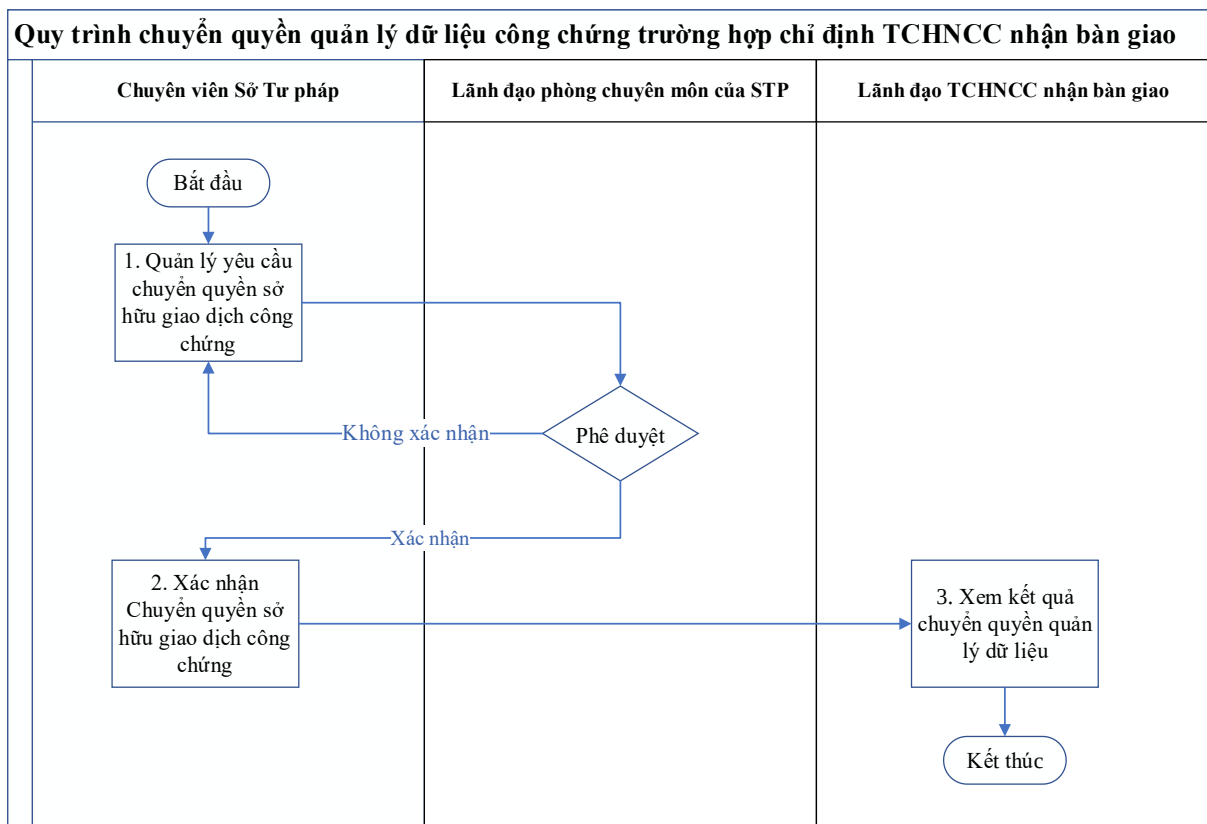
Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Lập biên bản bàn giao	Chuyên viên TCHNCC	Tạo lập biên bản bàn giao, chọn dữ liệu bàn giao và TCHNCC nhận bàn giao
2	Kiểm tra và xác nhận biên bản bàn giao	Lãnh đạo TCHNCC bàn giao	Kiểm tra biên bản bàn giao, dữ liệu bàn giao và TCHNCC nhận bàn giao
3	Kiểm tra và xác nhận biên bản bàn giao	Lãnh đạo TCHNCC nhận bàn giao	Kiểm tra biên bản bàn giao, dữ liệu bàn giao

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
4	Xác nhận biên bản bàn giao	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Thực hiện xem xét và phê duyệt biên bản bàn giao và dữ liệu ban giao

2.3.2.1.2.15. Quy trình chuyển quyền quản lý dữ liệu công chứng trường hợp chỉ định TCHNCC nhận bàn giao

Mô hình quy trình:



Mô tả quy trình:

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Lập biên bản bàn giao	Chuyên viên TCHNCC	Tạo lập biên bản bàn giao, chọn dữ liệu bàn giao và

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
			TCHNCC nhận bàn giao
2	Kiểm tra và xác nhận biên bản bàn giao	Lãnh đạo TCHNCC bàn giao	Kiểm tra biên bản bàn giao, dữ liệu bàn giao và TCHNCC nhận bàn giao
3	Kiểm tra và xác nhận biên bản bàn giao	Lãnh đạo TCHNCC nhận bàn giao	Kiểm tra biên bản bàn giao, dữ liệu bàn giao
4	Xác nhận biên bản bàn giao	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Thực hiện xem xét và phê duyệt biên bản bàn giao và dữ liệu ban giao

2.3.2.2. Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối quan hệ giữa chúng

STT	Tên tác nhân	Mô tả tác nhân	Phân loại tác nhân
1	Chuyên viên Bộ Tư pháp	Cán bộ quản lý nhà nước tại Bộ Tư pháp sử dụng hệ thống để quản lý, giám sát dữ liệu công chứng trên phạm vi toàn quốc; khai thác thông tin, tổng hợp báo cáo phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Phức tạp
2	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cán bộ quản lý nhà nước tại Sở Tư pháp sử dụng hệ thống để theo dõi, giám sát hoạt động công chứng	Phức tạp
3	Lãnh đạo Bộ Tư pháp	Lãnh đạo Bộ Tư pháp sử dụng hệ thống để theo dõi tình hình hoạt động công chứng trên địa bàn, khai thác báo cáo thống kê, phê duyệt	Phức tạp
4	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP sử dụng hệ thống để theo dõi tình hình hoạt động công chứng trên địa bàn, khai thác báo cáo thống kê, phê duyệt	Phức tạp

STT	Tên tác nhân	Mô tả tác nhân	Phân loại tác nhân
5	Lãnh đạo TCHNCC	Người đứng đầu tổ chức hành nghề công chứng sử dụng hệ thống để quản lý hoạt động công chứng tại đơn vị	Phức tạp
6	Công chứng viên	Người thực hiện nghiệp vụ công chứng tại TCHNCC, sử dụng hệ thống để tra cứu thông tin công chứng, xác minh dữ liệu giao dịch, tra cứu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro phục vụ hoạt động công chứng.	Phức tạp
7	Quản trị hệ thống	Thiết lập, cấu hình, quản lý người dùng, phân quyền dữ liệu	Phức tạp
8	Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới	Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới	Đơn giản
9	Nền tảng công chứng	Nền tảng công chứng sử dụng tại Sở Tư pháp, TCHNCC cung cấp dữ liệu công chứng cần chuyển đổi dữ liệu.	Đơn giản
10	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Các Hệ thống cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu	Đơn giản
11	Hệ thống khai thác dữ liệu	Các hệ thống đích nhận dữ liệu	Đơn giản

2.3.2.3. Danh sách yêu cầu của người sử dụng

2.3.2.3.1. Yêu cầu về dữ liệu cần quản lý

Các thông tin, dữ liệu cần quản lý trong hệ thống bao gồm toàn bộ các trường thông tin được quy định tại các biểu mẫu, báo cáo, thống kê và các tài liệu nghiệp vụ có liên quan.

- Biểu mẫu thông tư TT17/2025/ BTP.

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
1	10a/TP/CC	Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Phòng công chứng/Văn phòng công chứng	Sở Tư pháp
2	10b/TP/CC	Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Sơ bộ 6 tháng/sơ bộ năm/tròn năm	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kế hoạch - Tài chính)

- Thông tin:

STT	Nội dung
A	Nhóm thông tin giao dịch công chứng
1	Giao dịch công chứng
2	Giao dịch công chứng có thời hạn
3	Giao dịch công chứng thế chấp
4	Giao dịch công chứng giấy
5	Giao dịch công chứng điện tử
6	Văn bản công chứng
7	Bên liên quan
8	Lịch sử cập nhật giao dịch
9	Tài liệu hồ sơ liên quan
B	Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro
1	Thông tin ngăn chặn

STT	Nội dung
2	Thông tin cảnh báo rủi ro
3	Thông tin giải tỏa ngăn chặn
4	Đối tượng bị ngăn chặn
C	Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng
1	Thông tin tổ chức hành nghề công chứng
D	Nhóm thông tin công chứng viên
1	Thông tin công chứng viên
2	Thẻ công chứng viên
E	Nhóm thông tin cá nhân/tổ chức
1	Thông tin cá nhân
2	Thông tin tổ chức
F	Nhóm thông tin tài sản giao dịch công chứng
1	Thông tin tài sản là đất
2	Thông tin tài sản gắn liền với đất
3	Thông tin tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai
4	Thông tin tài sản là bất động sản khác
5	Thông tin tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy
6	Thông tin tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ
7	Thông tin tài sản là tàu biển
8	Thông tin tài sản là Phương tiện thủy nội địa
9	Thông tin tài sản là tàu cá
10	Thông tin tài sản là tàu bay
11	Thông tin tài sản là sổ tiết kiệm
12	Thông tin tài sản là cổ phiếu
13	Thông tin tài sản là trái phiếu

STT	Nội dung
14	Thông tin tài sản là tài sản khác
G	Chuyển quyền quản lý GDCC
1	Thông tin chuyển quyền quản lý GDCC
2	Văn bản bàn giao hồ sơ công chứng
H	Nhóm thông tin khác
1	Báo cáo thống kê
2	Thông tin thông báo

2.3.2.3.2. Yêu cầu của người sử dụng

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
A	PHÂN HỆ QUẢN LÝ NGĂN CHẶN, RỦI RO VÀ KHAI THÁC DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG				
A.1	Quản lý thông tin ngăn chặn và giải tỏa ngăn chặn				
A.1.1	Quản lý thông tin ngăn chặn				
A.1.1.1	Quản lý quy trình về quản lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn				
1	Cấu hình áp dụng quy trình cho quản lý về thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng cấu hình theo một trong các quy trình mặc định của hệ thống; Cho phép tìm kiếm quy trình mặc định; Cho phép xem chi tiết quy trình; Cho phép áp dụng sử dụng quy trình; Ghi lịch sử cập nhật áp dụng quy trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
2	Quản lý danh sách quy trình về thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép xem danh sách các quy trình xử lý liên quan đến thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn đã được thiết lập trong hệ thống; Có thể tìm kiếm, xem chi tiết; xem lịch sử áp dụng, ngừng áp dụng	B	Trung bình
3	Quản lý lịch sử cập nhật quy trình thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép xem lịch sử thay đổi của các quy trình xử lý thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn; Xem chi tiết thông tin về các lần cập nhật như thời gian cập nhật, người thực hiện cập nhật và nội dung thay đổi của quy trình nhằm phục vụ công tác theo dõi, kiểm soát và quản lý quy trình.	B	Trung bình
A.1.1.2	Quản lý đăng tải thông tin ngăn chặn				
4	Tra cứu thông tin ngăn chặn đã đăng tải	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin ngăn chặn thuộc quản lý của Sở Tư pháp; kết xuất toàn bộ danh sách; kết xuất theo bộ lọc tìm kiếm; gửi duyệt	B	Trung bình
5	Nhập thông tin đăng tải thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là cá nhân	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là cá nhân	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
6	Nhập thông tin đăng tải thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là tổ chức	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là tổ chức	B	Trung bình
7	Nhập thông tin đăng tải thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là tài sản	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là tài sản	B	Trung bình
8	Phân công xử lý thông tin ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng phân công xử lý thông tin ngăn chặn	B	Trung bình
9	Xử lý thông tin ngăn chặn được phân công	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo BTP	Cho phép người dùng xem xét và quyết định phê duyệt hoặc từ chối đăng tải thông tin ngăn chặn cấp Sở	B	Trung bình
10	Xem lịch sử đăng tải thông tin ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm lịch sử đăng tải thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
A.1.2	Quản lý giải tỏa thông tin ngăn chặn				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
11	Tìm kiếm thông tin ngăn chặn cần giải toả	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm, lọc theo các tiêu chí của thông tin ngăn chặn cần giải toả; xem chi tiết; kết xuất toàn bộ danh sách; kết xuất theo bộ lọc tìm kiếm; gửi duyệt	B	Trung bình
12	Nhập đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là cá nhân	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn theo với đối tượng ngăn chặn là cá nhân	B	Trung bình
13	Nhập đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là tổ chức	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn theo với đối tượng ngăn chặn là tổ chức	B	Trung bình
14	Nhập đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn với đối tượng ngăn chặn là tài sản	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn theo với đối tượng ngăn chặn là tài sản	B	Trung bình
15	Phân công xử lý thông tin ngăn chặn cần giải toả	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng phân công xử lý thông tin ngăn chặn cần giải toả	B	Trung bình
16	Xử lý thông tin ngăn chặn được phân công cần giải toả	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem xét và quyết định phê duyệt hoặc từ chối đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
17	Xem lịch sử đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm lịch sử đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn ; Cho phép người dùng xem lịch sử đăng tải giải toả thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
A.2	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro				
A.2.1	Quản lý thông tin cảnh báo rủi ro				
A.1.2.1	Quản lý quy trình về quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro				
18	Cấu hình áp dụng quy trình cho quản lý về thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng cấu hình theo một trong các quy trình mặc định của hệ thống; Cho phép tìm kiếm quy trình mặc định; Cho phép xem chi tiết quy trình; Cho phép áp dụng sử dụng quy trình; Ghi lịch sử cập nhật áp dụng quy trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
19	Quản lý danh sách quy trình quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép xem danh sách các quy trình xử lý liên quan đến thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro đã được thiết lập trong hệ thống; Có thể tìm kiếm, xem chi tiết; xem lịch sử áp dụng, ngừng áp dụng	B	Trung bình
20	Quản lý lịch sử cập nhật quy trình quản lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép xem lịch sử thay đổi của các quy trình xử lý thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro; Xem chi tiết thông tin về các lần cập nhật như thời gian cập nhật, người thực hiện cập nhật và nội dung thay đổi của quy trình nhằm phục vụ công tác theo dõi, kiểm soát và quản lý quy trình.	B	Trung bình
A.2.1.1	Quản lý đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro				
21	Tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro đã đăng tải	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin cảnh báo rủi ro thuộc quản lý của Sở Tư pháp; kết xuất toàn bộ danh sách; kết xuất theo bộ lọc tìm kiếm; gửi duyệt	B	Trung bình
22	Nhập đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro tại với đối tượng cảnh báo là cá nhân	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro theo với đối tượng cảnh báo rủi ro là cá nhân	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
23	Nhập đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro tại với đối tượng cảnh báo là tổ chức	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro theo với đối tượng cảnh báo rủi ro là tổ chức	B	Trung bình
24	Nhập đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro tại với đối tượng cảnh báo là tài sản	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro theo với đối tượng cảnh báo rủi ro là tài sản	B	Trung bình
25	Phân công xử lý thông tin thông tin cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng phân công xử lý thông tin thông tin cảnh báo rủi ro	B	Trung bình
26	Xử lý thông tin thông tin cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem xét và quyết định phê duyệt hoặc từ chối đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro	B	Đơn giản
27	Xem lịch sử đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm lịch sử đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro	B	Đơn giản
A.2.2	Quản lý huỷ thông tin cảnh báo rủi ro				
28	Tìm kiếm thông tin cảnh báo rủi ro cần huỷ đăng tải	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm, lọc theo các tiêu chí của thông tin	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP, Công chứng viên	cảnh báo rủi ro cấp Sở cần hủy đăng tải; kết xuất toàn bộ danh sách; kết xuất theo bộ lọc tìm kiếm; Gửi phê duyệt đăng tải thông tin hủy cảnh báo rủi ro		
29	Nhập đăng tải thông tin hủy cảnh báo rủi ro tại với đối tượng cảnh báo là cá nhân	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải hủy thông tin cảnh báo rủi ro theo với đối tượng cảnh báo rủi ro là cá nhân	B	Trung bình
30	Nhập đăng tải thông tin hủy cảnh báo rủi ro tại với đối tượng cảnh báo là tổ chức	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải hủy thông tin cảnh báo rủi ro theo với đối tượng cảnh báo rủi ro là tổ chức	B	Trung bình
31	Nhập đăng tải thông tin hủy cảnh báo rủi ro tại với đối tượng cảnh báo là tài sản	Chuyên viên Sở Tư pháp, Chuyên viên BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin đăng tải hủy thông tin cảnh báo rủi ro theo với đối tượng cảnh báo rủi ro là tài sản	B	Trung bình
32	Phân công xử lý việc hủy thông tin cảnh báo rủi ro	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo BTP	Cho phép người dùng phân công xử lý việc hủy thông tin cảnh báo rủi ro	B	Trung bình
33	Xử lý việc hủy thông tin cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP,	Cho phép người dùng xem xét và quyết định phê duyệt hoặc từ chối đăng tải hủy thông tin cảnh báo rủi ro	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP, Công chứng viên			
34	Xem lịch sử đăng tải thông tin huỷ cảnh báo rủi ro	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo BTP, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm lịch sử đăng tải huỷ thông tin cảnh báo rủi ro	B	Đơn giản
A.3	Quản lý Khai báo giao dịch đã công chứng thủ công				
A.3.1	Khai báo giao dịch đã công chứng thủ công				
A.3.1.1	Khai báo giao dịch công chứng thủ công				
35	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là đất	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là đất	B	Trung bình
36	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản gắn liền với đất	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại Tài sản gắn liền với đất				
37	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	B	Trung bình
38	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là bất động sản khác	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là bất động sản khác	B	Trung bình
39	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	B	Trung bình
40	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
41	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu biển	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu biển	B	Trung bình
42	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	B	Trung bình
43	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu cá	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu cá	B	Trung bình
44	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu bay	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu bay	B	Trung bình
45	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là sổ tiết kiệm	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là sổ tiết kiệm	B	Trung bình
46	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là cổ phiếu	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là cổ phiếu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
47	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là trái phiếu	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là trái phiếu	B	Trung bình
48	Nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tài sản khác	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tài sản khác	B	Trung bình
A.3.1.2	Quản lý cập nhật/chỉnh sửa thông tin giao dịch công chứng giấy thủ công				
49	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là đất	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là đất	B	Trung bình
50	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản gắn liền với đất	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản gắn liền với đất	B	Trung bình
51	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	công với loại Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai		Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai		
52	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là bất động sản khác	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là bất động sản khác	B	Trung bình
53	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	B	Trung bình
54	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	B	Trung bình
55	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu biển	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu biển	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
56	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	B	Trung bình
57	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu cá	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu cá	B	Trung bình
58	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu bay	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tàu bay	B	Trung bình
59	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là sổ tiết kiệm	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là sổ tiết kiệm	B	Trung bình
60	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là cổ phiếu	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là cổ phiếu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
61	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là trái phiếu	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là trái phiếu	B	Trung bình
62	Cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tài sản khác	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật thông tin giao dịch đã công chứng thủ công với loại Tài sản là tài sản khác	B	Trung bình
63	Cập nhật giải chấp đối với giao dịch thế chấp thủ công	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật giải chấp đối với giao dịch thế chấp thủ công	B	Trung bình
64	Cập nhật sửa lỗi kỹ thuật văn bản công chứng giấy thủ công	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật sửa lỗi kỹ thuật văn bản công chứng giấy thủ công và tải lên file sửa lỗi kỹ thuật	B	Trung bình
A.3.1.3	Quản lý việc xử lý khi khai báo thông tin giao dịch công chứng giấy thủ công				
65	Quản lý danh sách giao dịch đã công chứng gửi phê duyệt thông tin khai báo	Công chứng viên	Cho phép tra cứu, xem chi tiết, kết xuất danh sách; gửi thông tin giao dịch công chứng giấy đã khai báo thủ công lên để Lãnh đạo TCHNCC xem xét, phê duyệt	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trước khi dữ liệu được ghi nhận chính thức vào CSDL công chứng; Xóa giao dịch khai báo thủ công (trước khi phê duyệt)		
66	Xét duyệt thông tin khai báo giao dịch công chứng	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem xét thông tin giao dịch công chứng đã được Công chứng viên khai báo và gửi phê duyệt; Thực hiện kiểm tra nội dung giao dịch, thông tin các bên tham gia, tài sản và tài liệu liên quan; Thực hiện phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt giao dịch theo thẩm quyền.	B	Trung bình
67	Yêu cầu chỉnh sửa thông tin giao dịch công chứng đã khai báo	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Lãnh đạo TCHNCC yêu cầu Công chứng viên chỉnh sửa hoặc bổ sung thông tin đối với giao dịch công chứng đã khai báo khi phát hiện thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác; Hệ thống ghi nhận nội dung yêu cầu chỉnh sửa, cập nhật trạng thái giao dịch và thông báo cho Công chứng viên thực hiện chỉnh sửa theo yêu cầu.	B	Trung bình
68	Xem lịch sử xử lý xét duyệt thông tin giao dịch công chứng đã khai báo	Công chứng viên, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Công chứng viên và Lãnh đạo TCHNCC tra cứu lịch sử xử lý đối với giao dịch công chứng đã khai báo; Hiện thị các bước xử lý như gửi phê duyệt, yêu cầu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chỉnh sửa, phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt; Hiển thị thông tin người thực hiện, thời điểm và nội dung xử lý tương ứng.		
69	Ký số trên tập dữ liệu giao dịch công chứng đã khai báo	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Lãnh đạo TCHNCC thực hiện ký số trên tập dữ liệu giao dịch công chứng đã được xét duyệt hợp lệ trước khi cập nhật chính thức vào CSDL công chứng; Hệ thống thực hiện xác thực chứng thư số, ghi nhận trạng thái ký số và lưu vết việc ký số theo quy định.	B	Trung bình
A.3.1.4	Quản lý cập nhật thông tin giao dịch công chứng giấy thủ công				
70	Quản lý danh sách giao dịch công chứng đã cập nhật sau khi khai báo thủ công	Công chứng viên	Cho phép tra cứu, xem chi tiết, kết xuất danh sách; Cho phép gửi thông tin cập nhật đối với giao dịch công chứng đã tồn tại trong hệ thống để Lãnh đạo TCHNCC xem xét, phê duyệt; Xóa thông tin cập nhật giao dịch đã khai báo thủ công (trước khi phê duyệt)	B	Trung bình
71	Xét duyệt thông tin cập nhật cho giao dịch công chứng	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Lãnh đạo TCHNCC xem xét nội dung cập nhật thông tin giao dịch công chứng do Công chứng viên thực hiện;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Kiểm tra nội dung thay đổi, đánh giá tính hợp lệ của việc cập nhật và thực hiện phê duyệt hoặc từ chối cập nhật theo thẩm quyền.		
72	Yêu cầu chỉnh sửa thông tin giao dịch công chứng đã cập nhật	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Lãnh đạo TCHNCC yêu cầu Công chứng viên chỉnh sửa hoặc bổ sung nội dung cập nhật giao dịch công chứng khi thông tin cập nhật chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác; Hệ thống ghi nhận nội dung yêu cầu chỉnh sửa và cập nhật trạng thái xử lý của giao dịch.	B	Trung bình
73	Xem lịch sử xử lý xét duyệt thông tin giao dịch công chứng đã cập nhật	Công chứng viên, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Công chứng viên và Lãnh đạo TCHNCC tra cứu lịch sử xử lý các lần cập nhật thông tin giao dịch công chứng; Hiện thị các bước gửi phê duyệt, yêu cầu chỉnh sửa, phê duyệt hoặc từ chối cập nhật cùng thông tin người thực hiện và thời điểm xử lý.	B	Trung bình
74	Ký số trên tập dữ liệu giao dịch công chứng đã cập nhật	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép Lãnh đạo TCHNCC thực hiện ký số đối với tập dữ liệu giao dịch công chứng sau khi nội dung cập nhật đã được xét duyệt hợp lệ; Hệ thống xác thực chứng thư số, ghi nhận trạng thái ký số và cập nhật thông tin	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			giao dịch vào CSDL công chứng theo quy định.		
A.3.2	Quản lý giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của tổ chức HNCC				
75	Tra cứu danh sách giao dịch công chứng giấy được tạo lập của tổ chức HNCC từ nền tảng Công chứng	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng giấy được tạo lập của tổ chức HNCC từ nền tảng Công chứng	B	Trung bình
76	Tra cứu danh sách giao dịch công chứng giấy được tạo lập của tổ chức HNCC từ phần mềm chuyển đổi DLCC	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng giấy được tạo lập của tổ chức HNCC từ phần mềm chuyển đổi DLCC	B	Trung bình
77	Xem chi tiết văn bản công chứng giấy và hồ sơ lưu trữ điện tử của giao dịch công chứng giấy	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem chi tiết file văn bản công chứng giấy và hồ sơ lưu trữ điện tử của giao dịch công chứng giấy	B	Đơn giản
78	Tra cứu danh sách giao dịch công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	được tạo lập của tổ chức HNCC từ nền tảng Công chứng		giao dịch công chứng điện tử được tạo lập của tổ chức HNCC từ nền tảng Công chứng		
79	Tra cứu danh sách giao dịch công chứng điện tử được tạo lập của tổ chức HNCC từ phần mềm chuyển đổi DLCC	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng điện tử được tạo lập của tổ chức HNCC từ phần mềm chuyển đổi DLCC	B	Trung bình
80	Xem văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem chi tiết file văn bản công chứng điện tử	B	Đơn giản
81	Xem thành phần hồ sơ giao dịch công chứng điện tử được tạo lập của tổ chức HNCC	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem các file thành phần hồ sơ giao dịch công chứng điện tử được tạo lập của tổ chức HNCC (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy tờ tùy thân của người tham gia)	B	Đơn giản
A.3.3	Khai thác Sổ giao dịch công chứng				
82	Khai thác danh sách thông tin giao dịch công chứng giấy dạng sổ công chứng	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo thời gian mở - khóa sổ và xuất sổ giao dịch công chứng giấy	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
83	Khai thác danh sách thông tin giao dịch công chứng điện tử dạng sổ công chứng	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo thời gian mở - khóa sổ và xuất sổ giao dịch công chứng điện tử	B	Trung bình
84	Tra cứu giao dịch trên sổ theo số giao dịch	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu giao dịch trên sổ theo số giao dịch	B	Đơn giản
85	Tra cứu giao dịch trên sổ theo bên tham gia giao dịch	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu giao dịch trên sổ theo bên tham gia giao dịch	B	Đơn giản
86	Tra cứu giao dịch trên sổ theo loại hợp đồng/giao dịch	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu giao dịch trên sổ theo loại hợp đồng/giao dịch	B	Đơn giản
87	Tra cứu giao dịch trên sổ theo thời gian công chứng	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu giao dịch trên sổ theo thời gian công chứng	B	Đơn giản
88	Báo cáo tổng hợp từ sổ giao dịch	Công chứng viên	Cho phép tổng hợp báo cáo theo tiêu chí thời gian cụ thể; cho phép tổng hợp báo cáo theo khoảng thời gian; cho phép tổng hợp báo cáo theo tiêu chí loại hợp đồng/giao dịch; cho phép tổng hợp báo cáo theo tiêu chí bên tham gia;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
A.3.4	Quản lý tuyên hủy hợp đồng, giao dịch đã công chứng				
89	Tra cứu danh sách hợp đồng cần tuyên hủy	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng cần tuyên hủy tại tổ chức HNCC	B	Trung bình
90	Kiểm tra hợp đồng đã bị tuyên hủy trước đó	Công chứng viên	Cho phép người dùng kiểm tra hợp đồng đã bị tuyên hủy trước đó	B	Đơn giản
91	Cập nhật văn bản tuyên hủy	Công chứng viên	Cho phép người dùng cập nhật văn bản tuyên hủy; Đính kèm văn bản; Cập nhật trạng thái; Nhập nội dung văn bản tuyên hủy	B	Trung bình
92	Kiểm tra trùng yêu cầu tuyên hủy	Công chứng viên	Cho phép người dùng kiểm tra trùng yêu cầu tuyên hủy	B	Trung bình
93	Nhập thông tin tuyên hủy hợp đồng giao dịch đã công chứng	Công chứng viên	Cho phép người dùng nhập thông tin tuyên hủy hợp đồng giao dịch đã công chứng tại tổ chức HNCC	B	Trung bình
94	Xem thống kê số lượng hợp đồng bị tuyên hủy	Công chứng viên, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê số lượng hợp đồng bị tuyên hủy	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
A.3.5	Tra cứu lịch sử cập nhật giao dịch				
95	Xem lịch sử cập nhật thông tin giao dịch công chứng giấy	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem và tìm kiếm lịch sử cập nhật thông tin giao dịch công chứng giấy	B	Đơn giản
96	Xem lịch sử thao tác giao dịch công chứng giấy	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem và tìm kiếm lịch sử thao tác giao dịch công chứng giấy	B	Đơn giản
97	Xem lịch sử trao đổi thông tin giao dịch công chứng giấy	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem và tìm kiếm lịch sử trao đổi thông tin giao dịch công chứng giấy	B	Đơn giản
98	Tra cứu danh sách các giao dịch công chứng giấy đã xóa và có thể khôi phục dữ liệu đã xóa trong thời gian không quá 30 ngày	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm các giao dịch công chứng giấy đã xóa và khôi phục dữ liệu đã xóa trong thời gian không quá 30 ngày	B	Trung bình
99	Xem lịch sử cập nhật thông tin giao dịch công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem và tìm kiếm lịch sử cập nhật thông tin giao dịch công chứng điện tử	B	Đơn giản
100	Xem lịch sử thao tác giao dịch công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem và tìm kiếm lịch sử thao tác giao dịch công chứng điện tử	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
101	Xem lịch sử trao đổi thông tin giao dịch công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem và tìm kiếm lịch sử trao đổi thông tin giao dịch công chứng điện tử	B	Đơn giản
102	Tra cứu danh sách các giao dịch công chứng điện tử đã xóa và có thể khôi phục dữ liệu đã xóa trong thời gian không quá 30 ngày	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm các giao dịch công chứng điện tử đã xóa và khôi phục dữ liệu đã xóa trong thời gian không quá 30 ngày	B	Trung bình
103	Xem lịch sử xử lý tuyên hủy	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem lịch sử xử lý tuyên hủy	B	Đơn giản
A.4	Chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng				
A.4.1	Quy trình chuyển quyền chỉ định từ Sở Tư pháp				
104	Tra cứu danh sách các giao dịch công chứng cần chuyển quyền quản lý	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem danh sách, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng cần chuyển quyền quản lý	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
105	Tạo lập yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng tạo lập yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng và lựa chọn danh sách giao dịch công chứng cần chuyển tới tổ chức tiếp nhận	B	Đơn giản
106	Quản lý danh sách yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem danh sách yêu cầu, tìm kiếm, xem chi tiết, gửi phê duyệt yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng lên lãnh đạo Sở	B	Trung bình
107	Phê duyệt yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem xét và quyết định phê duyệt hoặc từ chối yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	B	Đơn giản
108	Yêu cầu bổ sung thông tin chuyển quyền	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng yêu cầu bổ sung thông tin chuyển quyền	B	Đơn giản
109	Thu hồi yêu cầu chuyển quyền đã gửi	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng thu hồi yêu cầu chuyển quyền đã gửi	B	Đơn giản
110	Thực hiện chuyển quyền chỉ định từ cấp Sở Tư pháp	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng thực hiện chuyển quyền chỉ định từ cấp Sở Tư pháp	B	Trung bình
111	Cập nhật đơn vị/cá nhân được chỉ định mới	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng cập nhật đơn vị/cá nhân được chỉ định mới	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
112	Cập nhật trạng thái hồ sơ sau khi chuyển quyền	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng cập nhật trạng thái hồ sơ sau khi chuyển quyền	B	Đơn giản
113	Xác nhận chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xác nhận và hệ thống thực hiện chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng trên hệ thống tới tổ chức tiếp nhận	B	Đơn giản
114	Cập nhật thông tin hoàn thành việc chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng có chỉ định về Sở Tư pháp	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng cập nhật thông tin hoàn thành việc chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng có chỉ định về Sở Tư pháp	B	Trung bình
A.4.2	Quy trình chuyển quyền theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC				
115	Tạo yêu cầu chuyển quyền quản lý dữ liệu công chứng đến TC HNCC nhận đã thỏa thuận	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tạo yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng và gửi yêu cầu tới tổ chức HNCC nhận	B	Trung bình
116	Nhận yêu cầu chuyển quyền quản lý dữ liệu	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng nhận tiếp nhận, xem xét và phản hồi (đồng ý hoặc từ chối) đối với yêu cầu chuyển quyền được gửi đến	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	công chứng từ TCHNCC bàn giao theo thỏa thuận				
117	Trình yêu cầu chuyển quyền lên Sở Tư pháp	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng trình yêu cầu chuyển quyền (sau khi đã thống nhất) lên Sở Tư pháp để xin ý kiến giải quyết	B	Đơn giản
118	Tiếp nhận yêu cầu chuyển quyền theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ và tài liệu đính kèm của yêu cầu chuyển quyền do các tổ chức HNCC gửi lên	B	Trung bình
119	Xem danh sách yêu cầu chuyển quyền chỉ định	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem danh sách yêu cầu chuyển quyền chỉ định	B	Trung bình
120	Kiểm tra điều kiện được chuyển quyền chỉ định	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng kiểm tra điều kiện được chuyển quyền chỉ định	B	Đơn giản
121	Kiểm tra quyền xử lý của đơn vị/cá nhân nhận quyền	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng kiểm tra quyền xử lý của đơn vị/cá nhân nhận quyền	B	Đơn giản
122	Phân công xử lý yêu cầu chuyển quyền sở hữu hồ sơ giao dịch công chứng theo yêu cầu của TC HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng phân công xử lý yêu cầu chuyển quyền sở hữu hồ sơ giao dịch công chứng theo yêu cầu của TC HNCC; Gửi duyệt yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng theo thỏa thuận của các Tổ chức HNCC	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
123	Xử lý yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem xét và quyết định phê duyệt hoặc từ chối yêu cầu chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC	B	Đơn giản
124	Yêu cầu bổ sung thông tin chuyển quyền đến TCHNCC nhận và chuyển	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng yêu cầu bổ sung thông tin chuyển quyền đến TCHNCC nhận và chuyển	B	Đơn giản
125	Thực hiện chuyển quyền sở hữu hồ sơ giao dịch công chứng theo yêu cầu chuyển quyền đã được phê duyệt	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng thực hiện chuyển quyền sở hữu hồ sơ giao dịch công chứng theo yêu cầu chuyển quyền đã được phê duyệt	B	Trung bình
126	Cập nhật đơn vị/cá nhân được chỉ định mới theo yêu cầu chuyển quyền của TC HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng cập nhật đơn vị/cá nhân được chỉ định mới theo yêu cầu chuyển quyền của TC HNCC	B	Đơn giản
127	Cập nhật trạng thái hồ sơ sau khi chuyển quyền theo yêu cầu chuyển quyền của TC HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng cập nhật trạng thái hồ sơ sau khi chuyển quyền theo yêu cầu chuyển quyền của TC HNCC	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
128	Xác nhận chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xác nhận và hệ thống thực hiện chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng theo thỏa thuận của các tổ chức HNCC trên hệ thống tới tổ chức tiếp nhận	B	Đơn giản
A.4.3	Khai thác thông tin hồ sơ giao dịch công chứng sau chuyển quyền				
129	Xem lại hồ sơ giao dịch công chứng đã được xác nhận chuyển quyền quản lý	Lãnh đạo TCHNCC, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm và xem thông tin chi tiết của các hồ sơ giao dịch công chứng đã hoàn tất quá trình xác nhận chuyển quyền quản lý	B	Đơn giản
130	Chia sẻ quyền khai thác giao dịch công chứng của tổ chức HNCC được chuyển quyền quản lý	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng thiết lập, cấp quyền và chia sẻ quyền khai thác thông tin đối với các giao dịch công chứng đã được nhận chuyển quyền quản lý	B	Trung bình
131	Xem danh sách giao dịch công chứng đã chuyển quyền được chia sẻ để khai thác thông tin	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm và xem chi tiết các thông tin giao dịch công chứng đã chuyển quyền được chia sẻ để khai thác thông tin	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
132	Xem lịch sử chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm lịch sử chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng	B	Đơn giản
133	Xem thống kê số lượng giao dịch chuyển quyền quản lý các cấp	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem các số liệu tổng hợp và báo cáo thống kê về số lượng giao dịch công chứng đã thực hiện chuyển quyền quản lý các cấp	B	Đơn giản
134	Tra cứu yêu cầu chuyển quyền chỉ định	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu yêu cầu chuyển quyền chỉ định	B	Đơn giản
135	Xem thống kê số lượng và báo cáo tình hình chuyển quyền chỉ định	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem thống kê số lượng và báo cáo tình hình chuyển quyền chỉ định	B	Đơn giản
136	Xem báo cáo chuyển quyền theo đơn vị nhận quyền	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo chuyển quyền theo đơn vị nhận quyền	B	Đơn giản
A.5	Khai thác thông tin				
A.5.1	Khai thác thông tin giao dịch đã công chứng				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
137	Tra cứu nhanh thông tin giao dịch đã công chứng trên toàn quốc theo số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm.	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nhanh thông tin giao dịch đã công chứng trên toàn quốc theo số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
138	Tra cứu nhanh thông tin giao dịch đã công chứng theo địa bàn tỉnh/thành phố với số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm.	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nhanh thông tin giao dịch đã công chứng theo địa bàn tỉnh/thành phố với số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
139	Tra cứu nâng cao thông tin giao dịch đã công chứng trên toàn quốc theo các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nâng cao thông tin giao dịch đã công chứng trên toàn quốc theo các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
140	Tra cứu nâng cao thông tin giao dịch đã công	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nâng cao thông tin giao dịch đã công	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng theo địa bàn tỉnh/thành phố với các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số	viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	chứng theo địa bàn tỉnh/thành phố với các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu		
141	Xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng theo phân loại tài sản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của một giao dịch công chứng (Thông tin chung, Thông tin người tham gia giao dịch, Thông tin tài sản,)	B	Đơn giản
142	Xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng theo phân loại giao dịch	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng theo phân loại giao dịch	B	Đơn giản
143	Xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng theo phân loại bên tham gia	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo	Cho phép người dùng xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng theo phân loại bên tham gia	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC			
144	Kiểm tra giao dịch đã tồn tại	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng kiểm tra giao dịch đã tồn tại	B	Đơn giản
145	Kiểm tra trạng thái hiệu lực giao dịch	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng kiểm tra trạng thái hiệu lực giao dịch	B	Đơn giản
146	Kiểm tra giao dịch đã bị tuyên hủy	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép người dùng kiểm tra giao dịch đã bị tuyên hủy	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		STP, Lãnh đạo TCHNCC			
147	Kiểm tra giao dịch có thông tin ngăn chặn	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng kiểm tra giao dịch có thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
148	Xem lịch sử tra cứu thông tin giao dịch công chứng	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin giao dịch công chứng trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản
A.5.2	Khai thác thông tin văn bản công chứng				
149	Tra cứu văn bản công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép người dùng tra cứu văn bản công chứng thông qua các tiêu chí như số công chứng, mã tra cứu, thông tin các bên tham gia giao dịch hoặc thông tin tài sản giao dịch	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		STP, Lãnh đạo TCHNCC			
150	Tra cứu văn bản công chứng theo phân loại giao dịch	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu văn bản công chứng theo phân loại giao dịch	B	Đơn giản
151	Tra cứu văn bản công chứng theo phân loại tài sản giao dịch	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu văn bản công chứng theo phân loại tài sản giao dịch	B	Đơn giản
152	Xem chi tiết nội dung văn bản công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của văn bản công chứng; in văn bản	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
153	Tra cứu hiệu lực văn bản công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu, xem danh sách và xem chi tiết tình trạng pháp lý hiện tại của văn bản công chứng (Đang có hiệu lực, đã bị hủy bỏ, đang bị ngăn chặn)	B	Trung bình
154	Xem thông tin văn bản công chứng liên quan	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem các văn bản phát sinh hoặc có liên đới tới văn bản công chứng gốc (Phụ lục, văn bản hủy bỏ, văn bản sửa lỗi kỹ thuật)	B	Đơn giản
155	Xem lịch sử tra cứu thông tin văn bản công chứng	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin văn bản công chứng trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản
A.5.3	Khai thác thông tin văn bản công chứng điện tử				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
156	Tra cứu văn bản công chứng điện tử bằng phương thức quét mã QR code trên văn bản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng sử dụng thiết bị quét mã QR trên văn bản công chứng điện tử để truy xuất nhanh thông tin chi tiết và kiểm tra tính hợp lệ, tình trạng pháp lý của văn bản trên hệ thống	B	Trung bình
157	Tra cứu văn bản công chứng điện tử bằng phương thức nhập mã tra cứu văn bản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng nhập mã tra cứu để truy xuất nhanh thông tin chi tiết và kiểm tra tính hợp lệ, tình trạng pháp lý của văn bản trên hệ thống	B	Trung bình
158	Xem nội dung văn bản công chứng điện tử	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của văn bản công chứng điện tử	B	Đơn giản
159	Tra cứu hiệu lực văn bản công chứng điện tử	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên	Cho phép người dùng tra cứu, xem danh sách và xem chi tiết tình trạng pháp lý hiện	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	tại của văn bản công chứng điện tử (Đang có hiệu lực, đã bị hủy bỏ, đang bị ngăn chặn)		
160	Xem thông tin văn bản công chứng liên quan điện tử	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem các văn bản phát sinh hoặc có liên đới tới văn bản công chứng điện tử gốc (Phụ lục, văn bản hủy bỏ, văn bản sửa lỗi kỹ thuật)	B	Đơn giản
161	Xem lịch sử tra cứu văn bản công chứng điện tử	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin văn bản công chứng điện tử trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản
A.5.4	Khai thác thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn				
162	Tra cứu nhanh thông tin ngăn chặn, thông tin giải	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nhanh thông tin ngăn chặn, thông tin	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tỏa ngăn chặn trên toàn quốc theo số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm.	viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	giải tỏa ngăn chặn trên toàn quốc theo số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu		
163	Tra cứu nhanh thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo địa bàn tỉnh/thành phố với số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm.	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nhanh thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo địa bàn tỉnh/thành phố với số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
164	Tra cứu nâng cao thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn trên toàn quốc theo các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nâng cao thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn trên toàn quốc theo các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
165	Tra cứu nâng cao thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo địa bàn tỉnh/thành phố với	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nâng cao thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn theo địa bàn tỉnh/thành phố với các tham số tìm kiếm khác nhau	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số	phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	hoặc kết hợp nhiều tham số và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu		
166	Xem thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn về đối tượng cá nhân, tổ chức	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem chi tiết thông tin theo đối tượng bị ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn; Xem chi tiết nội dung ngăn chặn; Xem thông tin văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn; Kết xuất minh chứng tra cứu thông tin theo đối tượng, tài sản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn;	B	Trung bình
167	Xem thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn về tài sản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem chi tiết tài sản bị ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn; Xem nội dung bị ngăn chặn, giải tỏa; Xem thông tin văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn; Kết xuất minh chứng tra cứu thông tin theo đối tượng, tài sản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn;	B	Trung bình
168	Xem lịch sử tra cứu thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin ngăn chặn, thông tin giải tỏa ngăn chặn trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
A.5.5	Khai thác thông tin cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro				
169	Tra cứu nhanh thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro trên toàn quốc theo số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm.	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nhanh thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro trên toàn quốc theo số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
170	Tra cứu nhanh thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro theo địa bàn tỉnh/thành phố với số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm.	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nhanh thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro theo địa bàn tỉnh/thành phố với số giấy chứng nhận hoặc theo từ khóa tìm kiếm và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
171	Tra cứu nâng cao thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro trên toàn quốc theo các tham số tìm	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nâng cao thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro trên toàn quốc theo các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số và in kết quả tra cứu giao	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	kiểm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số	STP, Lãnh đạo TCHNCC	dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu		
172	Tra cứu nâng cao thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro theo địa bàn tỉnh/thành phố với các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách Tra cứu nâng cao thông tin cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro theo địa bàn tỉnh/thành phố với các tham số tìm kiếm khác nhau hoặc kết hợp nhiều tham số và in kết quả tra cứu giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình
173	Xem thông tin cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro về đối tượng cá nhân, tổ chức	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem chi tiết thông tin theo đối tượng bị cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro; Xem thông tin minh chứng bị cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro; Kết xuất minh chứng tra cứu thông tin theo đối tượng, tài sản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn;	B	Đơn giản
174	Xem thông tin cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro về tài sản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem chi tiết tài sản bị cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro; Xem thông tin minh chứng bị cảnh báo rủi ro, thông tin hủy cảnh báo thông tin rủi ro; Kết xuất minh chứng tra cứu thông tin theo đối tượng, tài sản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn;	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
175	Xem lịch sử tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro, thông tin huỷ cảnh báo thông tin rủi ro	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro, thông tin huỷ cảnh báo thông tin rủi ro trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản
A.5.6	Khai thác thông tin CCV				
176	Tra cứu thông tin Công chứng viên từ thông tin thẻ hành nghề của CCV	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu theo thông tin thẻ hành nghề của CCV để xem các thông tin công chứng viên liên quan; Xem chi tiết thông tin; kết xuất danh sách, in danh sách	B	Trung bình
177	Tra cứu thông tin Công chứng viên từ thông tin cá nhân của CCV	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu theo thông tin cá nhân của CCV để xem các thông tin công chứng viên liên quan; Xem chi tiết thông tin; kết xuất danh sách, in danh sách	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
178	Xem lịch sử tra cứu thông tin Công chứng viên	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin công chứng viên trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản
A.5.7	Khai thác thông tin tổ chức HNCC				
179	Tra cứu thông tin tổ chức HNCC từ tên tổ chức hoặc thông tin liên quan	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu theo tên tổ chức hoặc thông tin liên quan để xem các thông tin tổ chức HNCC liên quan; Xem chi tiết thông tin; kết xuất danh sách, in danh sách	B	Trung bình
180	Tra cứu thông tin tổ chức HNCC từ thông tin của Công chứng viên	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu theo thông tin của công chứng viên để xem các thông tin tổ chức HNCC liên quan; Xem chi tiết thông tin; kết xuất danh sách, in danh sách	B	Trung bình
181	Xem lịch sử tra cứu thông tin tổ chức HNCC	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		pháp, Lãnh đạo TCHNCC	thông tin tổ chức HNCC trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng		
A.5.8	Quản lý yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử				
182	Gửi yêu cầu xem chi tiết file văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép người dùng tạo và gửi yêu cầu cấp quyền xem nội dung chi tiết của file văn bản công chứng điện tử đến tổ chức HNCC đã công chứng văn bản	B	Đơn giản
183	Quản lý các yêu cầu tham chiếu đã gửi	Công chứng viên	Cho phép người dùng quản lý các yêu cầu tham chiếu đã gửi; tìm kiếm; Xem chi tiết; hủy yêu cầu; theo dõi trạng thái phản hồi	B	Trung bình
184	Quản lý các yêu cầu xem file văn bản công chứng điện tử từ CCV	Công chứng viên, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép tiếp nhận, theo dõi và quản lý các yêu cầu xem file văn bản công chứng điện tử từ CCV. Chức năng hỗ trợ kiểm tra thông tin yêu cầu, phê duyệt hoặc từ chối yêu cầu, ghi nhận lịch sử xử lý và kiểm soát việc truy cập thông tin theo đúng thẩm quyền.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
185	Xác nhận cho phép xem file văn bản công chứng điện tử từ CCV	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tiếp nhận, xem xét và ra quyết định đồng ý hoặc từ chối đối với yêu cầu xin cấp quyền xem file văn bản công chứng điện tử	B	Đơn giản
186	Xác nhận cho phép xem file văn bản công chứng điện tử từ người yêu cầu công chứng phản hồi và chia sẻ quyền xem qua email	Hệ thống email	Cho phép người yêu cầu công chứng tiếp nhận yêu cầu, phản hồi xác nhận đồng ý và hệ thống thực hiện chia sẻ quyền xem file văn bản thông qua email	B	Đơn giản
187	Xem chi tiết file văn bản công chứng điện tử khi đã được chấp nhận yêu cầu	Công chứng viên	Cho phép người dùng truy cập, mở và đọc nội dung chi tiết của file văn bản công chứng điện tử sau khi yêu cầu xin cấp quyền đã được chấp thuận	B	Đơn giản
188	Cấu hình thời gian hiệu lực truy cập file văn bản được tham chiếu	Công chứng viên	Cho phép người dùng cấu hình thời gian hiệu lực truy cập file văn bản được tham chiếu	B	Trung bình
189	Xem lịch sử xem chi tiết file văn bản công chứng điện tử khi đã được chấp nhận yêu cầu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm lịch sử xem chi tiết file văn bản công chứng điện tử khi đã được chấp nhận yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		STP, Lãnh đạo TCHNCC			
190	Xem thống kê yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem các số liệu tổng hợp, biểu đồ báo cáo về số lượng và tình trạng xử lý của các yêu cầu tham chiếu/xem văn bản công chứng điện tử trên hệ thống	B	Trung bình
191	Xem lịch sử yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm tra nhật ký thao tác, thời gian, người thực hiện và quá trình thay đổi trạng thái của yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử	B	Trung bình
A.5.9	Khai thác thông tin tài sản hình thành từ giao dịch công chứng				
192	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo số giấy tờ tài sản phạm vi địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép người dùng tra cứu thông tin tài sản theo số giấy tờ định danh của tài sản trong phạm vi dữ liệu tỉnh/thành phố của người dùng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		STP, Lãnh đạo TCHNCC			
193	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo thông tin chủ sở hữu tài sản phạm vi địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu thông tin tài sản theo thông tin chủ sở hữu tài sản trong phạm vi dữ liệu tỉnh/thành phố của người dùng	B	Trung bình
194	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo số giấy tờ tài sản phạm vi cả nước	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu thông tin tài sản theo số giấy tờ định danh của tài sản trong phạm vi dữ liệu cả nước	B	Trung bình
195	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo thông tin chủ sở hữu tài sản phạm vi cả nước	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu thông tin tài sản theo thông tin chủ sở hữu tài sản trong phạm vi dữ liệu cả nước	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
196	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo phân loại tài sản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu thông tin tài sản theo phân loại tài sản	B	Trung bình
197	Tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo tổ chức hành nghề công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng theo tổ chức hành nghề công chứng	B	Trung bình
198	Kiểm tra thông tin tài sản đã tồn tại trong hệ thống sau giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng kiểm tra thông tin tài sản đã tồn tại trong hệ thống sau giao dịch công chứng	B	Trung bình
199	Kiểm tra tình trạng hiệu lực tài sản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên	Cho phép người dùng kiểm tra tình trạng hiệu lực tài sản	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC			
200	Kiểm tra tài sản có giao dịch bị tuyên hủy liên quan	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng kiểm tra tài sản có giao dịch bị tuyên hủy liên quan	B	Trung bình
201	Đối chiếu thông tin tài sản giữa các giao dịch	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng đối chiếu thông tin tài sản giữa các giao dịch	B	Trung bình
202	Xem danh sách kết quả tra cứu thông tin tài sản hình thành từ giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo	Cho phép người dùng xem danh sách kết quả tra cứu thông tin tài sản hình thành từ giao dịch công chứng theo từ khóa/điều	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	kiện tra cứu; sắp xếp kết quả; kết xuất nội dung tra cứu; In bản minh chứng tra cứu		
203	Xem chi tiết kết quả tra cứu thông tin tài sản hình thành từ giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của một thông tin tài sản hình thành từ giao dịch công chứng ; xuất nội dung tra cứu; In bản minh chứng tra cứu;	B	Đơn giản
204	Xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng liên quan đến tài sản đã tra cứu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của một giao dịch công chứng liên quan đến tài sản đã tra cứu; Kết xuất nội dung tra cứu; In bản minh chứng tra cứu;	B	Đơn giản
205	Xem lịch sử tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin thông tin tài sản giao dịch công chứng trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
206	Xem nhật ký truy cập thông tin tài sản	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nhật ký truy cập thông tin tài sản	B	Đơn giản
207	Xem phiên bản dữ liệu tài sản theo thời điểm	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem phiên bản dữ liệu tài sản theo thời điểm	B	Đơn giản
208	Xuất danh sách tài sản đã tra cứu	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xuất danh sách tài sản đã tra cứu	B	Đơn giản
209	Xem thông tin số lượng tài sản hình thành từ giao dịch công chứng	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thông tin số lượng tài sản hình thành từ giao dịch công chứng	B	Đơn giản
A.5.10	Khai thác thông tin bên tham gia giao dịch công chứng				
210	Tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch theo số giấy tờ định danh	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên	Cho phép người dùng tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch theo số giấy tờ định	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	danh (Số CMND/CCCD, Mã số thuế tổ chức,..)		
211	Tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch theo thông tin cơ bản được cung cấp	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch thông qua các thông tin cơ bản khác được cung cấp	B	Trung bình
212	Tra cứu thông tin tham gia giao dịch theo thông tin liên quan đến thành phần tham gia giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tìm kiếm thông tin dựa trên vai trò hoặc các đặc điểm cụ thể của các thành phần tham gia trong một giao dịch công chứng	B	Trung bình
213	Xem danh sách kết quả tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép người dùng xem danh sách và in kết quả tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch công chứng theo từ khóa/điều kiện tra cứu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		STP, Lãnh đạo TCHNCC			
214	Xem chi tiết thông tin kết quả tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết về nhân thân, pháp nhân của một bên tham gia giao dịch công chứng	B	Đơn giản
215	Xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng liên quan đến bên tham gia giao dịch công chứng đã tra cứu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của các giao dịch công chứng liên quan đến bên tham gia giao dịch công chứng đã tra cứu	B	Đơn giản
216	Xem chi tiết văn bản công chứng liên quan đến bên tham gia giao dịch công chứng đã tra cứu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng truy xuất và đọc nội dung chi tiết của các văn bản công chứng gắn liền với bên tham gia giao dịch công chứng đã tra cứu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
217	Xem chi tiết văn bản công chứng điện tử liên quan đến bên tham gia giao dịch công chứng đã tra cứu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng truy xuất và đọc nội dung chi tiết của các văn bản công chứng điện tử gắn liền với bên tham gia giao dịch công chứng đã tra cứu	B	Đơn giản
218	Xem lịch sử tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch công chứng	Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách và tìm kiếm nhật ký các lần thực hiện tra cứu thông tin bên tham gia giao dịch công chứng trên hệ thống, bao gồm thông tin về thời gian, tài khoản tra cứu và các tiêu chí/từ khóa đã sử dụng	B	Trung bình
A.5.11	Khai thác thông tin hậu kiểm dữ liệu				
219	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu văn bản công chứng điện tử	Lãnh đạo TCHNCC	Xem danh sách dữ liệu giao dịch theo tiêu chí hậu kiểm thiếu văn bản CCĐT, lọc và tìm kiếm dữ liệu	B	Đơn giản
220	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng thiếu file	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	công chứng theo tiêu chí thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử		văn bản công chứng điện tử qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện		
221	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của CCV không hợp lệ	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng thiếu thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
222	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng có văn bản có chữ ký số của CCV không hợp lệ qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
223	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng viên ký văn bản trong thời gian CCV bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng có văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
224	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của bản thân	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của bản thân				
225	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của người thân.	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của người thân.	B	Đơn giản
226	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký giao dịch công chứng tại 2 TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký giao dịch công chứng tại 2 TCHNCC	B	Đơn giản
227	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC sáp nhập	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC sáp nhập	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
228	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC bị tạm dừng	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC bị tạm dừng	B	Đơn giản
229	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC giải thể.	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC giải thể.	B	Đơn giản
230	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí giao dịch công chứng có thông tin bên liên quan bị ngăn chặn	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng mà công chứng viên ký văn bản trong thời gian không hợp lệ qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
231	Xem thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu giao dịch	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng thiếu file	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	công chứng theo tiêu chí trùng số công chứng		văn bản công chứng điện tử qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện		
232	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin của người tham gia giao dịch với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin của người tham gia giao dịch với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
233	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin tài sản là đất với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin tài sản là đất với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
234	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản gắn liền với đất với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản gắn liền với đất với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
235	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
236	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
237	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu biển với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu biển với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
238	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Phương tiện thủy nội địa với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Phương tiện thủy nội địa với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
239	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu cá với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu cá với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
240	Xem thống kê kết quả Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu bay với dữ liệu gốc	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê danh sách các giao dịch công chứng vi phạm tiêu chí hậu kiểm khi Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu bay với dữ liệu gốc qua quá trình hậu kiểm và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Đơn giản
A.5.12	Quản lý yêu cầu khai thác thông tin chi tiết				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác				
241	Gửi yêu cầu xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	Công chứng viên	Cho phép gửi yêu cầu khai thác thông tin chi tiết của giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của tổ chức hành nghề công chứng khác. Người dùng nhập thông tin giao dịch cần khai thác, lý do khai thác và gửi yêu cầu để TCHNCC quản lý giao dịch xem xét, phê duyệt.	B	Đơn giản
242	Quản lý yêu cầu giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác đã gửi	Công chứng viên	Cho phép tìm kiếm, xem chi tiết yêu cầu; Cho phép hủy yêu cầu khai thác thông tin chi tiết giao dịch công chứng đã gửi trước đó trong trường hợp yêu cầu chưa được TCHNCC quản lý giao dịch chấp thuận; Theo dõi trạng thái phản hồi của từng bên khi gửi yêu cầu khai thác chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	B	Đơn giản
243	Quản lý các yêu cầu xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản	Công chứng viên, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép tiếp nhận, theo dõi và quản lý các yêu cầu xem chi tiết giao dịch công chứng do công chứng viên thuộc tổ chức hành nghề công chứng khác gửi đến đối với các	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	lý của TCHNCC từ CCV thuộc TCHNCC khác		giao dịch công chứng thuộc phạm vi quản lý của đơn vị. Chức năng hỗ trợ kiểm tra thông tin yêu cầu, phê duyệt hoặc từ chối yêu cầu, ghi nhận lịch sử xử lý và kiểm soát việc truy cập thông tin giao dịch theo đúng thẩm quyền.		
244	Cập nhật văn bản cho phép khai thác chi tiết chi tiết giao dịch công chứng của người tham gia giao dịch	Công chứng viên	Cho phép cập nhật và lưu trữ văn bản hoặc tài liệu chứng minh việc người tham gia giao dịch đồng ý cho phép khai thác thông tin chi tiết giao dịch công chứng phục vụ việc xem xét yêu cầu khai thác dữ liệu; Cho phép đính kèm, xóa văn bản, xem chi tiết	B	Trung bình
245	Xét duyệt đủ điều kiện cho phép xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xét duyệt việc yêu cầu khai thác thông tin chi tiết giao dịch công chứng đã đáp ứng các điều kiện theo quy định trước khi thực hiện quyết định chấp thuận hoặc từ chối.	B	Đơn giản
246	Xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	Công chứng viên	Cho phép truy cập và xem thông tin chi tiết của giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của tổ chức hành nghề công chứng khác sau khi yêu cầu khai thác đã được chấp thuận.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
247	Cấu hình thời gian hiệu lực truy cập xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	Công chứng viên	Cho phép thiết lập khoảng thời gian hiệu lực của quyền truy cập xem chi tiết giao dịch công chứng được cấp nhằm đảm bảo việc khai thác dữ liệu chỉ được thực hiện trong thời gian cho phép; Thêm cấu hình thời gian, cập nhật thời gian cho phép; gửi thông báo cho công chứng viên; xem chi tiết lịch sử cập nhật	B	Trung bình
248	Xem lịch sử xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép tra cứu lịch sử các lần truy cập xem thông tin chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác, bao gồm thông tin người truy cập, thời điểm truy cập, giao dịch được xem và trạng thái phê duyệt liên quan; Cho phép xem danh sách, xem chi tiết, xuất chi tiết.	B	Trung bình
249	Xem thống kê yêu cầu xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem thống kê tổng hợp về số lượng yêu cầu khai thác chi tiết giao dịch công chứng giữa các tổ chức hành nghề công chứng, bao gồm số yêu cầu đã gửi, đã chấp thuận, bị từ chối hoặc đang xử lý theo thời gian hoặc địa bàn.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
250	Xuất lịch sử xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xuất dữ liệu lịch sử truy cập xem chi tiết giao dịch công chứng thuộc quyền quản lý của TCHNCC khác ra tệp để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và lưu trữ.	B	Đơn giản
A6	Thông kê báo cáo, tổng hợp dữ liệu theo từng cấp quản lý				
A.6.1	Báo cáo cấp Bộ Tư pháp				
A.6.1.1	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu giao dịch đã công chứng cấp Bộ Tư pháp				
251	Xem thống kê báo cáo tổng hợp dữ liệu công chứng được tạo lập theo các điều kiện loại hình, cơ sở dữ liệu địa phương, hình thức giao dịch trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê tổng hợp dữ liệu công chứng đã tạo lập trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng, địa phương và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
252	Xem báo cáo thống kê số lần cập nhật, chỉnh sửa giao dịch công chứng trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê số lần cập nhật, chỉnh sửa giao dịch công chứng trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng, địa phương và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
253	Xem báo cáo từ lượt xem hồ sơ lưu trữ trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê các cảnh báo truy cập bất thường từ lượt xem hồ sơ lưu trữ trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản, địa phương và xuất báo cáo	B	Trung bình
254	Xem thống kê báo cáo từ đối soát dữ liệu trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê các dữ liệu sai lệch, bất thường phát hiện từ quá trình đối soát trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản, phương thức công chứng, địa phương và xuất báo cáo	B	Trung bình
255	Xem thống kê báo cáo từ hậu kiểm dữ liệu trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê các dữ liệu sai lệch, bất thường phát hiện từ quá trình hậu kiểm trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản, phương thức công chứng, địa phương và xuất báo cáo	B	Trung bình
256	Xem báo cáo tổng hợp, phân tích dữ liệu đa dạng, đang chiều và trực quan	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê và phân tích dữ liệu đa chiều, trực quan hóa theo thời gian thực, hỗ trợ lọc theo thời	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	theo thời gian thực và theo nhu cầu quản lý nhà nước về giao dịch công chứng trên toàn quốc		gian, phương thức công chứng, địa phương và xuất báo cáo		
257	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng được tạo lập trên CSDL CC trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số giao dịch công chứng được tạo lập trên CSDL CC trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng, địa phương và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
258	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCDT trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCDT trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng, địa phương và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
259	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng, địa phương và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
260	Xem báo cáo tổng hợp tình hình khai thác dữ liệu trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng khai thác báo cáo tổng hợp tình hình khai thác hông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn trên toàn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quốc, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, tổ chức và xuất kết quả báo cáo		
261	Xem báo cáo tổng hợp tình hình tuyên văn bản công chứng vô hiệu trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép xem báo cáo tổng hợp về các văn bản công chứng đã bị tuyên vô hiệu trên phạm vi toàn quốc theo các tiêu chí như thời gian, loại giao dịch, loại tài sản, địa phương hoặc tổ chức hành nghề công chứng; Hiện thị dưới dạng bảng thống kê phục vụ công tác quản lý, giám sát và đánh giá tình hình; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình
262	Xem báo cáo tổng hợp tình hình giao dịch công chứng bị hủy trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép xem báo cáo tổng hợp các giao dịch công chứng đã bị hủy trên phạm vi toàn quốc; Cho phép lựa chọn phạm vi thời gian và các tiêu chí phân loại; Hệ thống tổng hợp và hiện thị số lượng, tỷ lệ giao dịch bị hủy theo các tiêu chí phục vụ công tác quản lý và thống kê; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
263	Xem báo cáo tổng hợp tình hình Chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép xem báo cáo tổng hợp về tình hình chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng giữa các tổ chức hành nghề công chứng trên toàn quốc; Cho phép lựa chọn phạm vi thời gian và các tiêu chí phân loại như tổ chức chuyển, tổ chức nhận, loại giao dịch hoặc trạng thái xử lý, địa phương; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình
A.6.1.2	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro cấp Bộ Tư pháp				
264	Xem báo cáo thống kê dữ liệu về thông tin ngăn chặn trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem báo cáo, thống kê tổng hợp về tình hình đăng tải thông tin ngăn chặn trên phạm vi toàn quốc, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
265	Xem báo cáo thống kê dữ liệu về thông tin giải tỏa thông tin ngăn chặn trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem báo cáo, thống kê tổng hợp về tình hình đăng tải thông tin giải tỏa ngăn chặn trên phạm vi toàn quốc, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
266	Xem báo cáo thống kê dữ liệu về thông tin cảnh báo rủi ro trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng tạo và khai thác các báo cáo thống kê động phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin cảnh báo rủi ro trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
267	Xem báo cáo thống kê dữ liệu về thông tin hủy cảnh báo rủi ro trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng tạo và khai thác các báo cáo thống kê động phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin hủy cảnh báo rủi ro trên toàn quốc, hỗ trợ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
A.6.2	Báo cáo cấp Sở Tư pháp				
A.6.2.1	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu giao dịch đã công chứng tại địa phương				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
268	Xem thống kê báo cáo tổng hợp dữ liệu công chứng được tạo lập theo các điều kiện loại hình, cơ sở dữ liệu địa phương, hình thức giao dịch theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê tổng hợp dữ liệu công chứng đã tạo lập trong phạm vi địa phương, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng, và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
269	Xem báo cáo thống kê số lần cập nhật, chỉnh sửa giao dịch công chứng theo địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê số lần cập nhật, chỉnh sửa giao dịch công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
270	Xem báo cáo bất thường từ lượt xem hồ sơ lưu trữ theo địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê các cảnh báo truy cập bất thường từ lượt xem hồ sơ lưu trữ trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
271	Xem thống kê báo cáo bất thường từ đối soát dữ liệu tại địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê các dữ liệu sai lệch, bất thường phát hiện từ quá trình đối soát trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
272	Xem thống kê báo cáo bất thường từ hậu kiểm dữ liệu tại địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê các dữ liệu sai lệch, bất thường phát hiện từ quá trình hậu kiểm trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
273	Xem báo cáo tổng hợp đa chiều và trực quan theo thời gian thực theo địa phương tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê và phân tích dữ liệu đa chiều, trực quan hóa theo thời gian thực, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng và xuất báo cáo	B	Trung bình
274	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng được tạo lập trên CSDL CC theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số giao dịch công chứng được tạo lập trên CSDL CC trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
275	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCĐT theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCĐT trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
276	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo thời gian, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
277	Xem báo cáo tổng hợp tình hình tuyên văn bản công chứng vô hiệu theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép xem báo cáo tổng hợp các văn bản công chứng bị tuyên vô hiệu trên địa bàn tỉnh/thành phố quản lý; Cho phép tổng hợp dữ liệu theo thời gian, loại giao dịch, loại tài sản hoặc tổ chức hành nghề công chứng trong phạm vi địa phương để phục vụ công tác quản lý của Sở Tư pháp; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình
278	Xem báo cáo tổng hợp tình hình giao dịch công chứng bị hủy theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép xem báo cáo tổng hợp các giao dịch công chứng bị hủy trên địa bàn tỉnh/thành phố; Cho phép lọc theo khoảng thời gian, loại giao dịch hoặc tổ chức hành nghề công chứng; ; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
279	Xem báo cáo tổng hợp tình hình Chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép xem báo cáo tổng hợp về tình hình chuyển quyền quản lý hồ sơ giao dịch công chứng giữa các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố; Cho phép lựa chọn phạm vi thời gian và các tiêu chí phân loại như tổ chức chuyển, tổ chức nhận, loại giao dịch hoặc trạng thái xử lý; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình
A.6.2.2	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro, hủy cảnh báo rủi ro theo địa phương				
280	Xem báo cáo thống kê, tổng hợp dữ liệu về thông tin ngăn chặn theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem báo cáo, thống kê tổng hợp về tình hình đăng tải thông tin ngăn chặn trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
281	Xem báo cáo thống kê, tổng hợp dữ liệu về thông tin giải tỏa thông tin ngăn chặn theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem báo cáo, thống kê tổng hợp về tình hình đăng tải thông tin giải tỏa ngăn chặn trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
282	Xem báo cáo thống kê, tổng hợp dữ liệu về thông tin cảnh báo rủi ro theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem báo cáo, thống kê tổng hợp về tình hình đăng tải thông tin cảnh báo rủi ro trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
283	Xem báo cáo thống kê, tổng hợp dữ liệu về thông tin hủy cảnh báo rủi ro theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem báo cáo, thống kê tổng hợp về tình hình đăng tải thông tin hủy cảnh báo rủi ro trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
284	Xem báo cáo tổng số thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn được tạo lập từ CSDL CC theo địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng khai thác báo cáo về tổng số thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn được tạo lập từ CSDL CC theo địa phương, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
285	Xem báo cáo tổng số thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn được chuyển đổi từ Phần mềm Chuyển đổi DLCC	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng khai thác báo cáo về tổng số thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn được chuyển đổi từ Phần mềm Chuyển đổi DLCC trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
286	Xem báo cáo tổng số thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn được chuyển đổi từ hệ thống khác	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem thống kê tổng số thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn được chuyển đổi từ hệ thống khác trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, đơn vị gửi yêu cầu và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
287	Xem báo cáo tổng hợp tình hình khai thác dữ liệu tại địa phương	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng khai thác báo cáo tổng hợp tình hình khai thác thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn trên địa bàn tỉnh/thành phố, hỗ trợ lọc theo khoảng thời gian, trạng thái, tổ chức và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
A.6.3	Báo cáo dành cho Tổ chức HNCC				
288	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng được tạo	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê tổng số lượng giao dịch công chứng đã	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	lập trên CSDL CC theo tổ chức HNCC		được tạo lập trên CSDL CC của tổ chức HNCC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo		
289	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCĐT theo tổ chức HNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCĐT của tổ chức HNCC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
290	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu theo tổ chức HNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu của tổ chức HNCC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
291	Xem đối soát tra cứu thông tin ngăn chặn của tổ chức HNCC từ CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin ngăn chặn do tổ chức HNCC thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
292	Xem đối soát tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro của tổ chức HNCC từ CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro do tổ chức HNCC thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo		
293	Xem đối soát tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng của tổ chức HNCC từ CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng do tổ chức HNCC thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
294	Xem đối soát tra cứu thông tin công chứng viên, tổ chức HNCC khác của tổ chức HNCC từ CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin công chứng viên do tổ chức HNCC thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
295	Xem thống kê báo cáo bất thường từ đối soát dữ liệu tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê các dữ liệu sai lệch, bất thường phát hiện từ quá trình đối soát tại TCHNCC, hỗ trợ lọc theo thời gian, loại tài sản, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
296	Xem thống kê báo cáo bất thường từ hậu kiểm dữ liệu tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem thống kê các dữ liệu sai lệch, bất thường phát hiện từ quá trình hậu kiểm tại TCHNCC, hỗ trợ lọc	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			theo thời gian, loại tài sản, phương thức công chứng và xuất kết quả báo cáo		
297	Xem báo cáo tổng hợp tình hình tuyên văn bản công chứng vô hiệu tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xem báo cáo tổng hợp các văn bản công chứng của tổ chức HNCC đã bị tuyên vô hiệu; Cho phép lọc theo các tiêu chí như thời gian, loại giao dịch hoặc loại tài sản; Cho phép lưu lại báo cáo; Cho phép tra cứu lại báo cáo đã lưu; Cho phép xuất báo cáo	B	Trung bình
298	Xem báo cáo tổng hợp tình hình giao dịch công chứng bị hủy theo tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép lãnh đạo tổ chức hành nghề công chứng xem báo cáo tổng hợp các giao dịch công chứng của tổ chức đã bị hủy; Hệ thống cho phép lựa chọn khoảng thời gian và các tiêu chí phân loại để tổng hợp dữ liệu phục vụ công tác quản lý và kiểm soát nghiệp vụ tại đơn vị.	B	Trung bình
A.6.4	Báo cáo dành cho Công chứng viên của tổ chức HNCC				
299	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng được tạo lập trên CSDL CC theo từng công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê tổng số lượng giao dịch công chứng đã được tạo lập trên CSDL CC của công	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng viên, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo		
300	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCĐT theo từng công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ nền tảng CCĐT của công chứng viên, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
301	Xem báo cáo tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu theo từng công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê tổng số giao dịch công chứng nhận được từ phần mềm Chuyển đổi dữ liệu của công chứng viên, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
302	Xem đối soát tra cứu thông tin ngăn chặn của tổ chức HNCC từ CSDL CC theo công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin ngăn chặn do công chứng viên thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
303	Xem đối soát tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro của tổ chức HNCC từ CSDL CC theo công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin cảnh báo rủi ro do công chứng viên thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo		
304	Xem đối soát tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng của tổ chức HNCC từ CSDL CC theo công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin tài sản giao dịch công chứng của tổ chức HNCC do công chứng viên thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
305	Xem đối soát tra cứu thông tin công chứng viên, tổ chức HNCC khác từ CSDL CC theo công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem báo cáo đối soát chi tiết về lịch sử và số lượng lượt tra cứu thông tin công chứng viên, tổ chức HNCC khác do công chứng viên thực hiện trên hệ thống CSDL CC, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
A.6.5	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo thông tư 17/2025/TT-BTP				
A.6.5.1	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng cấp Bộ Tư pháp				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
306	Khai thác thông tin báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo cấp Bộ Tư pháp	Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm và lọc theo điều kiện báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động công chứng ở cấp Bộ Tư pháp	B	Trung bình
307	Xem chi tiết biểu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo cấp Bộ Tư pháp	Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của các số liệu, biểu mẫu báo cáo kết quả hoạt động công chứng trên toàn quốc đã được tổng hợp ở cấp Bộ Tư pháp	B	Trung bình
308	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo cấp Bộ Tư pháp theo biểu mẫu của thông tư 17/2025/TT-BTP	Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng tải xuống dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng cấp Bộ Tư pháp theo đúng định dạng và cấu trúc biểu mẫu được quy định tại Thông tư 17/2025/TT-BTP	B	Đơn giản
A.6.5.2	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng cấp Sở Tư pháp				
309	Khai thác thông tin báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo cấp Sở Tư pháp	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm và lọc theo điều kiện báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động công chứng ở cấp Sở Tư pháp	B	Trung bình
310	Xem chi tiết biểu báo cáo kết quả hoạt động công	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của các số liệu, biểu mẫu báo cáo kết quả	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng theo cấp Sở Tư pháp		hoạt động công chứng trên toàn quốc đã được tổng hợp ở cấp Sở Tư pháp		
311	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo cấp Sở Tư pháp theo biểu mẫu của thông tư 17/2025/TT-BTP	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng tải xuống dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng cấp Sở Tư pháp theo đúng định dạng và cấu trúc biểu mẫu được quy định tại Thông tư 17/2025/TT-BTP	B	Đơn giản
A.6.5.3	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC				
312	Khai thác thông tin báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm và lọc theo điều kiện báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC	B	Trung bình
313	Xem chi tiết biểu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của các số liệu, biểu mẫu báo cáo kết quả hoạt động công chứng trên toàn quốc đã được tổng hợp theo tổ chức HNCC	B	Trung bình
314	Xuất dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC, biểu	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tải xuống dữ liệu báo cáo kết quả hoạt động công chứng theo tổ chức HNCC theo đúng định dạng và cấu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	mẫu của thông tư 17/2025/TT-BTP		trúc biểu mẫu được quy định tại Thông tư 17/2025/TT-BTP		
A.6.5.4	Khai thác và phân tích dữ liệu hoạt động công chứng theo đợt báo cáo định kỳ				
315	Khai thác, phân tích dữ liệu so sánh giữa nhiều kỳ báo cáo của từng địa phương hoặc Tổ chức HNCC theo quyền tiếp cận dữ liệu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng khai thác và phân tích biểu đồ so sánh dữ liệu giữa nhiều kỳ báo cáo khác nhau của từng địa phương hoặc tổ chức HNCC tương ứng với quyền hạn được cấp, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
316	Khai thác lịch sử thống kê, báo cáo theo từng đợt báo cáo hoạt động công chứng theo từng địa phương hoặc tổ chức HNCC theo quyền tiếp cận dữ liệu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem và tra cứu lại lịch sử các bản số liệu thống kê, báo cáo hoạt động công chứng đã được lưu trữ qua từng đợt của địa phương hoặc tổ chức HNCC dựa trên phân quyền dữ liệu, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
A.6.6	Báo cáo dành cho Quản trị hệ thống				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
317	Tổng hợp thông kê báo cáo giám sát hệ thống	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng xem các số liệu tổng hợp, thông kê về tình trạng hoạt động, hiệu suất và tài nguyên của hệ thống, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
318	Theo dõi, tổng hợp và khai thác các thông tin về tình hình hoạt động của hệ thống nhằm phục vụ công tác quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả vận hành và hỗ trợ ra quyết định.	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng giám sát trực tuyến và khai thác dữ liệu chi tiết về trạng thái vận hành của hệ thống để phục vụ công tác quản trị, ra quyết định, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
319	Báo cáo về tình hình thu thập dữ liệu công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép báo cáo về tình hình thu thập dữ liệu theo nguồn dữ liệu, số lượng thu thập, dung lượng; Tra cứu báo cáo thu thập dữ liệu công chứng theo tham số đơn; Tra cứu báo cáo thu thập dữ liệu công chứng theo tham số kết hợp; Kết xuất báo cáo thu thập dữ liệu công chứng ra file; In báo cáo thu thập dữ liệu công chứng	B	Trung bình
320	Báo cáo về quá trình xử lý dữ liệu làm sạch dữ liệu	Quản trị hệ thống	Tra cứu báo cáo xử lý dữ liệu theo tham số đơn; Tra cứu báo cáo xử lý dữ liệu theo tham số kết hợp; Kết xuất báo cáo xử lý làm	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sạch dữ liệu ra file; In báo cáo xử lý làm sạch dữ liệu		
321	Báo cáo về quá trình xử lý dữ liệu chuẩn hóa dữ liệu	Quản trị hệ thống	Tra cứu báo cáo xử lý dữ liệu theo tham số đơn; Tra cứu báo cáo xử lý dữ liệu theo tham số kết hợp; Kết xuất báo cáo xử lý chuẩn hóa dữ liệu ra file; In báo cáo xử lý chuẩn hóa dữ liệu	B	Trung bình
322	Báo cáo đối soát dữ liệu công chứng	Quản trị hệ thống	Tra cứu báo cáo đối soát dữ liệu công chứng theo tham số đơn; Tra cứu báo cáo đối soát dữ liệu công chứng theo tham số kết hợp; Kết xuất báo cáo đối soát dữ liệu công chứng ra file; In báo cáo đối soát dữ liệu công chứng	B	Trung bình
323	Báo cáo hậu kiểm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Tra cứu báo cáo lỗi dữ liệu theo tham số đơn; Tra cứu báo cáo lỗi dữ liệu theo tham số kết hợp; Kết xuất báo cáo lỗi dữ liệu ra file; In báo cáo lỗi dữ liệu	B	Trung bình
324	Báo cáo lượt yêu cầu cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng xem báo cáo thống kê về số lượng yêu cầu cung cấp dữ liệu được gửi tới hệ thống trong từng khoảng thời gian, bao gồm tổng số yêu cầu, số yêu cầu theo loại dữ liệu, theo tổ chức hoặc cá nhân yêu cầu; hỗ trợ lọc theo điều kiện,	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hiển thị dưới dạng bảng hoặc biểu đồ và cho phép xuất báo cáo.		
325	Báo cáo xu hướng yêu cầu cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng phân tích xu hướng phát sinh các yêu cầu cung cấp dữ liệu theo thời gian thông qua các biểu đồ và chỉ số thống kê, giúp nhận diện sự gia tăng hoặc giảm sút nhu cầu khai thác dữ liệu theo từng giai đoạn, theo loại dữ liệu hoặc theo nhóm người dùng.	B	Trung bình
326	Báo cáo tình hình cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng theo dõi và tổng hợp tình hình xử lý các yêu cầu cung cấp dữ liệu trong hệ thống, bao gồm số lượng yêu cầu đã xử lý, đang xử lý, bị từ chối hoặc chưa xử lý; hỗ trợ thống kê theo thời gian, theo loại dữ liệu hoặc theo đơn vị khai thác và cho phép xuất báo cáo phục vụ công tác quản lý.	B	Trung bình
327	Báo cáo thống kê lượt khai thác dữ liệu	Quản trị hệ thống	Tra cứu báo cáo thống kê hoạt động khai thác dữ liệu trong hệ thống; Thống kê số lượt tra cứu dữ liệu; Xem tổng số lượt tra cứu trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố; Xem bảng số lượt tra cứu theo thời gian trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố; Phân	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tích loại dữ liệu được khai thác nhiều nhất; Trình bày dữ liệu dưới dạng biểu đồ và bảng tổng hợp; Xuất bảng số liệu tổng số lượt tra cứu trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố		
328	Báo cáo xu hướng khai thác dữ liệu công chứng	Quản trị hệ thống	Tra cứu báo cáo thống kê hoạt động khai thác dữ liệu trong hệ thống; Thống kê số lượt tra cứu dữ liệu; Xem tổng số lượt tra cứu trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố; Xem bảng số lượt tra cứu theo thời gian trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố; Phân tích loại dữ liệu được khai thác nhiều nhất; Trình bày dữ liệu dưới dạng biểu đồ và bảng tổng hợp; Xuất bảng số liệu tổng số lượt tra cứu trên phạm vi địa bàn tỉnh/thành phố	B	Trung bình
A.6.7	Báo cáo về ước tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng				
329	Báo cáo ước tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng theo loại dịch vụ dữ liệu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép lựa chọn chức năng Báo cáo tổng hợp phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng; Nhập các tham số báo cáo (khoảng thời gian, loại dịch vụ dữ liệu); Hệ thống	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tổng hợp số lượng giao dịch khai thác dữ liệu và tổng phí thu tương ứng; Hiện thị báo cáo tổng hợp phí khai thác dịch vụ dữ liệu; Cho phép xem chi tiết số liệu theo từng loại dịch vụ dữ liệu; Cho phép kết xuất báo cáo.		
330	Báo cáo ước tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng theo địa bàn tỉnh/thành	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép lựa chọn chức năng Báo cáo phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng theo đơn vị/tổ chức; Nhập các tham số báo cáo (thời gian, đơn vị/tổ chức); Hệ thống tổng hợp số lượng giao dịch khai thác dữ liệu và tổng phí thu theo từng đơn vị/tổ chức; Hiện thị báo cáo phí khai thác dữ liệu theo đơn vị/tổ chức; Cho phép xem chi tiết số liệu của từng đơn vị/tổ chức; Cho phép kết xuất báo cáo.	B	Trung bình
331	Báo cáo tổng hợp ước tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng theo các tham số kết hợp	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép lựa chọn chức năng Báo cáo phí khai thác dịch vụ dữ liệu công chứng; Nhập các tham số báo cáo (thời gian, đơn vị/tổ chức, loại dịch vụ dữ liệu); Hệ thống tổng hợp số lượng giao dịch khai thác dữ liệu và tổng phí thu theo từng đơn vị/tổ chức; Hiện thị báo cáo phí khai thác dữ liệu theo đơn vị/tổ chức; Cho phép xem chi tiết số liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			của từng đơn vị/tổ chức; Cho phép kết xuất báo cáo.		
A.7	Dashboard thống kê thông tin theo vai trò truy cập				
A.7.1	Dashboard thông tin tổng hợp cấp Bộ Tư pháp				
332	Xem thống kê số lượng tổ chức hành nghề công chứng toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
333	Xem thống kê số lượng công chứng viên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng công chứng viên toàn quốc trên phạm vi toàn quốc; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
334	Xem thống kê số lượng giao dịch công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng giao dịch công chứng trên phạm vi toàn quốc; xem chi tiết số liệu; tra	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị		
335	Xem thống kê số lượng văn bản ngăn chặn, cảnh báo rủi ro	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng văn bản ngăn chặn, cảnh báo rủi ro trên phạm vi toàn quốc; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
336	Xem biểu đồ thống kê tỉ lệ công chứng giấy và công chứng điện tử	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard so sánh tỉ lệ phân bố giữa giao dịch công chứng giấy và công chứng điện tử trên phạm vi toàn quốc; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
337	Xem biểu đồ thống kê giao dịch công chứng điện tử	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard thể hiện số liệu của các giao dịch công chứng điện tử trên phạm vi toàn quốc; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
338	Xem biểu đồ thống kê số lượng giao dịch công chứng theo loại dịch vụ dữ liệu tính phí khai thác	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép lựa chọn chức năng Xem biểu đồ thống kê số lượng giao dịch công chứng theo loại dịch vụ dữ liệu tính phí khai thác; Nhập các tham số thống kê (khoảng thời	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			gian, loại dịch vụ dữ liệu); Hệ thống tổng hợp số lượng giao dịch công chứng theo từng loại dịch vụ dữ liệu; Hiển thị biểu đồ thống kê trên Dashboard; Cho phép xem chi tiết số liệu tương ứng với từng loại dịch vụ dữ liệu; Cho phép kết xuất dữ liệu thống kê.		
339	Xem biểu đồ thống kê ước tính phí thu theo loại dịch vụ dữ liệu tính phí khai thác	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép lựa chọn chức năng Xem biểu đồ thống kê phí thu theo loại dịch vụ dữ liệu tính phí khai thác; Nhập các tham số thống kê (thời gian, loại dịch vụ dữ liệu); Hệ thống tổng hợp tổng phí thu theo từng loại dịch vụ dữ liệu; Hiển thị biểu đồ thống kê phí thu; Cho phép xem chi tiết số tiền tương ứng với từng loại dịch vụ dữ liệu; Cho phép kết xuất dữ liệu thống kê phí thu.	B	Trung bình
340	Xem biểu đồ thống kê ước tính phí thu khai thác dữ liệu theo địa bàn	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép lựa chọn chức năng Xem biểu đồ thống kê phí thu khai thác dữ liệu theo đơn vị/tổ chức; Nhập các tham số thống kê (khoảng thời gian, đơn vị/tổ chức); Hệ thống tổng hợp tổng phí thu khai thác dữ liệu theo từng đơn vị/tổ chức; Hiển thị biểu đồ thống kê phí thu theo đơn vị/tổ chức;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Cho phép xem chi tiết số liệu phí thu của từng đơn vị/tổ chức; Cho phép kết xuất báo cáo thống kê.		
341	Xem biểu đồ thống kê tình hình khai thác dữ liệu theo loại dữ liệu	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Hiển thị biểu đồ thống kê tình hình khai thác dữ liệu công chứng theo từng loại dữ liệu (ví dụ: giao dịch công chứng, thông tin tài sản, thông tin cá nhân/tổ chức...); xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
342	Xem biểu đồ thống kê xu hướng khai thác dữ liệu theo đơn vị	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng khai thác dữ liệu công chứng theo từng đơn vị; Hệ thống tổng hợp số lượng lượt khai thác dữ liệu theo các đơn vị sử dụng hệ thống (như Sở Tư pháp, TCHNCC) theo các khoảng thời gian khác nhau; Hiển thị dữ liệu dưới dạng biểu đồ trực quan nhằm phục vụ theo dõi, đánh giá mức độ khai thác dữ liệu và hỗ trợ công tác quản lý, giám sát việc sử dụng dữ liệu trong toàn hệ thống.	B	Trung bình
343	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch theo thời gian	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng phát sinh giao dịch công chứng theo thời gian trên phạm vi toàn quốc; Hệ thống tổng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hợp dữ liệu giao dịch theo các mốc thời gian (ngày, tháng, quý, năm), hiển thị dưới dạng biểu đồ trực quan nhằm phục vụ theo dõi biến động và đánh giá tình hình giao dịch công chứng.		
344	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch theo loại giao dịch	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch công chứng theo từng loại giao dịch (ví dụ: chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, ủy quyền...); Hệ thống tổng hợp và hiển thị dữ liệu dưới dạng biểu đồ để phục vụ việc phân tích cơ cấu và xu hướng phát sinh các loại giao dịch công chứng.	B	Trung bình
345	Xem biểu đồ thống kê phân bố giao dịch theo địa phương	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê phân bố giao dịch công chứng theo địa phương; Hệ thống tổng hợp số lượng giao dịch theo từng tỉnh/thành phố và hiển thị dưới dạng biểu đồ trực quan, hỗ trợ đánh giá mức độ phát sinh giao dịch công chứng giữa các địa phương.	B	Trung bình
346	Xem biểu đồ thống kê xu hướng ngăn chặn theo loại tài sản	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng các yêu cầu ngăn chặn giao dịch theo từng loại tài sản (như bất động sản, phương tiện, tài sản khác...); Hệ thống tổng hợp dữ liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			ngăn chặn theo loại tài sản và hiển thị biểu đồ để phục vụ theo dõi, phân tích và đánh giá tình hình rủi ro trong hoạt động công chứng.		
347	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch bị tuyên văn bản công chứng vô hiệu trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê thể hiện xu hướng các giao dịch công chứng bị tuyên vô hiệu trên phạm vi toàn quốc theo thời gian; Hệ thống trực quan hóa dữ liệu dưới dạng biểu đồ nhằm hỗ trợ phân tích xu hướng và đánh giá tình hình trên toàn quốc.	B	Trung bình
348	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch công chứng bị hủy trên toàn quốc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng các giao dịch công chứng bị hủy trên phạm vi toàn quốc theo các khoảng thời gian; Hệ thống trực quan hóa dữ liệu nhằm hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá và theo dõi biến động của các giao dịch bị hủy.	B	Trung bình
A.7.2	Dashboard thông tin tổng hợp cấp Sở Tư pháp				
349	Xem thống kê số lượng tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
350	Xem thống kê số lượng công chứng viên trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng công chứng viên đang hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
351	Xem thống kê số lượng giao dịch công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng giao dịch công chứng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
352	Xem thống kê số lượng văn bản ngăn chặn trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng văn bản ngăn chặn đang hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
353	Xem biểu đồ thống kê tỉ lệ công chứng giấy và công chứng điện tử trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard so sánh tỉ lệ phân bố giữa giao dịch công chứng giấy và công chứng điện tử trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
354	Xem biểu đồ thống kê giao dịch công chứng điện tử trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard thể hiện số liệu của các giao dịch công chứng điện tử trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
355	Xem biểu đồ thống kê giao dịch công chứng giấy trên địa bàn tỉnh/thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard thể hiện số liệu của các giao dịch công chứng giấy trên địa bàn tỉnh/thành phố và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
356	Xem biểu đồ thống kê ước tính phí thu theo loại dịch vụ dữ liệu tính phí khai thác tại của địa bàn	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép lựa chọn chức năng Xem biểu đồ thống kê phí thu theo loại dịch vụ dữ liệu tính phí khai thác tại địa bàn địa phương; Nhập các tham số thống kê; Hệ thống tổng hợp tổng phí thu theo từng loại dịch vụ dữ liệu; Hiện thị biểu đồ thống kê phí thu; Cho phép xem chi tiết số tiền tương ứng với từng loại dịch vụ dữ liệu; Cho phép kết xuất dữ liệu thống kê phí thu.	B	Trung bình
357	Xem biểu đồ thống kê tình hình khai thác dữ liệu theo loại dữ liệu tại địa bàn tỉnh/ thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Hiện thị biểu đồ thống kê tình hình khai thác dữ liệu công chứng theo từng loại dữ liệu (ví dụ: giao dịch công chứng, thông tin tài sản, thông tin cá nhân/tổ chức...); xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
358	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch bị tuyên văn bản công chứng vô	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng các giao dịch công chứng bị tuyên vô hiệu trên địa bàn tỉnh/thành phố theo thời gian	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	hiệu trên địa bàn tỉnh/ thành phố		hoặc các tiêu chí phân loại; Hệ thống hiển thị biểu đồ trực quan phục vụ việc phân tích và theo dõi tình hình tại địa phương.		
359	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch công chứng bị hủy trên địa bàn tỉnh/ thành phố	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng các giao dịch công chứng bị hủy trên địa bàn tỉnh/thành phố theo các khoảng thời gian; Hệ thống trực quan hóa dữ liệu để hỗ trợ công tác phân tích và quản lý của Sở Tư pháp.	B	Trung bình
A.7.3	Dashboard thông tin tổng hợp dành cho tổ chức HNCC				
360	Xem thống kê tổng số lượng hồ sơ công chứng thuộc tổ chức hành nghề công chứng đã có trên CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng hồ sơ công chứng thuộc tổ chức hành nghề công chứng đã có trên CSDL CC và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
361	Xem thống kê tổng số lượng văn bản công chứng điện tử thuộc tổ chức hành nghề công	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng văn bản công chứng điện tử thuộc tổ chức hành nghề công chứng đã có trên CSDL CC và hỗ trợ bộ lọc theo điều	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng đã có trên CSDL CC		kiện; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị		
362	Xem thống kê số lượng hồ sơ lưu trữ điện tử thuộc tổ chức hành nghề công chứng đã có trên CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng hồ sơ lưu trữ điện tử thuộc tổ chức hành nghề công chứng đã có trên CSDL CC và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
363	Xem thống kê đối soát tra cứu thông tin của tổ chức HNCC trên CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem trên dashboard về số lượng, tần suất các lượt tra cứu thông tin do tổ chức HNCC thực hiện trên CSDL CC và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
364	Xem biểu đồ thống kê tỉ lệ công chứng giấy và công chứng điện tử của tổ chức hành nghề công chứng đã đồng bộ thông tin lên CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard so sánh tỉ lệ công chứng giấy và công chứng điện tử của tổ chức hành nghề công chứng đã đồng bộ thông tin lên CSDL CC; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
365	Xem biểu đồ thống kê giao dịch công chứng điện	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard thể hiện số liệu của	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tử của tổ chức hành nghề công chứng đã đồng bộ thông tin lên CSDL CC		các giao dịch công chứng điện tử của tổ chức hành nghề công chứng đã đồng bộ thông tin lên CSDL CC; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị		
366	Xem biểu đồ thống kê giao dịch công chứng giấy của tổ chức hành nghề công chứng đã đồng bộ thông tin lên CSDL CC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem biểu đồ trực quan trên dashboard thể hiện số liệu của các giao dịch công chứng giấy của tổ chức hành nghề công chứng đã đồng bộ thông tin lên CSDL CC và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện; xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
367	Xem biểu đồ thống kê tình hình khai thác dữ liệu theo loại dữ liệu tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Hiển thị biểu đồ thống kê tình hình khai thác dữ liệu công chứng theo từng loại dữ liệu trên địa bàn địa phương (ví dụ: giao dịch công chứng, thông tin tài sản, thông tin cá nhân/tổ chức...); xem chi tiết số liệu; tra cứu theo các tham số; xuất biểu đồ, thay đổi hiển thị	B	Trung bình
368	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch bị tuyên văn bản công chứng vô hiệu tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng các giao dịch công chứng của tổ chức đã bị tuyên vô hiệu theo thời gian; Hệ thống hiển thị biểu đồ trực quan giúp đơn vị theo dõi	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tình hình và đánh giá rủi ro trong hoạt động công chứng.		
369	Xem biểu đồ thống kê xu hướng giao dịch công chứng bị hủy tại TCHNCC	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép xem biểu đồ thống kê xu hướng các giao dịch công chứng bị hủy tại tổ chức theo thời gian; Hệ thống hiển thị biểu đồ trực quan phục vụ việc theo dõi, phân tích và kiểm soát hoạt động công chứng tại đơn vị.	B	Trung bình
370	Xem biểu đồ thống kê số lượng yêu cầu khai thác chi tiết giao dịch công chứng từ TCHNCC khác	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép xem biểu đồ thống kê số lượng yêu cầu khai thác chi tiết thông tin giao dịch công chứng do tổ chức hành nghề công chứng khác gửi đến đơn vị	B	Trung bình
371	Xem biểu đồ thống kê số lượng yêu cầu khai thác chi tiết giao dịch công chứng được quản lý tại TCHNCC khác	Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người sử dụng xem biểu đồ thống kê số lượng yêu cầu khai thác chi tiết thông tin giao dịch công chứng do đơn vị gửi tới các tổ chức hành nghề công chứng khác để khai thác thông tin;	B	Trung bình
A.7.4	Cấu hình hiển thị dashboard				
372	Cấu hình thành phần hiển thị Dashboard	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn	Cho phép truy cập chức năng quản lý thành phần Dashboard; Hệ thống hiển thị danh sách các widget/thành phần có thể hiển thị;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép kích hoạt hoặc tắt hiển thị từng thành phần; Cho phép chỉnh sửa thông tin cấu hình của thành phần hiển thị; Lưu thay đổi cấu hình.		
373	Cấu hình bố cục hiển thị Dashboard	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép truy cập chức năng Cấu hình bố cục hiển thị Dashboard; Hiển thị danh sách đã chọn các thành phần thông tin cần hiển thị trên Dashboard (biểu đồ, số liệu thống kê, danh sách cảnh báo...); Thiết lập vị trí, thứ tự và kiểu hiển thị của các thành phần; Lưu cấu hình hiển thị Dashboard; Hệ thống cập nhật và hiển thị Dashboard theo cấu hình đã thiết lập.	B	Trung bình
374	Cấu hình để kết xuất báo cáo từ tra cứu dashboard	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép cấu hình các tham số để kết xuất báo cáo từ dữ liệu tra cứu dashboard; Người sử dụng có thể lựa chọn loại báo cáo, phạm vi dữ liệu (thời gian, địa phương, loại giao dịch, loại dữ liệu...), định dạng tệp kết xuất (PDF, Excel...), nội dung hiển thị và các chỉ tiêu thống kê; Hệ thống ghi nhận cấu hình, cho phép xem trước nội dung báo cáo và thực hiện kết xuất báo cáo theo cấu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hình đã thiết lập nhằm phục vụ công tác tổng hợp, phân tích và báo cáo.		
A.8	Đăng ký yêu cầu cung cấp dữ liệu				
375	Quản lý danh sách yêu cầu cung cấp dữ liệu đã gửi yêu cầu	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm, lọc theo điều kiện và theo dõi tình trạng xử lý của các hồ sơ yêu cầu cung cấp dữ liệu từ tổ chức HNCC; Tạo yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC; Gửi yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC đến Sở Tư pháp	B	Trung bình
376	Tiếp nhận yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xem xét yêu cầu và tiếp nhận các hồ sơ yêu cầu cung cấp dữ liệu từ tổ chức HNCC gửi đến	B	Trung bình
377	Phản hồi tiếp nhận yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép Chuyên viên Sở Tư pháp gửi thông báo phản hồi (xác nhận tiếp nhận hoặc từ chối tiếp nhận) đối với yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC	B	Trung bình
378	Trình phê duyệt lên lãnh đạo yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xử lý chuyển yêu cầu cung cấp dữ liệu đã tiếp nhận lên lãnh đạo để xin ý kiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
379	Xử lý yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem xét yêu cầu và ra quyết định phê duyệt (phê duyệt hoặc từ chối) đối với yêu cầu cung cấp dữ liệu của tổ chức HNCC	B	Trung bình
380	Xác nhận cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp	Cho phép người dùng xác nhận cung cấp dữ liệu theo yêu cầu và hệ thống thực hiện chuẩn bị dữ liệu yêu cầu, sẵn sàng cung cấp theo đúng nội dung đã được lãnh đạo phê duyệt	B	Trung bình
381	Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu về nền tảng công chứng của Tổ chức HNCC qua API	Nền tảng công chứng	Hệ thống thực hiện chia sẻ dữ liệu yêu cầu cung cấp đã được phê duyệt về nền tảng công chứng của tổ chức HNCC sử dụng thông qua API	M	Trung bình
382	Xem thống kê yêu cầu và dữ liệu cung cấp	Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng xem các số liệu báo cáo tổng hợp về số lượng yêu cầu và tình hình cung cấp dữ liệu cho các tổ chức HNCC và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
A.9	Tiện ích người dùng				
A.9.1	Truy cập người dùng				
383	Đăng nhập qua VNeID	Lãnh đạo TCHNCC/ Công chứng viên/ Người dân/ Doanh nghiệp	Cho phép đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu VNeID đối với người	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dùng là cá nhân, tổ chức không là cán bộ thuộc đơn vị nhà nước		
384	Gửi thông tin xác thực tài khoản cá nhân, doanh nghiệp qua VNeID	Hệ thống	Sau khi người dùng thực hiện đăng nhập, hệ thống gửi yêu cầu xác thực (bao gồm thông tin định danh/tài khoản) tới Nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID để kiểm tra tính hợp lệ.	M	Đơn giản
385	Nhận thông tin xác thực tài khoản cá nhân, doanh nghiệp qua VNeID	Hệ thống	Hệ thống tiếp nhận kết quả xác thực từ nền tảng VNeID, kiểm tra trạng thái hợp lệ và cấp quyền truy cập tương ứng theo vai trò người dùng.	M	Đơn giản
386	Đăng xuất khi đăng nhập qua VNeID	Lãnh đạo TCHNCC/ Công chứng viên/ Người dân/ Doanh nghiệp	Thoát khỏi hệ thống và hủy phiên đăng nhập hiện tại.	B	Đơn giản
387	Xem hồ sơ tài khoản người dùng	Lãnh đạo TCHNCC/ Công chứng viên/ Người dân/ Doanh nghiệp	Hiển thị thông tin hồ sơ tài khoản người dùng trong hệ thống; Bao gồm thông tin cá nhân, vai trò người dùng và đơn vị công tác; Cho phép xem chi tiết các thông tin liên quan đến tài khoản.	B	Trung bình
388	Xem tài liệu hướng dẫn sử dụng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên	Hiển thị danh sách tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống; Cho phép truy cập và xem nội dung tài liệu hướng dẫn; Hỗ trợ tìm	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	kiểm và lựa chọn tài liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng.		
389	Tìm kiếm câu hỏi thường gặp	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tìm kiếm các câu hỏi thường gặp trong hệ thống theo từ khóa, chủ đề hoặc lĩnh vực liên quan; Hiện thị danh sách kết quả tìm kiếm phù hợp kèm theo nội dung câu trả lời tương ứng; Hỗ trợ lọc kết quả theo danh mục chủ đề, đối tượng áp dụng hoặc mức độ phổ biến của câu hỏi; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung câu hỏi và câu trả lời đầy đủ; Ghi nhận lịch sử tìm kiếm để hỗ trợ người dùng tra cứu lại nhanh chóng các câu hỏi đã xem.	B	Trung bình
390	Xem hoạt động gần đây	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem hoạt động gần đây	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
391	Xem lịch sử thao tác cá nhân	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem lịch sử thao tác cá nhân	B	Đơn giản
392	Xem danh sách phiên đăng nhập	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo TCHNCC, Công chứng viên	Cho phép người dùng xem danh sách phiên đăng nhập	B	Đơn giản
393	Cấu hình thời gian hết hạn phiên	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng cấu hình thời gian hết hạn phiên	B	Trung bình
394	Nhận cảnh báo đăng nhập bất thường	Quản trị hệ thống	Cho phép người dùng nhận cảnh báo đăng nhập bất thường	B	Trung bình
395	Tìm kiếm nhanh toàn hệ thống	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Chuyên viên BTP, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo	Cho phép người dùng tìm kiếm nhanh toàn hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		TCHNCC, Công chứng viên			
A.9.2	Quản lý thông báo người dùng				
A.9.2.1	Thông báo cá nhân, tổ chức				
396	Nhận thông báo trên phần mềm	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Hiển thị thông báo được gửi đến người dùng trong giao diện phần mềm; Tự động cập nhật thông báo mới theo thời gian thực hoặc theo chu kỳ; Hiển thị nội dung tóm tắt của thông báo và trạng thái đọc hoặc chưa đọc.	B	Đơn giản
397	Xem danh sách thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Hiển thị toàn bộ danh sách thông báo của người dùng theo dạng bảng hoặc danh sách; Cho phép sắp xếp theo thời gian nhận, loại thông báo hoặc mức độ ưu tiên; Cung cấp chức năng truy cập nhanh đến nội dung thông báo chi tiết.	B	Đơn giản
398	Xem thông báo chưa đọc	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên	Hiển thị danh sách các thông báo chưa được người dùng đọc; Cho phép lọc và truy	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	cập nhật đến các thông báo chưa đọc; Cập nhật trạng thái thông báo khi người dùng mở xem nội dung.		
399	Xem chi tiết thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Hiển thị đầy đủ nội dung của thông báo được gửi đến người dùng; Cung cấp thông tin liên quan như thời gian gửi, nguồn gửi và nội dung chi tiết; Hỗ trợ truy cập các liên kết hoặc dữ liệu liên quan từ thông báo.	B	Đơn giản
400	Xóa thông báo cá nhân	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép xóa các thông báo cá nhân khỏi danh sách thông báo của người dùng; Cập nhật danh sách thông báo sau khi thực hiện xóa; Hệ thống ghi nhận thao tác xóa thông báo theo quy định quản lý dữ liệu.	B	Đơn giản
401	Tìm kiếm thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo	Cho phép tìm kiếm thông báo theo từ khóa nội dung, loại thông báo hoặc thời gian gửi; Hiển thị danh sách thông báo phù hợp với	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	điều kiện tìm kiếm; Hỗ trợ truy cập nhanh đến nội dung thông báo liên quan.		
402	Đăng ký nhận thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép đăng ký nhận các loại thông báo từ hệ thống; Lựa chọn nhóm thông tin hoặc sự kiện cần nhận thông báo; Hệ thống ghi nhận cấu hình đăng ký và gửi thông báo khi phát sinh sự kiện tương ứng.	B	Trung bình
403	Quản lý thông báo phản hồi xử lý dữ liệu	Lãnh đạo TCHNCC	Hiển thị các phản hồi từ hệ thống liên quan đến quá trình xử lý dữ liệu; Cho phép xem nội dung phản hồi, trạng thái xử lý và thông tin dữ liệu liên quan; Hỗ trợ theo dõi và xử lý các yêu cầu điều chỉnh dữ liệu.	B	Trung bình
404	Quản lý thông báo phản hồi hậu kiểm dữ liệu	Lãnh đạo TCHNCC	Hiển thị các phản hồi từ hệ thống liên quan đến kết quả hậu kiểm dữ liệu; Cho phép xem nội dung sai lệch hoặc yêu cầu điều chỉnh dữ liệu; Hỗ trợ theo dõi và xử lý các vấn đề phát sinh từ quá trình hậu kiểm dữ liệu.	B	Trung bình
405	Quản lý thông báo về đợt báo cáo	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng	Cho phép người dùng tạo lập, chỉnh sửa, phát hành và theo dõi trạng thái của các	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	thông báo nhắc nhở, đơn đốc nộp số liệu thống kê đối với các đợt báo cáo hoạt động công chứng đến các đơn vị, tổ chức liên quan trên hệ thống		
A.9.2.2	Cấu hình Thông báo theo cá nhân, tổ chức				
406	Thiết lập loại thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép thiết lập các loại thông báo được sử dụng trong hệ thống; Quản lý thông tin loại thông báo như tên loại, mô tả và phạm vi áp dụng; Lưu trữ cấu hình loại thông báo phục vụ gửi thông báo.	B	Trung bình
407	Thiết lập nhóm thông tin nhận thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép thiết lập các nhóm thông tin hoặc sự kiện gửi thông báo; Liên kết nhóm thông tin với các đối tượng người dùng nhận thông báo; Lưu trữ cấu hình để phục vụ quản lý và gửi thông báo.	B	Trung bình
408	Thiết lập kênh nhận	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên	Cho phép cấu hình kênh nhận thông báo như thông báo trên phần mềm, email hoặc các kênh khác; Lựa chọn kênh nhận phù	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	hợp với từng loại thông báo; Lưu trữ cấu hình kênh nhận để phục vụ gửi thông báo.		
409	Thiết lập tần suất nhận thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép cấu hình tần suất nhận thông báo theo thời gian thực hoặc theo chu kỳ; Áp dụng cấu hình tần suất cho từng loại thông báo; Lưu trữ cấu hình tần suất nhận thông báo trong hệ thống.	B	Trung bình
410	Thiết lập khung giờ nhận thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP, Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép cấu hình khung giờ nhận thông báo trong ngày; Áp dụng khung giờ nhận thông báo cho từng loại thông báo hoặc nhóm người dùng; Hệ thống gửi thông báo theo cấu hình thời gian đã thiết lập.	B	Trung bình
411	Tạm dừng nhận thông báo	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của	Cho phép tạm dừng nhận thông báo trong một khoảng thời gian xác định; Áp dụng tạm dừng cho toàn bộ hoặc một số loại thông báo; Hệ thống ghi nhận trạng thái tạm dừng nhận thông báo của người dùng.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		STP, Lãnh đạo TCHNCC			
412	Tạo thông báo gửi thông báo theo cá nhân tới các đối tượng khác	Quản trị hệ thống	Cho phép tạo mới thông báo thủ công hoặc thiết lập thông báo tự động dựa trên các sự kiện, điều kiện phát sinh trong hệ thống; Cung cấp chức năng xem trước nội dung thông báo trước khi gửi chính thức; Hệ thống ghi nhận thông tin cấu hình.	B	Trung bình
A.10	Quản lý thông tin TCHNCC và CCV				
A.10.1	Quản lý Thông tin TCHNCC				
413	Quản lý thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm, lọc theo điều kiện và quản lý tổng thể danh sách thông tin của các tổ chức hành nghề công chứng trên hệ thống	B	Trung bình
414	Khai thác lịch sử cập nhật thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của những lần thay đổi, cập nhật thông tin của từng tổ chức HNCC	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
415	Xem thống kê thông tin tổ chức TCHNCC trên địa bàn tỉnh/thành phố	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem các tổng hợp về số lượng và trạng thái của các tổ chức HNCC trên địa bàn một tỉnh/thành phố cụ thể và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
416	Xem thống kê thông tin tổ chức TCHNCC trên cả nước	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem các tổng hợp về số lượng và trạng thái của các tổ chức HNCC trên cả nước và hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện	B	Trung bình
A.10.2	Quản lý Thông tin CCV				
417	Quản lý thông tin Công chứng viên	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm, lọc theo điều kiện và quản lý tổng thể danh sách thông tin của các công chứng viên trên hệ thống	B	Trung bình
418	Khai thác lịch sử cập nhật thông tin Công chứng viên	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem nội dung chi tiết của những lần thay đổi, cập nhật thông tin của từng công chứng viên	B	Đơn giản
419	Xem thống kê thông tin Công chứng viên trên địa bàn tỉnh/thành phố	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem các tổng hợp về số lượng và trạng thái của các công chứng viên trên địa bàn một tỉnh/thành phố cụ thể,	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo		
420	Xem thống kê thông tin Công chứng viên trên cả nước	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP	Cho phép người dùng xem các tổng hợp về số lượng và trạng thái của các công chứng viên trên cả nước, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Trung bình
421	Xem chi tiết lịch sử hành nghề của Công chứng viên	Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Lãnh đạo BTP, Chuyên viên BTP, Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem chi tiết lịch sử hành nghề của Công chứng viên	B	Đơn giản
A.10.3	Quản lý Thông tin chữ ký số				
422	Quản lý thông tin đăng ký chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem danh sách, tìm kiếm, lọc theo điều kiện và quản lý tổng thể danh sách thông tin đăng ký chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng	B	Trung bình
423	Đăng ký thông tin chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng	Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép khai báo thông tin chữ ký số của cá nhân và tổ chức hành nghề công chứng trên hệ thống; Nhập các thông tin liên quan như chủ sở hữu chữ ký số, tổ chức cấp	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng thư số, thời hạn hiệu lực, trạng thái sử dụng và các thông tin kỹ thuật liên quan; Lưu trữ thông tin để phục vụ việc ký số văn bản và giao dịch điện tử trong hệ thống.		
424	Phê duyệt đăng ký thông tin chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem xét tính hợp lệ và ra quyết định phê duyệt (phê duyệt hoặc từ chối) đối với thông tin đăng ký chữ ký số của tổ chức HNCC	B	Đơn giản
425	Xem thống kê báo cáo đăng ký thông tin chữ ký số của Tổ chức HNCC tại các cấp quản lý	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem các báo cáo tổng hợp, thống kê về tình hình đăng ký, sử dụng và hiệu lực chữ ký số của các tổ chức HNCC theo từng cấp quản lý tương ứng, hỗ trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo	B	Đơn giản
426	Quản lý lịch sử cập nhật thông tin chữ ký số của Tổ chức HNCC	Quản trị hệ thống	Cho phép cập nhật, điều chỉnh thông tin chữ ký số của cá nhân và tổ chức hành nghề công chứng khi có thay đổi; Chỉnh sửa các thông tin liên quan như chứng thư số, thời hạn hiệu lực, trạng thái sử dụng hoặc các thông tin cấu hình khác; Đảm bảo thông tin chữ ký số được cập nhật chính xác phục vụ việc ký số trên hệ thống.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
427	Đăng ký thông tin chữ ký số của Công chứng viên	Công chứng viên	Cho phép khai báo thông tin chữ ký số của cá nhân và tổ chức hành nghề công chứng trên hệ thống; Nhập các thông tin liên quan như chủ sở hữu chữ ký số, tổ chức cấp chứng thư số, thời hạn hiệu lực, trạng thái sử dụng và các thông tin kỹ thuật liên quan; Lưu trữ thông tin để phục vụ việc ký số văn bản và giao dịch điện tử trong hệ thống.	B	Trung bình
428	Phê duyệt đăng ký thông tin chữ ký số của Công chứng viên	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem xét tính hợp lệ và ra quyết định phê duyệt (phê duyệt hoặc từ chối) đối với thông tin đăng ký chữ ký số của công chứng viên	B	Đơn giản
429	Khai thác thông tin đăng ký chữ ký số của công chứng viên	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng tìm kiếm, lọc theo điều kiện và xem chi tiết thông tin đăng ký chữ ký số của công chứng viên	B	Trung bình
430	Quản lý thông tin đăng ký chữ ký số của công chứng viên tại tổ chức HNCC	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng theo dõi và quản lý tập trung danh sách thông tin đăng ký chữ ký số của các công chứng viên đang hành nghề thuộc Sở Tư pháp quản lý	B	Trung bình
431	Xem thống kê báo cáo đăng ký thông tin chữ ký số của Công chứng viên tại các cấp quản lý	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cho phép người dùng xem các báo cáo tổng hợp, thống kê về tình hình đăng ký, sử dụng và hiệu lực chữ ký số của các công chứng viên theo từng cấp quản lý tương ứng, hỗ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trợ bộ lọc theo điều kiện và xuất kết quả báo cáo		
432	Thiết lập cơ chế cảnh báo chữ ký số sắp hết hạn	Quản trị hệ thống	Thiết lập thông báo cảnh báo chữ ký số sắp hết hạn	B	Đơn giản
433	Gia hạn thông tin chữ ký số	Tổ chức HNCC / Công chứng viên	Người dùng thực hiện cập nhật thông tin chứng thư số mới (sau khi gia hạn từ nhà cung cấp CA), gửi yêu cầu gia hạn trên hệ thống; hệ thống hỗ trợ kiểm tra tính hợp lệ và cập nhật trạng thái chữ ký số	B	Đơn giản
434	Hủy đăng ký chữ ký số	Quản trị hệ thống	Cơ quan quản lý thực hiện thu hồi hoặc hủy hiệu lực đăng ký chữ ký số trong các trường hợp: hết hiệu lực, vi phạm, không còn nhu cầu sử dụng; hệ thống cập nhật trạng thái và ghi nhận lịch sử	B	Đơn giản
435	Tạm khóa chữ ký số trong các trường hợp rủi ro	Quản trị hệ thống	Cho phép tạm dừng hiệu lực chữ ký số khi phát hiện dấu hiệu rủi ro (bị lộ khóa, sử dụng bất thường, tranh chấp...); hệ thống đảm bảo chữ ký không thể sử dụng trong thời gian bị khóa	B	Đơn giản
436	Tra cứu lịch sử sử dụng chữ ký số theo hồ sơ công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép tìm kiếm và hiển thị lịch sử sử dụng chữ ký số gắn với từng hồ sơ công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng, bao gồm: thời gian ký, người ký, trạng thái xác thực, thông tin chứng thư số		
437	Phân tích tỷ lệ sử dụng chữ ký số theo địa phương	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Hệ thống tổng hợp và phân tích dữ liệu sử dụng chữ ký số theo tỉnh/thành phố, hỗ trợ đánh giá mức độ triển khai công chứng điện tử và chuyển đổi số	B	Đơn giản
438	Báo cáo chữ ký số hết hạn theo kỳ	Chuyên viên Sở Tư pháp, Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP	Cung cấp báo cáo định kỳ (tháng/quý/năm) về số lượng chữ ký số đã hết hạn, sắp hết hạn, chưa gia hạn; hỗ trợ xuất báo cáo và phục vụ quản lý	B	Đơn giản
A.11	Quản lý lịch sử truy cập, khai thác dữ liệu				
439	Tra cứu lịch sử truy cập cá nhân	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập hệ thống của người dùng; Cho phép tra cứu và tìm kiếm theo thời gian truy cập, chức năng sử dụng hoặc địa chỉ truy cập; Hiển thị thông tin chi tiết về phiên truy cập như thời gian đăng nhập, thời gian đăng xuất và hoạt động thực hiện trong hệ thống; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
440	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử khai thác dữ liệu liên quan đến thông tin hợp đồng, Giao dịch công chứng; Cho phép tra cứu theo thời gian	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			khai thác, người thực hiện hoặc nội dung dữ liệu được truy cập; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin truy cập và hình thức khai thác dữ liệu; Cho phép xuất danh sách		
441	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu văn bản công chứng điện tử	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập và khai thác dữ liệu văn bản công chứng điện tử trong hệ thống; Cho phép tra cứu theo tài liệu, thời gian truy cập hoặc người truy cập; Hiển thị thông tin chi tiết về hành vi khai thác như xem, tải xuống hoặc tra cứu tài liệu; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
442	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu tài sản giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử khai thác dữ liệu liên quan đến thông tin tài sản trong các giao dịch công chứng; Cho phép tra cứu theo loại tài sản, thời gian khai thác hoặc người truy cập; Cung cấp thông tin chi tiết về hoạt động khai thác dữ liệu tài sản; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
443	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu công chứng viên	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập và khai thác dữ liệu liên quan đến thông tin công chứng viên; Cho phép tra cứu theo thời gian, người truy cập hoặc nội dung dữ liệu được	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			khai thác; Hiển thị chi tiết hoạt động truy cập dữ liệu; Cho phép xuất danh sách		
444	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu tổ chức HNCC	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập và khai thác dữ liệu liên quan đến thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép tra cứu theo thời gian, người truy cập hoặc nội dung dữ liệu được khai thác; Hiển thị chi tiết hoạt động truy cập dữ liệu; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
445	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu ngăn chặn và giải tỏa ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử khai thác dữ liệu liên quan đến thông tin ngăn chặn và giải tỏa ngăn chặn; Cho phép tra cứu theo loại thông tin, thời gian khai thác hoặc người truy cập; Cung cấp chức năng xem chi tiết hoạt động truy cập dữ liệu; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
446	Tra cứu lịch sử khai thác thông tin dữ liệu cảnh báo rủi ro	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử khai thác dữ liệu liên quan đến thông tin cảnh báo rủi ro; Cho phép tra cứu theo loại cảnh báo, thời gian truy cập hoặc người truy cập; Hiển thị thông tin chi tiết về hoạt động khai thác dữ liệu cảnh báo; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
447	Tra cứu lịch sử khai thác dữ liệu Thông tin đối tượng bị ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập và khai thác dữ liệu liên quan đến đối tượng bị cảnh báo rủi ro; Cho phép tra cứu theo thời gian truy cập, người truy cập hoặc đối tượng liên quan; Hiển thị chi tiết thông tin hoạt động khai thác dữ liệu; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
448	Tra cứu lịch sử khai thác dữ liệu Thông tin đối tượng bị cảnh báo rủi ro	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập và khai thác dữ liệu liên quan đến đối tượng bị cảnh báo rủi ro; Cho phép tra cứu theo thời gian truy cập, người truy cập hoặc đối tượng liên quan; Hiển thị chi tiết thông tin hoạt động khai thác dữ liệu; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
449	Tra cứu lịch sử khai thác dữ liệu tài liệu hồ sơ công chứng	Quản trị hệ thống	Hiển thị lịch sử truy cập và khai thác tài liệu hồ sơ công chứng trong hệ thống; Cho phép tra cứu theo tài liệu, thời gian truy cập hoặc người truy cập; Hiển thị chi tiết các hành vi khai thác như xem, tải xuống hoặc tra cứu tài liệu. ; Cho phép xuất danh sách	B	Trung bình
450	Tra cứu lịch sử khai thác dữ liệu yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên	Cho phép quản lý và tra cứu lịch sử các yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng đã gửi trên hệ thống; Người dùng truy cập chức năng quản lý lịch sử yêu cầu tham chiếu văn bản công chứng; Người dùng có thể	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tìm kiếm hoặc lọc danh sách theo các tiêu chí như thời gian gửi yêu cầu, trạng thái xử lý, nội dung yêu cầu hoặc đơn vị tiếp nhận; Người dùng lựa chọn một yêu cầu cụ thể để xem chi tiết nội dung yêu cầu và kết quả xử lý; Cho phép người dùng xuất danh sách lịch sử yêu cầu khi cần thiết.		
451	Tra cứu lịch sử biến động tài sản	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu lịch sử biến động tài sản	B	Trung bình
452	Tra cứu nhật ký truy cập tài sản	Công chứng viên	Cho phép người dùng tra cứu nhật ký truy cập tài sản	B	Trung bình
453	Xem dashboard tổng quan lịch sử truy cập, khai thác theo cá nhân	Công chứng viên	Cho phép người dùng xem dashboard tổng quan lịch sử truy cập, khai thác theo cá nhân	B	Trung bình
B	Phân hệ quản lý kho CSDL Công chứng				
B.1	Thu nhận dữ liệu				
454	Tra cứu danh sách phương thức thu thập dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các phương thức thu thập dữ liệu vào hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên phương thức, nguồn dữ liệu; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin phương thức thu thập dữ liệu; Hệ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thống ghi nhận cấu hình phương thức thu thập dữ liệu được thiết lập.		
455	Quản lý Nhật ký thu thập dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách nhật ký các lần thu thập dữ liệu từ các nguồn dữ liệu; Cho phép lọc, tìm kiếm theo nguồn dữ liệu, thời gian thu thập hoặc trạng thái xử lý; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin thu thập dữ liệu bao gồm số lượng bản ghi, trạng thái xử lý; Cho phép xuất dữ liệu nhật ký thu thập phục vụ theo dõi và báo cáo.	B	Trung bình
456	Tra cứu danh sách nguồn cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các nguồn cung cấp dữ liệu cho hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên nguồn dữ liệu, đơn vị cung cấp hoặc trạng thái kết nối; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin nguồn dữ liệu bao gồm phương thức kết nối và phạm vi dữ liệu cung cấp; Hệ thống ghi nhận thông tin nguồn dữ liệu được thiết lập.	B	Trung bình
B.1.1	Tích hợp dữ liệu thủ công				
B.1.1.1	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
457	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ.	B	Đơn giản
458	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật..		
459	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ..	B	Đơn giản
460	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.		chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự..		
461	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tích sản xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sản xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân..		
462	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.		công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Cho phép hủy bỏ tiên trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở..		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
463	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở.	B	Đơn giản
464	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	ngành; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản..		
465	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự..	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
466	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024..		
467	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình.		
468	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn.	B	Đơn giản
469	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ.		
470	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng.	B	Đơn giản
471	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân		cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân.		
472	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
473	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công.	B	Đơn giản
474	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản		chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản.		
475	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.		
476	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh.	B	Đơn giản
477	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại		quyền thực hiện quyền khiếu nại; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại.		
478	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.	B	Đơn giản
479	Tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định		chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định.		
B.1.1.2	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
480	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Cho	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân.		
481	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức.	B	Đơn giản
B.1.1.3	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
482	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		đất; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là đất; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là đất.		
483	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản gắn liền với đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản gắn liền với đất; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản gắn liền với đất; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản gắn liền với đất.	B	Đơn giản
484	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai từ Nền tảng công chứng, Phần mềm	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai.		
485	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là bất động sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là bất động sản khác; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là bất động sản khác; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là bất động sản khác.	B	Đơn giản
486	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đổi CSDL Công chứng địa phương		công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy.		
487	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.	B	Đơn giản
488	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là tàu biển từ Nền	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tăng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu biển; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu biển; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu biển.		
489	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là Phương tiện thủy nội địa.	B	Đơn giản
490	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là tàu cá từ Nền tảng công chứng, Phần	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu cá; Có thể xem thông tin tham số thực	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu cá; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu cá.		
491	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là tàu bay từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu bay; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu bay; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tàu bay.	B	Đơn giản
492	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là sổ tiết kiệm; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là sổ tiết kiệm; Cho phép	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là sổ tiết kiệm.		
493	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là cổ phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là cổ phiếu; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là cổ phiếu; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là cổ phiếu.	B	Đơn giản
494	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là trái phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là trái phiếu; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là trái phiếu; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là trái phiếu.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
495	Tích hợp thủ công dữ liệu Tài sản là tài sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tài sản khác; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tài sản khác; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Tài sản là tài sản khác.	B	Đơn giản
B.1.1.4	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi công chứng địa phương				
496	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin ngăn chặn; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dịch là Thông tin ngăn chặn; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin ngăn chặn.		
497	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin cảnh báo rủi ro; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin cảnh báo rủi ro; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin cảnh báo rủi ro.	B	Đơn giản
498	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đối với loại giao dịch là Thông tin giải tỏa ngăn chặn.		
B.1.1.5	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
499	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự.	B	Đơn giản
500	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai		Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai.		
501	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai.		
502	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai.	B	Đơn giản
B.1.1.6	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
503	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin tổ chức hành	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	nghe công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu		chứng đối với loại giao dịch là Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin tổ chức hành nghề công chứng.		
B.1.1.7	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
504	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin công chứng viên; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin công chứng viên; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đối với loại giao dịch là Thông tin công chứng viên.		
505	Tích hợp thủ công dữ liệu Thẻ công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thẻ công chứng viên; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thẻ công chứng viên; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thẻ công chứng viên.	B	Đơn giản
B.1.1.8	Tích hợp thủ công dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng				
506	Tích hợp thủ công dữ liệu Văn bản công chứng từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản công chứng; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản công chứng; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản công chứng.		
507	Tích hợp thủ công dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa lỗi kỹ thuật.	B	Đơn giản
508	Tích hợp thủ công dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan từ	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin tài liệu công chứng liên quan.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.1.1.9	Tích hợp thủ công dữ liệu danh mục				
509	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng.	B	Đơn giản
510	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái công chứng viên; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái công chứng viên; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái công chứng viên.		
511	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại giấy tờ tùy thân.	B	Đơn giản
512	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục giới tính	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục giới tính; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục giới tính; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục giới tính.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
513	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục dân tộc	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục dân tộc; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục dân tộc; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục dân tộc.	B	Đơn giản
514	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục quốc tịch	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục quốc tịch; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục quốc tịch; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục quốc tịch.	B	Đơn giản
515	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			giấy tờ pháp nhân; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục giấy tờ pháp nhân; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục giấy tờ pháp nhân.		
516	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục loại đất	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại đất; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại đất; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại đất.	B	Đơn giản
517	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục địa bàn hành chính; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục địa bàn hành chính; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục địa bàn hành chính.		
518	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại tài sản gắn liền với đất; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại tài sản gắn liền với đất; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục loại tài sản gắn liền với đất.	B	Đơn giản
519	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng.		
520	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên.	B	Đơn giản
521	Tích hợp thủ công dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Cho phép có thể tìm và lựa chọn tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái ngăn chặn; Có thể xem thông tin tham số thực hiện tiến trình tích hợp thủ công dữ liệu Giao dịch công chứng đối với	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			loại giao dịch là Danh mục trạng thái ngăn chặn; Cho phép hủy bỏ tiến trình tích hợp thủ công lại dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Danh mục trạng thái ngăn chặn.		
B.1.2	Tích hợp dữ liệu tự động				
B.1.2.1	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
522	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
523	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.		phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
524	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
525	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.		ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
526	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
527	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
528	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
529	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
530	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.		định của pháp luật về dân sự.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
531	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
532	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
533	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
534	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
535	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng		về chế độ tài sản của vợ chồng; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
536	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
537	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	thăm trong vụ việc hành chính		tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
538	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
539	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
540	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
541	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
542	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
543	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Hợp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại		đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
544	Tích hợp tự động dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
B.1.2.2	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
545	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
546	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
B.1.2.3	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
547	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là đất; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là đất; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
548	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản gắn liền với đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
549	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là hợp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
550	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là bất động sản khác từ Nền tảng công chúng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
551	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy từ Nền tảng công chúng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
552	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		chở người bốn bánh có gắn động cơ; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
553	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tàu biển từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tàu biển; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu biển; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
554	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Hệ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
555	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tàu cá từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tàu cá; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
556	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tàu bay từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tàu bay; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
557	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	CSDL Công chứng địa phương		hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
558	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là cổ phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
559	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là trái phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
560	Tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tài sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	CSDL Công chứng địa phương		tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
B.1.2.4	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
561	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
562	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
563	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
B.1.2.5	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
564	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự từ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
565	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
566	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
567	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
B.1.2.6	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
568	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tổ chức	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hành nghề công chứng; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
B.1.2.7	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
569	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin công chứng viên; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
570	Tích hợp tự động dữ liệu Thẻ công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thẻ công chứng viên; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.1.2.8	Tích hợp tự động dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng				
571	Tích hợp tự động dữ liệu Văn bản công chứng từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản công chứng; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản công chứng; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
572	Tích hợp tự động dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
573	Tích hợp tự động dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
B.1.2.9	Tích hợp tự động dữ liệu danh mục				
574	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
575	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
576	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
577	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục giới tính	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục giới tính; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giới tính; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
578	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục dân tộc	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục dân tộc; Hệ thống lưu thông tin cấu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục dân tộc; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
579	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục quốc tịch	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục quốc tịch; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục quốc tịch; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
580	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
581	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục loại đất	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			mục loại đất; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại đất; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
582	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
583	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đất; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu		
584	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
585	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
586	Tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Cho phép xem thông tin cấu hình tham số thực hiện tích hợp tự động dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn; Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện tích hợp dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Có thể hủy bỏ tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn; Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu	B	Đơn giản
B.1.3	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu				
B.1.3.1	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
587	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Có thể kết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ ra file.		
588	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật. ra file.		
589	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ. ra file.	B	Trung bình
590	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự. ra file.		
591	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán,	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân. ra file.		
592	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.		vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cur; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở. ra file.		
593	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở ra file.	B	Trung bình
594	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	liên với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản. ra file.		
595	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	liên với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.		bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự. ra file.		
596	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024. ra file.		
597	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
598	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn ra file.	B	Trung bình
599	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
600	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng ra file.	B	Trung bình
601	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
602	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính ra file.	B	Trung bình
603	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đúng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công		tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đúng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đúng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đúng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công ra file.		
604	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kinh doanh bất động sản; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản ra file.		
605	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp ra file.	B	Trung bình
606	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh		giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh ra file.		
607	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại ra file.		
608	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại ra file.	B	Trung bình
609	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Các giao dịch	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			khác theo quy định của luật và nghị định ra file.		
B.1.3.2	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
610	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân ra file.	B	Trung bình
611	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức ra file.		
B.1.3.3	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
612	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là đất; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là đất; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là đất ra file.	B	Trung bình
613	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đổi CSDL Công chứng địa phương		trình tích hợp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất ra file.		
614	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai ra file.	B	Trung bình
615	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Có thể kết xuất thông	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác ra file.		
616	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy ra file.	B	Trung bình
617	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ ra file.		
618	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu biển từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu biển; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu biển; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu biển; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu biển ra file.	B	Trung bình
619	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa ra file.	B	Trung bình
620	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu cá từ Nền tảng công chứng,	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu cá ra file.		
621	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu bay từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tàu bay ra file.	B	Trung bình
622	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
623	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu ra file.	B	Trung bình
624	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là trái phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là trái phiếu ra file.	B	Trung bình
625	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tài sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Có thể kết xuất thông tin của tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trình tích hợp dữ liệu Tài sản là tài sản khác ra file.		
B.1.3.4	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
626	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin ngăn chặn ra file.	B	Trung bình
627	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
628	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn ra file.	B	Trung bình
B.1.3.5	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
629	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Có thể kết xuất	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự ra file.		
630	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai ra file.	B	Trung bình
631	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			CSDL quốc gia về đất đai; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai ra file.		
632	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.1.3.6	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
633	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng ra file.	B	Trung bình
B.1.3.7	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
634	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin công	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu		trình tích hợp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin công chứng viên ra file.		
635	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thẻ công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thẻ công chứng viên ra file.	B	Trung bình
B.1.3.8	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng				
636	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản công chứng; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản công chứng; Có thể	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản công chứng ra file.		
637	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật ra file.	B	Trung bình
638	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan ra file.	B	Trung bình
B.1.3.9	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu danh mục				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
639	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng ra file.	B	Trung bình
640	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
641	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân ra file.	B	Trung bình
642	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giới tính	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giới tính; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giới tính; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giới tính; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giới tính ra file.	B	Trung bình
643	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục dân tộc	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục dân tộc; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục dân tộc; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục dân tộc; Có thể kết xuất	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục dân tộc ra file.		
644	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục quốc tịch	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục quốc tịch; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục quốc tịch; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục quốc tịch; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục quốc tịch ra file.	B	Trung bình
645	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân ra file.	B	Trung bình
646	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại đất	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại đất; Có thể	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại đất; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại đất ra file.		
647	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính ra file.	B	Trung bình
648	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
649	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng ra file.	B	Trung bình
650	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên ra file.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
651	Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn; Có thể xem chi tiết thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn; Có thể kết xuất thông tin của tiến trình tích hợp dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn ra file.	B	Trung bình
B.2	Đối soát dữ liệu				
B.2.1	Đối soát dữ liệu thu thập từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương				
B.2.1.1	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
652	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ tới CSDL Công	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
653	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
654	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
655	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
656	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
657	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
658	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
659	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
660	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
661	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024. tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
662	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
663	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
664	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
665	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng		về chế độ tài sản của vợ chồng tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
666	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
667	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
668	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
669	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
670	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
671	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
672	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
673	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
674	Đối soát dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Các giao	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	khác theo quy định của luật và nghị định	CSDL Công chứng địa phương	dịch khác theo quy định của luật và nghị định tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
B.2.1.2	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
675	Đối soát dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
676	Đối soát dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức từ Nền tảng công chứng, Phần mềm	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức tới	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
B.2.1.3	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
677	Đối soát dữ liệu Tài sản là đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là đất tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
678	Đối soát dữ liệu Tài sản gắn liền với đất từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản gắn liền với đất tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
679	Đối soát dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
680	Đối soát dữ liệu Tài sản là bất động sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là bất động sản khác tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
681	Đối soát dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
682	Đối soát dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
683	Đối soát dữ liệu Tài sản là tàu biển từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là tàu biển tới CSDL Công chứng. Kho	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đổi CSDL Công chứng địa phương		CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
684	Đối soát dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
685	Đối soát dữ liệu Tài sản là tàu cá từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là tàu cá tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
686	Đối soát dữ liệu Tài sản là tàu bay từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là tàu bay tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
687	Đối soát dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
688	Đối soát dữ liệu Tài sản là cổ phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là cổ phiếu tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
689	Đối soát dữ liệu Tài sản là trái phiếu từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là trái phiếu tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
690	Đối soát dữ liệu Tài sản là tài sản khác từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Tài sản là tài sản khác tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.2.1.4	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
691	Đối soát dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin ngăn chặn tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
692	Đối soát dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
693	Đối soát dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Phần	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
B.2.1.5	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
694	Đối soát dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự từ	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
695	Đối soát dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
696	Đối soát dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
697	Đối soát dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Trung bình
B.2.1.6	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
698	Đối soát dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
B.2.1.7	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
699	Đối soát dữ liệu Thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin công chứng viên tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
700	Đối soát dữ liệu Thẻ công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thẻ công chứng viên tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
B.2.1.8	Đối soát dữ liệu Nhóm thông tin hồ sơ công chứng				
701	Đối soát dữ liệu Văn bản công chứng từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản công chứng tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
702	Đối soát dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật từ Nền tảng công chứng, Phần	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật tới CSDL Công chứng. Kho	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
703	Đối soát dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan từ Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Thông tin tài liệu công chứng liên quan tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
B.2.1.9	Đối soát dữ liệu danh mục				
704	Đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
705	Đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái công chứng viên tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
706	Đối soát dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục loại giấy tờ tùy thân tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
707	Đối soát dữ liệu Danh mục giới tính	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục giới tính tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
708	Đối soát dữ liệu Danh mục dân tộc	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục dân tộc tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
709	Đối soát dữ liệu Danh mục quốc tịch	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục quốc tịch tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
710	Đối soát dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục giấy tờ pháp nhân tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
711	Đối soát dữ liệu Danh mục loại đất	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục loại đất tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
712	Đối soát dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục địa bàn hành chính tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
713	Đối soát dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
714	Đối soát dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
715	Đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống	B	Đơn giản
716	Đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn	Hệ thống cung cấp dữ liệu	Hệ thống cung cấp dữ liệu gửi gói tin chứa thông tin đối soát dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn tới CSDL Công chứng. Kho CSDL Công chứng tiếp nhận gói tin đối soát và tự động đối chiếu dữ liệu. Sau khi kiểm tra, kho CSDL Công chứng tổng hợp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kết quả; đối soát và gửi phản hồi về cho hệ thống		
B.3	Xử lý dữ liệu - làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu				
B.3.1	Làm sạch dữ liệu				
B.3.1.1	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
717	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
718	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.		quyền sở hữu theo quy định của luật., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
719	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
720	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.		định của tòa án trong vụ việc dân sự., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
721	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
722	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
723	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
724	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
725	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự., Hệ thống lưu thông tin	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.		cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
726	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
727	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
728	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn, Hệ thống lưu thông tin	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn		cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
729	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
730	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thuận về chế độ tài sản của vợ chồng, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
731	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
732	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hành chính, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
733	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
734	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
735	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
736	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh		theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
737	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
738	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			nhượng Văn phòng Thừa phát lại, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
739	Làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
740	Làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản công chứng, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
741	Làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật, Hệ thống lưu thông tin cấu hình	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
B.3.1.2	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
742	Làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
743	Làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
B.3.1.3	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
744	Làm sạch dữ liệu Tài sản là đất	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là đất, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là đất, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
745	Làm sạch dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản gắn liền với đất, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			gắn liền với đất, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
746	Làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
747	Làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là bất động sản khác, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
748	Làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy, Hệ thống lưu thông tin cấu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
749	Làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
750	Làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu biển	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tàu biển, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			biên, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
751	Làm sạch dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
752	Làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tàu cá, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
753	Làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tàu bay, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
754	Làm sạch dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
755	Làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là cổ phiếu, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
756	Làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là trái phiếu, Hệ thống lưu thông tin cấu hình	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
757	Làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tài sản khác, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.1.4	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
758	Làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin ngăn chặn, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chặn, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
759	Làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
760	Làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.1.5	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
761	Làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
762	Làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
763	Làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai		chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
764	Làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.1.6	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
765	Làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.1.7	Làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên				
766	Làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin công chứng viên, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
767	Làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện làm sạch dữ liệu nguồn dữ liệu Thẻ công chứng viên, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			số và thực hiện làm sạch dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
B.3.2	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu				
B.3.2.1	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
768	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ.	B	Trung bình
769	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.		công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật..		
770	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Thực hiện nhập tham số tra cứu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.		tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ..		
771	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự..	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
772	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân..	B	Trung bình
773	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.		nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở..		
774	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thừa kế	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở		nhà ở; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở.		
775	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			liên với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản..		
776	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Kết xuất thông tin của tiến trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			làm sạch dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự..		
777	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024..		
778	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình		đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình.		
779	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Kết xuất	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn.		
780	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ.	B	Trung bình
781	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng.		
782	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân.	B	Trung bình
783	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Xem chi tiết thông tin của tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính.		
784	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công.		
785	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản.	B	Trung bình
786	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		doanh nghiệp; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.		
787	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền giải	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh.		
788	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại.	B	Trung bình
789	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Xem chi	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.		
790	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định.	B	Trung bình
791	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng; Kết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản công chứng.		
792	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật.	B	Trung bình
B.3.2.2	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
793	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Kết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân.		
794	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức.	B	Trung bình
B.3.2.3	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
795	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là đất	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là đất; Xem	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là đất; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là đất.		
796	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản gắn liền với đất.	B	Trung bình
797	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
798	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là bất động sản khác.	B	Trung bình
799	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy.	B	Trung bình
800	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.		
801	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu biển	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu biển; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu biển; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu biển; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu biển.	B	Trung bình
802	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa.		
803	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu cá.	B	Trung bình
804	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tàu bay.	B	Trung bình
805	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sổ tiết kiệm; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm.		
806	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là cổ phiếu.	B	Trung bình
807	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là trái phiếu.	B	Trung bình
808	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			trình tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Tài sản là tài sản khác.		
B.3.2.4	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
809	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin ngăn chặn.	B	Trung bình
810	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			báo rủi ro; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro.		
811	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn.	B	Trung bình
B.3.2.5	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
812	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sự; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự.		
813	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai.	B	Trung bình
814	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai		trình làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai.		
815	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.3.2.6	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng				
816	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng.	B	Trung bình
B.3.2.7	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên				
817	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên; Xem chi tiết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thông tin công chứng viên.		
818	Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên; Xem chi tiết thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên; Kết xuất thông tin của tiến trình làm sạch dữ liệu Thẻ công chứng viên.	B	Trung bình
B.3.3	Chuẩn hóa dữ liệu				
B.3.3.1	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
819	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			lựa chọn người giám hộ, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
820	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
821	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
822	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
823	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.		hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phân diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
824	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.		nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
825	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
826	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			doanh bất động sản., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
827	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
828	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024., Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024., Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
829	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
830	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
831	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			mang thai hộ, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
832	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
833	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
834	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
835	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
836	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
837	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
838	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
839	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quyền khiếu nại, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
840	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
841	Chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
842	Chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chúng, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
843	Chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.3.2	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
844	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
845	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.3.3	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
846	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là đất, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất, Hệ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
847	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản gắn liền với đất, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền với đất, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
848	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
849	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là bất động sản khác, Hệ thống lưu thông tin cấu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
850	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
851	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			gắn động cơ, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
852	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tàu biển, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
853	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
854	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tàu cá, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
855	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tàu bay, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
856	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
857	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là cổ phiếu, Hệ thống lưu thông tin cấu hình	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
858	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là trái phiếu, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
859	Chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Tài sản là tài sản khác, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.3.3.4	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
860	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin ngăn chặn, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
861	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
862	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	CSDL Công chứng địa phương		động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
B.3.3.5	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
863	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự từ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
864	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
865	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
866	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
B.3.3.6	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng				
867	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.3.7	Chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên				
868	Chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thông tin công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chứng viên, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.		
869	Chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình tham số thực hiện chuẩn hóa dữ liệu nguồn dữ liệu Thẻ công chứng viên, Hệ thống lưu thông tin cấu hình tham số và thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tự động theo tham số đã cấu hình; Cho phép hủy bỏ tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên, Hệ thống thực hiện dừng tiến trình theo yêu cầu.	B	Đơn giản
B.3.4	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu				
B.3.4.1	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
870	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Thực hiện nhập tham số tra	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ		cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ.		
871	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Kết xuất thông tin của tiến trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chuẩn hóa dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật..		
872	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ..	B	Trung bình
873	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.		chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự..		
874	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân..		
875	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.		kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở..		
876	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở.	B	Trung bình
877	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản..		
878	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.		tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự..		
879	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		2024.; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024..		
880	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình.		
881	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn.	B	Trung bình
882	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Kết xuất thông tin của	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ.		
883	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng.	B	Trung bình
884	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng cho	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thuê doanh nghiệp tư nhân; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân.		
885	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính.	B	Trung bình
886	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công		viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công.		
887	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản		tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản.		
888	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.		
889	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh.	B	Trung bình
890	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	quyền thực hiện quyền khiếu nại		quyền khiếu nại; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại.		
891	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.	B	Trung bình
892	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Xem	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định.		
893	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản công chứng.	B	Trung bình
894	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.3.4.2	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
895	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân.	B	Trung bình
896	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Kết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức.		
B.3.4.3	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
897	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là đất.	B	Trung bình
898	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			với đất; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản gắn liền với đất.		
899	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai.	B	Trung bình
900	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là bất động sản khác.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
901	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy.	B	Trung bình
902	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
903	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu biển.	B	Trung bình
904	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa.	B	Trung bình
905	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá; Xem chi tiết thông tin của tiến trình	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu cá.		
906	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tàu bay.	B	Trung bình
907	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm.	B	Trung bình
908	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			phiếu; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là cổ phiếu.		
909	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là trái phiếu.	B	Trung bình
910	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Tài sản là tài sản khác.	B	Trung bình
B.3.4.4	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				
911	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn từ Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin ngăn chặn.	B	Trung bình
912	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro từ Nền tảng công chứng, Phần mềm chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro.	B	Trung bình
913	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn từ Nền tảng công chứng, Phần mềm	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chuyển đổi CSDL Công chứng địa phương		Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn.		
B.3.4.5	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
914	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Tài sản thi hành án từ Cơ quan thi hành án dân sự.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
915	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai.	B	Trung bình
916	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			CSDL quốc gia về đất đai; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Thông tin Dữ liệu về thông tin thành phần ngăn chặn quyền từ CSDL quốc gia về đất đai.		
917	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai từ	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin Dữ liệu về Giấy chứng nhận bị thu hồi, hủy từ CSDL quốc gia về đất đai.	B	Trung bình
B.3.4.6	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
918	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng.	B	Trung bình
B.3.4.7	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên				
919	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thông tin công chứng viên.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
920	Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Tra cứu tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên; Thực hiện nhập tham số tra cứu tiến trình tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên; Xem chi tiết thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên; Kết xuất thông tin của tiến trình chuẩn hóa dữ liệu Thẻ công chứng viên.	B	Trung bình
B.4	Hậu kiểm dữ liệu				
B.4.1	Cấu hình liên quan hậu kiểm				
921	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu văn bản công chứng điện tử	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu văn bản công chứng điện tử; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
922	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
923	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của CCV không hợp lệ		chỉ văn bản có chữ ký số của CCV không hợp lệ; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;		
924	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
925	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký văn bản trong thời gian CCV bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký văn bản trong thời gian CCV bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
926	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của bản thân	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của bản thân; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
927	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của người thân.		dịch của người thân.; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;		
928	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký giao dịch công chứng tại 2 TCHNCC	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký giao dịch công chứng tại 2 TCHNCC; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
929	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC sáp nhập	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC sáp nhập; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
930	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC bị tạm dừng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC bị tạm dừng; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
931	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC giải thể.		TCHNCC giải thể.; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;		
932	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí giao dịch công chứng có thông tin bên liên quan bị ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí giao dịch công chứng có thông tin bên liên quan bị ngăn chặn; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
933	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí trùng số công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí trùng số công chứng; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
934	Cấu hình lịch chạy job hậu kiểm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình lịch chạy tự động cho các tác vụ hậu kiểm dữ liệu (theo ngày, tuần, tháng hoặc theo thời điểm xác định). Hệ thống sẽ tự động thực hiện hậu kiểm theo lịch đã thiết lập;Thực hiện cập nhật thông tin cấu hình lịch chạy job hậu kiểm;	B	Trung bình
935	Cấu hình thông báo kết quả hậu kiểm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Cấu hình thông báo kết quả hậu kiểm dữ liệu; Xem danh sách cấu hình thông báo hậu kiểm;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Thực hiện cập nhật cấu hình thông báo (loại thông báo, đối tượng nhận);		
B.4.2	Thực hiện hậu kiểm dữ liệu công chứng				
936	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu văn bản công chứng điện tử	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu văn bản công chứng điện tử tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
937	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí thiếu hồ sơ lưu trữ điện tử tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
938	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của CCV không hợp lệ tự động	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chữ ký số của CCV không hợp lệ		theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu		
939	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí văn bản có chữ ký số của TCHNCC không hợp lệ tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
940	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký văn bản trong thời gian CCV bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký văn bản trong thời gian CCV bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
941	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của bản thân	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của bản thân tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
942	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của người thân.	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV công chứng cho hợp đồng giao dịch của người thân. tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
943	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký giao dịch công chứng tại 2 TCHNCC	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí CCV ký giao dịch công chứng tại 2 TCHNCC tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu		
944	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC sáp nhập	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC sáp nhập tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
945	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC bị tạm dừng	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC bị tạm dừng tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
946	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí TCHNCC ký văn bản trong thời gian TCHNCC giải thể. tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	văn bản trong thời gian TCHNCC giải thể.		trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu		
947	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí giao dịch công chứng có thông tin bên liên quan bị ngăn chặn	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí giao dịch công chứng có thông tin bên liên quan bị ngăn chặn tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
948	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí trùng số công chứng	Hệ thống	Hệ thống thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí trùng số công chứng tự động theo lịch đã cấu hình. Trong quá trình kiểm tra, hệ thống đối chiếu dữ liệu và phát hiện các bản ghi không đáp ứng tiêu chí kiểm tra; gửi thông báo về kết quả hậu kiểm; Ghi log tiến trình hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
B.4.3	Hậu kiểm dữ liệu theo dữ liệu gốc				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
949	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin của người tham gia giao dịch với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin của người tham gia giao dịch với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
950	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin tài sản là đất với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin tài sản là đất với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
951	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản gắn liền với đất với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản gắn liền với đất với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
952	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
953	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
954	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu biển với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu biển với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
955	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Phương tiện thủy nội địa với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Phương tiện thủy nội địa với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
956	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu cá với	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	xác minh thông tin Tài sản là tàu cá với dữ liệu gốc		dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;		
957	Cấu hình tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu bay với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu bay với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
958	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin của người tham gia giao dịch với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin của người tham gia giao dịch với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
959	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin tài sản là đất với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin tài sản là đất với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
960	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản gắn liền với	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	thông tin Tài sản gắn liền với đất với dữ liệu gốc		đất với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;		
961	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
962	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
963	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu biển với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu biển với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
964	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là Phương tiện thủy nội địa với dữ liệu gốc		chí xác minh thông tin Tài sản là Phương tiện thủy nội địa với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;		
965	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu cá với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu cá với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
966	Thực hiện Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu bay với dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình thông tin tiêu chí Hậu kiểm dữ liệu giao dịch công chứng theo tiêu chí xác minh thông tin Tài sản là tàu bay với dữ liệu gốc; Cho phép xem chi tiết tiêu chí hậu kiểm;	B	Đơn giản
B.4.4	Kết quả hậu kiểm dữ liệu				
967	Quản lý danh sách kết quả hậu kiểm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem danh sách kết quả hậu kiểm dữ liệu theo thời gian thực hiện, loại dữ liệu, trạng thái kết quả; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tham số đơn hoặc kết hợp; Cho phép xem chi tiết từng kết quả hậu kiểm; Kết xuất danh sách kết quả hậu kiểm ra file; In danh sách kết quả hậu kiểm dữ liệu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
968	Tra cứu tiến trình hậu kiểm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem danh sách lịch sử các lần hậu kiểm dữ liệu theo thời gian thực hiện, loại dữ liệu hậu kiểm, người thực hiện và kết quả hậu kiểm; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tham số đơn hoặc kết hợp; Cho phép xem chi tiết từng lần hậu kiểm và nội dung lỗi phát sinh; Kết xuất danh sách lịch sử hậu kiểm ra file; In danh sách lịch sử hậu kiểm dữ liệu.	B	Trung bình
B.5	Cung cấp dữ liệu				
B.5.1	Nhóm chức năng quản lý API cung cấp dữ liệu, đối soát dữ liệu cung cấp				
969	Quản lý thông tin kết nối với hệ thống cung cấp/nhận dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép xem danh sách các hệ thống kết nối cung cấp/nhận dữ liệu theo tên hệ thống, loại kết nối và trạng thái; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên hệ thống, đơn vị quản lý và trạng thái kết nối; Cho phép thêm mới thông tin kết nối bao gồm tên hệ thống, phương thức kết nối; Cho phép chỉnh sửa, khóa/mở khóa thông tin kết nối hiện có; Cho phép kiểm tra trạng thái kết nối với Hệ thống cung cấp dữ liệu; Kết xuất	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			danh sách thông tin kết nối ra file; Hệ thống ghi nhận thông tin kết nối được thiết lập và lịch sử thay đổi.		
970	Giám sát và ghi log API	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách nhật ký truy cập và sử dụng API trong hệ thống; Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên API, ứng dụng truy cập, thời gian truy cập hoặc trạng thái xử lý; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin truy cập API bao gồm tham số yêu cầu và kết quả trả về; Cho phép xuất dữ liệu nhật ký API phục vụ kiểm tra, giám sát và phân tích hệ thống.	B	Trung bình
971	Xem chi tiết thông tin quyền truy cập API	Quản trị hệ thống	Cho phép xem chi tiết thông tin quyền truy cập API của từng hệ thống kết nối, phạm vi dữ liệu được phép truy cập; Hiển thị trạng thái hoạt động, thời hạn hiệu lực và lịch sử sử dụng của từng quyền truy cập API; Hiển thị nhật ký các lần gọi API bao gồm thời gian, kết quả trả về và thông tin lỗi nếu có.	B	Trung bình
972	Quản lý phiên bản API	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các phiên bản API trong hệ thống; Cho phép xem chi tiết thông tin từng phiên bản API bao gồm thay đổi chức	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			năng và phạm vi dữ liệu; Cho phép tạo mới hoặc cập nhật phiên bản API; Hệ thống ghi nhận lịch sử phiên bản API phục vụ quản lý và theo dõi thay đổi.		
B.5.2	Nhóm chức năng kiểm soát và giám sát cung cấp dữ liệu				
973	Giám sát luồng cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị trạng thái các luồng cung cấp dữ liệu từ hệ thống tới các đơn vị sử dụng dữ liệu; Cho phép theo dõi tình trạng hoạt động của các dịch vụ cung cấp dữ liệu; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin luồng dữ liệu bao gồm thời gian xử lý và trạng thái phản hồi; Cho phép phát hiện và cảnh báo các lỗi trong quá trình cung cấp dữ liệu.	B	Trung bình
974	Quản lý lịch sử cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách lịch sử các lần cung cấp dữ liệu cho các đơn vị, tổ chức có yêu cầu; Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo đơn vị tiếp nhận, loại dữ liệu, thời gian cung cấp và trạng thái xử lý; Cung cấp chức năng xem chi tiết từng lần cung cấp dữ liệu bao gồm nội dung dữ liệu, số lượng bản ghi, người thực hiện	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			và căn cứ cung cấp; Hỗ trợ theo dõi và kiểm soát toàn bộ hoạt động cung cấp dữ liệu ra bên ngoài hệ thống; Cho phép xuất danh sách lịch sử cung cấp dữ liệu phục vụ công tác báo cáo, kiểm tra và giám sát.		
975	Báo cáo thống kê cung cấp dịch vụ dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị báo cáo thống kê việc sử dụng các dịch vụ cung cấp dữ liệu; Cho phép lọc theo API, đơn vị sử dụng hoặc khoảng thời gian; Cung cấp chức năng hiển thị số liệu thống kê dưới dạng bảng hoặc biểu đồ; Cho phép xuất báo cáo thống kê phục vụ quản lý và đánh giá hiệu quả cung cấp dữ liệu.	B	Trung bình
B.5.3	Quản lý thông tin yêu cầu cung cấp dịch vụ dữ liệu.				
976	Quản lý danh sách yêu cầu đăng ký cung cấp dịch vụ dữ liệu cần duyệt	Quản trị hệ thống	Cho phép quản lý danh sách các yêu cầu đăng ký cung cấp dịch vụ dữ liệu đang chờ xem xét và phê duyệt; Hiển thị danh sách yêu cầu theo trạng thái, thời gian tiếp nhận, loại dịch vụ và đơn vị gửi yêu cầu; Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo các tiêu chí và xem chi tiết nội dung từng yêu cầu; Phân loại và ưu tiên xử lý các yêu cầu theo mức độ cấp thiết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			và thời hạn xử lý; Theo dõi tổng thể tiến độ xử lý các yêu cầu trong danh sách chờ duyệt.		
977	Phê duyệt yêu cầu đăng ký cung cấp dịch vụ dữ liệu	Quản trị hệ thống	1. Lãnh đạo bộ phận quản trị xem lại bản dịch vụ đã chỉnh sửa. Hệ thống hiển thị bản cập nhật và lịch sử chỉnh sửa. 2. Lãnh đạo bộ phận quản trị thực hiện ký duyệt và xác nhận phê duyệt. Hệ thống cập nhật trạng thái "được phê duyệt", ghi log phê duyệt.	B	Trung bình
B.5.4	Dịch vụ cung cấp dữ liệu				
B.5.4.1	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
978	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản lựa chọn người giám hộ. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
979	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
980	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DDi chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
981	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án,	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
982	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Hệ thống lưu lại các thông tin được	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
983	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết;	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.		cur; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			lý nhà ở.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
984	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Cho phép tra cứu log Cung	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cấp dữ liệu DVăn bản thừa kế nhà ở. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
985	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất,		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
986	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Hệ thống lưu lại các	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
987	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
988	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình. Hệ thống	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình		lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đất đồng ý cho xây dựng công trình. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
989	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
990	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ		Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
991	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
992	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
993	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
994	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công. Hệ thống thực hiện	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
995	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản. Hệ thống thực	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
996	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. Hệ thống thực hiện Cung	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
997	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			xuất cảnh. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
998	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
999	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1000	Cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Hệ thống lưu lại	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DCác giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
B.5.4.2	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
1001	Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			nhân. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin người tham gia giao dịch là cá nhân. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1002	Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin người tham gia giao dịch là tổ chức. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
B.5.4.3	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	hình thành từ giao dịch công chứng				
1003	Cung cấp dữ liệu Tài sản là đất	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là đất. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là đất; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là đất; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là đất. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là đất; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là đất. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1004	Cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			DTài sản gắn liền với đất. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1005	Cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1006	Cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Có thể chỉnh	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là bất động sản khác. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1007	Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là Xe mô tô, xe gắn máy. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1008	Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1009	Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu biển	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu biển. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tàu biển; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu biển; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu biển. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu biển; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là tàu biển. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1010	Cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là Phương tiện thủy nội địa. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1011	Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là tàu cá. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1012	Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là tàu bay. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1013	Cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là sổ tiết kiệm. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1014	Cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là cổ phiếu. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1015	Cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là trái phiếu. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1016	Cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTài sản là tài sản khác. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
B.5.4.4	Cung cấp dữ liệu Các tài liệu trong giao dịch công chứng				
1017	Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản lựa chọn người giám hộ. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1018	Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.		chế Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1019	Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1020	Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1021	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.		trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng mua bán, thuê mua		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1022	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cur; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ,		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			ủy quyền quản lý nhà ở.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1023	Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thừa kế nhà ở. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1024	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu D Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1025	Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đất theo quy định của pháp luật về dân sự.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1026	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng thuê đất hoặc hợp		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1027	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Hệ thống lưu lại các thông tin được	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1028	Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1029	Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thỏa thuận về	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			việc mang thai hộ. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1030	Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1031	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1032	Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1033	Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1034	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1035	Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào		

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			doanh nghiệp. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1036	Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			khi người phải thi hành án xuất cảnh. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1037	Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1038	Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DHợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1039	Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			DCác giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1040	Cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản công chứng. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1041	Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật. Hệ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DVăn bản sửa lỗi kỹ thuật. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1042	Cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
B.5.4.5	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1043	Cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin ngăn chặn. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
1044	Cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin cảnh báo rủi ro. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1045	Cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin giải tỏa ngăn chặn. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
B.5.4.6	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng				
1046	Cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông tin tổ chức hành nghề công chứng. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
B.5.4.7	Cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên				
1047	Cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DThông	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tin công chứng viên. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1048	Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.	B	Trung bình
B.5.4.8	Cung cấp dữ liệu Báo cáo				
1049	Cung cấp dữ liệu Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Tổ	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng. Hệ thống thực hiện Cung cấp dữ liệu Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DTổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
1050	Cung cấp dữ liệu Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố. Hệ thống lưu các thông tin về cơ chế Cung cấp dữ liệu Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố; Có thể chỉnh sửa thông tin thiết lập cơ chế Cung cấp dữ liệu Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố; Hệ thống lưu lại các thông tin được chỉnh sửa; Thực hiện Cung cấp dữ liệu Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố. Hệ thống thực	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			hiện Cung cấp dữ liệu Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố; Cho phép tra cứu log Cung cấp dữ liệu DSố tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố. Hệ thống hiển thị kết quả tra cứu.		
B.5.5	Đối soát cung cấp dữ liệu				
B.5.5.1	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng theo loại giao dịch công chứng				
1051	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản lựa chọn người giám hộ	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1052	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.		quy định của luật. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1053	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1054	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1055	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân. tới Hệ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.		thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1056	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1057	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thừa kế nhà ở	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1058	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	liên với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.				
1059	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1060	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024. tới Hệ thống	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024. tới Hệ thống	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1061	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1062	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1063	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1064	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1065	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1066	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền đại diện	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính		thẩm trong vụ việc hành chính tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1067	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1068	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1069	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	với loại giao dịch là Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1070	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1071	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1072	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Hợp	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại		phòng Thừa phát lại tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1073	Đối soát cung cấp dữ liệu Giao dịch công chứng đối với loại giao dịch là Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
B.5.5.2	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin bên liên quan tham gia giao dịch công chứng				
1074	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là cá nhân tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1075	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin người tham gia giao dịch là tổ chức tới Hệ thống khai thác dữ liệu.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
B.5.5.3	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin Tài sản được hình thành từ giao dịch công chứng				
1076	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là đất	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là đất tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1077	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản gắn liền với đất	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản gắn liền với đất tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1078	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là hợp đồng mua bán BĐS hình thành trong tương lai tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1079	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là bất động sản khác	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là bất động sản khác tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1080	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là Xe mô tô, xe gắn máy tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1081	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1082	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu biển	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là tàu biển tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1083	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là Phương tiện thủy nội địa tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1084	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu cá	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là tàu cá tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1085	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là tàu bay	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là tàu bay tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1086	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là sổ tiết kiệm tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1087	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là cổ phiếu	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dữ liệu Tài sản là cổ phiếu tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1088	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là trái phiếu	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là trái phiếu tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1089	Đối soát cung cấp dữ liệu Tài sản là tài sản khác	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Tài sản là tài sản khác tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
B.5.5.4	Đối soát cung cấp dữ liệu Các tài liệu trong giao dịch công chứng				
1090	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản lựa chọn người giám hộ tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1091	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1092	Đối soát cung cấp dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1093	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án trong vụ việc dân sự. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1094	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phân diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phân diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng mà các người tham gia giao dịch là cá nhân. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1095	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở trừ trường hợp sau: tổ chức tặng cho nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết; mua bán, thuê mua nhà ở thuộc tài sản công; mua bán, thuê mua nhà ở mà một bên là tổ chức, bao gồm: nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư; góp vốn bằng nhà ở mà có một bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	bên là tổ chức; thuê, mượn, ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở.				
1096	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thừa kế nhà ở tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1097	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trừ hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các người tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản.		thống kê khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1098	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự.	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về dân sự. tới Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1099	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng nhà ở trong trường hợp chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chủ sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024.		hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 148 của Luật Đất đai năm 2024. tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1100	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1101	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thỏa thuận xác lập chế độ tài sản của vợ chồng trước khi kết hôn tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1102	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang thai hộ	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thỏa thuận về việc mang	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thai hộ tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1103	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung của thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1104	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng cho thuê doanh nghiệp tư nhân tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1105	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền đại diện kháng cáo bản án, quyết định của tòa án cấp sơ thẩm trong vụ việc hành chính tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1106	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền của người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở trong Hồ sơ đề nghị bán nhà ở cũ thuộc tài sản công tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1107	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh doanh bất động sản tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1108	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản thỏa thuận của các thành viên có chung quyền sử dụng đất đồng ý đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1109	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền giải quyết việc thi hành án liên quan đến tài sản khi người phải thi hành án xuất cảnh tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1110	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản ủy quyền thực hiện quyền khiếu nại tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1111	Đối soát cung cấp dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1112	Đối soát cung cấp dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Các giao dịch khác theo quy định của luật và nghị định tới Hệ thống khai thác	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1113	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản công chứng	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản công chứng tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1114	Đối soát cung cấp dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Văn bản sửa lỗi kỹ thuật tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1115	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin tuyên văn bản công chứng vô hiệu tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
B.5.5.5	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1116	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin ngăn chặn	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin ngăn chặn tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1117	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin cảnh báo rủi ro tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1118	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin giải tỏa ngăn chặn tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
B.5.5.6	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
1119	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công chứng	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin tổ chức hành nghề công	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chúng tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
B.5.5.7	Đối soát cung cấp dữ liệu Nhóm thông tin công chứng viên từ Hệ thống cung cấp dữ liệu				
1120	Đối soát cung cấp dữ liệu Thông tin công chứng viên	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thông tin công chứng viên tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
1121	Đối soát cung cấp dữ liệu Thẻ công chứng viên	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Thẻ công chứng viên tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
B.5.5.8	Đối soát cung cấp dữ liệu Báo cáo				
1122	Đối soát cung cấp dữ liệu Báo cáo Tổ chức và kết	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Báo cáo Tổ chức và kết quả hoạt	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	quả hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng		động của tổ chức hành nghề công chứng tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.		
1123	Đối soát cung cấp dữ liệu Báo cáo Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố	Hệ thống khai thác dữ liệu	CSDL Công chứng định kỳ hoặc theo yêu cầu gửi gói tin yêu cầu đối soát tổng hợp về dữ liệu Báo cáo Số tổ chức và kết quả hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh/thành phố tới Hệ thống khai thác dữ liệu. Hệ thống khai thác dữ liệu phản hồi kết quả nhận được.	B	Đơn giản
B.6	Quản trị dữ liệu				
B.6.1	Nhóm chức năng cấu hình trong quản trị dữ liệu				
1124	Cấu hình tham số hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Thiết lập và quản lý các chính sách hủy dữ liệu trong hệ thống; Quy định điều kiện, phạm vi và thời gian lưu trữ dữ liệu khi hủy.	B	Trung bình
1125	Phân quyền hủy và khôi phục dữ liệu	Quản trị hệ thống	Thiết lập quyền thực hiện các chức năng hủy và khôi phục dữ liệu; Quản lý quyền truy cập của người dùng đối với các chức năng liên quan.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1126	Quản lý lịch sử hủy/khôi phục	Quản trị hệ thống	Lưu trữ và quản lý lịch sử các hoạt động hủy và khôi phục dữ liệu; Cho phép tra cứu và kiểm tra lịch sử xử lý dữ liệu.	B	Trung bình
1127	Sao lưu dữ liệu trước khi hủy	Quản trị hệ thống	Thực hiện sao lưu dữ liệu trước khi tiến hành hủy dữ liệu; Lưu trữ bản sao dữ liệu để phục vụ khôi phục khi cần thiết.	B	Trung bình
1128	Khôi phục từ bản sao lưu	Quản trị hệ thống	Thực hiện khôi phục dữ liệu từ các bản sao lưu; Đảm bảo dữ liệu có thể được phục hồi trong trường hợp cần thiết.	B	Trung bình
1129	Báo cáo thống kê hủy và khôi phục	Quản trị hệ thống	Thống kê các hoạt động hủy và khôi phục dữ liệu trong hệ thống; Hiện thị báo cáo tổng hợp phục vụ công tác quản lý và giám sát dữ liệu.	B	Trung bình
B.6.2	Nhóm chức năng kiểm soát an toàn				
1130	Xác thực khi hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Yêu cầu xác thực người dùng trước khi thực hiện hủy dữ liệu; Đảm bảo chỉ người có thẩm quyền mới được phép thực hiện thao tác hủy dữ liệu.	B	Trung bình
1131	Cảnh báo khi hủy dữ liệu quan trọng	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Hiện thị cảnh báo khi người dùng thực hiện hủy dữ liệu quan trọng; Yêu cầu xác nhận lại trước khi thực hiện thao tác hủy.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1132	Kiểm tra ràng buộc dữ liệu	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Kiểm tra các ràng buộc dữ liệu trước khi thực hiện hủy; Đảm bảo việc hủy dữ liệu không làm ảnh hưởng đến các dữ liệu liên quan.	B	Trung bình
1133	Khóa dữ liệu trước khi hủy	Quản trị hệ thống	Thực hiện khóa dữ liệu trước khi tiến hành hủy; Ngăn chặn các thao tác chỉnh sửa hoặc truy cập dữ liệu trong quá trình xử lý hủy dữ liệu.	B	Trung bình
1134	Phục hồi khẩn cấp	Quản trị hệ thống	Thực hiện phục hồi dữ liệu trong các trường hợp khẩn cấp; Khôi phục dữ liệu từ bản sao lưu hoặc từ trạng thái hủy mềm khi xảy ra sự cố.	B	Trung bình
B.6.3	Nhóm chức năng hủy dữ liệu				
1135	Tạo yêu cầu hủy dữ liệu	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tạo yêu cầu hủy dữ liệu trong hệ thống; Nhập thông tin dữ liệu cần hủy và lý do hủy; Gửi yêu cầu hủy dữ liệu để xem xét và phê duyệt.	B	Trung bình
1136	Kiểm tra điều kiện hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Kiểm tra các điều kiện trước khi thực hiện hủy dữ liệu; Xác định dữ liệu có thuộc phạm vi được phép hủy hay không; Kiểm	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tra ràng buộc dữ liệu và trạng thái dữ liệu liên quan.		
1137	Phê duyệt hủy dữ liệu	Lãnh đạo bộ phận Quản trị	Xem xét và phê duyệt yêu cầu hủy dữ liệu; Kiểm tra thông tin dữ liệu cần hủy và lý do hủy; Thực hiện chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu hủy dữ liệu.	B	Trung bình
1138	Hủy mềm (Soft Delete)	Quản trị hệ thống	Thực hiện hủy mềm dữ liệu trong hệ thống; Đánh dấu dữ liệu ở trạng thái đã hủy nhưng vẫn lưu trữ trong cơ sở dữ liệu; Cho phép dữ liệu được khôi phục khi cần thiết.	B	Trung bình
1139	Hủy dữ liệu theo danh mục	Quản trị hệ thống	Thực hiện hủy dữ liệu theo danh mục hoặc nhóm dữ liệu; Cho phép lựa chọn danh mục dữ liệu cần hủy; Thực hiện xử lý hủy dữ liệu theo phạm vi được lựa chọn.	B	Trung bình
1140	Hủy dữ liệu đính kèm	Quản trị hệ thống	Thực hiện hủy các tài liệu hoặc tệp đính kèm liên quan đến dữ liệu; Xóa hoặc đánh dấu hủy các tệp tài liệu được liên kết với hồ sơ dữ liệu.	B	Trung bình
1141	Lập biên bản hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Tạo biên bản ghi nhận việc hủy dữ liệu trong hệ thống; Lưu trữ thông tin về dữ liệu đã hủy, thời gian hủy và người thực hiện;	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Phục vụ công tác kiểm tra và kiểm toán dữ liệu.		
1142	Quản lý nhật ký hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Ghi nhận và quản lý nhật ký các hoạt động hủy dữ liệu; Lưu trữ thông tin về người thực hiện, thời gian và nội dung hủy dữ liệu; Hỗ trợ tra cứu và kiểm tra lịch sử hủy dữ liệu.	B	Trung bình
1143	Gửi thông báo hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Gửi thông báo đến các bên liên quan khi dữ liệu được hủy; Thông báo trạng thái xử lý yêu cầu hủy dữ liệu; Cập nhật thông tin hủy dữ liệu trong hệ thống.	B	Trung bình
1144	Thiết lập cấu hình cảnh báo hủy dữ liệu	Quản trị hệ thống	Thêm, sửa, xóa, tra cứu các thiết lập cảnh báo thời hạn để hủy dữ liệu	B	Trung bình
B.6.4	Nhóm chức năng khôi phục dữ liệu				
1145	Tìm kiếm dữ liệu đã hủy	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép tìm kiếm các dữ liệu đã được hủy mềm trong hệ thống; Tra cứu dữ liệu theo các tiêu chí tìm kiếm; Hiện thị danh sách dữ liệu đã hủy.	B	Trung bình
1146	Xem thông tin dữ liệu đã hủy	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Hiện thị thông tin chi tiết của dữ liệu đã được hủy; Cung cấp thông tin về trạng thái hủy, thời gian hủy và người thực hiện.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1147	Tạo yêu cầu khôi phục dữ liệu	Công chứng viên/ Lãnh đạo TCHNCC	Cho phép người dùng tạo yêu cầu khôi phục dữ liệu đã hủy; Nhập thông tin dữ liệu cần khôi phục và lý do khôi phục; Gửi yêu cầu khôi phục dữ liệu để xem xét và phê duyệt.	B	Trung bình
1148	Phê duyệt khôi phục dữ liệu	Quản trị hệ thống	Xem xét và phê duyệt yêu cầu khôi phục dữ liệu; Kiểm tra thông tin dữ liệu cần khôi phục; Thực hiện chấp thuận hoặc từ chối yêu cầu khôi phục.	B	Trung bình
1149	Khôi phục dữ liệu	Quản trị hệ thống	Thực hiện khôi phục dữ liệu đã bị hủy mềm; Khôi phục trạng thái dữ liệu về trạng thái hoạt động trong hệ thống.	B	Trung bình
1150	Khôi phục dữ liệu đính kèm	Quản trị hệ thống	Khôi phục các tài liệu hoặc tệp đính kèm liên quan đến dữ liệu đã hủy; Khôi phục liên kết tài liệu với hồ sơ dữ liệu.	B	Trung bình
1151	Khôi phục theo lô	Quản trị hệ thống	Thực hiện khôi phục nhiều dữ liệu cùng lúc; Cho phép lựa chọn danh sách dữ liệu cần khôi phục; Thực hiện xử lý khôi phục theo lô.	B	Trung bình
1152	Quản lý nhật ký khôi phục	Quản trị hệ thống	Ghi nhận và quản lý nhật ký các hoạt động khôi phục dữ liệu; Lưu trữ thông tin về	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			người thực hiện, thời gian và nội dung khôi phục dữ liệu.		
1153	Gửi Thông báo khôi phục dữ liệu	Quản trị hệ thống	Gửi thông báo đến các bên liên quan khi dữ liệu được khôi phục; Cập nhật trạng thái xử lý yêu cầu khôi phục dữ liệu trong hệ thống.	B	Trung bình
B.7	Dashboard cho quản trị kho dữ liệu công chứng				
1154	Cấu hình thành phần hiển thị Dashboard dành cho quản trị kho dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép truy cập chức năng quản lý thành phần Dashboard; Hệ thống hiển thị danh sách các widget/thành phần có thể hiển thị; Cho phép kích hoạt hoặc tắt hiển thị từng thành phần; Cho phép chỉnh sửa thông tin cấu hình của thành phần hiển thị; Lưu thay đổi cấu hình.	B	Trung bình
1155	Cấu hình bố cục hiển thị Dashboard dành cho quản trị kho dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép truy cập chức năng Cấu hình bố cục hiển thị Dashboard; Hiển thị danh sách đã chọn các thành phần thông tin cần hiển thị trên Dashboard (biểu đồ, số liệu thống kê, danh sách cảnh báo...); Thiết lập vị trí, thứ tự và kiểu hiển thị của các thành phần; Lưu cấu hình hiển thị Dashboard; Hệ thống cập nhật và hiển thị Dashboard theo cấu hình đã thiết lập.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1156	Thiết lập cảnh báo từ dashboard quản lý kho dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập các ngưỡng cảnh báo dựa trên dữ liệu hiển thị trên dashboard từ đó hệ thống gửi cảnh báo hoặc thông báo khi vượt ngưỡng đã cấu hình.	B	Trung bình
B.7.1	Dashboard giám sát thu nhận dữ liệu				
1157	Khai thác thống kê về thu nhận dữ liệu thủ công	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về dữ liệu được thu nhận vào kho dữ liệu công chứng thông qua hình thức tích hợp thủ công, bao gồm số lượng dữ liệu đã tiếp nhận, trạng thái xử lý và kết quả thu nhận dữ liệu.	B	Trung bình
1158	Khai thác thống kê về thu nhận dữ liệu tự động	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về dữ liệu được thu nhận tự động thông qua các kênh tích hợp hệ thống, API hoặc nền tảng trao đổi dữ liệu, phục vụ giám sát khối lượng và trạng thái thu nhận dữ liệu.	B	Trung bình
1159	Khai thác thống kê về thu nhận dữ liệu theo nguồn tích hợp	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về dữ liệu thu nhận theo từng nguồn tích hợp, như nền tảng công chứng, hệ thống chuyển đổi dữ liệu địa phương hoặc các hệ thống kết nối khác, giúp theo dõi mức độ đóng góp dữ liệu của từng nguồn.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1160	Khai thác thông kê về thu nhận dữ liệu theo xu hướng, thời gian thu thập	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về xu hướng thu nhận dữ liệu theo thời gian (ngày, tháng, năm), hỗ trợ đánh giá tốc độ tăng trưởng và biến động của dữ liệu được thu thập vào kho dữ liệu công chứng.	B	Trung bình
1161	Khai thác thông kê thu thập dữ liệu theo kết quả thu thập	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về kết quả thu nhận dữ liệu, bao gồm số lượng dữ liệu thu nhận thành công, dữ liệu lỗi hoặc dữ liệu cần xử lý bổ sung, phục vụ giám sát chất lượng quá trình thu nhận dữ liệu.	B	Trung bình
1162	Khai thác thông kê thu thập dữ liệu theo nhóm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về dữ liệu thu nhận theo từng nhóm dữ liệu trong kho dữ liệu công chứng (ví dụ: giao dịch công chứng, tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên, tài sản, cá nhân/tổ chức tham gia giao dịch.).	B	Trung bình
B.7.2	Dashboard giám sát đối soát dữ liệu				
1163	Khai thác thông kê tiến trình đối soát dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về tiến trình đối soát dữ liệu thu thập từ các nguồn tích hợp vào kho dữ liệu công	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			chúng, bao gồm số lượng dữ liệu trùng khớp, sai lệch hoặc cần xử lý bổ sung.		
1164	Khai thác thông kê dữ liệu sai lệch sau đối soát	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về các bản ghi dữ liệu phát hiện sai lệch sau quá trình đối soát với dữ liệu nguồn hoặc dữ liệu chuẩn, phục vụ giám sát chất lượng dữ liệu.	B	Trung bình
B.7.3	Dashboard giám sát xử lý dữ liệu				
1165	Khai thác thông kê kết quả làm sạch dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về kết quả thực hiện làm sạch dữ liệu trong kho dữ liệu công chứng, bao gồm số lượng bản ghi được xử lý lỗi, loại lỗi dữ liệu và trạng thái xử lý.	B	Trung bình
1166	Khai thác thông kê kết quả chuẩn hóa dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về kết quả chuẩn hóa dữ liệu theo các quy tắc chuẩn hóa dữ liệu của hệ thống, bao gồm số lượng dữ liệu đã chuẩn hóa, chưa chuẩn hóa và các nhóm dữ liệu được xử lý.	B	Trung bình
B.7.4	Dashboard giám sát hậu kiểm dữ liệu				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1167	Khai thác thống kê tiến trình hậu kiểm dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về tiến trình thực hiện hậu kiểm dữ liệu trong kho dữ liệu công chứng, bao gồm số lượng dữ liệu đã được hậu kiểm, đang hậu kiểm và chưa thực hiện hậu kiểm, phục vụ theo dõi tiến độ xử lý dữ liệu.	B	Trung bình
1168	Khai thác thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu theo tiêu chí	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về kết quả hậu kiểm dữ liệu theo từng tiêu chí kiểm tra dữ liệu đã thiết lập; xem chi tiết thông tin; tra cứu theo thời gian, đơn vị	B	Trung bình
1169	Khai thác thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu theo nguồn dữ liệu gốc	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về kết quả hậu kiểm dữ liệu theo từng nguồn dữ liệu gốc được sử dụng để hậu kiểm dữ liệu	B	Trung bình
1170	Khai thác thống kê kết quả hậu kiểm dữ liệu theo địa bàn	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về kết quả hậu kiểm dữ liệu theo từng địa bàn quản lý dữ liệu, hỗ trợ đánh giá mức độ tuân thủ và chất lượng dữ liệu	B	Trung bình
B.7.5	Dashboard giám sát cung cấp dữ liệu				
1171	Khai thác thống kê yêu cầu cung cấp dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về các yêu cầu cung cấp dữ liệu từ kho dữ liệu	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			công chứng, bao gồm số lượng yêu cầu, trạng thái xử lý và kết quả cung cấp dữ liệu.		
1172	Khai thác thống kê dịch vụ dữ liệu đã cung cấp	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về việc sử dụng các dịch vụ cung cấp dữ liệu của hệ thống, bao gồm số lượt truy cập, số lượng dữ liệu được cung cấp và đơn vị khai thác dữ liệu.	B	Trung bình
1173	Khai thác thống kê tiến trình đối soát cung cấp dữ liệu theo các nguồn nhận dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép khai thác thông tin thống kê về tiến trình thực hiện đối soát dữ liệu theo từng nguồn nhận dữ liệu, bao gồm số lượng dữ liệu đã đối soát, đang đối soát và chưa thực hiện đối soát, lỗi, khớp, ..phục vụ theo dõi tình trạng đối soát dữ liệu trong hệ thống.	B	Trung bình
C	Phân hệ quản trị hệ thống				
C.1	Nhóm chức năng quản trị chung				
1174	Đăng nhập đối với cán bộ nhà nước	Chuyên viên Bộ Tư pháp/ Chuyên viên Sở Tư Pháp/ Lãnh đạo Bộ Tư pháp/ Lãnh đạo	Cho phép đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu được xác thực qua nền tảng định danh và xác thực điện tử của BTP	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		phòng chuyên môn của STP/ Quản trị hệ thống	đối với cán bộ, hoặc VNeID đối với người dùng không thuộc cán bộ		
1175	Gửi thông tin xác thực tài khoản cán bộ qua nền tảng định danh và xác thực điện tử của Bộ Tư Pháp	Hệ thống	Sau khi người dùng thực hiện đăng nhập, hệ thống gửi yêu cầu xác thực (bao gồm thông tin định danh/tài khoản) tới Nền tảng định danh và xác thực điện tử VNeID để kiểm tra tính hợp lệ.	M	Đơn giản
1176	Nhận thông tin xác thực tài khoản cán bộ qua nền tảng định danh và xác thực điện tử của Bộ Tư Pháp	Hệ thống	Hệ thống tiếp nhận kết quả xác thực từ nền tảng VNeID, kiểm tra trạng thái hợp lệ và cấp quyền truy cập tương ứng theo vai trò người dùng.	M	Đơn giản
1177	Đăng xuất đối với cán bộ nhà nước	Chuyên viên Bộ Tư pháp/ Chuyên viên Sở Tư Pháp/ Lãnh đạo Bộ Tư pháp/ Lãnh đạo phòng chuyên môn của STP/ Quản trị hệ thống	Thoát khỏi hệ thống và hủy phiên đăng nhập hiện tại.	B	Đơn giản
1178	Xem thông tin tài khoản của người dùng	Chuyên viên Bộ Tư pháp/ Chuyên viên Sở Tư Pháp/ Lãnh đạo Bộ Tư pháp/ Lãnh đạo	Thực hiện xem thông tin tài khoản theo cá nhân người sử dụng, gồm các thông tin cơ bản về tài khoản, thông tin cơ bản, thông tin cán bộ.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		phòng chuyên môn của STP/ Quản trị hệ thống			
C.2	Quản trị thiết lập và cấu hình				
1179	Cấu hình tham số về thời gian timeout phiên làm việc	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Cấu hình tham số về thời gian timeout phiên làm việc; Xem thông tin cấu hình thời gian timeout phiên làm việc hiện tại; Thực hiện nhập giá trị thời gian timeout phiên làm việc; Thực hiện cập nhật giá trị thời gian timeout; Lưu thông tin cấu hình thời gian timeout phiên làm việc; Hệ thống áp dụng cấu hình timeout cho các phiên đăng nhập của người dùng.	B	Trung bình
1180	Cấu hình tham số về số lượng bản ghi hiển thị	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Cấu hình tham số về số lượng bản ghi hiển thị; Xem cấu hình số lượng bản ghi hiển thị hiện tại; Thực hiện nhập số lượng bản ghi hiển thị trên mỗi trang; Kiểm tra tính hợp lệ của giá trị cấu hình; Lưu cấu hình số lượng bản ghi hiển thị; Áp dụng cấu hình hiển thị trên toàn hệ thống.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1181	Cấu hình tham số về định dạng ngày tháng	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Cấu hình tham số về định dạng ngày tháng; Xem danh sách định dạng ngày tháng đang sử dụng; Thực hiện lựa chọn hoặc nhập định dạng ngày tháng; Kiểm tra tính hợp lệ của định dạng; Lưu cấu hình định dạng ngày tháng; Áp dụng định dạng ngày tháng trên hệ thống.	B	Trung bình
1182	Cấu hình tham số về định dạng dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Cấu hình tham số về định dạng dữ liệu; Xem danh sách các cấu hình định dạng dữ liệu; Thực hiện thiết lập định dạng dữ liệu; Kiểm tra tính hợp lệ của cấu hình; Lưu cấu hình định dạng dữ liệu; Áp dụng cấu hình định dạng dữ liệu trong hệ thống.	B	Trung bình
1183	Quản lý cấu hình sao lưu và khôi phục dữ liệu	Quản trị hệ thống	Thiết lập lịch backup dữ liệu (tự động/ thủ công), quản lý phiên bản backup, cấu hình nơi lưu trữ, khôi phục dữ liệu khi xảy ra sự cố.	B	Trung bình
1184	Quản lý cấu hình tích hợp SSO	Quản trị hệ thống	Cấu hình kết nối hệ thống đăng nhập một lần (SSO) với các nền tảng nội bộ hoặc CSDL quốc gia về dân cư	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1185	Cấu hình bảo mật đăng nhập	Quản trị hệ thống	Cấu hình tham số về giới hạn lần đăng nhập vào hệ thống	B	Trung bình
1186	Xem danh sách thông tin kết nối với các hệ thống, ứng dụng	Quản trị hệ thống	Thiết lập, cập nhật và quản lý cấu hình kết nối với các hệ thống, ứng dụng. Cấu hình kết nối với các nền tảng công chứng địa phương, các Hệ thống cung cấp dữ liệu, hệ thống cung cấp dữ liệu, hệ thống nhận dữ liệu,....	B	Trung bình
1187	Cấu hình phân cấp dữ liệu hệ thống	Quản trị hệ thống	Thiết lập cấu hình phân cấp quản lý và khai thác dữ liệu trong hệ thống theo các cấp quản lý như Trung ương, địa phương hoặc đơn vị trực thuộc, đảm bảo việc truy cập và khai thác dữ liệu phù hợp với phạm vi quản lý của từng cấp.	B	Trung bình
1188	Cấu hình nhật ký và giám sát hệ thống	Quản trị hệ thống	Thiết lập cấu hình ghi nhận nhật ký hoạt động của hệ thống và người dùng, bao gồm các thao tác truy cập, cập nhật dữ liệu và các sự kiện hệ thống. Đồng thời cấu hình các cơ chế giám sát để theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống.	B	Trung bình
1189	Cấu hình lưu trữ hồ sơ điện tử	Quản trị hệ thống	Thiết lập cấu hình lưu trữ đối với hồ sơ điện tử và tài liệu đính kèm trong hệ thống, bao gồm quy định về định dạng file, dung lượng	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			lưu trữ, thời gian lưu trữ và cơ chế quản lý kho lưu trữ hồ sơ điện tử.		
1190	Quản lý phiên bản cấu hình hệ thống	Quản trị hệ thống	Quản lý lịch sử các thay đổi cấu hình hệ thống, bao gồm việc lưu trữ các phiên bản cấu hình, theo dõi lịch sử thay đổi và hỗ trợ khôi phục lại cấu hình trước đó khi cần thiết.	B	Trung bình
1191	Quản lý môi trường vận hành	Quản trị hệ thống	Quản lý và cấu hình các môi trường vận hành của hệ thống như môi trường phát triển, kiểm thử và vận hành chính thức; thiết lập các thông số kỹ thuật và cấu hình phục vụ việc triển khai và vận hành hệ thống.	B	Trung bình
C.3	Quản lý danh mục				
C.3.1	Quản lý danh mục dùng chung				
1192	Tra cứu Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách trạng thái hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên trạng thái hoặc mã trạng thái,....	B	Đơn giản
1193	Tra cứu Danh mục trạng thái công chứng viên	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách trạng thái công chứng viên trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kiểm theo tên trạng thái hoặc mã trạng thái,...		
1194	Tra cứu Danh mục loại giấy tờ tùy thân	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách loại giấy tờ tùy thân trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên loại giấy tờ hoặc mã loại giấy tờ,...	B	Đơn giản
1195	Tra cứu Danh mục giới tính	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách danh mục giới tính trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã hoặc tên giới tính,...	B	Đơn giản
1196	Tra cứu Danh mục dân tộc	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách danh mục dân tộc trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã hoặc tên dân tộc,...	B	Đơn giản
1197	Tra cứu Danh mục quốc tịch	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách danh mục quốc tịch trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã quốc tịch hoặc tên quốc tịch,...	B	Đơn giản
1198	Tra cứu Danh mục giấy tờ pháp nhân	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách các loại giấy tờ pháp nhân trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên loại giấy tờ hoặc mã loại giấy tờ,...	B	Đơn giản
1199	Tra cứu Danh mục loại đất	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách loại đất trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã loại đất hoặc tên loại đất,...	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1200	Tra cứu Danh mục địa bàn hành chính	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách địa bàn hành chính theo cấp tỉnh, huyện, xã trong hệ thống.- Cho phép tìm kiếm, lọc theo mã địa bàn, tên địa bàn hoặc cấp hành chính,...	B	Đơn giản
1201	Tra cứu dữ liệu Danh mục loại tài sản gắn liền với đất	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách loại tài sản gắn liền với đất trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã loại tài sản hoặc tên loại tài sản,....	B	Đơn giản
1202	Tra cứu dữ liệu Danh mục hình thức tổ chức hành nghề công chứng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách các hình thức tổ chức hành nghề công chứng.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên hình thức tổ chức hoặc mã danh mục,....	B	Đơn giản
1203	Tra cứu dữ liệu Danh mục trạng thái thẻ công chứng viên	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách trạng thái thẻ công chứng viên trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã trạng thái hoặc tên trạng thái,...	B	Đơn giản
1204	Tra cứu dữ liệu Danh mục trạng thái ngăn chặn	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách trạng thái ngăn chặn trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã trạng thái hoặc tên trạng thái,...	B	Đơn giản
C.3.2	Quản lý danh mục riêng của hệ thống				
1205	Thiết lập danh mục Tên GDCC và loại tài sản.	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Thiết lập danh mục Tên giao dịch công chứng và loại	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			tài sản; Xem danh sách danh mục giao dịch công chứng và loại tài sản; Thực hiện thêm mới danh mục; Thực hiện nhập thông tin tên giao dịch công chứng và loại tài sản; Thực hiện cập nhật thông tin danh mục; Thực hiện xóa danh mục; Thực hiện phân loại và quản lý trạng thái danh mục; Lưu thông tin danh mục trên hệ thống.		
1206	Quản lý Danh mục loại giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách các loại giao dịch công chứng trong hệ thống theo dạng bảng hoặc danh sách.- Cho phép lọc, tìm kiếm loại giao dịch, tên loại giao dịch;...	B	Đơn giản
1207	Quản lý Danh mục tên giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách tên giao dịch công chứng trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên giao dịch, loại giao dịch ,....	B	Đơn giản
1208	Quản lý Danh mục loại tài sản	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách loại tài sản trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã loại tài sản hoặc tên loại tài sản,....	B	Đơn giản
1209	Quản lý Danh mục phương thức công chứng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách các phương thức công chứng trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên phương thức hoặc trạng thái sử dụng,...	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1210	Quản lý Danh mục vai trò bên liên quan	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách vai trò của các bên liên quan trong giao dịch công chứng; Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên vai trò	B	Đơn giản
1211	Quản lý Danh mục trạng thái giải chấp	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách trạng thái giải chấp trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên trạng thái hoặc mã trạng thái,...	B	Đơn giản
1212	Quản lý dữ liệu Danh mục chức vụ	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách chức vụ trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã chức vụ, tên chức vụ	B	Đơn giản
1213	Quản lý dữ liệu Danh mục Lĩnh vực công chứng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách lĩnh vực công chứng trong hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo mã, tên	B	Đơn giản
1214	Quản lý danh mục loại tiếp nhận giao dịch	Quản trị hệ thống	Hiện thị danh sách loại tiếp nhận giao dịch công chứng; Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo tên và trạng thái; Cho phép thêm mới, chỉnh sửa, khóa/mở khóa loại tiếp nhận giao dịch; Hệ thống ghi nhận lịch sử thay đổi.	B	Đơn giản
1215	Quản lý danh mục loại tiếp nhận thông tin ngăn chặn/cảnh báo	Quản trị hệ thống	Hiện thị danh sách loại tiếp nhận thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và cảnh báo rủi ro; Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo tên và trạng thái; Cho phép thêm mới, chỉnh sửa,	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			khóa/mở khóa loại tiếp nhận; Hệ thống ghi nhận lịch sử thay đổi.		
C.4	Quản trị người dùng và phân quyền				
1216	Quản lý thông tin nhóm người dùng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách nhóm người dùng trong hệ thống theo dạng bảng hoặc danh sách; Cho phép tìm kiếm, lọc nhóm người dùng theo tên nhóm, mô tả hoặc trạng thái hoạt động; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin nhóm người dùng và danh sách tài khoản thuộc nhóm; Cho phép thêm mới, chỉnh sửa, cập nhật hoặc khóa nhóm người dùng; Cho phép xuất danh sách nhóm người dùng phục vụ quản lý và báo cáo.	B	Trung bình
1217	Quản lý vai trò người dùng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách vai trò người dùng trong hệ thống theo dạng bảng hoặc danh sách; Cho phép tìm kiếm, lọc vai trò người dùng theo tên nhóm, mô tả hoặc trạng thái hoạt động; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin vai trò người dùng và danh sách tài khoản thuộc nhóm; Cho phép thêm mới, chỉnh sửa, cập nhật vai trò người dùng; Cho	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			phép xuất danh sách vai trò người dùng phục vụ quản lý và báo cáo.		
1218	Quản lý cơ cấu tổ chức	Quản trị hệ thống	Cho phép quản trị hệ thống thiết lập, cập nhật và quản lý thông tin về cơ cấu tổ chức trong hệ thống, bao gồm các đơn vị, phòng ban và mối quan hệ phân cấp giữa các đơn vị. Chức năng hỗ trợ tạo mới, chỉnh sửa, ngừng sử dụng hoặc cập nhật thông tin đơn vị, phục vụ việc phân quyền người dùng, thống kê và quản lý dữ liệu theo cơ cấu tổ chức.	B	Trung bình
1219	Quản lý tài khoản Công chứng viên	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách tài khoản Công chứng viên trong hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên, tổ chức hành nghề công chứng, trạng thái tài khoản; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin tài khoản Công chứng viên; Cho phép xuất danh sách tài khoản phục vụ quản lý và báo cáo.	B	Trung bình
1220	Quản lý tài khoản cán bộ	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách tài khoản cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước; Cho phép tìm kiếm, lọc theo đơn vị, chức vụ, trạng thái tài khoản; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin tài khoản cán bộ; Cho phép xuất	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			danh sách tài khoản phục vụ quản lý và báo cáo.		
1221	Quản lý nhóm quyền chức năng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách nhóm quyền chức năng trong hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên nhóm quyền.; Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin nhóm quyền chức năng và danh sách quyền chức năng được gán; Cho phép tạo mới, chỉnh sửa hoặc khóa nhóm quyền chức năng; Cho phép xuất danh sách nhóm quyền chức năng phục vụ quản lý.	B	Trung bình
1222	Quản lý thông tin quyền chức năng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các quyền trong hệ thống theo dạng bảng; Cho phép tìm kiếm, lọc quyền theo nhóm chức năng hoặc phạm vi dữ liệu; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung và phạm vi của từng quyền; Cho phép cập nhật thông tin mô tả quyền trong hệ thống; Cho phép xuất danh sách quyền phục vụ quản lý.	B	Trung bình
1223	Quản lý nhóm quyền dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách nhóm quyền dữ liệu trong hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên nhóm quyền dữ liệu hoặc phạm vi áp dụng; Cung cấp chức năng xem chi tiết	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông tin nhóm quyền dữ liệu và danh sách quyền dữ liệu được gán; Cho phép tạo mới, chỉnh sửa hoặc khóa nhóm quyền dữ liệu; Cho phép xuất danh sách nhóm quyền dữ liệu phục vụ quản lý.		
1224	Quản lý thông tin quyền dữ liệu	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các quyền dữ liệu trong hệ thống theo dạng bảng; Cho phép tìm kiếm, lọc quyền theo nhóm dữ liệu; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung và phạm vi của từng quyền dữ liệu; Cho phép cập nhật thông tin mô tả quyền trong hệ thống; Cho phép xuất danh sách quyền phục vụ quản lý.	B	Trung bình
1225	Thiết lập quyền mặc định cho nhóm	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập các quyền mặc định áp dụng cho từng nhóm người dùng; Cho phép lựa chọn quyền chức năng và quyền dữ liệu áp dụng cho nhóm; Cung cấp chức năng xem danh sách quyền đã được thiết lập mặc định; Hệ thống ghi nhận cấu hình quyền mặc định cho nhóm người dùng.	B	Trung bình
1226	Phân quyền chức năng	Quản trị hệ thống	Cho phép gán quyền truy cập các chức năng hệ thống cho tài khoản hoặc nhóm người dùng; Cung cấp chức năng xem danh	B	Phức tạp

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sách quyền chức năng đã được phân bổ; Cho phép cập nhật, điều chỉnh hoặc thu hồi quyền chức năng khi cần thiết; Hệ thống ghi nhận lịch sử thay đổi phân quyền chức năng.		
1227	Phân quyền dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép gán quyền truy cập dữ liệu cho tài khoản hoặc nhóm người dùng theo phạm vi dữ liệu được phép khai thác; Cung cấp chức năng xem danh sách quyền dữ liệu đã được phân bổ; Cho phép cập nhật hoặc thu hồi quyền truy cập dữ liệu khi cần thiết; Hệ thống ghi nhận lịch sử thay đổi phân quyền dữ liệu.	B	Phức tạp
1228	Quản lý danh mục trạng thái người dùng	Quản trị hệ thống	Cho phép quản trị hệ thống thiết lập, cập nhật và quản lý các trạng thái của người dùng trong hệ thống (ví dụ: hoạt động, tạm khóa, ngừng hoạt động), phục vụ việc kiểm soát và phân loại trạng thái tài khoản.	B	Trung bình
1229	Quản lý phiên đăng nhập	Quản trị hệ thống	Cho phép theo dõi và quản lý các phiên đăng nhập của người dùng trên hệ thống, bao gồm thông tin thời điểm đăng nhập, thời gian hoạt động, địa chỉ truy cập và trạng thái phiên làm việc.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1230	Xem dashboard tổng quan người dùng	Quản trị hệ thống	Hiển thị dashboard tổng hợp thông tin về tình hình người dùng trong hệ thống như tổng số người dùng, số người dùng đang hoạt động, số người dùng mới và các chỉ số thống kê liên quan.	B	Trung bình
1231	Xem số lượng người dùng theo thời gian	Quản trị hệ thống	Hiển thị biểu đồ và số liệu thống kê về số lượng người dùng theo các mốc thời gian (ngày, tháng, năm) nhằm theo dõi xu hướng tăng trưởng và sử dụng hệ thống.	B	Đơn giản
1232	Xem phân bố người dùng theo vai trò	Quản trị hệ thống	Hiển thị thống kê số lượng và tỷ lệ người dùng theo từng vai trò trong hệ thống nhằm hỗ trợ quản trị trong việc theo dõi và quản lý phân quyền người dùng.	B	Đơn giản
1233	Xem phân bố người dùng theo đơn vị	Quản trị hệ thống	Hiển thị thống kê số lượng người dùng theo từng đơn vị hoặc tổ chức sử dụng hệ thống, hỗ trợ việc theo dõi tình hình sử dụng hệ thống theo cơ cấu tổ chức.	B	Đơn giản
1234	Xem người dùng hoạt động nhiều nhất	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách hoặc thống kê các người dùng có tần suất hoạt động cao trên hệ thống trong một khoảng thời gian xác định.	B	Đơn giản
1235	Báo cáo thống kê người sử dụng	Quản trị hệ thống	Cung cấp chức năng tổng hợp và xuất báo cáo thống kê về tình hình sử dụng hệ thống	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			của người dùng theo các tiêu chí khác nhau như thời gian, đơn vị, vai trò hoặc mức độ hoạt động.		
C.5	Quản lý thông báo				
1236	Quản lý loại thông báo	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các loại thông báo trong hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên loại thông báo; Cho phép thêm mới, cập nhật, xem chi tiết hoặc khóa loại thông báo.	B	Trung bình
1237	Quản lý mẫu thông báo	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách mẫu thông báo được sử dụng trong hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên mẫu, loại thông báo hoặc trạng thái sử dụng; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung mẫu thông báo; Cho phép tạo mới, chỉnh sửa hoặc cập nhật nội dung mẫu thông báo;	B	Trung bình
1238	Cấu hình thông báo	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình và gửi thông báo từ Bộ Tư pháp tới các Sở Tư pháp trên phạm vi toàn quốc, từ Bộ/Sở Tư pháp tới các tổ chức hành nghề công chứng; Cho phép tạo mới thông báo thủ công hoặc thiết lập thông báo tự động dựa trên các sự kiện, điều kiện phát sinh trong hệ thống; Hỗ trợ xác định phạm vi gửi thông báo theo cấp	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			quản lý, vùng địa lý hoặc nhóm đối tượng nhận cụ thể; Cung cấp chức năng xem trước nội dung thông báo trước khi gửi chính thức; Hệ thống ghi nhận thông tin cấu hình.		
1239	Lập lịch gửi thông báo	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập thời gian gửi thông báo theo lịch định sẵn; Cho phép cấu hình thời điểm gửi thông báo theo ngày, giờ hoặc chu kỳ; Cung cấp chức năng xem danh sách các thông báo đã được lập lịch gửi; Hệ thống ghi nhận cấu hình lịch gửi thông báo.	B	Trung bình
1240	Gửi thông báo theo nhóm, cá nhân	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn đối tượng nhận thông báo theo nhóm người dùng hoặc cá nhân cụ thể; Cho phép thiết lập, hoặc hủy bỏ phạm vi người nhận theo vai trò hoặc đơn vị; Cung cấp chức năng xem danh sách người nhận trước khi gửi thông báo; Hệ thống ghi nhận thông tin thông báo đã được gửi.	B	Trung bình
1241	Cấu hình Push Notification	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình kênh gửi thông báo dạng Push Notification; Cho phép thiết lập các thông số kết nối với dịch vụ gửi thông báo; Cung cấp chức năng kiểm tra gửi thử	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			thông báo Push; Hệ thống ghi nhận cấu hình Push Notification.		
1242	Cấu hình gửi thông báo qua email	Quản trị hệ thống	Xem thông tin cấu hình gửi email hiện tại của hệ thống; Thực hiện nhập các tham số cấu hình gửi email (máy chủ SMTP, cổng kết nối, tài khoản gửi email, mật khẩu, phương thức bảo mật); Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin cấu hình; Thực hiện gửi thử email để kiểm tra kết nối; Thực hiện cập nhật thông tin cấu hình gửi email; Lưu cấu hình gửi thông báo qua email trên hệ thống.	B	Trung bình
1243	Theo dõi trạng thái gửi	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách trạng thái gửi thông báo trong hệ thống; Cho phép lọc, tìm kiếm theo loại thông báo, thời gian gửi hoặc trạng thái gửi; Cung cấp chức năng xem chi tiết kết quả gửi thông báo tới từng đối tượng nhận; Cho phép xuất dữ liệu trạng thái gửi phục vụ kiểm tra và báo cáo.	B	Đơn giản
1244	Theo dõi lịch sử nhận	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách lịch sử nhận thông báo của người dùng trong hệ thống; Cho phép lọc, tìm kiếm theo tài khoản người nhận, loại thông báo hoặc thời gian nhận; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung thông	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			báo đã nhận; Cho phép xuất dữ liệu lịch sử nhận thông báo phục vụ thống kê và báo cáo.		
1245	Thống kê số lượng thông báo gửi	Quản trị hệ thống	Hiển thị thống kê số lượng thông báo đã gửi theo thời gian hoặc theo loại thông báo; Cho phép lọc, tìm kiếm theo khoảng thời gian hoặc nhóm người nhận; Cung cấp chức năng hiển thị số liệu thống kê dưới dạng bảng hoặc biểu đồ; Cho phép xuất dữ liệu thống kê phục vụ báo cáo.	B	Trung bình
1246	Thống kê tỷ lệ mở xem thông báo	Quản trị hệ thống	Hiển thị thống kê tỷ lệ người dùng mở xem thông báo đã gửi; Cho phép lọc theo loại thông báo, nhóm người nhận hoặc khoảng thời gian; Cung cấp chức năng hiển thị dữ liệu thống kê dưới dạng bảng hoặc biểu đồ; Cho phép xuất dữ liệu thống kê phục vụ tổng hợp và báo cáo.	B	Trung bình
C.6	Quản lý nhật ký hệ thống				
1247	Cấu hình phạm vi ghi log theo dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình phạm vi và loại dữ liệu cần ghi nhận trong nhật ký hệ thống, bao gồm lựa chọn nhóm dữ liệu, thao tác dữ liệu (tạo mới, cập nhật, xóa, truy cập) và	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			mức độ chi tiết của log nhằm phục vụ theo dõi, kiểm tra và truy vết hoạt động dữ liệu trong hệ thống.		
1248	Xem nhật ký truy cập hệ thống	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách nhật ký truy cập hệ thống của người dùng theo dạng bảng hoặc danh sách.- Cho phép lọc, tìm kiếm nhật ký theo tài khoản người dùng, địa chỉ IP, thời gian truy cập, trạng thái đăng nhập.- Cung cấp chức năng xem chi tiết thông tin truy cập bao gồm thời gian đăng nhập, thiết bị, trình duyệt và địa chỉ IP.- Cho phép xuất danh sách nhật ký truy cập ra các định dạng phục vụ kiểm tra, giám sát và báo cáo.	B	Trung bình
1249	Tra cứu lịch sử hành vi người dùng	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách lịch sử hành vi của người dùng khi sử dụng hệ thống.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tài khoản người dùng, loại hành vi, thời gian thực hiện hoặc chức năng được sử dụng.- Cung cấp chức năng xem chi tiết hành vi người dùng bao gồm thao tác thực hiện, đối tượng dữ liệu liên quan và thời điểm thực hiện.- Cho phép xuất danh sách lịch sử hành vi người dùng phục vụ kiểm tra, giám sát và báo cáo.	B	Đơn giản

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1250	Tra cứu lịch sử thao tác trên quản trị	Quản trị hệ thống	- Hiện thị danh sách lịch sử thao tác quản trị hệ thống theo dạng bảng hoặc danh sách.- Cho phép lọc, tìm kiếm theo tài khoản quản trị, loại thao tác, chức năng quản trị và thời gian thực hiện.- Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung thao tác quản trị bao gồm thông tin cấu hình hoặc dữ liệu được thay đổi.- Cho phép xuất danh sách lịch sử thao tác quản trị phục vụ kiểm tra, giám sát và truy vết thay đổi hệ thống.	B	Đơn giản
1251	Xem dashboard tổng quan hoạt động log	Quản trị hệ thống	Hiện thị dashboard tổng hợp thông tin về hoạt động log của hệ thống, bao gồm số lượng log phát sinh, các loại log chính, tình trạng hoạt động hệ thống và các sự kiện quan trọng được ghi nhận trong nhật ký hệ thống.	B	Trung bình
1252	Xem biểu đồ thống kê hoạt động cập nhật dữ liệu	Quản trị hệ thống	Theo dõi việc cập nhật dữ liệu từ người dùng trên hệ thống, bao gồm số lượng cập nhật, tần suất, có lượt cần cập nhật lại, dung lượng phát sinh, ..	B	Trung bình
1253	Xem số lượng truy cập hệ thống theo thời gian	Quản trị hệ thống	Hiện thị thống kê số lượng truy cập hệ thống theo các mốc thời gian (ngày, tháng, năm), cho phép theo dõi xu hướng truy cập	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			và mức độ sử dụng hệ thống của người dùng.		
1254	Xuất báo cáo dashboard	Quản trị hệ thống	Cho phép xuất các thông tin, biểu đồ và dữ liệu thống kê hiển thị trên dashboard thành các định dạng báo cáo (ví dụ: PDF, Excel hoặc hình ảnh) phục vụ lưu trữ, chia sẻ và báo cáo quản lý.	B	Trung bình
1255	Tùy chỉnh dashboard hoạt động log	Quản trị hệ thống	Cho phép cấu hình và tùy chỉnh các thành phần hiển thị trên dashboard như lựa chọn biểu đồ, chỉ số thống kê, phạm vi dữ liệu hoặc cách bố trí các widget trên màn hình dashboard.	B	Trung bình
1256	Thiết lập cảnh báo từ dashboard về hoạt động log	Quản trị hệ thống	Cho phép thiết lập các ngưỡng cảnh báo dựa trên dữ liệu hiển thị trên dashboard (ví dụ: số lượng lỗi hệ thống, truy cập bất thường...), từ đó hệ thống gửi cảnh báo hoặc thông báo cho quản trị viên khi vượt ngưỡng đã cấu hình.	B	Trung bình
C.7	Quản lý thông tin tiện ích				
C.7.1	Quản lý biểu mẫu				

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
1257	Quản lý danh sách biểu mẫu text	Quản trị hệ thống	Tạo mới, chỉnh sửa, cập nhật và xóa biểu mẫu text theo nhu cầu nghiệp vụ; Cấu hình nội dung biểu mẫu; Thiết lập áp dụng biểu mẫu cho nghiệp vụ cần sử dụng;	B	Trung bình
1258	Quản lý danh sách biểu mẫu excel	Quản trị hệ thống	Tìm kiếm các file biểu mẫu excel, lọc theo trạng thái sử dụng; lọc theo ngày hiệu lực; Thêm mới file biểu mẫu excel; Xóa file biểu mẫu excel; Cập nhật trạng thái sử dụng file biểu mẫu excel	B	Trung bình
1259	Quản lý danh sách biểu mẫu word	Quản trị hệ thống	Tìm kiếm các file biểu mẫu word, lọc theo trạng thái sử dụng; lọc theo ngày hiệu lực; Thêm mới file biểu mẫu word; Xóa file biểu mẫu word; Cập nhật trạng thái sử dụng file biểu mẫu word	B	Trung bình
C.7.2	Quản lý hướng dẫn sử dụng				
1260	Quản lý danh sách tài liệu hướng dẫn sử dụng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống; Cho phép tìm kiếm, lọc theo tên tài liệu, loại tài liệu hoặc thời gian cập nhật; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung tài liệu hướng dẫn; Cho phép thêm mới, cập nhật hoặc xóa tài liệu hướng dẫn	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			sử dụng; Cho phép tải xuống tài liệu hướng dẫn phục vụ người dùng hệ thống.		
1261	Xem danh sách lịch sử cập nhật tài liệu hướng dẫn sử dụng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách lịch sử cập nhật tài liệu hướng dẫn sử dụng; Cho phép lọc, tìm kiếm theo tên tài liệu, thời gian cập nhật hoặc phiên bản tài liệu; Cung cấp chức năng xem chi tiết nội dung thay đổi của từng lần cập nhật; Cho phép xuất danh sách lịch sử cập nhật phục vụ theo dõi và quản lý.	B	Trung bình
C.7.3	Quản lý câu hỏi thường gặp				
1262	Biên tập câu hỏi thường gặp	Quản trị hệ thống	Thực hiện thêm mới câu hỏi thường gặp; Thực hiện nhập nội dung câu hỏi và câu trả lời tương ứng; Thực hiện chỉnh sửa nội dung câu hỏi thường gặp; Thực hiện xóa câu hỏi thường gặp; Thực hiện cập nhật trạng thái hiển thị của câu hỏi thường gặp; Lưu thông tin câu hỏi thường gặp trên hệ thống.	B	Trung bình
1263	Quản lý danh sách câu hỏi thường gặp	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách các câu hỏi thường gặp; Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo từ khóa; Cung cấp chức năng xem chi tiết đầy đủ nội dung câu hỏi và câu trả lời kèm theo tài liệu đính	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			kèm liên quan; Cho phép chỉnh sửa, cập nhật nội dung câu hỏi, câu trả lời và thông tin phân loại của câu hỏi hiện có; Cho phép xóa câu hỏi không còn phù hợp sau khi kiểm tra điều kiện hợp lệ;		
1264	Quản lý lịch sử cập nhật câu hỏi thường gặp	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách lịch sử thay đổi câu hỏi thường gặp bao gồm thông tin phiên bản, thời gian cập nhật, nội dung thay đổi và người thực hiện; Cho phép tìm kiếm, lọc lịch sử theo thời gian, người thực hiện, tiêu đề câu hỏi hoặc nội dung thay đổi; Hỗ trợ xem chi tiết từng phiên bản câu hỏi để tra cứu, truy vết và đối soát thông tin; Hỗ trợ phân trang và sắp xếp dữ liệu lịch sử theo các tiêu chí liên quan.	B	Trung bình
C.7.4	Quản lý công thức tính phí giao dịch công chứng				
1265	Cập nhật công thức tính phí công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép thêm mới công thức bằng cách nhập các tham số tính phí như loại giao dịch, giá trị tài sản, mức phí, điều kiện áp dụng và thiết lập quy tắc tính toán theo biểu thức hoặc bảng giá; Cho phép chỉnh sửa,	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			cập nhật tham số, điều kiện áp dụng, biểu thức tính toán hoặc mức phí của công thức hiện có; Cho phép tải tệp đính kèm; Xóa tham số công thức tính phí.		
1266	Quản lý công thức tính phí công chứng	Quản trị hệ thống	Cho phép xem danh sách các công thức tính phí công chứng; Hỗ trợ tìm kiếm, lọc theo tên, loại giao dịch, trạng thái áp dụng hoặc tham số liên quan; Cung cấp chức năng xem chi tiết đầy đủ tham số, điều kiện áp dụng và logic tính toán của từng công thức; Cho phép xóa công thức không còn sử dụng sau khi kiểm tra điều kiện hợp lệ; Cho phép xuất danh sách công thức ra các định dạng phục vụ tổng hợp, báo cáo và lưu trữ;	B	Phức tạp
1267	Quản lý lịch sử cập nhật công thức tính phí công chứng	Quản trị hệ thống	Hiển thị danh sách lịch sử thay đổi công thức tính phí; Cho phép tìm kiếm, lọc lịch sử cập nhật theo thời gian, người thực hiện, tên công thức hoặc nội dung thay đổi; Hỗ trợ xem chi tiết từng phiên bản công thức để tra cứu, truy vết và đối soát thông tin; Hỗ trợ phân trang và sắp xếp dữ liệu lịch sử theo các tiêu chí liên quan.	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
C.7.5	Quản lý thông tin tính phí khai thác dịch vụ dữ liệu				
1268	Khai báo thông tin tính phí khai thác dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép lựa chọn chức năng Khai báo thông tin tính phí khai thác dữ liệu; Nhập các thông tin cấu hình tính phí (loại dữ liệu/dịch vụ, đơn giá khai thác, đơn vị tính, thời điểm áp dụng); Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin khai báo; Thực hiện lưu thông tin cấu hình tính phí; Hiển thị thông báo kết quả cập nhật.	B	Trung bình
1269	Quản lý danh sách tính giá khai thác dịch vụ dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép truy cập chức năng Quản lý danh sách tính giá khai thác dịch vụ dữ liệu; Hệ thống hiển thị danh sách cấu hình giá khai thác hiện có; Cho phép tìm kiếm, lọc theo loại dịch vụ dữ liệu; Cho phép xem chi tiết, chỉnh sửa hoặc cập nhật thông tin giá khai thác; Cho phép ngừng áp dụng hoặc kích hoạt cấu hình giá.	B	Trung bình
1270	Theo dõi lịch sử cập nhật thông tin tính phí khai thác dữ liệu	Quản trị hệ thống	Cho phép truy cập chức năng xem lịch sử cập nhật thông tin tính phí; Hệ thống hiển thị danh sách lịch sử thay đổi thông tin tính phí; Cho phép xem chi tiết nội dung thay	B	Trung bình

STT	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			đổi; Cho phép xuất danh sách lịch sử cập nhật.		

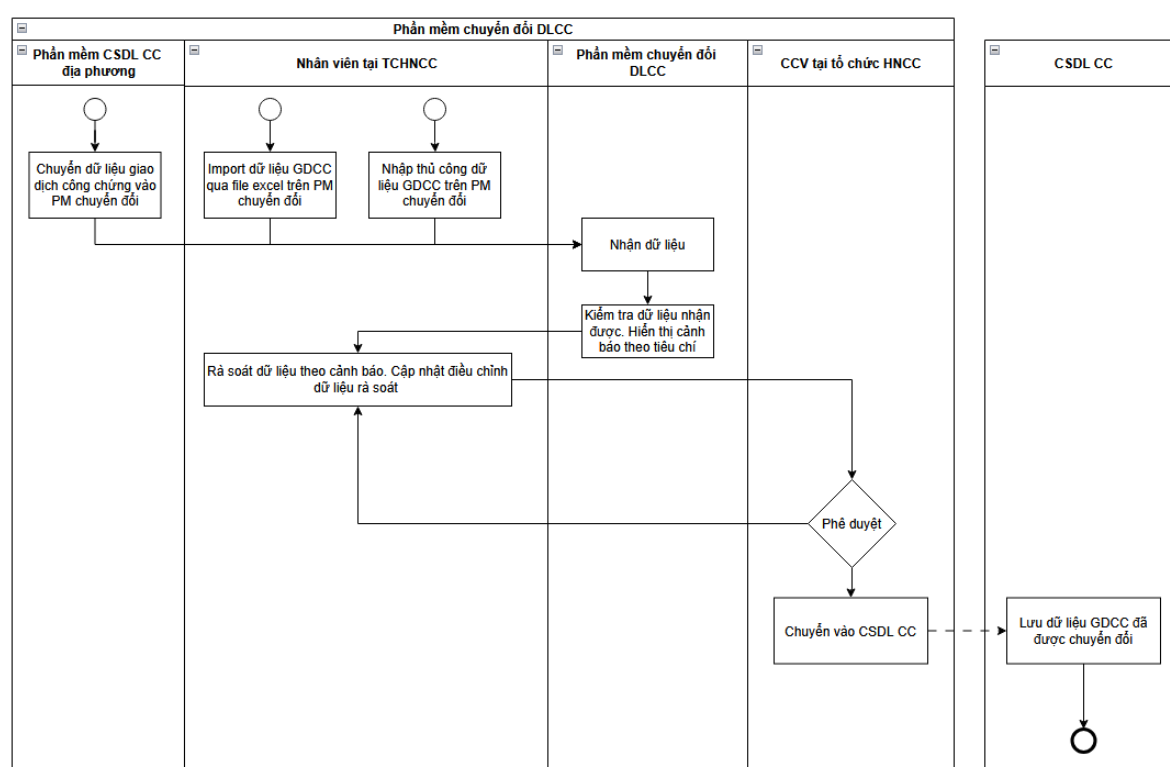
2.3.3. Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới

2.3.3.1. Các quy trình nghiệp vụ cần được tin học hóa

2.3.3.1.1. Các quy trình thực hiện trong quá trình chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới

2.3.3.1.1.1. Quy trình chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng

Mô hình Quy trình chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng:



Mô tả quy trình

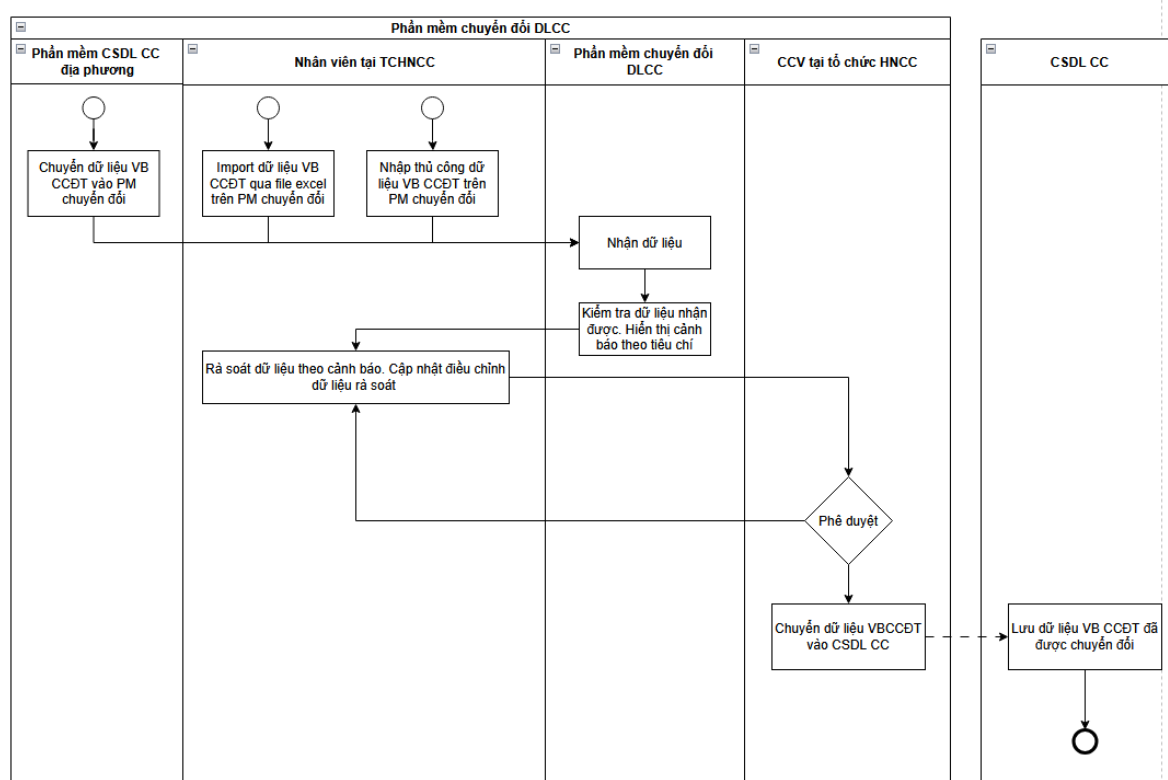
STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả

1	Chuyển dữ liệu vào hệ thống chuyển đổi	Phần mềm CSDL CC địa phương	Hệ thống CSDL công chứng địa phương chuyển dữ liệu giao dịch công chứng sang phần mềm chuyển đổi DLCC.
	Import dữ liệu qua file Excel	Nhân viên tại TCHNCC	Nhân viên import dữ liệu giao dịch công chứng từ file Excel vào phần mềm chuyển đổi.
	Nhập tay dữ liệu	Nhân viên tại TCHNCC	Nhân viên nhập thủ công dữ liệu giao dịch công chứng trực tiếp trên phần mềm chuyển đổi.
2	Nhận dữ liệu	Phần mềm chuyển đổi DLCC	Hệ thống tiếp nhận dữ liệu từ các nguồn (CSDL địa phương, import Excel, nhập tay).
3	Kiểm tra dữ liệu	Phần mềm chuyển đổi DLCC	Hệ thống kiểm tra dữ liệu đã nhận theo các tiêu chí (định dạng, cấu trúc, quy tắc cơ bản) và hiển thị cảnh báo nếu có lỗi.
4	Rà soát và điều chỉnh dữ liệu	Nhân viên tại TCHNCC	Nhân viên rà soát các cảnh báo, chỉnh sửa và cập nhật lại dữ liệu cho đúng yêu cầu.
5	Phê duyệt dữ liệu	CCV tại tổ chức HNCC	Công chứng viên xem xét dữ liệu sau khi đã được rà soát và quyết định phê duyệt hoặc không phê duyệt.

6	Chuyển dữ liệu vào CSDL CC	CCV tại tổ chức HNCC	Công chứng viên chuyển dữ liệu vào CSDL CC
7	Lưu dữ liệu đã chuyển đổi	CSDL CC	Sau khi được phê duyệt, dữ liệu giao dịch công chứng được lưu vào hệ thống CSDL công chứng chính thức.

2.3.3.1.1.2. Quy trình chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử

Mô hình quy trình:



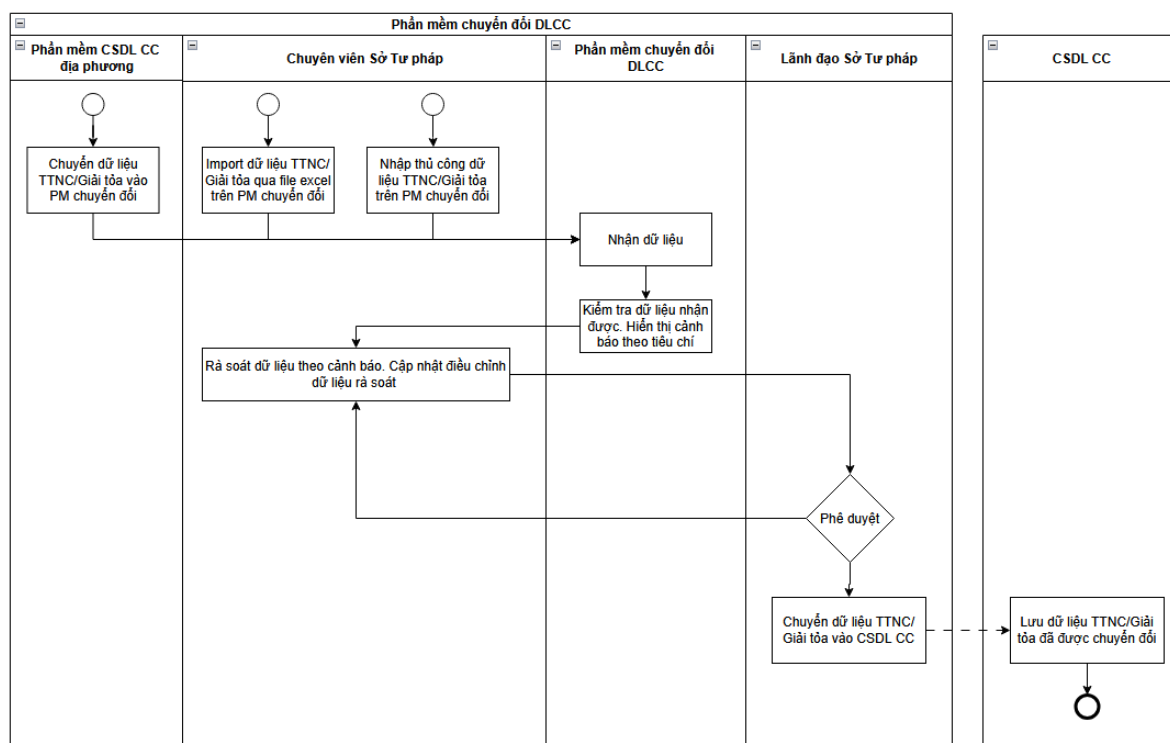
Mô tả quy trình

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Chuyển dữ liệu Văn bản CCĐT vào hệ thống chuyển đổi	Phần mềm CSDL CC địa phương	Hệ thống CSDL công chứng địa phương chuyển dữ liệu văn bản công chứng điện tử sang phần mềm chuyển đổi DLCC.
	Import dữ liệu qua file Excel	Nhân viên tại TCHNCC	Nhân viên thực hiện import dữ liệu VB CCĐT từ file Excel vào phần mềm chuyển đổi.
	Nhập tay dữ liệu	Nhân viên tại TCHNCC	Nhân viên nhập trực tiếp dữ liệu VB CCĐT trên phần mềm chuyển đổi khi cần bổ sung hoặc không có file.
2	Nhận dữ liệu	Phần mềm chuyển đổi DLCC	Hệ thống tiếp nhận dữ liệu từ các nguồn (CSDL địa phương, file Excel, nhập tay).
3	Kiểm tra dữ liệu	Phần mềm chuyển đổi DLCC	Hệ thống kiểm tra dữ liệu đã nhận theo các tiêu chí (định dạng, cấu trúc, tính đầy đủ) và hiển thị cảnh báo nếu có lỗi.
4	Rà soát và điều chỉnh dữ liệu	Nhân viên tại TCHNCC	Nhân viên rà soát các cảnh báo, chỉnh sửa và cập nhật lại dữ liệu cho đúng yêu cầu.

5	Phê duyệt dữ liệu	CCV tại tổ chức HNCC	Công chứng viên kiểm tra dữ liệu sau khi đã được rà soát và quyết định phê duyệt hoặc yêu cầu chỉnh sửa.
6	Chuyển dữ liệu vào CSDL CC	CCV tại tổ chức HNCC	Sau khi được phê duyệt, hệ thống thực hiện chuyển dữ liệu VB CCĐT vào CSDL công chứng.
7	Lưu dữ liệu đã chuyển đổi	CSDL CC	Hệ thống CSDL công chứng lưu trữ dữ liệu VB CCĐT đã được chuyển đổi và phê duyệt.

2.3.3.1.1.3. Quy trình chuyển đổi thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn

Mô hình Quy trình chuyển đổi thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn.



Mô tả quy trình

STT	Tên bước	Đối tượng thực hiện	Mô tả
1	Chuyển dữ liệu TTNC/Giải tỏa vào hệ thống chuyển đổi	Phần mềm CSDL CC địa phương	Hệ thống CSDL công chứng địa phương chuyển dữ liệu thông tin ngăn chặn (TTNC) và giải tỏa sang phần mềm chuyển đổi DLCC.
	Import dữ liệu qua file Excel	Chuyên viên Sở Tư pháp	Chuyên viên thực hiện import dữ liệu TTNC/Giải tỏa từ file Excel vào phần mềm chuyển đổi.

	Nhập tay dữ liệu	Chuyên viên Sở Tư pháp	Chuyên viên nhập trực tiếp dữ liệu TTNC/Giải tỏa trên phần mềm chuyển đổi trong trường hợp không có file hoặc cần bổ sung.
2	Nhận dữ liệu	Phần mềm chuyển đổi DLCC	Hệ thống tiếp nhận dữ liệu từ các nguồn (hệ thống địa phương, file Excel, nhập tay).
3	Kiểm tra dữ liệu	Phần mềm chuyển đổi DLCC	Hệ thống kiểm tra dữ liệu đã nhận theo các tiêu chí (định dạng, cấu trúc, tính đầy đủ) và hiển thị cảnh báo nếu phát hiện lỗi.
4	Rà soát và điều chỉnh dữ liệu	Chuyên viên Sở Tư pháp	Chuyên viên rà soát các cảnh báo do hệ thống đưa ra, chỉnh sửa và cập nhật lại dữ liệu cho đúng yêu cầu.
5	Phê duyệt dữ liệu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Lãnh đạo xem xét dữ liệu sau khi đã được rà soát và quyết định phê duyệt hoặc yêu cầu chỉnh sửa lại.
6	Chuyển dữ liệu vào CSDL CC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Sau khi được phê duyệt, hệ thống thực hiện chuyển dữ liệu

			TTNC/Giải tỏa vào CSDL công chứng.
7	Lưu dữ liệu đã chuyển đổi	CSDL CC	Hệ thống CSDL công chứng lưu trữ dữ liệu TTNC/Giải tỏa đã được chuyển đổi và phê duyệt.

2.3.3.2. Các đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ và mối quan hệ giữa chúng

2.3.3.3. Danh sách các yêu cầu của người sử dụng

STT	Tên tác nhân	Mô tả tác nhân	Phân loại tác nhân
1	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp
2	Lãnh đạo Sở Tư Pháp	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp
3	Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp
4	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp
5	Nhân viên tại các TCHNCC	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp
6	Công chứng viên tại các TCHNCC	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp

STT	Tên tác nhân	Mô tả tác nhân	Phân loại tác nhân
7	Quản trị hệ thống	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	Phức tạp
8	HT ký số điện tử	Giao diện lập trình ứng dụng (API)	Đơn giản
9	HT Email	Giao diện lập trình ứng dụng (API)	Đơn giản
10	HT LGSP của Bộ Tư pháp	Giao diện lập trình ứng dụng (API)	Đơn giản
11	HT CSDL Công chứng	Giao diện lập trình ứng dụng (API)	Đơn giản
12	HT Quản lý CSDL CC địa phương	Giao diện lập trình ứng dụng (API)	Đơn giản

2.3.3.3.1. Yêu cầu về dữ liệu cần quản lý

Các dữ liệu được quản lý trong Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới, bao gồm:

STT	Nội dung	Ghi chú
A	Nhóm thông tin giao dịch công chứng	
1	Giao dịch công chứng	
2	Giao dịch công chứng có thời hạn	
3	Giao dịch công chứng thể chấp	
4	Giao dịch công chứng giấy	
5	Giao dịch công chứng điện tử	
6	Văn bản công chứng	

STT	Nội dung	Ghi chú
7	Bên liên quan	
8	Lịch sử cập nhật giao dịch	
9	Thành phần hồ sơ	
B	Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro	
1	Thông tin ngăn chặn	
2	Thông tin cảnh báo rủi ro	
3	Thông tin giải tỏa	
4	Đối tượng bị ngăn chặn	
C	Nhóm thông tin cá nhân/tổ chức	
1	Thông tin cá nhân	
2	Thông tin tổ chức	

2.3.3.3.2. Yêu cầu của người sử dụng

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
A	Chức năng chung					
A1	Dashboard thông tin tổng hợp					
1	UC1	Xem thông tin, số liệu tổng hợp Toàn Quốc	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp	Hiển thị các chỉ số, tiến độ chuyển đổi giao dịch công chứng, thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
2	UC2	Xem thông tin, số liệu tổng hợp theo Tỉnh/Thành phố	Lãnh đạo Sở Tư Pháp, Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP, Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Hiển thị các chỉ số, tiến độ chuyển đổi giao dịch công chứng, thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn theo cấp tỉnh/thành phố	B	Đơn giản
3	UC3	Xem thông tin, số liệu tổng hợp theo Tổ chức hành nghề công chứng	Công chứng viên	Hiển thị các chỉ số, tiến độ chuyển đổi giao dịch công chứng, thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn theo tài	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
				khoản của Công chứng viên thuộc Tổ chức HNCC		
A2	Chức năng chung của người dùng					
4	UC4	Đăng nhập	Tất cả người dùng	Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu	B	Đơn giản
5	UC5	Đăng xuất	Tất cả người dùng	Cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống	B	Đơn giản
B	Chuyển đổi dữ liệu giao dịch đã công chứng					
B1	Nhận dữ liệu giao dịch từ các hệ thống CSDL công					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng địa phương qua API					
6	UC6	Nhận dữ liệu giao dịch công chứng qua API	HT Quản lý CSDL CC địa phương	Nhận dữ liệu giao dịch công chứng từ các hệ thống PM quản lý CSDL công chứng của địa phương qua API	M	Đơn giản
7	UC7	Xem lịch sử nhận dữ liệu giao dịch công chứng	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem danh sách lịch sử nhận dữ liệu giao dịch công chứng từ phần mềm CSDL công chứng địa phương. Hệ thống hiển thị thông tin nhận dữ liệu, người dùng có thể xem danh sách, tìm kiếm theo thời gian hoặc phân loại.	B	Trung bình
8	UC8	Xem chi tiết lịch sử nhận dữ liệu giao dịch công chứng	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem được thông tin chi tiết về lịch sử đồng bộ dữ liệu giao dịch công chứng từ phần mềm CSDL công chứng của địa phương vào phần mềm chuyển đổi.	B	Đơn giản
B2	Import dữ liệu giao dịch					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
9	UC9	Tải lên hệ thống file import dữ liệu giao dịch công chứng	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng đưa dữ liệu giao dịch công chứng lên hệ thống bằng phương pháp import qua file excel	B	Đơn giản
10	UC10	Xem lịch sử import dữ liệu giao dịch công chứng	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem danh sách lịch sử import dữ liệu giao dịch công chứng qua file excel, tìm kiếm và lọc theo điều kiện để xem thêm danh sách theo các điều kiện lọc, tìm kiếm.	B	Trung bình
11	UC11	Xem chi tiết lịch sử import dữ liệu giao dịch công chứng	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết thông tin lịch sử import dữ liệu giao dịch công chứng qua file excel	B	Đơn giản
B3	Nhập thủ công dữ liệu giao dịch					
12	UC12	Khai thác dữ liệu giao dịch công chứng nhập thủ công	Công chứng viên tại các TCHNCC	Cho phép người dùng nhập thủ công thông tin dữ liệu giao dịch công chứng lên hệ thống theo từng loại tài sản giao dịch	B	Trung bình
13	UC13	Nhập thủ công dữ liệu giao dịch công chứng theo từng loại tài sản giao dịch	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem danh sách dữ liệu giao dịch công chứng. Tìm kiếm và lọc theo các điều kiện phân loại để	B	Trung bình

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
				xem danh sách giao dịch công chứng theo điều kiện lọc, tìm kiếm.		
14	UC14	Xem lịch sử cập nhật dữ liệu giao dịch công chứng theo từng loại tài sản giao dịch	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng trên hệ thống theo từng loại tài sản giao dịch	B	Đơn giản
B4	Nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử qua API					
15	UC15	Nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử qua API	HT Quản lý CSDL CC địa phương	Nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử từ các hệ thống PM quản lý CSDL công chứng của địa phương qua API	M	Đơn giản
16	UC16	Xem lịch sử nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem lịch sử nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử. Hệ thống hiển thị thông tin nhận dữ liệu, người dùng có thể xem danh sách, tìm kiếm theo thời gian hoặc phân loại.	B	Đơn giản
17	UC17	Xem chi tiết lịch sử nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết lịch sử nhận dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử từ các	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
				hệ thống PM quản lý CSDL công chứng địa phương		
B5	Import dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử					
18	UC18	Tải lên hệ thống file import dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng tải lên hệ thống dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử bằng phương pháp import file excel	B	Trung bình
19	UC19	Xem lịch sử import dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem lịch sử tải lên hệ thống dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử bằng phương pháp import file excel	B	Đơn giản
20	UC20	Xem chi tiết lịch sử import dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem chi tiết thông tin lịch sử import dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	B	Đơn giản
B6	Nhập thủ công dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử					
21	UC21	Khai thác dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử nhập thủ công	Công chứng viên tại các TCHNCC	Cho phép xem danh sách dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử trên hệ thống, tìm	B	Trung bình

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
				kiểm và lọc các điều kiện để xem danh sách theo điều kiện lọc		
22	UC22	Nhập thủ công dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử theo từng loại tài sản giao dịch	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử	B	Trung bình
23	UC23	Xem lịch sử cập nhật dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử theo từng loại tài sản giao dịch	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng thêm mới dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử bằng phương pháp thủ công	B	Đơn giản
B7	Rà soát dữ liệu trước khi chuyển đổi					
24	UC24	Khai thác danh sách giao dịch công chứng cần rà soát theo từng loại tài sản	Công chứng viên tại các TCHNCC	Cho phép xem danh sách các giao dịch công chứng cần rà soát trước khi chuyển đổi. tìm kiếm các giao dịch công chứng cần rà soát theo các tiêu chí: Thiếu thông tin bắt buộc hoặc sai định dạng, Thiếu văn bản công chứng điện tử, Trùng số công chứng,....	B	Trung bình

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
25	UC25	Xem chi tiết giao dịch công chứng cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết thông tin giao dịch công chứng cần rà soát	B	Đơn giản
26	UC26	Khai thác dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát theo từng loại tài sản	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem danh sách dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát trước khi chuyển đổi. Tìm kiếm và lọc hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát theo tiêu chí	B	Trung bình
27	UC27	Xem chi tiết dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát theo từng loại tài sản	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát trước khi chuyển đổi	B	Đơn giản
B8	Thực hiện chuyển đổi dữ liệu vào CSDL CC					
28	UC28	Cấu hình chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng và hồ sơ lưu trữ điện tử đã rà soát vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng thực hiện cấu hình chuyển đổi toàn phần hoặc một phần dữ liệu giao dịch công chứng và hồ sơ lưu trữ điện tử đã rà soát	B	Trung bình
29	UC29	Chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng vào CSDL CC qua API	PM quản lý CSDL công chứng	Hệ thống thực hiện chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng sang PM quản lý CSDL CC	M	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
30	UC30	Chuyển đổi dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hệ thống thực hiện chuyển đổi dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử sang PM quản lý CSDL CC	B	Trung bình
31	UC31	Xem lịch sử chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem lịch sử chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng sang PM quản lý CSDL CC	B	Trung bình
32	UC32	Xem chi tiết lịch sử chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết lịch sử chuyển đổi dữ liệu giao dịch công chứng sang PM quản lý CSDL CC	B	Đơn giản
B9	Thống kê số liệu giao dịch công chứng và hồ sơ lưu trữ điện tử					
33	UC33	Xem thống kê số liệu giao dịch công chứng cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp các số liệu giao dịch công chứng cần rà soát	B	Đơn giản
34	UC34	Xem thống kê số liệu hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp các số liệu hồ sơ lưu trữ điện tử cần rà soát	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
35	UC35	Xem thống kê số liệu giao dịch công chứng đã xử lý/rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp các số liệu giao dịch công chứng theo trạng thái Đã rà soát	B	Đơn giản
36	UC36	Xem thống kê số liệu hồ sơ lưu trữ điện tử đã xử lý/rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu hồ sơ lưu trữ điện tử theo trạng thái Đã rà soát	B	Đơn giản
37	UC37	Xem thống kê số liệu giao dịch công chứng đã chuyển đổi và chưa chuyển đổi vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu chuyển đổi giao dịch công chứng theo trạng thái: Đã chuyển đổi và Chưa chuyển đổi sang PM quản lý CSDL CC	B	Đơn giản
38	UC38	Xem thống kê số liệu hồ sơ lưu trữ điện tử đã chuyển đổi và chưa chuyển đổi vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu chuyển đổi hồ sơ lưu trữ điện tử theo trạng thái: Đã chuyển đổi và Chưa chuyển đổi sang PM quản lý CSDL CC	B	Đơn giản
C	Chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
C1	Nhận dữ liệu VB CCĐT từ các hệ thống CSDL công chứng địa phương qua API					
39	UC39	Nhận dữ liệu VB CCĐT qua API	HT Quản lý CSDL CC địa phương	Nhận dữ liệu văn bản công chứng điện tử từ các hệ thống PM quản lý CSDL công chứng của địa phương qua API	M	Đơn giản
40	UC40	Xem lịch sử nhận dữ liệu VB CCĐT	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem danh sách lịch sử nhận dữ liệu văn bản công chứng điện tử	B	Trung bình
41	UC41	Xem chi tiết lịch sử nhận dữ liệu VB CCĐT	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem được thông tin chi tiết về lịch sử đồng bộ dữ liệu văn bản công chứng điện tử từ phần mềm CSDL công chứng của địa phương vào phần mềm chuyển đổi.	B	Đơn giản
C2	Import dữ liệu văn					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	bản công chứng điện tử					
42	UC42	Tải lên hệ thống file import dữ liệu văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng tải lên hệ thống dữ liệu văn bản công chứng điện tử bằng phương pháp import file excel	B	Đơn giản
43	UC43	Xem lịch sử import dữ liệu văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem danh sách lịch sử import dữ liệu văn bản công chứng điện tử qua file excel	B	Trung bình
44	UC44	Xem chi tiết lịch sử import dữ liệu văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết thông tin lịch sử import dữ liệu văn bản công chứng điện tử qua file excel	B	Đơn giản
C3	Nhập thủ công dữ liệu VB CCĐT					
45	UC45	Khai thác danh sách dữ liệu văn bản công chứng điện tử theo từng loại tài sản giao dịch	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng nhập thủ công dữ liệu văn bản công chứng điện tử lên hệ thống theo từng phân loại giao dịch và loại tài sản	B	Trung bình
46	UC46	Nhập thủ công dữ liệu văn bản công chứng điện tử	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem danh sách dữ liệu văn bản công chứng điện tử có trên hệ thống. Người dùng tìm kiếm hoặc	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		tử theo từng loại tài sản giao dịch		lọc dữ liệu văn bản công chứng điện tử theo tiêu chí		
47	UC47	Xem chi tiết dữ liệu văn bản công chứng điện tử nhập thủ công	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem chi tiết thông tin dữ liệu văn bản công chứng điện tử	B	Đơn giản
C4	Rà soát dữ liệu trước khi chuyển đổi					
48	UC48	Xem danh sách dữ liệu văn bản công chứng điện tử cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng xem danh sách dữ liệu văn bản công chứng điện tử cần rà soát trước khi chuyển đổi	B	Đơn giản
49	UC49	Tìm kiếm văn bản công chứng điện tử cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Người dùng tìm kiếm hoặc lọc văn bản công chứng điện tử cần rà soát theo từng phân loại giao dịch và loại tài sản	B	Trung bình
50	UC50	Xem chi tiết dữ liệu văn bản công chứng điện tử cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem chi tiết dữ liệu văn bản công chứng điện tử cần rà soát	B	Đơn giản
C5	Thực hiện chuyển đổi					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	dữ liệu văn bản công chứng điện tử					
51	UC51	Cấu hình chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử đã rà soát vào CSDL CC	Quản trị hệ thống	Người dùng thực hiện cấu hình chuyển đổi toàn phần hoặc một phần dữ liệu văn bản công chứng điện tử đã rà soát	B	Trung bình
52	UC52	Chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử vào CSDL CC qua API	PM quản lý CSDL công chứng	Chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử sang PM quản lý CSDL công chứng	M	Đơn giản
53	UC53	Xem lịch sử chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem thông tin lịch sử chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Trung bình
54	UC54	Xem chi tiết lịch sử chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Xem thông tin chi tiết lịch sử chuyển đổi dữ liệu văn bản công chứng điện tử sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Đơn giản
C6	Thông kê số liệu văn bản công					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	chứng điện tử					
55	UC55	Xem thống kê số liệu văn bản công chứng điện tử cần rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu văn bản công chứng điện tử cần rà soát. Cho phép lọc theo thời gian.	M	Đơn giản
56	UC56	Xem thống kê số liệu văn bản công chứng điện tử đã xử lý/rà soát	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu văn bản công chứng điện tử theo trạng thái Đã rà soát. Cho phép lọc theo thời gian	B	Đơn giản
57	UC57	Xem thống kê số liệu văn bản công chứng điện tử đã chuyển đổi và chưa chuyển đổi vào CSDL CC	Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu văn bản công chứng điện tử theo trạng thái Đã chuyển đổi và Chưa chuyển đổi sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Đơn giản
D	Chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro trong hoạt động công chứng					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
D1	Nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro từ các hệ thống CSDL công chứng địa phương qua API					
58	UC58	Nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro qua API	HT Quản lý CSDL CC địa phương	Nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn từ các hệ thống PM quản lý CSDL công chứng của địa phương qua API	M	Đơn giản
59	UC59	Xem lịch sử nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem lịch sử nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn từ các hệ thống PM quản lý CSDL công chứng qua API	B	Trung bình

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
60	UC60	Xem chi tiết lịch sử nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem chi tiết lịch sử nhận dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
D2	Import dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro					
61	UC61	Tải lên hệ thống file import dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Cho phép tải dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn bằng phương pháp import file excel	B	Đơn giản
62	UC62	Xem lịch sử import dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem lịch sử import dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn	B	Trung bình
63	UC63	Xem chi tiết lịch sử import dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem chi tiết lịch sử import dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
D3	Nhập thủ công dữ liệu thông tin					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro					
64	UC64	Nhập thủ công dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng nhập dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn bằng phương pháp thủ công	B	Trung bình
65	UC65	Khai thác dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Hiển thị danh sách dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn trên hệ thống, xem danh sách theo phân trang dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn. Người dùng tìm kiếm hoặc lọc thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn theo tiêu chí	B	Trung bình
66	UC66	Xem chi tiết dữ liệu thông tin ngăn chặn và cảnh báo rủi ro	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem chi tiết dữ liệu thông tin ngăn chặn và giải tỏa thông tin ngăn chặn	B	Đơn giản
D4	Rà soát dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	trước khi chuyển đổi					
67	UC67	Xem danh sách dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro cần rà soát, chuẩn hóa	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Hiển thị danh sách thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn cần rà soát, chuẩn hóa để thực hiện rà soát, thay đổi thông tin dữ liệu khi có thông báo điều chỉnh từ hệ thống theo các tiêu chí kiểm tra.	B	Trung bình
68	UC68	Tìm kiếm thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro cần rà soát	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng tra cứu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn cần rà soát, chuẩn hóa theo tiêu chí	B	Trung bình
69	UC69	Xem chi tiết thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro cần rà soát, chuẩn hóa	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem chi tiết thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn cần rà soát, chuẩn hóa	B	Đơn giản
D5	Chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro					
70	UC70	Cấu hình chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn,	Quản trị hệ thống	Người dùng thực hiện cấu hình chuyển đổi toàn phần hoặc một phần dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
		cảnh báo rủi ro đã rà soát vào CSDL CC		thông tin ngăn chặn đã rà soát sang PM quản lý CSDL công chứng		
71	UC71	Chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào CSDL CC	PM quản lý CSDL công chứng	Cho phép chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn sang PM quản lý CSDL công chứng	M	Đơn giản
72	UC72	Xem lịch sử chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào CSDL CC	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem lịch sử chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Trung bình
73	UC73	Xem chi tiết lịch sử chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro vào CSDL CC	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Người dùng xem chi tiết lịch sử chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Đơn giản
D6	Thống kê số liệu chuyển đổi dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
74	UC74	Xem thống kê số liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro cần rà soát	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn cần rà soát trên hệ thống	B	Đơn giản
75	UC75	Xem thống kê số liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro đã xử lý/rà soát	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn theo trạng thái Đã rà soát	B	Đơn giản
76	UC76	Xem thống kê số liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro đã chuyển đổi và chưa chuyển đổi vào CSDL CC	Chuyên viên tại Sở Tư Pháp	Hiển thị thống kê tổng hợp số liệu thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn theo trạng thái Đã chuyển đổi và Chưa chuyển đổi sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Trung bình
E	Báo cáo, tổng hợp, phân tích dữ liệu					
77	UC77	Xem báo cáo tổng hợp dữ liệu về giao dịch công chứng đã làm sạch và chuyển đổi vào CSDL CC	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp, Lãnh đạo Sở Tư Pháp, Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP, Chuyên viên tại Sở Tư Pháp,	Hiển thị báo cáo tổng hợp dữ liệu về các giao dịch công chứng theo trạng thái Đã làm sạch và Đã chuyển đổi sang PM quản lý CSDL công chứng	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
			Công chứng viên tại các TCHNCC			
78	UC78	Xem báo cáo tổng hợp về dữ liệu văn bản công chứng điện tử đã làm sạch và chuyển đổi vào CSDL CC	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp, Lãnh đạo Sở Tư Pháp, Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP, Chuyên viên tại Sở Tư Pháp, Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị báo cáo tổng hợp dữ liệu các văn bản công chứng điện tử theo trạng thái Đã làm sạch và Đã chuyển đổi vào PM quản lý CSDL công chứng theo dạng biểu đồ và danh sách	B	Đơn giản
79	UC79	Xem báo cáo tổng hợp về dữ liệu hồ sơ lưu trữ điện tử đã làm sạch và chuyển đổi vào CSDL CC	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp, Lãnh đạo Sở Tư Pháp, Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP, Chuyên viên tại Sở Tư Pháp, Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị báo cáo tổng hợp dữ liệu về thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn theo trạng thái Đã làm sạch và Đã chuyển đổi sang PM quản lý CSDL công chứng theo dạng biểu đồ và danh sách	B	Đơn giản

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
80	UC80	Xem báo cáo tổng hợp về dữ liệu thông tin ngăn chặn, cảnh báo rủi ro đã làm sạch và chuyển đổi vào CSDL CC	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp, Lãnh đạo Sở Tư Pháp, Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP, Chuyên viên tại Sở Tư Pháp, Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị báo cáo tổng hợp dữ liệu về thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn theo trạng thái Đã làm sạch và Đã chuyển đổi sang PM quản lý CSDL công chứng theo dạng biểu đồ và danh sách	B	Đơn giản
81	UC81	Xem báo cáo tổng hợp về đối soát và hậu kiểm dữ liệu chuyển đổi	Chuyên viên Cục Hỗ trợ tư pháp, Lãnh đạo Sở Tư Pháp, Lãnh đạo Phòng HCBTTP tại Sở TP, Chuyên viên tại Sở Tư Pháp, Công chứng viên tại các TCHNCC	Hiển thị báo cáo tổng hợp số liệu về đối soát và hậu kiểm dữ liệu chuyển đổi. Cho phép lọc và xem dữ liệu báo cáo theo các tiêu chí cụ thể	B	Đơn giản
F	Quản trị hệ thống dùng chung (Đồng bộ danh mục, tính năng từ phân hệ					

STT	Mã yêu cầu	Yêu cầu người sử dụng	Tác nhân chính	Mô tả	Mức độ cần thiết	Mức độ phức tạp
	Dùng chung)					
F1	Đồng bộ danh mục dùng chung					
82	UC82	Quản lý danh mục loại giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	Quản lý danh sách các loại giao dịch công chứng được sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống	B	Trung bình
83	UC83	Quản lý danh mục tên giao dịch công chứng	Quản trị hệ thống	Quản lý danh sách các tên giao dịch công chứng được sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống	B	Trung bình
84	UC84	Quản lý danh mục loại tài sản công chứng	Quản trị hệ thống	Quản lý danh sách các loại tài sản (ví dụ: Tàu kéo, ghe thuyền, ...) được sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống	B	Trung bình

3. Yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác

3.1. Yêu cầu chung

Cơ sở dữ liệu công chứng phải được thiết kế mở, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu an toàn với các hệ thống thông tin trong và ngoài ngành, với các yêu cầu cụ thể như sau:

a, Yêu cầu về kiến trúc và tích hợp

- Hệ thống phải hỗ trợ tích hợp linh hoạt với các hệ thống thông tin khác thông qua API, dịch vụ web hoặc các cơ chế kết nối tiêu chuẩn.

- Hệ thống phải cho phép trao đổi dữ liệu hai chiều với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của Bộ, ngành, địa phương.

-Ưu tiên triển khai kết nối thông qua các nền tảng tích hợp Chính phủ điện tử:

Nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp bộ/ngành (LGSP);

Nền tảng tích hợp, chia sẻ quốc gia (NDXP/NDOP).

b, Yêu cầu về tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn và quy định

Việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn tại:

- Luật Giao dịch điện tử năm 2023;

- Nghị định số 194/2025/NĐ-CP về Cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu;

- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Các quy định của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ công an về an toàn thông tin mạng;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan (hoặc văn bản thay thế, bổ sung).

c) Yêu cầu về nguyên tắc chia sẻ và quản trị dữ liệu

- Việc chia sẻ dữ liệu phải tuân theo nguyên tắc “đúng thẩm quyền – đúng mục đích – đúng phạm vi”.

- Hệ thống phải hỗ trợ thiết lập phân cấp, phân quyền truy cập và chia sẻ dữ liệu theo mô hình quản lý của Bộ Tư pháp và Cục Bảo trợ tư pháp.

- Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thể khai thác dữ liệu trong phạm vi được phân quyền trên hệ thống.

- Hệ thống không cho phép ghi đè, thay đổi dữ liệu gốc trong CSDL công chứng bởi nguồn dữ liệu bên ngoài.

d) Yêu cầu về an toàn, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu

- Dữ liệu trao đổi giữa các hệ thống phải được mã hóa trong quá trình truyền và lưu trữ.

- Hệ thống phải hỗ trợ cơ chế xác thực nguồn gửi và nguồn nhận khi thực hiện trao đổi dữ liệu.

- Mọi giao dịch chia sẻ dữ liệu (API call, gửi/nhận dữ liệu, tải file, truy vấn...) phải được ghi nhật ký đầy đủ, phục vụ công tác kiểm soát, giám sát và truy vết.

- Hệ thống phải bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu: không để xảy ra thay đổi, mất mát hoặc sai lệch trong quá trình kết nối và chia sẻ.

e) Yêu cầu về quản lý triển khai và lộ trình chia sẻ

- Hệ thống phải cho phép thiết lập cơ chế phê duyệt, bật/tắt quyền chia sẻ dữ liệu theo từng đơn vị.

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo lộ trình, mức độ ưu tiên và phân quyền do Cục Bảo trợ tư pháp quy định.

3.2. Tiêu chuẩn đồng bộ và chia sẻ dữ liệu

a) Tiêu chuẩn định danh

- Hệ thống phải sử dụng mã định danh thống nhất giữa các hệ thống khi thực hiện kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Dữ liệu chủ (đương sự, hồ sơ vụ việc, giao dịch, hợp đồng giao dịch...) phải được gán mã UUID hoặc mã số gốc duy nhất, sử dụng làm khóa liên kết trong toàn bộ quá trình đồng bộ và trao đổi dữ liệu.

b) Tiêu chuẩn định dạng và giao thức kết nối

- Dữ liệu trao đổi giữa các hệ thống phải sử dụng định dạng JSON hoặc XML, mã hóa ký tự theo chuẩn UTF-8.

- Giao thức kết nối phải sử dụng RESTful API hoặc kết nối thông qua LGSP/NDXP theo tiêu chuẩn kết nối, liên thông của Chính phủ điện tử.

c) Tiêu chuẩn an toàn bảo mật trong chia sẻ dữ liệu

Áp dụng các biện pháp bảo mật trong quá trình trao đổi dữ liệu, bao gồm:

- Chữ ký số đối với dữ liệu, gói tin hoặc giao dịch yêu cầu xác thực nguồn gửi.

- Mã hóa đường truyền bằng TLS 1.3 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

- Xác thực hai lớp (2FA) đối với các kết nối hoặc giao dịch chia sẻ dữ liệu quan trọng.

- Hệ thống phải ghi nhật ký (log) đầy đủ mọi giao dịch truy cập và chia sẻ dữ liệu; nhật ký phải được lưu trữ tối thiểu 12 tháng.

d) Các hình thức chia sẻ dữ liệu

Hệ thống phải hỗ trợ nhiều hình thức chia sẻ dữ liệu để đáp ứng các nhu cầu kết nối khác nhau, bao gồm:

- Chia sẻ trực tuyến qua API

- + Cho phép kết nối tự động, thời gian thực (real-time) với các hệ thống đã được cấp phép.

- + Sử dụng API theo chuẩn RESTful hoặc SOAP (nếu có yêu cầu đặc thù).

- + Áp dụng cơ chế xác thực, phân quyền và kiểm soát truy cập đối với từng dịch vụ API.

- Chia sẻ dữ liệu theo file định kỳ

- + Cho phép xuất và trao đổi dữ liệu theo định dạng có cấu trúc như CSV, XML, JSON, Excel.

- + File dữ liệu phải được gửi qua kênh truyền bảo mật, bảo đảm: Ký số; Mã hóa dữ liệu; Ghi nhật ký quá trình gửi/nhận.

- Chia sẻ thông qua nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia/Nền tảng điều phối và chia sẻ dữ liệu quốc gia/ Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của Văn phòng Chính phủ/Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ.

- + Hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu qua NDXP/NDOP/VĐXP và LGSP.

- + Bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn thông tin và quy định pháp lý hiện hành.

- Chia sẻ dữ liệu một chiều hoặc hai chiều

- + Hỗ trợ mô hình chia sẻ dữ liệu một chiều hoặc hai chiều tùy theo từng phương án tích hợp và thỏa thuận giữa các bên.

- + Hỗ trợ cả cơ chế đẩy dữ liệu (push) và nhận dữ liệu (pull) theo cấu hình quản trị.

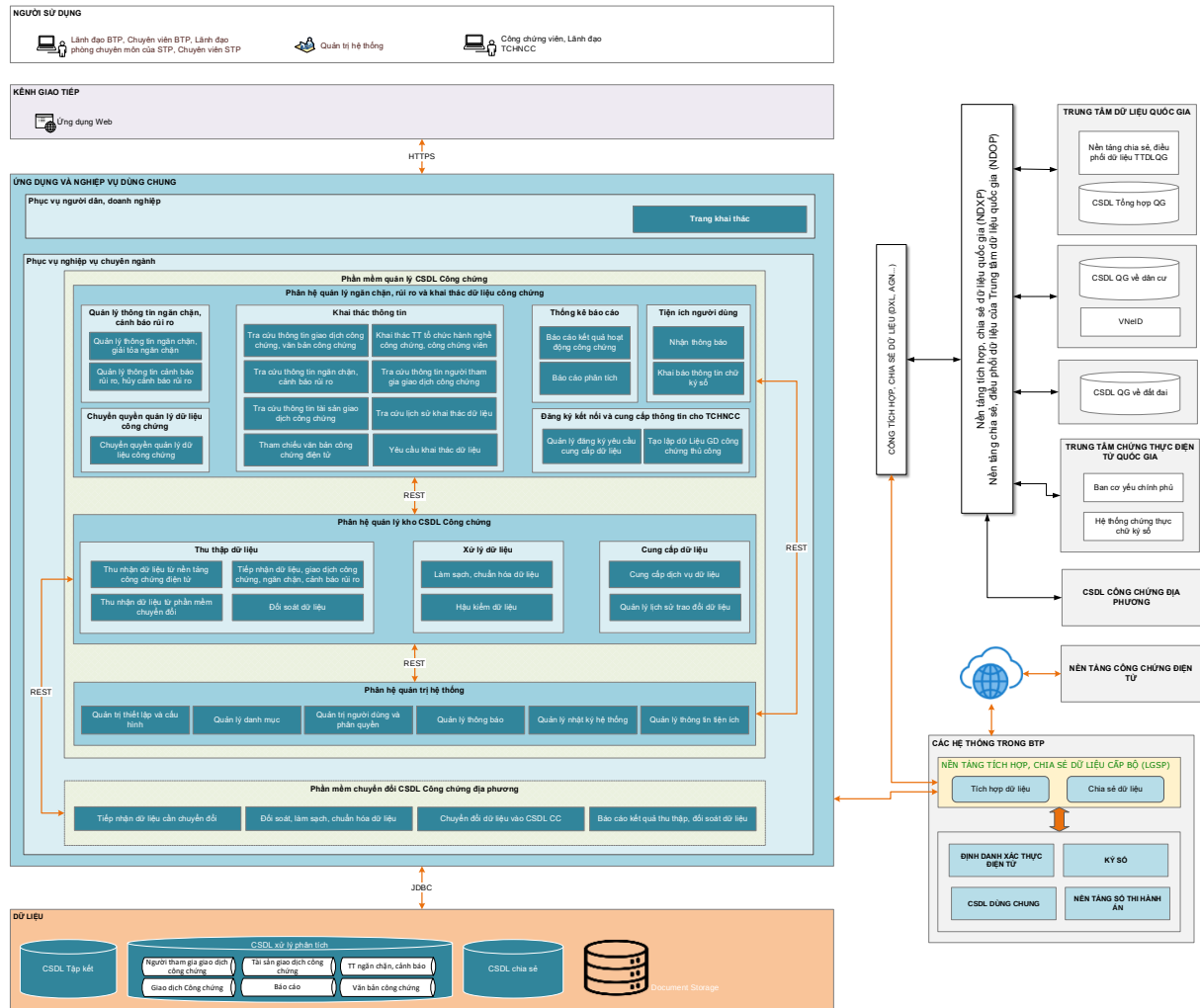
e) Tiêu chuẩn về đồng bộ dữ liệu

- Đồng bộ theo thời gian thực (real-time) đối với các dữ liệu có sự thay đổi tức thời như quyết định, trạng thái vụ việc, kết quả xử lý nghiệp vụ.

- Đồng bộ theo lịch (batch) theo chu kỳ hằng ngày hoặc hằng tuần đối với các dữ liệu ổn định như danh mục, hướng dẫn nghiệp vụ, tham số hệ thống.

- Phương thức đồng bộ có thể được điều chỉnh theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ và theo quy định của từng hệ thống kết nối, bảo đảm không vi phạm tiêu chuẩn kỹ thuật của các nền tảng tích hợp.

3.3. Yêu cầu khả năng kết nối



Mô hình kết nối chia sẻ dữ liệu

Mô hình thể hiện kiến trúc logic của CSDL công chứng, đóng vai trò cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dùng trong việc lĩnh vực công chứng. Hệ thống cũng cung cấp các hình thức, chức năng cho phép người sử dụng truy cập thông tin, dịch vụ qua kênh ứng dụng Web (website).

CSDL công chứng có thể kết nối tích hợp tới các hệ thống khác của Bộ tư pháp và Quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP) và

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)/Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm dữ liệu quốc gia (NDOP).

Đối với Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới: Kết nối tiếp nhận dữ liệu từ các Hệ thống CSDL công chứng của địa phương.

Hệ thống sử dụng các giao thức tiêu chuẩn để đảm bảo tính bảo mật và hiệu năng:

- Người dùng đến hệ thống thông qua giao thức HTTPS: Mọi tương tác từ phía người dùng (Lãnh đạo, Chuyên viên, Công chứng viên) thông qua trình duyệt Web đều được mã hóa bằng giao thức HTTPS nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu trên đường truyền từ thiết bị đầu cuối đến máy chủ ứng dụng.

- Giao tiếp giữa các phần mềm/module trong hệ thống kết nối với nhau thông qua giao thức REST. Việc sử dụng REST API giúp hệ thống linh hoạt, dễ dàng mở rộng và bảo trì độc lập từng module riêng.

- Tương tác từ hệ thống đến CSDL qua JDBC. Đây là kết nối hiệu năng cao dành cho việc truy vấn và xử lý dữ liệu lớn.

Hệ thống tích hợp và chia sẻ dữ liệu trong Bộ thông qua LGSP gồm: Nền tảng số thi hành án, CSDL dùng chung BTP, ký số.

Hệ thống tích hợp và chia sẻ dữ liệu ngoài Bộ qua NDXP/NDOP gồm: CSDL Tổng hợp QG, CSDL QG về dân cư và VneID.

Các yêu cầu mô tả ở trên là phạm vi kết nối tối thiểu. Trong quá trình triển khai nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn và yêu cầu của Chủ đầu tư/đơn vị chủ trì thuê dịch vụ.

3.4. Phương thức kết nối và dữ liệu chia sẻ

Phương thức kết nối và phạm vi dữ liệu chia sẻ giữa các hệ thống sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ trên cơ sở thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị kết nối chia sẻ dữ liệu, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kết nối và tích hợp theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ, đồng thời bảo đảm việc kết nối được

triển khai đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, vận hành ổn định và thành công với tất cả các hệ thống có liên quan.

Danh sách các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thực hiện theo Quyết định số 3727/QĐ-BTP ký ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc Ban hành Quy định về kỹ thuật, cấu trúc Cơ sở dữ liệu công chứng gồm:

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
A	Nhóm thông tin giao dịch công chứng				
A1	<i>GiaoDichCongChung</i>				
1	MaDDGiaoDich	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Mã định danh giao dịch
2	LoaiGiaoDichCongChung	DMLoaiGiaoDichCongChung (S)	Danh mục loại giao dịch	1..1	Loại giao dịch công chứng
3	NgayCongChung	NgayThangNam (T)		1..1	Ngày công chứng, không cho phép ngày công chứng lớn hơn ngày tạo lập
4	SoCongChung	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Thông tin số công chứng. Giá trị không được phép trùng lặp trong

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					cùng một năm và trong cùng một tổ chức hành nghề công chứng
5	TenGiaoDichCongChung	DMTenGiaoDichCongChung (S)	Danh mục tên giao dịch	1..1	Tên giao dịch công chứng
6	BenLienQuan	BenLienQuan (S)	Mục số A7	0..n	Danh sách bên liên quan trong giao dịch công chứng
7	TaiSanGiaoDich	TaiSan (S)	Mục số F1	0..n	Danh sách tài sản trong giao dịch công chứng
8	NoiDungGiaoDich	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin tóm tắt nội dung giao dịch
9	GiaTriGiaoDich	Số tự nhiên (T)		0..1	Thông tin giá trị giao dịch

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
10	CongChungVien	CongChungVien (S)	Mục số D1	1..1	Công chứng viên thực hiện giao dịch
11	ToChucCongChu ng	ToChucCongChung (S)	Mục C	1..1	Tổ chức hành nghề công chứng thực hiện giao dịch
12	DiaDiemCongCh ung	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Địa điểm thực hiện công chứng
13	PhiCongChung	Số tự nhiên (T)		0..1	Phí công chứng
14	GiaDichVuCong Chung	Số tự nhiên (T)		0..1	Giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng
15	ChiPhiKhac	Số tự nhiên (T)		0..1	Chi phí khác
16	GhiChu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Ghi chú của giao dịch

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
17	GiaoDichLienQua n	GiaoDichCongChung (S)	Mục số A1	0..1	Thông tin giao dịch chính nếu có
18	GiaoDichCongChun gGiay	GiaoDichCongChung Giay (S)	Mục số A4	1..1 (Ch ọn 1 tron g 2)	Giao dịch được thực hiện theo quy định tại Luật Công chứng năm 2024 và Nghị định 104/2025/NĐ- CP.
19	GiaoDichCongChun gDienTu	GiaoDichCongChung DienTu (S)	Mục số A5		Giao dịch được thực hiện theo quy trình công chứng điện tử trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định tại Luật Công chứng năm 2024 và Nghị định 104/2025/NĐ- CP.

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
A2	<i>GiaoDichCongChungCoThoiHan (thuê mượn, ở nhờ, cầm cố, uỷ quyền, vay, góp vốn)</i>				
1	GiaoDichCongChung	GiaoDichCongChung (S)		1..1	Thông tin cơ bản của giao dịch
2	ThoiHan	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Thông tin thời hạn
A3	<i>GiaoDichCongChungTheChap</i>				
1	GiaoDichCongChung	GiaoDichCongChung (S)		1..1	Thông tin cơ bản của giao dịch
2	TrangThaiGiaiChap	DMTrangThaiGiaiChap (S)	Danh mục trạng thái giải chấp	1..1	Trạng thái giải chấp của giao dịch thế chấp
3	NgayGiaiChap	NgayThangNam (T)		0..1	Thông tin ngày giải chấp theo tài sản, không cho phép ngày giải

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					chấp lớn hơn ngày cập nhật
4	GhiChuGiaiChap	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin ghi chú giải chấp theo tài sản
A4 GiaoDichCongChungGiay					
1	PhuongThucCong Chung	DMPhuongThucCong Chung (S)	Danh mục phương thức công chứng	1..1	Công chứng giấy
2	HoSoLuuTruDien Tu	File (T)		0..1	File hồ sơ lưu trữ điện tử (PDF)
3	VanBanCongChung DienTu ChuyenDoiTuVanB an CongChungGiay	VanBanCongChungDi enTu (S)		0..1	Thông tin văn bản công chứng điện tử được chuyển đổi từ văn bản công chứng giấy
A5 GiaoDichCongChungDienTu					

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
1	PhuongThucCong Chung	DMPuongThucCong Chung (S)	Danh mục phương thức công chứng	1..1	Công chứng điện tử trực tiếp hoặc Công chứng điện tử trực tuyến
2	VanBanCongChung DienTu	VanBanCongChungDi enTu (S)		1..1	Thông tin văn bản công chứng điện tử
3	VanBanSuaLoiKy Thuat	File (T)		0..n	File văn bản sửa lỗi kỹ thuật điện tử (PDF)
4	ThanhPhanHoSo	File (T)		0..n	Các file thành phần của hồ sơ (PDF, PNG, JPEG, JPG, ZIP)
A6 VanBanCongChungDienTu					
1	VanBanCongChung DienTu	File (T)		1..1	File văn bản công chứng điện tử (PDF)

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
2	NguoiChuyenDoi	CongChungVien (S)		0..1	Thông tin công chứng viên chuyển đổi văn bản công chứng giấy thành văn bản công chứng điện tử
3	ThoiGianChuyen Doi	NgayThangNam (T)		0..1	Thông tin thời gian chuyển đổi văn bản công chứng giấy thành văn bản công chứng điện tử; không cho phép thời gian chuyển đổi lớn hơn ngày hiện tại
4	ToChucChuyenD oi	ToChucHanhNgheCon gChung (S)		0..1	Thông tin tổ chức công chứng hành nghề công chứng thực

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lự ng	Mô tả
					hiện chuyển đổi văn bản công chứng giấy thành văn bản công chứng điện tử
A7 BenLienQuan					
1	VaiTro	DMVaiTro (S)	Danh mục vai trò bên liên quan	1..1	Vai trò của bên liên quan trong giao dịch
2	CaNhan	CaNhan (T)	Mục E1	1..1 (Lự a chọ	Thông tin cá nhân tham gia giao dịch
3	ToChuc	ToChuc (T)	Mục E2	n chỉ một tron g 2)	Thông tin tổ chức tham gia giao dịch
A8 LichSuCapNhatGiaoDich					
1	GiaoDichCongCh ung	GiaoDichCongChung (S)	Mục A1	1..1	Giao dịch được cập nhật

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
2	NgayThucHien	NgayThangNam (T)		1..1	Ngày thực hiện
3	ThaoTac	Chuỗi ký tự (T)		1..1	- Thêm mới - Chỉnh sửa nội dung giao dịch - Cập nhật trạng thái giao dịch - Bổ sung hồ sơ - Huỷ giao dịch - Xoá giao dịch
B Nhóm thông tin ngăn chặn/Cảnh báo rủi ro					
B1 ThôngTinNganChan					
1	DonViGuiYeuCa u	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Thông tin đơn vị gửi yêu cầu
2	SoVanBan	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Số văn bản từ đơn vị đến

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
3	NgayBanHanh	NgayThangNam (T)		1..1	Ngày ban hành văn bản
4	SoVanBanDen	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số văn bản đến
5	NgayVanBanDen	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày nhận văn bản của đơn vị
6	TrichYeu	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Thông tin trích yếu
7	GhiChu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin ghi chú
8	DoiTuongBiNga nChan	DoiTuongBiNgaCha n (S)	Tham chiếu tới mục B4	1..n	
9	FileThongTinNga nChan	File (T)		0..1	File văn bản ngăn chặn (pdf, word)
10	ThoiGianCapNhat	NgayThangNam (T)		1..1	Thời gian cập nhật thông tin ngăn chặn lên hệ thống

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
B2 ThôngTinCanhBaoRuiRo					
1	DonViGuiCanhB ao	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Thông tin đơn vị gửi cảnh báo
2	TieuDeCanhBao	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Tiêu đề cảnh báo
3	ThoiGianCapNhat	NgayThangNam (T)		1..1	Thời gian cập nhật thông tin cảnh báo lên hệ thống
4	TrichYeu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin trích yếu
5	GhiChu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin ghi chú
6	DoiTuongBiCanh Bao	DoiTuongBiNganCha n (S)	Tham chiếu tới mục B4	1..n	
7	FileThongTinCanhB aoRuiRo	File (T)		0..1	File văn bản ngăn chặn (pdf, word)
B3 ThôngTinGiaiToa					

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
1	DonViGuiYeuCa u	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Đơn vị gửi yêu cầu giải tỏa
2	SoVanBan	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Số văn bản từ đơn vị đến
3	NgayBanHanh	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày ban hành văn bản
4	SoVanBanDen	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số văn bản đến
5	NgayNhan	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày nhận văn bản của đơn vị
6	NgayNhap	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày nhập
7	TrichYeu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Trích yếu
8	GhiChu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Ghi chú
9	FileThongTinGiai Toa	File (T)		0..1	File văn bản giải tỏa (pdf, word)

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
10	DoiTuongDuocGiaiToa	DoiTuongBiNganChan (S)		1..n	Danh sách đối tượng được giải tỏa
11	ThoiGianCapNhat	NgayThangNam (T)		1..1	Thời gian cập nhật thông tin giải tỏa lên hệ thống
B4 DoiTuongBiNganChan					
1	TrangThai	Số tự nhiên (T)		1..1	Trạng thái ngăn chặn: 0 - Ngăn chặn, 1 - Giải tỏa
2	TaiSan	TaiSan (S)		1..1	Thông tin tài sản bị ngăn chặn
3	CaNhan	CaNhan (S)	Mục E1	chọn chỉ một	Thông tin cá nhân bị ngăn chặn
4	ToChuc	ToChuc (S)	Mục E2	trong 3 đối	Thông tin tổ chức bị ngăn chặn

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
				tượn g)	
C	Nhóm thông tin tổ chức hành nghề công chứng				
1	MaDDTCHNCC	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Mã định danh tổ chức hành nghề công chứng
2	TenToChucTieng Viet	Chuỗi ký tự (T)	2.3.1.1.1. Thông tin đăng ký cơ bản: DinhDanhToChu c QCVN 09:2025/BCA	1..1	
3	MaSoThue	Chuỗi ký tự (T)	Mục 2.6.2.21 QCVN 09:2025/BCA	0..1	
4	SoGiayTo	Chuỗi ký tự (T)	2.3.1.1.5. Giấy tờ định danh tổ chức QCVN 09:2025/BCA	1..1	
5	NgayCapGiayTo	NgayThangNam (T)		0..1	
6	NoiCapGiayTo	Chuỗi ký tự (T)		0..1	

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
7	DienThoai	Chuỗi ký tự (T)	Mục 2.3.1.1.3.	0..1	
8	Email	Chuỗi ký tự (T)	Thông tin địa chỉ trụ sở tổ chức	0..1	
9	Fax	Chuỗi ký tự (T)	QCVN 09:2025/BCA	0..1	
10	Website	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
11	DiaChiTruSo	DiaChi (S)		0..1	
12	SoQuyétDinh	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số quyết định cho phép hoạt động
13	HinhThucToChuc	Số tự nhiên (T)		0..1	1 - Phòng công chứng/2 - Văn phòng công chứng (Công ty hợp danh)/3 – Văn phòng công chứng (Doanh nghiệp tư nhân)
14	NgayBatDau	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày tháng năm bắt đầu hoạt động của

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					tổ chức hành nghề công chứng.
15	NgàyKetThuc	NgàyThangNam (T)		0..1	Ngày tháng năm chấm dứt chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng; chuyển đổi, giải thể Phòng Công chứng.
16	TrangThai	TrangThaiTCHNCC (T)	Danh mục trạng thái tổ chức hành nghề công chứng	1..1	Trạng thái hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng
D	Nhóm thông tin công chứng viên				
D1	CongChungVien				
1	MaDDCCV	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Mã định danh công chứng viên

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
2	Anh	File (T)		0..1	Ảnh công chứng viên (PNG, JPG, JPEG)
3	CaNhan	CaNhan(S)		1..1	Thông tin cá nhân của công chứng viên
4	LaTruongVanPho ng	Số tự nhiên (T)		1..1	True/False
5	SoQDBoNhiem	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số quyết định bổ nhiệm CCV
6	NgayBoNhiem	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày bổ nhiệm
7	ThoiGianMienNh iemQD	NgayThangNam (T)		0..1	Thời gian miễn nhiệm CCV theo quyết định miễn nhiệm CCV
8	ThoiGianDinhChi HNCC	NgayThangNam (T)		0..1	Thời gian tạm đình chỉ hành

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					nghề công chứng
9	TheCongChungV ien	TheCongChungVien (S)	Tham chiếu mục D2	0..1	
10	SoThe	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số Thẻ công chứng viên
11	TrangThai	TrangThaiCCV (T)	Danh mục trạng thái công chứng viên	1..1	Thông tin trạng thái hành nghề của công chứng viên
D2	<i>TheCongChungVien</i>				
1	SoGiaiTo	Chuỗi ký tự (T)	Mục 2.2.3.4.1.10. Thẻ Công chứng viên QCVN 09:2025/BCA	0..1	Thẻ công chứng viên
2	SoTuPhapCap	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Sở Tư pháp cấp Thẻ công chứng viên
3	NgayCap	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày cấp
4	NgayHieuLuc	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày Quyết định cấp Thẻ/cấp lại Thẻ Công

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					chứng viên có hiệu lực
5	NgayHetHan	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày hết hạn
6	TrangThai	Số tự nhiên (T)		0..1	1 - Có hiệu lực, 0 - Hết hiệu lực
7	FileChungChi	File (T)		0..1	File chứng chỉ hành nghề (PDF, PNG, JPEG, JPG)
E	Nhóm thông tin cá nhân/tổ chức				
E1	CaNhan				
1	HoVaTen	Chuỗi ký tự (T)	2.2.1.1.1.2. Thông tin cơ bản của công dân Việt Nam	1..1	
2	NgaySinh	NgayThangNam (T)		1..1	
3	NamSinh	Nam (T)		(Chỉ chọn 1 trong 2)	

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lự ng	Mô tả
4	LoaiGiayToNhan Than	DM_LoaiGiayToTuyT han (S)	QCVN 09:2025/BCA	1..1	Mục E.5.7. LoaiGiayToTu yThan QCVN 09:2025/BCA
5	SoGiayTo	Chuỗi ký tự (T)		1..1	2.2.1.1.2.1. Giấy tờ định danh cá nhân: GiayToDinhD anhCN QCVN 09:2025/BCA
6	NgayCap	NgayThangNam (T)		0..1	
7	NoiCap	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
8	DiaChi	DiaChi (S)		0..1	
9	GioiTinh	DM_GioiTinh (S)		0..1	Quy định về danh mục QCVN 109:2017/BTT TT
10	DanToc	DM_DanToc (S)		0..1	
11	QuocTich	DM_QuocTich (S)		0..1	
12	Email	Chuỗi ký tự (T)		0..1	2.6.1.5. ThongTinLien He
13	DienThoai	Chuỗi ký tự (T)		0..1	

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					QCVN 09:2025/BCA
14	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác về cá nhân
E2 ToChuc					
1	TenToChucTieng Viet	Chuỗi ký tự (T)	2.3.1. Thông tin cơ bản về pháp nhân QCVN 09:2025/BCA TenToChucTieng Viet	1..1	
2	LoaiGiayToPhap Nhan	DM_GiayToPhapNha n (S)	2.3.1.1.5. Giấy tờ định danh tổ chức QCVN 09:2025/BCA	0..1	
3	SoGiayToPhapNh an	Chuỗi ký tự (T)		1..1	
4	NgayCapGiayToPha pNhan	NgayThangNam (T)		0..1	
5	NoiCapGiayToPh apNhan	Chuỗi ký tự (T)		0..1	

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
6	SoDienThoaiToC huc	Chuỗi ký tự (T)	2.6.1.5.	0..1	
7	Email	Chuỗi ký tự (T)	ThongTinLienHe QCVN	0..1	
8	DiaChiToChuc	DiaChi (S)	09:2025/BCA	0..1	
9	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác về tổ chức
10	NguoiDaiDien	CaNhan (S)	2.3.1.1.7. Mối quan hệ với cá nhân	1..1	Thông tin người đại diện tổ chức
11	ChucVu	Chuỗi ký tự (T)	QCVN 09:2025/BCA	0..1	
F	Nhóm thông tin tài sản				
F1	TaiSan				
1	MaDDTaiSan	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Mã định danh tài sản
2	LoaiTaiSan	DMLoaiTaiSan (T)	Danh mục loại tài sản	1..1	Thông tin loại tài sản trong giao dịch công chứng hoặc

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
					thông tin ngăn chặn
3	ChuSoHuu	ChuSoHuu (S)		1..n	Thông tin chủ sở hữu tài sản
4	GiayChungNhan	GiayChungNhan (S)		1..1	Thông tin giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản
5	QuyenSuDungDat	QuyenSuDungDat (S)		0..1	Quyền sử dụng đất
6	TaiSanGanLienV oiDat	TaiSanGanLienVoiDa t (S)		0..1	Loại tài sản: Tài sản gắn liền với đất
7	HopDongMuaBan BDS	HopDongMuaBanBD S (S)		0..1	Loại tài sản: Tài sản hình thành trong tương lai
8	XeMoToGanMay	XeMoToGanMay (S)		0..1	Loại tài sản: Xe mô tô hoặc xe gắn máy

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
9	XeBonBanhGanD ongCo	XeBonBanhGanDong Co (S)		0..1	Loại tài sản: Xe bốn bánh gắn động cơ
10	TauBien	TauBien (S)		0..1	Loại tài sản: Tàu biển
11	PTThuyNoiDia	PTThuyNoiDia (S)		0..1	Loại tài sản: Phương tiện thủy nội địa
12	TauCa	TauCa (S)		0..1	Loại tài sản: Tàu cá
13	TauBay	TauBay (S)		0..1	Loại tài sản: Tàu bay
14	TaiSanKhac	TaiSanKhac (S)		0..1	Loại tài sản: Tài sản khác
F2	QuyenSuDungDat				
1	MaThuaDat	Chuỗi ký tự (T)	3.1.1. a) Dữ liệu về thửa đất: maThuaDat 09/2024/TT- BTNMT	0..1	

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
2	SoThuTuThua	Số tự nhiên (T)	3.1.1. a) Dữ liệu về thửa đất: soThuTuThua 09/2024/TT- BTNMT	0..1	
3	SoHieuToBanDo	Số tự nhiên (T)	3.1.1. a) Dữ liệu về thửa đất: soHieuToBanDo 09/2024/TT- BTNMT	0..1	
4	LoaiDat	DM_LoaiDat (S)	Theo danh mục 1.19. Loại đất 09/2024/TT- BTNMT	0..1	
5	DiaChi	DiaChi (S)	3.1.1 Dữ liệu về thửa đất 09/2024/TT- BTNMT	0..1	
6	HinhThucSuDung	Số tự nhiên (T)		0..1	1 - Sử dụng chung 0 - Sử dụng riêng

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
7	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác về tài sản
F3 TaiSanGanLienVoiDat					
1	LoaiTaiSan	DM_LoaiTaiSanGanL ienVoiDat (S)	3.1.3. Nhóm dữ liệu về tài sản gắn liền với đất 09/2024/TT- BTNMT	1..1	Danh mục 1.12. Loại tài sản gắn liền với đất 09/2024/TT- BTNMT
2	MaDoiTuong	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
3	TenTaiSan	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
4	HinhThuSoHuu	Số tự nhiên (T)		0..1	1 - Sở hữu chung 0 - Sở hữu riêng
5	DiaChi	DiaChi (S)		0..1	
6	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác về tài sản
F4 HopDongMuaBanBDS					

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
1	SoHopDong	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số hợp đồng mua bán BĐS
2	TenHopDong	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Tên hợp đồng mua bán BĐS
3	NgayHopDong	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Ngày ký kết hợp đồng
4	ThongTinBenBan	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin bên bán
5	ThongTinBenMua	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin bên mua
6	ThongTinTaiSan	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin tài sản
7	TaiSanGanLienVoiDat	TaiSanGanLienVoiDat (S)		1..1	Thông tin tài sản gắn liền với đất
8	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác
F5 XeBonBanhGanDongCo					
1	BienSoDK	Chuỗi ký tự (T)		0..1	

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
2	MauBien	Chuỗi ký tự (T)	2.4.2.1.1.3. Xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ:	0..1	
3	SoMay	Chuỗi ký tự (T)		1..1	
4	SoKhung	Chuỗi ký tự (T)		1..1	
5	NhanHieu	Chuỗi ký tự (T)	XeBonBanhGan DongCo QCVN 09:2025/BCA	0..1	
6	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác
F6 XeMoToGanMay					
1	BienSoDK	Chuỗi ký tự (T)	2.4.2.1.1.2. Xe mô tô, xe gắn máy: XeMoToGanMa y QCVN 09:2025/BCA	0..1	
2	MauBien	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
3	SoMay	Chuỗi ký tự (T)		1..1	
4	SoKhung	Chuỗi ký tự (T)		1..1	
5	NhanHieu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
6	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
F7	TauBien				
1	TenTau	Chuỗi ký tự (T)	2.4.2.1.1.8. Tàu biển: TauBien QCVN 09:2025/BCA	0..1	
2	BienSoDK	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
3	LoaiTau	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
4	HoHieu	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
5	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác
F8	PTThuyNoiDia				
1	TenPhuongTien	Chuỗi ký tự (T)	2.4.2.1.1.9. Phương tiện thủy nội địa: PTThuyNoiDia: TenPhuongTien QCVN 09:2025/BCA	0..1	
2	BienSoDK	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
3	SoDKHC	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
4	LoaiTau	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
5	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
F9	TauCa				

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
1	TenPhuongTien	Chuỗi ký tự (T)	2.4.2.1.1.9. Tàu cá: TauCa QCVN 09:2025/BCA	0..1	
2	BienSoDK	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
3	SoDKHC	Chuỗi ký tự (T)		0..1	
4	LoaiTau	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Loại tàu
5	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác
F1 0	TauBay				
1	TenPhuongTien	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Tên tàu bay
2	LoaiTauBay	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Loại tàu bay
3	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác
F1 1	TaiSanKhac				
1	TenTaiSan	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Tên tài sản.
2	ThongTinTaiSan	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin tài sản.

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
3	ThongTinKhac	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Thông tin khác
F1 2	<i>GiayChungNhan</i>				
1	SoGiayTo	Chuỗi ký tự (T)		1..1	Số giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản
2	SoVaoSoGCN	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số vào sổ giấy chứng nhận (cho loại tài sản là đất, tài sản gắn liền với đất)
3	NgayCap	NgayThangNam (T)		0..1	Ngày cấp giấy chứng nhận
4	NoiCap	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Nơi cấp giấy chứng nhận
F1 3	<i>ChuSoHuu</i>				

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
1	CaNhan	CaNhan (S)	Mục E1	1..n (Ch ọn 1 hoặ c nhiề u đổi tượn g có thể là cá nhâ n hoặ c tổ chứ c)	Danh sách cá nhân là chủ sở hữu tài sản
2	ToChuc	ToChuc (S)	Mục E2		Danh sách tổ chức là chủ sở hữu tài sản
G Nhóm thông tin địa điểm					
1	DiaChiChiTietMo i	Chuỗi ký tự (T)		0..1	Số nhà, thôn, xóm, tổ dân phố... (địa chỉ mới sau thay đổi)

ST T	Tên thuộc tính	Cấu trúc (S)/Kiểu dữ liệu dữ liệu tham chiếu (T)	Tham chiếu	Số lượ ng	Mô tả
2	TinhTPMoi	MaTinhTPMoi (S)	Danh mục và mã số các đơn vị hành chính cấp tỉnh Quyết định 19/2025/QĐ- TTg	0..1	Mã số tỉnh thành phố mới sau thay đổi từ ngày 01/7/2025
3	PhuongXaMoi	MaPhuongXaMoi (S)	Danh mục và mã số các đơn vị hành chính cấp xã Quyết định 19/2025/QĐ- TTg	0..1	Mã số phường xã mới sau thay đổi từ ngày 01/7/2025
4	MaDDDiaDiem	Chuỗi ký tự (T)	Mục 2.5.1.1. Địa chỉ: DiaChi	0..1	
5	DiaChiChiTiet	Chuỗi ký tự (T)	QCVN	0..1	
6	TinhTP	MaTinh (S)	09:2025/BCA	0..1	
7	QuanHuyen	MaHuyen (S)		0..1	
8	PhuongXa	MaPhuongXa (S)		0..1	

3.5. Yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ

Trong quá trình thuê dịch vụ, Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kết nối theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ, bảo đảm việc liên thông, tích hợp và bảo đảm kết nối thành công với các hệ thống có liên quan.

Trường hợp các hệ thống kết nối có sự thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật, giao thức hoặc mô hình tích hợp, Nhà cung cấp dịch vụ phải chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để cập nhật, điều chỉnh, bảo đảm kết nối không bị gián đoạn.

Trong suốt thời gian thuê dịch vụ, nếu các hệ thống bên ngoài (như CSDL Quốc gia về dân cư, VNeID, Hệ thống của Văn phòng đăng ký đất đai, Tòa án nhân dân, ...) có sự thay đổi về chuẩn kết nối (API) hoặc cấu trúc dữ liệu, Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chủ động nghiên cứu và thực hiện cập nhật, chỉnh sửa cổng kết nối của CSDL công chứng để đảm bảo việc liên thông được hoàn thành trong thời gian sớm nhất. Việc này thuộc phạm vi dịch vụ quản trị vận hành và bảo trì hệ thống sẽ không phát sinh chi phí phụ trội.

Nhà cung cấp dịch vụ phải bảo đảm hoàn thiện toàn bộ các cơ chế kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ và theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Yêu cầu dịch vụ quản trị vận hành và bảo trì hệ thống

4.1. Yêu cầu đối với dịch vụ quản trị vận hành hạ tầng, Cơ sở dữ liệu công chứng

Nhà cung cấp dịch vụ CSDL công chứng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ tất cả các công việc dưới đây trong quá trình thuê dịch vụ, và các công việc này đã bao gồm trong chi phí thuê dịch vụ CSDL công chứng, không phát sinh chi phí bổ sung cho cơ quan thuê:

4.1.1. Sao lưu phục hồi dữ liệu và dự phòng thảm họa

a) Sao lưu dữ liệu định kỳ:

- Full backup: ít nhất 1 lần/tuần.

- Incremental/Differential backup: ít nhất 1 lần/ngày.
 - Lưu giữ bản sao lưu: tối thiểu 30 ngày gần nhất.
 - Offsite/remote backup: có bản sao lưu lưu trữ tại khu vực cách ly an toàn để dự phòng thảm họa (disaster recovery).
- b) Các thành phần được sao lưu: cơ sở dữ liệu, tệp cấu hình, mã nguồn ứng dụng, nhật ký hệ thống,...
- c) Khôi phục dữ liệu: có kế hoạch và quy trình kiểm thử định kỳ ít nhất 1 lần/năm.
- d) Chỉ tiêu phục hồi:
- $RTO \leq 4$ giờ đối với các thành phần nghiệp vụ quan trọng.
 - $RPO \leq 15$ phút đối với cơ sở dữ liệu nghiệp vụ.
- e) Dự phòng hệ thống: có cơ chế dự phòng nóng (Active-Passive hoặc tương đương) đảm bảo tính sẵn sàng cao khi xảy ra sự cố phần cứng/hạ tầng.
- f) Bảo mật: sao lưu và truyền dữ liệu phải được mã hóa (AES-256 hoặc tương đương). Mọi truyền nhận dữ liệu ra ngoài hệ thống chỉ thực hiện qua kênh được cấp phép và bảo mật.
- g) Giám sát và hỗ trợ: có hệ thống giám sát và cảnh báo 24/7; hỗ trợ khắc phục sự cố theo $SLA \leq 4$ giờ.

4.1.2. Cập nhật, vá lỗi, nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu

- Theo dõi, triển khai các bản vá bảo mật và cập nhật phiên bản Cơ sở dữ liệu, hệ điều hành trong thời gian thuê dịch vụ.
- Đảm bảo việc cập nhật không ảnh hưởng hoạt động của các ứng dụng nghiệp vụ đang triển khai.
- Thông báo trước cho Chủ trì thuê dịch vụ về kế hoạch nâng cấp hoặc thay đổi cấu hình.

4.1.3. Cấu hình các ứng dụng nghiệp vụ

- Tiếp nhận, phân tích và cấu hình các ứng dụng nghiệp vụ theo yêu cầu từ chủ trì thuê dịch vụ
- Các công việc cần thiết khác (nếu có).
- Các công việc khác phải được ghi nhận trong báo cáo chi tiết.

4.1.4. Báo cáo định kỳ

Báo cáo hàng tháng/quý/năm về tình trạng vận hành nền tảng: tài nguyên, sự cố, bảo mật, truy cập.

Cung cấp báo cáo đột xuất khi có yêu cầu từ cơ quan chủ quản.

4.2. Yêu cầu đối với dịch vụ quản trị, vận hành ứng dụng nghiệp vụ triển khai trên CSDL công chứng

Nhà cung cấp dịch vụ cấu hình, triển khai và vận hành ứng dụng nghiệp vụ trên CSDL phải thực hiện tối thiểu các công việc sau:

Nhà cung cấp dịch vụ phải ghi nhận đầy đủ tất cả các công việc, yêu cầu hoặc dịch vụ phát sinh trong quá trình quản trị, vận hành và hỗ trợ ứng dụng trong báo cáo chi tiết, lưu trữ theo phiên bản, làm căn cứ nghiệm thu và đối soát.

4.2.1. Quản trị ứng dụng đang hoạt động

- Nhà cung cấp dịch vụ đề xuất quy trình quản trị ứng dụng để chủ trì thuê dịch vụ xem xét và thực hiện vận hành theo quy trình được chấp thuận.
- Kiểm tra kết quả vận hành ứng dụng hoặc theo dõi nhật ký (log) hoạt động của hệ thống ứng dụng.
- Xác định nguyên nhân lỗi hoặc có khả năng gây ra lỗi ứng dụng.
- Đề xuất xử lý hoặc giám sát kết quả xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành ứng dụng, cụ thể:
 - + Kiểm tra nhật ký (log) ứng dụng ít nhất 01 lần/ngày.
 - + Phân tích và xác định nguyên nhân lỗi trong ≤ 2 giờ từ khi phát sinh.

- Giám sát hệ thống (Monitoring):
 - + Theo dõi màn hình Dashboard (Zabbix/Grafana/Prometheus...) để kiểm soát trạng thái: CPU, RAM, Disk space của các máy chủ (Server).
 - + Giám sát lưu lượng mạng (Network traffic).
 - + Giám sát các dịch vụ nền tảng (Database services, Web services, Middleware).
- Xử lý cảnh báo & Sự cố hạ tầng (Incident Response):
 - + Tiếp nhận cảnh báo tự động (qua Email/Telegram) khi hệ thống vượt ngưỡng tải hoặc services bị down.
 - + Thực hiện các thao tác khôi phục nhanh (Restart service, reboot server, clear log/temp) theo kịch bản (Playbook) đã thống nhất.
 - + Escalate (leo thang) gọi điện ngay cho chuyên gia cấp cao (L3) nếu sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng diện rộng.
- An toàn thông tin (Security Monitoring):
 - + Theo dõi log truy cập bất thường (ví dụ: đăng nhập sai nhiều lần, truy cập IP lạ ngoài lãnh thổ VN).
 - + Phối hợp với đội SOC (nếu có) để ngăn chặn tấn công DDoS hoặc rà quét lỗ hổng.
- Thực hiện sao lưu và phục hồi dữ liệu hệ thống trong đó bao gồm:
 - + Sao lưu CSDL các hệ thống phần mềm, ứng dụng, dịch vụ sử dụng công cụ phần mềm backup.
 - + Sao lưu cấu hình các trang thiết bị mạng, bảo mật, máy chủ thông qua các công cụ, tiện ích đi kèm các thiết bị hoặc phần mềm backup (nếu có hỗ trợ).
 - + Thực hiện nén các bản sao lưu (trong trường hợp cần thiết).

- + Thực hiện lưu trữ bản sao lưu trên hệ thống tủ đĩa sao lưu, đảm bảo thời gian lưu trữ đáp ứng theo quy chế liên quan.
 - + Kiểm tra tiến trình chạy các Job nghiệp vụ cuối ngày (End-of-day jobs).
 - + Giám sát quy trình Backup dữ liệu (Full backup/Incremental backup) đảm bảo dữ liệu được sao lưu thành công.
 - + Thực hiện Restore thử nghiệm (nếu có lịch).
- Kiểm tra các bản sao lưu cũ, xác định các bản sao lưu cần loại bỏ theo quy chế (VD: quá thời hạn lưu trữ, bản sao lưu gia tăng không cần thiết – vì đã có bản sao lưu toàn bộ mới,...)
 - Thực hiện nén và lưu trữ các bản sao lưu cần loại bỏ trên các thiết bị backup như băng từ (nếu có quy định và thiết bị).
 - Thực hiện loại bỏ các bản sao lưu cần loại bỏ.
 - Đề xuất giải pháp để tối ưu hoạt động cho ứng dụng, chức năng hoặc một nhóm chức năng của ứng dụng.
 - Kiểm tra, xác định yêu cầu hỗ trợ để xác định lỗi ứng dụng hoặc yêu cầu phát sinh hoặc hướng dẫn sử dụng.
 - Kiểm tra, xác định yêu cầu hỗ trợ để bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình quản trị, vận hành.
 - Kiểm tra kết quả xử lý lỗi, xử lý các vấn đề bảo đảm an toàn thông tin.
 - Thực hiện khắc phục sai lệch dữ liệu khi có công cụ và giải pháp xử lý.
 - Xây dựng công cụ hoặc câu lệnh kết xuất dữ liệu theo yêu cầu.
 - Lập phương án, kế hoạch diễn tập ứng cứu thông tin. Trong đó bao gồm các nội dung như: thời gian, môi trường, kịch bản (ví dụ: khôi phục hệ thống trong trường hợp sự cố trên trang thiết bị hạ tầng kỹ thuật như đường truyền, máy chủ vật lý, thiết bị mạng; khôi phục hệ thống trong trường hợp xảy ra sự cố trên hệ thống ứng dụng như lỗi ứng dụng, lỗi cơ sở dữ liệu;...), kết quả dự kiến.

+ Thực hiện diễn tập theo kế hoạch:

- Thiết lập môi trường diễn tập, ví dụ như tạo các máy chủ ảo, hệ thống mạng ảo, các dịch vụ thử nghiệm phục vụ diễn tập.
- Giả lập tình huống diễn tập (ví dụ như ngắt kết nối hệ thống, tạo lỗi trong CSDL,...)
- Tổ chức thực hiện ứng cứu theo phương án, kế hoạch đã thống nhất (ví dụ như thực hiện phân tích, xác định nguyên nhân; kích hoạt dự phòng; khôi phục CSDL;...).

+ Tổng hợp kết quả thực hiện diễn tập ứng cứu thông tin:

- Rà soát, kiểm tra kết quả diễn tập ứng cứu thông tin.
- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả diễn tập ứng cứu thông tin.

+ Quản lý, kiểm soát và báo cáo thực hiện diễn tập ứng cứu thông tin:

- Thực hiện quản lý, đề xuất và thống nhất nội dung kế hoạch diễn tập ứng cứu thông tin.
- Giám sát, kiểm soát các bước thực hiện triển khai diễn tập, đảm bảo phù hợp, đáp ứng theo kế hoạch đã đề ra.
- Thực hiện công tác báo cáo kết quả diễn tập ứng cứu thông tin.

- Rà soát, cập nhật bản vá lỗi hệ điều hành, phần mềm ứng dụng trên các máy chủ:

+ Kiểm tra phiên bản hệ điều hành, phần mềm ứng dụng hiện tại trên các máy chủ và các bản vá tương ứng;

+ Phối hợp thực hiện kiểm tra khả năng tương thích, hỗ trợ của các phần mềm triển khai trên máy chủ thông qua các tài liệu hướng dẫn, tài liệu quản trị, vận hành liên quan.

+ Lập phương án, kế hoạch thực hiện cập nhật bản vá hệ điều hành, phần mềm ứng dụng, đảm bảo tính tương thích với các phần mềm ứng dụng triển khai

trên máy chủ, trong đó bao gồm các nội dung như: sao lưu máy chủ, dịch vụ; cấu hình ngắt máy chủ, dịch vụ (nếu có); thực hiện cập nhật bản vá; khôi phục trong trường hợp gặp sự cố;

- + Triển khai thực hiện cập nhật theo phương án, kế hoạch đã đề ra.
- + Tái kích hoạt máy chủ, dịch vụ và kiểm tra hoạt động của máy chủ, dịch vụ.
- + Thực hiện khôi phục máy chủ, dịch vụ trong trường hợp có lỗi xảy ra.
- + Cập nhật các tài liệu liên quan như tài liệu quản lý cấu hình hệ thống, báo cáo kết quả thực hiện rà soát, cập nhật bản vá hệ thống, phần mềm.
- + Tổ chức thực hiện triển khai loại bỏ các ứng dụng, dịch vụ, tài khoản người dùng không hoạt động, không còn được sử dụng,... theo phương án đã thống nhất.
- + Cập nhật các tài liệu liên quan như tài liệu quản lý cấu hình hệ thống, báo cáo kết quả thực hiện rà soát, cập nhật bản vá hệ thống, phần mềm.
- Quản lý, giám sát, kiểm soát hoạt động rà soát, cập nhật hệ thống:
- + Hỗ trợ xây dựng và kiểm soát kế hoạch, phương án rà soát, cập nhật hệ thống;
- + Hỗ trợ kiểm tra khả năng tương thích hệ thống phần mềm, dịch vụ và các bản vá, các bản cập nhật;
- + Hỗ trợ kiểm soát lỗi và khôi phục hệ thống trong trường hợp cập nhật hệ thống không thành công.

Các công việc cần thiết khác, tất cả phải được ghi nhận trong báo cáo chi tiết.

4.2.2. Quản trị hoạt động người sử dụng CSDL

- Phối hợp xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định về phân quyền, giám sát sử dụng.
- Thực hiện tạo hoặc cập nhật thông tin, khóa tài khoản người sử dụng, phân quyền theo quy định tại quy chế.

- Giám sát và lập báo cáo về việc tuân thủ quy chế, quy định phân quyền ứng dụng theo quy định.

- Giám sát và lập báo cáo giám sát hoạt động của người dùng trên hệ thống (báo cáo tháng).

- Quản trị người dùng và Phân quyền (User Admin):

- + Tiếp nhận yêu cầu tạo mới, khóa, mở khóa tài khoản người dùng trên toàn quốc.

- + Cấu hình, phân quyền truy cập dữ liệu theo chức vụ/đơn vị (Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Tổ chức HNCC và các đơn vị liên quan) đúng quy chế.

- Rà soát, cập nhật các ứng dụng, dịch vụ, tài khoản người dùng trên hệ thống:

- + Kiểm tra tình trạng hoạt động của các ứng dụng, dịch vụ, tài khoản người dùng trên các trang thiết bị, máy chủ

- + Xác định các ứng dụng, dịch vụ, tài khoản người dùng không hoạt động, không còn được sử dụng,... (ví dụ tài khoản người dùng đã nghỉ việc, dịch vụ phiên bản cũ đã không còn được hỗ trợ,...)

- + Lập và đề xuất, thống nhất phương án thực hiện loại bỏ các ứng dụng, dịch vụ, tài khoản người dùng không hoạt động, không còn được sử dụng,... (ví dụ như gỡ bỏ ứng dụng, huỷ kích hoạt tài khoản, huỷ công khai phiên bản dịch vụ,...)

- Các công việc cần thiết khác (nếu có), phải được ghi nhận trong báo cáo chi tiết.

4.2.3. Kiểm soát và đối soát dữ liệu

- Thực hiện kiểm soát, đối soát dữ liệu hàng ngày hoặc theo lịch nghiệp vụ.

- Phát hiện, cảnh báo sai lệch dữ liệu trong ≤ 24 giờ.

- Xử lý sai lệch dữ liệu khi có công cụ hỗ trợ trong ≤ 2 giờ sau khi phê duyệt.

- Yêu cầu báo cáo chi tiết về tất cả công việc kiểm soát và xử lý dữ liệu.

4.2.4. Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu không liên quan đến cập nhật dữ liệu

- Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu hướng dẫn sử dụng chức năng trên ứng dụng hoặc kiểm tra dữ liệu.
- Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu hướng dẫn người sử dụng tra cứu số liệu trên chức năng ứng dụng.
- Tiếp nhận, phân tích, kiểm tra và hỗ trợ yêu cầu lỗi không vào được ứng dụng do lỗi hệ thống, cơ sở dữ liệu, đường truyền.
- Kiểm tra lại ứng dụng sau khi khắc phục được hệ thống, cơ sở dữ liệu, đường truyền.
- Các công việc cần thiết khác (nếu có).
- Thời gian phản hồi kể từ khi tiếp nhận yêu cầu từ người sử dụng:
 - + Sự cố nghiêm trọng (không truy cập ứng dụng): ≤ 30 phút.
 - + Yêu cầu hỗ trợ thông thường: ≤ 04 giờ làm việc.
 - + Xác minh và kiểm tra lại ứng dụng sau khi xử lý.
- Các công việc khác phải ghi nhận trong báo cáo chi tiết

4.2.5. Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ các yêu cầu liên quan đến xử lý dữ liệu

- Tiếp nhận, kiểm tra dữ liệu của một người dùng theo yêu cầu.
- Cập nhật dữ liệu bằng công cụ/câu lệnh: ≤ 01 ngày làm việc.
- Tổng hợp kết quả rà soát dữ liệu và chuyển bộ phận chuyên trách trong ≤ 02 ngày làm việc
- Các công việc cần thiết khác (nếu có).
- Các công việc khác phải được ghi nhận trong báo cáo chi tiết

4.2.6. Lập báo cáo, tài liệu hoặc quy trình hướng dẫn thường gặp

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện:

- Lập báo cáo hỗ trợ người dùng hàng tháng/quý/năm.
- Lập báo cáo định kỳ (tối thiểu hàng tháng) về tình trạng vận hành hệ thống, bao gồm:
 - + Tình trạng hệ thống: mức độ hoạt động, sử dụng tài nguyên, các thay đổi trong kỳ.
 - + Chỉ tiêu SLA (Service Level Agreement): thời gian sẵn sàng dịch vụ, hiệu năng hệ thống, mức độ đáp ứng cam kết chất lượng.
 - + Sự cố hệ thống: số lượng, loại sự cố, nguyên nhân, biện pháp khắc phục.
 - + Thời gian xử lý: thời gian phát hiện, phản ứng và khắc phục trung bình; tỷ lệ sự cố xử lý đúng hạn.
 - + Đánh giá, khuyến nghị: xu hướng, đề xuất cải tiến chất lượng dịch vụ.
- Các báo cáo khác theo yêu cầu Chủ trì thuê dịch vụ để thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ.
- Báo cáo đột xuất phải được cung cấp khi xảy ra sự cố nghiêm trọng hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.
- Xây dựng tài liệu hướng dẫn xử lý tình huống thường gặp tối thiểu 01 lần/quý hoặc khi có thay đổi chức năng. Các tài liệu được lưu theo phiên bản và bàn giao lại cho Chủ trì thuê dịch vụ.
- Cho phép Chủ trì thuê dịch vụ truy cập dữ liệu log/nhật ký để kiểm tra, đối soát.
- Các công việc cần thiết khác (nếu có).

4.2.7. Vận hành hệ thống

- Tiếp nhận, phân tích, phân loại thực hiện hỗ trợ xử lý khắc phục sự cố.
- Tiếp nhận, đề xuất giải pháp và cập nhật dữ liệu theo yêu cầu. Kiểm tra hệ thống định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng và các phát sinh theo yêu cầu

nhằm kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống thông tin, CSDL, tiến hành phân tích và đề xuất phương án xử lý.

- Thực hiện xử lý sự cố bảo mật các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm và ứng dụng (các trang tin, dịch vụ web (webservice)...và các ứng dụng giao dịch trực tuyến). Hỗ trợ ứng cứu các sự cố ngừng hoạt động hệ thống, khôi phục hệ thống thông tin, tấn công có chủ đích ...

- Số hóa tài liệu và xây dựng cơ sở tri thức hỗ trợ, cập nhật tối thiểu hàng quý.

- Đảm bảo an toàn thông tin trong suốt quá trình vận hành (tuân thủ cấp độ 3).

- Các công việc cần thiết khác (nếu có).

4.2.8. Các kênh hỗ trợ kỹ thuật và khách hàng

Nhà cung cấp dịch vụ phải bảo đảm cung cấp đầy đủ và tối thiểu các nội dung hỗ trợ sau; toàn bộ đã được tính vào chi phí thuê dịch vụ:

- **Cung cấp đa kênh hỗ trợ kỹ thuật**, bao gồm: hỗ trợ tại chỗ (onsite), hỗ trợ trực tuyến, hotline, email và các phương thức hỗ trợ khác (nếu có).

- **Bảo đảm hỗ trợ 24/7 đối với các tất cả các dịch vụ.**

- **Thiết lập cơ chế phân loại mức độ sự cố**, bao gồm:

- + **Sự cố nghiêm trọng (P1 – Critical Incident):** Hệ thống ngừng hoạt động hoàn toàn; rủi ro mất dữ liệu; sự cố bảo mật lớn; ảnh hưởng toàn bộ người dùng. Thời gian phản hồi onsite: **≤ 2 giờ**; thời gian khôi phục dịch vụ: **≤ 4 giờ**.

- + **Sự cố mức cao (P2 – High Priority Incident):** Hệ thống vẫn hoạt động nhưng bị ảnh hưởng nghiêm trọng; lỗi ảnh hưởng đến một nhóm người dùng hoặc chức năng quan trọng. Thời gian phản hồi onsite: **≤ 8 giờ làm việc**; thời gian khôi phục: **≤ 12 giờ**.

- + **Sự cố kéo dài (Long-lasting Incident):** Sự cố không xử lý triệt để qua kênh hỗ trợ từ xa; tái diễn nhiều lần; yêu cầu kiểm tra thực tế hoặc can thiệp phần cứng. Thời gian đáp ứng onsite: **≤ 4 giờ** kể từ khi xác định sự cố kéo dài; duy trì hỗ trợ onsite đến khi khắc phục triệt để.
- + **Sự cố mức trung bình/thấp (P3 – P4):** Lỗi nhỏ, không ảnh hưởng nhiều đến nghiệp vụ; chủ yếu xử lý từ xa, không bắt buộc onsite.

- Hỗ trợ tại chỗ (onsite):

- + Bố trí nhân sự kỹ thuật onsite theo mức độ sự cố hoặc theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ.
 - + Nhân sự onsite phải có trình độ phù hợp, có khả năng xử lý trực tiếp và phối hợp với đội hỗ trợ từ xa.
 - + Tất cả hoạt động onsite phải được lập **biên bản làm việc**, mô tả sự cố, nguyên nhân, biện pháp xử lý và kết quả.
 - + Bảo đảm nhân sự onsite có đầy đủ quyền truy cập kỹ thuật cần thiết để xử lý sự cố.
- Ghi nhận đầy đủ nhật ký hỗ trợ, kết quả xử lý và biên bản onsite trong hệ thống quản lý hỗ trợ, phục vụ công tác nghiệm thu và kiểm tra.

5. Yêu cầu về đào tạo hướng dẫn sử dụng, quản trị vận hành hệ thống

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tổ chức đào tạo hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các nhóm đối tượng liên quan, bảo đảm người sử dụng có đủ kiến thức để vận hành, khai thác và xử lý các tình huống trong quá trình sử dụng.

Chương trình đào tạo hướng dẫn sử dụng bao gồm nội dung lý thuyết, hướng dẫn thực hành trực tiếp trên hệ thống phần mềm và tài liệu kèm theo.

Việc đào tạo hướng dẫn sử dụng được thực hiện tối thiểu cho lãnh đạo, cán bộ của Cục Bỏ trợ tư pháp, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, TCHNCC và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo hình thức trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm phù hợp với phạm vi, quy mô của hệ thống.

Sau đào tạo hướng dẫn sử dụng, nhà cung cấp có trách nhiệm tổ chức đánh giá kết quả, tiếp thu phản hồi và hoàn thiện tài liệu đào tạo hướng dẫn sử dụng, đồng thời duy trì hỗ trợ người dùng trong giai đoạn đầu đưa hệ thống phần mềm vào vận hành chính thức.

5.1. Yêu cầu về giảng viên

- Có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm triển khai, vận hành và đào tạo người dùng đối với các hệ thống thông tin tương tự.
- Am hiểu sâu về kiến trúc tổng thể, chức năng các phân hệ và quy trình nghiệp vụ của Cơ sở dữ liệu để giải đáp, hướng dẫn chính xác cho học viên.
- Có kỹ năng sư phạm, trình bày, hướng dẫn trực quan, dễ hiểu và phù hợp với từng nhóm đối tượng (lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ kỹ thuật).
- Chuẩn bị đầy đủ giáo án, nội dung, kịch bản đào tạo, tài liệu hướng dẫn sử dụng, bộ câu hỏi – bài tập thực hành.
- Tổ chức giảng dạy kết hợp lý thuyết – thực hành trên môi trường mô phỏng hoặc môi trường đào tạo, bảo đảm học viên có thể thao tác trực tiếp.
- Sẵn sàng hỗ trợ, giải đáp vướng mắc trong và sau buổi tập huấn, cung cấp kênh hỗ trợ kỹ thuật khi cần.

5.2. Yêu cầu về môi trường đào tạo

Đối với môi trường đào tạo trực tiếp:

- Các lớp đào tạo được tổ chức tại địa điểm bảo đảm đầy đủ trang thiết bị và điều kiện phục vụ học tập, bao gồm: máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh, bàn ghế, điều hòa và kết nối mạng Internet ổn định.
- Giảng viên được trang bị máy tính và máy chiếu phục vụ giảng dạy; cung cấp đầy đủ tài liệu học tập (bản điện tử đối với đào tạo trực tuyến, bản giấy đối với đào tạo trực tiếp), văn phòng phẩm cho học viên; chuẩn bị đầy đủ

trang thiết bị, vật tư cần thiết để học viên có thể thực hành trực tiếp trên máy tính trong quá trình đào tạo.

- Cung cấp nước uống, giải khát giữa giờ cho học viên, giảng viên và trợ giảng trong suốt thời gian học.
- Chi phí bao gồm đầy đủ chi phí ăn, ở, đi lại của giảng viên và trợ giảng, phí, thuế liên quan.

Đối với đào tạo trực tuyến: có trang bị hệ thống tổ chức đào tạo trực tuyến, bố trí đủ thiết bị phục vụ cho cài đặt phần mềm và các thiết bị mạng đi kèm đảm bảo kết nối, vận hành ổn định.

5.3. Kế hoạch đào tạo hướng dẫn sử dụng

Nhà cung cấp dịch vụ phải xây dựng và trình kế hoạch đào tạo, chuyển giao vận hành hệ thống cho Chủ trì thuê dịch vụ, trong đó:

- Thời gian hoàn thành đào tạo không quá 30 ngày kể từ khi bàn giao hệ thống.
- Kế hoạch phải nêu rõ: nội dung, đối tượng, hình thức, địa điểm, số lượng học viên, thời lượng, giảng viên và phương thức đánh giá kết quả.

5.4. Nội dung và đối tượng đào tạo hướng dẫn sử dụng

*** Đối tượng đào tạo bao gồm:**

- Đối tượng tham gia đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm là cán bộ sử dụng hệ thống tại Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, TCHNCC.
- Đối tượng tham gia đào tạo quản trị vận hành là cán bộ được giao nhiệm vụ quản trị vận hành hệ thống tại các cơ quan, đơn vị (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, cơ quan, đơn vị có liên quan).

*** Nội dung đào tạo:**

Đào tạo về phần mềm quản lý CSDL Công chứng:

- Giới thiệu tổng quan về CSDL công chứng;
- Hướng dẫn sử dụng các chức năng nghiệp vụ của từng phân hệ trong CSDL;
- Hướng dẫn tìm kiếm, khai thác, báo cáo thống kê;
- Hướng dẫn quản trị vận hành hệ thống.

Đào tạo về phần mềm Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới:

- Giới thiệu tổng quan về Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới;
- Hướng dẫn sử dụng các chức năng nghiệp vụ của từng phân hệ trong Phần mềm chuyển đổi dữ liệu và cập nhật vào hệ thống mới;

5.5. Quy mô và hình thức đào tạo

- Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến
- Số lượng học viên: theo yêu cầu thực tế của cơ quan quản lý nhưng không vượt quá 3170 người, chi tiết:

Stt	Thống kê đơn vị sử dụng	Số lượng
1	Cục Bổ trợ tư pháp	20
2	Sở Tư pháp	102
3	TCHNCC	1.503
4	Công chứng viên	3.805
	Tổng số	5.459

+ Số liệu công chứng viên là 3.805 người(Số liệu tính đến ngày 10/11/2025)

+ Số lượng Công chứng viên tại TCHNCC tham gia đào tạo là đại diện 01-02 người/ 1 TCHNCC

- Địa điểm đào tạo: theo kế hoạch đào tạo nhà cung cấp dịch vụ lập gửi chủ trì thuê dịch vụ và được Chủ trì thuê dịch vụ chấp thuận.

Quy mô đào tạo:

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Lớp đào tạo trực tiếp cho Lãnh đạo, cán bộ của Cục Bảo trợ tư pháp, các đơn vị liên quan			
	Số lớp đào tạo	Lớp	01	
	Số học viên / 01 lớp	Người	30	30 học viên /01 lớp
	Số ngày đào tạo / 01 lớp	Ngày	01	
	Số giảng viên / 01 lớp	Người	01	
	Số trợ giảng / 01 lớp	Người	02	
II	Lớp đào tạo trực tuyến cho Lãnh đạo, cán bộ của Sở Tư pháp 34 tỉnh, thành phố			
	Số lớp đào tạo	Lớp	01	
	Số học viên /01 lớp	Người	100	100 học viên /01 lớp, mỗi STP cử 02 - 03 cán bộ sử dụng hệ thống phần mềm
	Số ngày đào tạo /01 lớp	Ngày	01	
	Số giảng viên /01 lớp	Người	01	
	Số trợ giảng /01 lớp	Người	02	
III	Lớp đào tạo trực tuyến cho Lãnh đạo TCHNCC, CCV			
	Số lớp đào tạo	Lớp	10	

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Số học viên /01 lớp	Người	300	300 học viên /01 lớp, mỗi TCHNCC cử 01-02 cán bộ sử dụng hệ thống phần mềm
	Số ngày đào tạo /01 lớp	Ngày	01	
	Số giảng viên /01 lớp	Người	01	
	Số trợ giảng /01 lớp	Người	02	
IV	Lớp đào tạo trực tiếp cho Quản trị hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật			
	Số lớp đào tạo	Lớp	01	
	Số học viên / 01 lớp	Người	40	40 học viên /01 lớp. Cán bộ quản trị vận hành hệ thống của Bộ Tư pháp (03 – 05 người). Mỗi STP cử 01 cán bộ được giao nhiệm vụ quản trị vận hành hệ thống
	Số ngày đào tạo / 01 lớp	Ngày	01	
	Số giảng viên / 01 lớp	Người	01	
	Số trợ giảng / 01 lớp	Người	02	

Ghi chú:

- Số lượng học viên trên mỗi lớp có thể thay đổi theo tình hình thực tế;

- Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm biên soạn tài liệu, video hướng dẫn sử dụng cho từng đối tượng sử dụng Phần mềm. Chủ trì thuê dịch vụ phê duyệt, đăng tải nội dung tài liệu, video để các đối tượng sử dụng hệ thống tại các cơ quan, đơn vị không được tham gia đào tạo có thể tiếp cận, truy cập.

5.6. Tài liệu và hỗ trợ sau đào tạo

Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp đầy đủ tài liệu đào tạo hướng dẫn sử dụng và hướng dẫn vận hành hệ thống, ở cả dạng in và điện tử. Cung cấp video hoặc tài liệu minh họa thao tác (nếu có) để người dùng có thể tự học lại.

Thiết lập kênh hỗ trợ sau đào tạo (hotline, email, hoặc hệ thống quản lý yêu cầu hỗ trợ) để giải đáp vướng mắc trong quá trình vận hành.

Trong quá trình thuê dịch vụ, khi có thay đổi về quy trình nghiệp vụ hoặc yêu cầu của người sử dụng dẫn đến việc phải cấu hình lại các yêu cầu nghiệp vụ, Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với Chủ trì thuê dịch vụ và các bên liên quan để tổ chức đào tạo hướng dẫn sử dụng về các nội dung đã thay đổi. Hình thức tập huấn bổ sung được thực hiện thông qua phương thức trực tuyến (Online), kết hợp cung cấp tài liệu số hóa (video hướng dẫn, tài liệu điện tử) nhằm đảm bảo tính kịp thời, giúp các nhóm người dùng (Lãnh đạo, Công chứng viên, Thư ký nghiệp vụ, Lưu trữ viên, ...) nhanh chóng nắm bắt quy trình mới mà không làm gián đoạn công tác chuyên môn tại đơn vị.

Đánh giá và chuyển giao kết quả đào tạo

Thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo sau mỗi khóa học; lập báo cáo tổng hợp kết quả, danh sách học viên đạt yêu cầu.

Thực hiện chuyển giao đầy đủ tài liệu, nội dung đào tạo, tài khoản truy cập và tài nguyên hỗ trợ cho chủ trì thuê dịch vụ.

Đề xuất kế hoạch hỗ trợ kỹ thuật sau đào tạo nhằm bảo đảm người dùng khai thác, vận hành hệ thống độc lập.

6. Yêu cầu nhân sự triển khai

Nhà cung cấp dịch vụ cần thực hiện bố trí nhân sự tối thiểu như sau:

- Đảm bảo nhân sự trực hỗ trợ 24/7.

- Có đầu mối (SPOC) để phối hợp với Chủ đầu tư.

- Tất cả nhân sự tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ phải cung cấp hồ sơ xác minh lý lịch tư pháp và ký bản cam kết bảo mật thông tin cho bên thuê dịch vụ.

- Tuân thủ quy trình quản trị đặc quyền nhằm kiểm soát việc cấp phát/hủy bỏ các đặc quyền truy cập khi nhân sự tham gia vào quản trị hệ thống hoặc nghỉ việc.

6.1. Dịch vụ cấu hình nghiệp vụ công chứng

STT	Nội dung yêu cầu
1	Nhân sự chủ chốt
	- 01 nhân sự đầu mối tiếp nhận và điều phối:
	+ Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành sau: Tin học, Điện tử tin học, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Toán ứng dụng, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Toán - tin, Toán tin ứng dụng, Xử lý thông tin truyền thông, Sư phạm tin học, Điện tử - viễn thông, Điện, Điện tử, Viễn thông, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ phần mềm, Máy tính, Kỹ thuật điện tử viễn thông.

STT	Nội dung yêu cầu
	Có bằng đại học phù hợp với công việc hoặc dịch vụ yêu cầu và có trên 06 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí điều phối trong công tác triển khai các CSDL hoặc ứng dụng công nghệ thông tin.
2	Các nhân sự còn lại
	- Tối thiểu 10 nhân sự (<i>Nhà cung cấp dịch vụ cam kết cung cấp nhân sự tham gia gói thầu đáp ứng yêu cầu dưới đây trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và kèm theo các tài liệu để chứng minh</i>):
	+ Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành sau: Tin học, Điện tử tin học, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Toán ứng dụng, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Toán - tin, Toán tin ứng dụng, Xử lý thông tin truyền thông, Sư phạm tin học, Điện tử - viễn thông, Điện, Điện tử, Viễn thông, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ phần mềm, Máy tính, Kỹ thuật điện tử viễn thông.
	Có bằng đại học phù hợp với công việc hoặc dịch vụ yêu cầu và có trên 03 năm kinh nghiệm làm việc tại vị trí triển khai các cơ sở dữ liệu hoặc ứng dụng công nghệ thông tin.
	- Có hiểu biết về CSDLCC triển khai, bao gồm kiến trúc, công cụ quản trị, giám sát và hỗ trợ người dùng. - Ưu tiên kinh nghiệm trong lĩnh vực công chứng, hỗ trợ tư pháp.

6.2. Yêu cầu nhân sự quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu công chứng

STT	Nội dung yêu cầu
1	Nhân sự chủ chốt
	- 01 nhân sự đầu mối tiếp nhận và điều phối:
	+ Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành sau: Tin học, Điện tử tin học, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Toán ứng dụng, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Toán - tin, Toán tin ứng dụng, Xử lý thông tin truyền thông, Sư phạm tin học, Điện tử - viễn thông, Điện tử, Viễn thông, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ phần mềm, Máy tính, Kỹ thuật điện tử viễn thông.
	Có bằng đại học phù hợp với công việc hoặc dịch vụ yêu cầu và có trên 06 năm kinh nghiệm làm việc tại các vị trí điều phối hỗ trợ/vận hành/quản trị/bảo trì cho hệ thống phần mềm, CSDL, hạ tầng kỹ thuật
2	Các nhân sự còn lại
	- Tối thiểu 9 nhân sự (<i>Nhà cung cấp dịch vụ cam kết cung cấp nhân sự tham gia gói thầu đáp ứng yêu cầu dưới đây trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và kèm theo các tài liệu để chứng minh</i>):

STT	Nội dung yêu cầu
	+ Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành sau: Tin học, Điện tử tin học, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Toán ứng dụng, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Toán - tin, Toán tin ứng dụng, Xử lý thông tin truyền thông, Sư phạm tin học, Điện tử - viễn thông, Điện, Điện tử, Viễn thông, Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ phần mềm, Máy tính, Kỹ thuật điện tử viễn thông.
	Có bằng đại học phù hợp với công việc hoặc dịch vụ yêu cầu và từ 03 năm kinh nghiệm trở nên làm việc tại các vị trí điều phối hỗ trợ/vận hành/quản trị/bảo trì cho hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật

7. Yêu cầu kiểm soát chất lượng dịch vụ

Trước khi đưa dịch vụ vào vận hành chính thức, dịch vụ phải được kiểm soát chất lượng thông qua vận hành thử, và việc vận hành thử được thực hiện theo quy định tại Thông tư 16/2024/TT-BTTTT.

Nhà thầu cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp đầy đủ, kịp thời với Chủ trì thuê dịch vụ trong việc lập kế hoạch, tổ chức vận hành thử, cung cấp tài liệu và dữ liệu kiểm thử, khắc phục lỗi và hoàn thiện dịch vụ theo từng tiêu chí quy định trong hợp đồng thuê dịch vụ.

Kết quả kiểm soát chất lượng dịch vụ là cơ sở để nghiệm thu và bàn giao dịch vụ đưa vào sử dụng. Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu bao gồm:

- Báo cáo kết quả vận hành thử;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá (nếu có);
- Các biên bản, hồ sơ và tài liệu liên quan khác.

8. Yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;

8.1. Yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin

8.1.1. Thuyết minh đề xuất cấp độ

8.1.1.1. Danh mục hệ thống thông tin và cấp độ đề xuất

STT	Tên hệ thống thông tin	Cấp độ đề xuất	Căn cứ đề xuất
1	Cơ sở dữ liệu công chứng	3	Điều 9 ND85; Điều 6 Thông tư 46/2022/TT-BCA

8.1.1.2. Thuyết minh đề xuất cấp độ đối với hệ thống thông tin

Cơ sở dữ liệu công chứng là hệ thống thông tin phục vụ quản lý dữ liệu công chứng sự tập trung tại Trung ương, cho phép quản lý đầy đủ, xuyên suốt thông tin về công tác công chứng từ giai đoạn tiếp nhận thông tin, xử lý hồ sơ, tổ chức thực hiện đến kết thúc. Dữ liệu được tập trung, thống nhất trên toàn quốc, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành từ trung ương đến địa phương.

Hệ thống cho phép kết nối, trao đổi và liên thông dữ liệu với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu liên quan như Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai, hệ thống thông tin của cơ quan Thuế, hệ thống thông tin của Tòa án nhân dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. Đối tượng sử dụng hệ thống trải rộng từ Trung ương đến địa phương (tỉnh, thành phố), phục vụ nhiều cấp quản lý và nhiều nhóm người sử dụng.

Căn cứ quy định tại **Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP** của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, trong đó quy định:

“Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin dùng chung phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong phạm vi một ngành, một tỉnh hoặc một số tỉnh” được xác định là **hệ thống thông tin cấp độ 3**, hệ thống Cơ sở dữ liệu công chứng đáp ứng tiêu chí của hệ thống dùng chung trong phạm vi cả nước và được đề xuất xác định ở **cấp độ 3**.

Bên cạnh đó, theo quy định tại **Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 46/2022/TT-BCA** ngày 29/11/2022 của Bộ Công an về kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin khác, trong đó quy định: *“Hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo quy định của pháp luật”*.

Do Cơ sở dữ liệu công chứng có thực hiện kết nối, trao đổi dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nên hệ thống **được đề xuất xác định cấp độ an toàn thông tin là cấp độ 3**, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

8.1.2. Yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin

Hệ thống phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 3 trở lên, phù hợp với quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông và các văn bản pháp luật có liên quan hiện hành.

Hệ thống được triển khai phải đáp ứng các yêu cầu của phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ an toàn thông tin được đề xuất, phù hợp với nội dung thuyết minh trong Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin được lập và phê duyệt theo quy định.

Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư trong việc xây dựng, hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin của hệ thống theo quy định; cung cấp đầy đủ thông tin kỹ thuật, tài liệu và minh chứng cần thiết để phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền;

Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm duy trì, giám sát và khắc phục kịp thời các rủi ro an toàn thông tin phát sinh trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ.

Các cơ chế mã hóa, xác thực, phân quyền và kiểm soát truy cập phải được triển khai ở nhiều lớp, bao gồm:

- Xác thực người dùng qua cơ chế đăng nhập một lần (Single Sign-On – SSO) và xác thực đa yếu tố (MFA).
- Phân quyền chi tiết theo vai trò, nhóm người dùng và phân hệ nghiệp vụ.
- Ghi nhật ký đầy đủ các hoạt động truy cập, thay đổi cấu hình, cập nhật dữ liệu.
- Dữ liệu được sao lưu, phục hồi định kỳ, bảo đảm tính toàn vẹn, sẵn sàng và khả năng khôi phục sau sự cố.
- Không cho phép truy cập trái phép hoặc chia sẻ dữ liệu ra ngoài hệ thống khi chưa có sự cho phép của cơ quan quản lý.

8.2. Yêu cầu về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư

Tuân thủ các quy định về an toàn thông tin và bảo vệ thông điệp dữ liệu theo Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15.

Nhà cung cấp dịch vụ phải có chính sách quản lý dữ liệu, trong đó quy định rõ trách nhiệm của từng bên trong việc lưu trữ, sử dụng, chia sẻ và tiêu hủy dữ liệu.

Dữ liệu của Hệ thống phải được mã hóa trong quá trình truyền và lưu trữ, chỉ được truy cập thông qua các kênh bảo mật (HTTPS/TLS).

8.3. Yêu cầu về kiểm thử và đánh giá an toàn thông tin

Trước khi nghiệm thu, nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm thử an toàn, an ninh thông tin (Security Testing) đối với hệ thống, bao gồm tối thiểu: đánh giá lỗ hổng bảo mật (Vulnerability Assessment) và kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) theo phạm vi hệ thống cung cấp.

Nhà cung cấp dịch vụ phải cung cấp đầy đủ báo cáo kết quả kiểm thử, kèm theo phương án, biện pháp khắc phục các tồn tại, lỗ hổng bảo mật và hoàn thành việc khắc phục trước khi nghiệm thu.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp và cung cấp tài liệu, bằng chứng kỹ thuật để chứng minh hệ thống đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin tương ứng với cấp độ an toàn thông tin đã được cơ quan thuê dịch vụ xác định, làm cơ sở để đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của cơ quan thuê dịch vụ thực hiện đánh giá, thẩm định theo quy định pháp luật.

Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm và cam kết định kỳ hằng năm phối hợp, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, bằng chứng kỹ thuật và nhân sự cần thiết để thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và quản lý rủi ro an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi cung cấp dịch vụ, theo yêu cầu và dưới sự chủ trì của cơ quan thuê dịch vụ hoặc đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin.

8.4. Các yêu cầu khác

Tuân thủ đầy đủ và không giới hạn các quy định về chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu, tính tương thích và khả năng tích hợp với các hệ thống của Bộ Tư pháp, Công Dịch vụ công Quốc gia và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); đồng thời bảo đảm khả năng kết nối với các hệ thống khác theo yêu cầu của Chủ trì thuê dịch vụ trong quá trình triển khai xây dựng CSDL công chứng.

Hệ thống phải sẵn sàng hỗ trợ IPv6.

Nhà cung cấp dịch vụ phải có biện pháp giám sát, phát hiện sớm và xử lý sự cố an ninh mạng 24/7, bảo đảm không gián đoạn hoạt động của hệ thống.

Trong thời gian cung cấp dịch vụ, mọi dữ liệu và bản ghi hệ thống thuộc quyền sở hữu của cơ quan thuê dịch vụ; nhà cung cấp dịch vụ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác khi chưa được chấp thuận bằng văn bản.

III. Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ

1. Thời gian thuê dịch vụ

1.1. Thời gian thuê dịch vụ

Thời gian thuê: từ năm 2026 đến năm 2030, kế hoạch dự kiến như sau:

- Xây dựng kế hoạch thuê: Quý I,II/2026.
- Phê duyệt kế hoạch thuê: Quý II/2026.
- Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu triển khai: Quý II,III / 2026.
- Xây dựng, phát triển hình thành dịch vụ: Quý II,III/2026.
- Thời gian chuyển giao và thực hiện các nghĩa vụ khác: Tính từ thời điểm bắt đầu chuyển giao. Bao gồm thời gian chuyển giao thông tin và dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và thời gian nhà cung cấp dịch vụ hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê dịch vụ.

2. Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ;

2.1. Quản lý thay đổi

Trong suốt thời gian khai thác dịch vụ, các thay đổi phát sinh liên quan đến nghiệp vụ, quy định pháp lý hoặc yêu cầu tổ chức trong mục tiêu cụ thể, quy mô, phạm vi của CSDL được đơn vị cung cấp dịch vụ cấu hình miễn phí và được Chủ trì thuê dịch vụ quản lý thống nhất thông qua quy trình kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của hệ thống, đồng thời duy trì sự tuân thủ pháp luật, quy định của cơ quan chủ quản.

2.2. Quản lý phiên bản và triển khai

Việc nâng cấp, cập nhật và triển khai các phiên bản mới của CSDL công chứng phải được thực hiện theo kế hoạch, có thông báo đầy đủ và kịp thời tới các

đơn vị sử dụng. Nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo trì, cập nhật và nâng cấp hệ thống, bảo đảm nền tảng vận hành ổn định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn dịch vụ và yêu cầu về an toàn thông tin.

Mọi hoạt động nâng cấp hệ thống lớn, bổ sung chức năng quan trọng hoặc bảo trì có gây gián đoạn dịch vụ phải được thông báo trước trên CSDL công chúng. Đối với các bản cập nhật nhỏ, vá lỗi không ảnh hưởng đến trải nghiệm người dùng hoặc không yêu cầu dừng hệ thống, Nhà cung cấp dịch vụ sẽ cập nhật thông tin trong mục 'Lịch sử cập nhật/Release Notes' để người dùng tra cứu, thay vì hiển thị thông báo cưỡng bức (banner/alert) để tránh làm phiền người dùng.

2.3. Các yêu cầu khác

Ngoài hai nội dung trên, đơn vị cung cấp dịch vụ cần bảo đảm:

- Thực hiện giám sát, báo cáo định kỳ về tình trạng hệ thống và các hoạt động bảo trì, bảo hành.